**TÔNG HUẤN**

**VỀ VIỆC ĐÀO TẠO LINH MỤC**

**TRONG HOÀN CẢNH HIỆN NAY**

**PASTORES DABO**

**VOBIS**

**CỦA ĐỨC GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II**

**GỞI GIÁM MỤC ĐOÀN**

**HÀNG GIÁO SĨ**

**VÀ TOÀN THỂ GIÁO HỮU**

**SAU THƯỢNG HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC**

DẪN NHẬP

**1.**“Ta sẽ ban cho các ngươi những mục tử như lòng Ta mong ước” (Gr 3,15).

Qua lời của ngôn sứ Giêrêmia, Thiên Chúa hứa sẽ không bao giờ để cho Dân Ngài phải thiếu mục tử chăm lo qui tụ và hướng dẫn: “Ta sẽ thôi thúc cho [các chiên Ta] những mục tử để các mục tử chăn nuôi chúng, chúng sẽ không còn phải sợ hãi và hoảng loạn” (Gr 23,4).

Là Dân Thiên Chúa, Giáo Hội luôn chứng nghiệm cho sự thực hiện lời tuyên sấm ấy và, trong niềm vui, Giáo Hội tiếp tục tạ ơn Chúa. Giáo Hội biết rằng Đức Giêsu Kitô chính là lời hứa của Thiên Chúa được ứng nghiệm, một cách sống động, tuyệt hào và vĩnh viễn : “Ta là Mục Tử Nhân Lành” (Ga 10,11). Là “Mục Tử tối cao của đoàn chiên” (Dt 13,20), Đức Giêsu đã giao phó cho các Tông Đồ và những người kế vị các ngài sứ mệnh chăn dắt đoàn chiên của Thiên Chúa (x. Ga 21, 15-17; 1 Pr 5,2).

Một cách đặc biệt, nếu không có linh mục, Giáo Hội sẽ không thể nào thực thi được sự vâng phục cơ bản vốn nằm ngay giữa lòng cuộc sống và sứ mệnh của Giáo Hội trong lịch sử, sự vâng phục đối với lệnh truyền của Chúa Giêsu: “Các con hãy ra đi,. Hãy chiêu tập môn đệ từ khắp muôn dân” (Mt 28,19) và “hãy làm việc này mà nhớ đến Ta” (Lc 22,19; x. 1Gr 11,24). Lệnh truyền ấy có nghĩa là lệnh truyền loan báo Tin Mừng và hàng ngày cử hành hy lễ Mình và Máu Người đã trao hiến và đổ ra cho nhân loại được sống.

Đức tin dạy cho chúng ta rằng Chúa không bao giờ bội ước quên thề. Lời Chúa đã hứa chính là động lực làm cho Giáo Hội vui mừng và vững mạnh, trước sự nở rộ và tình trạng gia tăng con số những ơn gọi linh mục được ghi nhận ở một số miền trên thế giới. Lời hứa ấy còn là nền tảng và là yếu tố kích thích cho một hành vi đức tin cao cả hơn, cho một niềm hy vọng mãnh liệt hơn trước sự thiếu hụt linh mục trầm trọng nơi những miền khác trên thế giới.

Tất cả chúng ta đều được mời gọi chia sẻ niềm tin cậy hoàn toàn vào sự ứng nghiệm liên lỉ của lời Thiên Chúa hứa, như các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng Giám Mục đã làm chứng một cách rõ ràng và mạnh mẽ: “Với niềm tin cậy hoàn toàn vào lời hứa của Chúa Kitô: ‘Và Ta, Ta sẽ ở với các con mọi ngày cho đến tận thế’, Thượng Hội Đồng Giám mục ý thức rằng Chúa Thánh Thần không ngừng hoạt động trong Giáo Hôi; Thượng Hội Đồng tin tưởng một cách sâu xa rằng Giáo Hội sẽ không bao giờ hoàn toàn khuyết vị những thừa tác viên được thánh hiến… Mặc dầu người ta ghi nhận sự thiếu vắng linh mục ở một số miền trên thế giới, Chúa Cha, Đấng khơi dậy các ơn gọi, sẽ không bao giờ ngưng hoạt động trong Giáo Hội” (1).

Đứng trước cuộc khủng hoảng về ơn gọi linh mục, như Tôi đã tỏ bày khi kết thúc Thượng Hội Đồng Giám mục, “giải pháp đầu tiên của Giáo Hội phải là hoàn toàn tin tưởng vào Chúa Thánh Thần. Chúng ta thâm tín rằng sự phó thác với lòng tin cậy ấy sẽ không làm chúng ta thất vọng nếu chúng ta luôn trung thành với ơn đã lãnh nhận” (2).

**2.**Trung thành với ơn đã lãnh nhận ! Quả thực, ơn huệ của Thiên Chúa không hủy diệt tự do của con người nhưng lại cổ võ, phát huy và đòi hỏi tự do ấy.

Bởi thế, trong Giáo Hội, lòng tin cậy hoàn toàn vào sự trung thành vô điều kiện của Thiên Chúa đối với lời hứa của Ngài phải kèm theo trọng trách hợp tác với hoạt động của Thiên Chúa là Đấng mời gọi, trọng trách đóng góp vào việc tạo những điều kiện thuận lợi và bảo tồn những điều kiện ấy để cho hạt giống tốt được Thiên Chúa vãi gieo có thể bén rễ và trổ sinh dồi dào hoa trái. Giáo Hội sẽ không bao giờ ngưng cầu xin Đấng làm chủ mùa gặt để Ngài sai thợ gặt đến (x. Mt 9,38); Giáo Hội sẽ đề nghị với các thế hệ trẻ một phương án ơn gọi sáng tỏ và can trường. Giáo Hội sẽ giúp các thế hệ trẻ phân định tính chính hiệu của lời mời gọi từ Thiên Chúa và đáp lại lời mời gọi ấy với lòng quảng đại; Giáo Hội sẽ chú tâm đặc biệt đến việc đào tạo các ứng sinh cho hàng linh mục.

Thật vậy, vì tương lai của công cuộc phúc âm hoá nhân loại, việc chuyên chăm đào tạo các linh mục tương lai triều và dòng, việc nối dài nền đào tạo ấy trong suốt đời sống các linh mục, nhằm giúp họ biết thánh hoá bản thân khi thi hành chức vụ bà biết thường xuyên cập nhật hoá đường hướng dấn thân mục vụ của mình, được Giáo Hội nhìn nhận như là một trách vụ có tầm quan trọng đặc biệt và là một trách vụ hết sức tế nhị.

Nhờ công trình đào tạo ấy, Giáo Hội nối tiếp trong thời gian công trình của Đức Kitô mà tác giả tin mừng Máccô trình bày như sau: “Chúa Giêsu leo lên núi, Ngài gọi những kẻ Ngài muốn đến với Ngài. Họ đã đến với Ngài. Và Ngài đã thiếp lập Nhóm Mười Hai để họ ở với Ngài và để sai họ đi rao giảng, kèm theo quyền xua trừ ma quỉ” (Mc 3,13-15).

Có thể quả quyết rằng trong suốt dòng lịch sử của mình, khi nhặt khi khoan, cách này hoặc cách khác, Giáo Hội đã áp dụng trang Tin Mừng này vào cuộc sống bằng công trình đào tạo các ứng sinh cho hàng linh mục và ngay cả đào tạo chính các linh mục. Dầu vậy, ngày nay Giáo Hội cảm thấy mình được mời gọi đi vào một phương thức dấn thân mới để ứng dụng vào cuộc sống điều mà Đấng là Thầy đã làm với các Tông Đồ của Ngài, trong lãnh vực này, Giáo Hội bị thúc bách bởi những biến đổi xã hội sâu rộng và nhanh chóng, bởi sự đa tạp và dị biệt của những bối cảnh trong đó Giáo Hội loan báo Tin Mừng và làm chứng cho Tin Mừng. Giáo Hội cũng được khích lệ bởi sự tiến triển thuận lợi về con số ơn gọi linh mục trong nhiều giáo phận trên thế giới, bởi sự khẩn cấp phải duyệt xét lại nội dung và phương pháp đào tạo linh mục, nởi nỗi băn khoăn của các Giám Mục và các cộng đoàn trước sự thiếu vắng linh mục ngày càng tăng, bởi sự cần thiết tuỵệt đối phải làm cho công cuộc “phúc âm hoá mới” có được những “nhà phúc âm hoá mới”, đầu tiên là các linh mục.

Chính trong bối cảnh lịch sử và văn hoá này mà và qua Thượng Hội Đồng Giám mục thế giới năm 1990, đã tiến hành Đại Hội chung thương kỳ, dành trọn đại hội cho “việc đào tạo linh mục trong hoàn cảnh hiện nay”, hai mươi lăm năm sau Cộng Đồng, với ý hướng bổ túc giáo thuyết cộng đồng về điểm này và thích nghi giáo thuyết ấy một cách thỏa đáng hơn vào hoàn cảnh hiện nay. (3).

**3.**Nối tiếp các văn kiện Công Đồng Vaticanô II về vấn đề chức linh mục và đào tạo linh mục (4), nhằm mục đích đem giáo thuyết phong phú được ban hành trong các văn kiện ấy áp dụng một cách cụ thể vào trong những hoàn cảnh khác nhau. Giáo Hội đã nhiều lần bàn luận về các vấn đề đời sống, chức vụ và đào tạo linh mục.

Những cơ hội long trọng hơn cả là các Thượng Hội Đồng Giám mục. Ngay từ Đại Hội chung đầu tiên tháng 10 năm1967, Thượng Hội Đồng đã dành năm ủy ban cho đề tài canh tân các chủng viện. Công việc này đã mang lại một đóng góp dứt khoát cho việc soạn thảo tài liệu của Thánh Bộ Giáo dục Công giáo: “Những tiêu chuẩn cơ bản dành cho việc đào tạo linh mục” (5).

Nhất là Đại Hội chung Thường kỳ, lần thứ hai, vào năm 1971, đã dành phân nửa đại hội cho chức linh mục thừa tác. Được lấy lại và cô đọng trong một vài “lời nhắn nhủ” do vị Tiền Nhiệm của Tôi là Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, được đọc lên vào lúc khai mạc Thượng Hội Đồng Giám mục năm 1974, các thành quả của công cuộc tư duy lâu dài ấy chủ yếu liên quan đến giáo thuyết về chức linh mục thừa tác và về một vài khía cạnh tu đức cũng như thừa tác vụ của hàng linh mục.

Trong nhiều cơ hội khác, Huấn Quyền của Giáo Hội đã tiếp tục bày tỏ mối quan tân của mình đối với đời sống và chức vụ linh mục. Trong những năm hậu công đồng, có thể nói không có một bài tham luận nào của Huấn Quyền mà, dưới hình thức này hay hình thức khác, lại không minh nhiên hoặc mặc nhiên lưu ý tới ý nghĩa sự hiện diện của các linh mục trong cộng đoàn, vai trò và sự cần thiết của các linh mục đối với Giáo Hội và đối với đời sống nhân loại.

Những năm gần đây, ở nhiều nơi, người ta đã cảm thấy cần phải quay về với đề tài chức linh mục và đề cập vấn đề dưới một quan điểm tương đối mới hơn và thích nghi hơn cho hoàn cảnh Giáo Hội và văn hoá hiện nay. Tư vấn đề căn tính của linh mục, sự chú trọng được hướng đến các vấn đề liên quan tới tiến trình đào tạo linh mục và tới phẩm chất đời sống linh mục. Thực ra, các thế hệ trẻ được ơn gọi làm linh mục thừa tác biểu lộ rõ rệt những đặc tính khác với những đựac tính của các thế hệ kế cận trước đây, họ sống trong một thế giới mới, một thế giới dưới nhiều phương diện không ngừng biến đổi một cách nhanh chóng. Cần phải chú trọng đến tất cả những điều ấy khi soạn thảo chương trình và khi thực hiện những đường hướng đào tạo linh mục thừa tác.

Về phần những linh mục ít lâu nay đang thi hành chức vụ của mình, họ dường như rơi vào một sự phân tán thái quá trong những hoạt động mục vụ ngày càng tăng. Đứng trước những khó khăn của xã hội và nền văn hoá hiện đại, họ cảm thấy bó buộc phải xét lại lối sống của mình, xét lại những chọn lựa ưu tiên của mình trong việc dấn thân mục vụ và đồng thời cảm nghiệm mỗi lúc một sâu sắc sự cần thiết phải có một nền đào tạo trường kỳ.

Thượng Hội Đồng Giám mục năm 1990 đã hướng những mối ưu tư và những suy nghĩ của mình vào vấn đề gia tăng ơn gọi linh mục, vào việc đào tạo – sao cho các ứng sinh hiểu biết và nối gót theo Chúa Giêsu đồng thời học tập cử hành và sống bí tích Truyền Chức Thánh là bí tích làm cho họ nên đồng hình dạng với Chúa Kitô là Đầu và Mục Tử, là Tôi Tớ và Phu Quân của Giáo Hội – và váo việc xác định những đường hướng đào tạo trường kỳ thích hợp để nâng đỡ cách thiết thực và hữu hiệu chức vụ và đời sống thiêng liêng của các linh mục.

Thượng Hội Đồng Giám mục này cũng có ý giải quyết một yêu cầu của Thượng Hội Đồng trước về vấn đề ơn gọi và sứ mệnh của người giáo dân trong Giáo Hội và trên thế giới. Chính người giáo dân mong ước được các linh mục dấn thân đào tạo họ để giúp họ một cách thỏa đáng trong việc thực thi sứ vụ chung của Giáo Hội. Thực ra, “hoạt động tông đồ giáo dân càng phát triển, người ta càng cảm nhận một cách mãnh liệt nhu cầu phải có những linh mục được đào tạo hẳn hoi, những linh mục thánh thiện. Bởi đó, chính đời sống của Dân Thiên Chúa trở thành lời diễn giải cho giáo huấn của Công đồng Vaticanô II về tương quan giữa chức tư tế công đồng với chức tư tế thừa tác và phẩm trật. Thực vậy, trong mầu nhiệm Giáo Hội, phẩm trật mang tính chất thừa tác *(x. Lumen gentium,*GH, số 10). Ơn gọi đặc thù của giáo dân càng được đào sâu ý nghĩa thì những gì là đặc thù của linh mục càng hiển thiện hơn” (6).

**4.**Trong kinh nghiệm tiêu biểu về Giáo Hội của Thượng Hội Đồng, nghĩa là “kinh nghiệm riêng biệt về sự hiệp thông giám mục trong tinh thần phổ quát nhờ đó mà cảm thức về Giáo Hội phổ quát cũng như trách nhiệm của các Giám mục đối với Giáo Hội phổ quát và đối với sứ vụ của Giáo Hội được củng cố, trong mối hiệp thông thân ái và thiết thực chung quanh Thánh Phêrô” (7), người ta đã nghe được tiếng nói minh bạch và thống thiết của nhiwuf Giáo Hội địa phương và lần đầu tiên, trong Thượng Hội Đồng vừa qua, của một số Giáo Hội Đông phương, các Giáo Hội ấy đã công bố niềm tin vào sự ứng nghiệm của lời Thiên Chúa hứa: “Ta sẽ ban cho các ngươi những mục tử như lòng Ta mong ước” (Gr 3.15). Các Giáo Hội đã canh tân công cuộc dấn thân mục vụ nhằm quan tâm đặc biệt đến ơn gọi và nhằm đào tạo linh mục, với ý thức rằng tương lai của Giáo Hội, sự phát triển và sứ mệnh cứu độ phổ quát của Giáo Hội tuỳ thuộc vào những công việc này.

Giờ đây, với tư cách là Giám mục Tôma và là Đấng kế vị thánh Phêrô, trong Tông Huấn sau Thượng Hội Đồng Giám mục này, Tôi xin đóng góp thêm tiếng nói của Tôi vào trong nền móng rất phong phú gồm những suy tư, những phương hướng và những chỉ dẫn đã dọn đường cũng như đã hình thành các công trình của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng. Tôi muốn ngỏ lời tâm huyết với mọi tín hữu và từng tín hữu, cách riêng với các linh mục và với tất cả những ai đã dấn thân vào trách nhiệm tế nhị trong lãnh vực đào tạo linh mục. Qua Tông Huấn này, Tôi mong mỏi được tiếp cận tất cả các linh mục và mỗi một linh mục, triều hoặc dòng.

Tôi muốn vay mượn tâm tình và lời lẽ của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng trong “Sứ điệp chung kết của Thượng Hội Đồng gởi Dân Thiên Chúa : “Với đầy lòng tri ân và cảm phục, chúng tôi hướng về các linh mục là những cộng tác viên đầu tiên của chúng tôi trong sứ vụ tông đồ. Vai trò của anh em trong Giáo Hội thật là cần thiết và bất khả thay thế. Chính anh em là những người đảm nhận gánh nặng của chức vụ và trực tiếp gần gũi với giáo dân. Anh em là những thừa tác viên của bí tích Thánh Thể, những người phân phát lượng từ bi của Thiên Chúa qua bí tích Thống Hối, những người an ủi các tâm hồn và những hướng dẫn viên cho mọi tín hữu trong cơn lốc của cuộc sống dẫy đầy khó khăn ngày hôm nay”.

“Chúng tôi hết lòng chào đón anh em, chúng tôi bày tỏ với anh em tâm tình biết ơn của chúng tôi, và chúng tôi khuyến khích anh em kiên tâm tiến bước trong niềm vui và lòng hăng say. Đừng lùi bước trước sự chán nản. Công việc của chúng ta không phải là của chúng ta nhưng là của Thiên Chúa”.

“Đấng đã kêu gọi chúng ta và sai phái chúng ta vẫn luôn ở với chúng ta, hết mọi ngày trong đời chúng ta. Quả vậy, chúng ta hoạt động là do được Chúa Kitô ủy thác” (8).

CHƯƠNG I

ĐƯỢC CẤT NHẮC

TỪ GIỮA LOÀI NGƯỜI

VIỆC ĐÀO TẠO LINH MỤC

TRƯỚC NHỮNG THÁCH ĐỐ

VÀO CUỐI THIÊN NIÊN KỶ THỨ HAI

**Linh mục và thời đại**

**5.**“Mọi thương tế được cất nhắc từ giữa loài người đều được đặt lên để can thiệp cho loài người trong những mối tương quan giữa lời người với Thiên Chúa” (Dt 5,1).

Thư gửi tín hữu Do Thái khẳng định rõ ràng *“bản tính con người” nơi thừa tác viên của Thiên Chúa :*từ loài người mà đến và phục vụ loài người, noi gương Chúa Giêsu Kitô, “Đấng đã phải chịu thử thách về mọi mặt, hoàn toàn giống như chúng ta, ngoại trừ tội lỗi” (Dt 4,15).

Thiên Chúa lúc nào cũng kêu gọi các linh mục của Ngài giữa những môi trường nhân sinh và môi trường Giáo Hội nhất định, các linh mục không thể không mang dấu vết của những môi trường ấy và chính trong những môi trường ấy mà họ được sai đến để phục vụ Tin Mừng Chúa Kitô.

Chính vì vậy, Thượng Hội Đồng đã đem đặt lại vấn đề linh mục trong bối cảnh hiện đại của xã hội và của Giáo Hội. Thượng Hội Đồng cũng đã mở ngỏ vấn đề cho những viễn tượng của thiên niên kỷ thứ ba, như cách phát biểu vấn đề cho thấy : “Việc đào tạo linh mục *trong hoàn cảnh hiện nay”.*

Chắc hẳn luôn luôn có “một diện mạo cốt yếu, không thay đổi, của người linh mục : thực vậy, không kém gì linh mục hôm nay, linh mục ngày mai sẽ phải nên giống Chúa Kitô. Trong cuộc sống trần thế. Đức Giêsu đã tỏ bày nơi chính Ngài khuôn mặt xác định của linh mục, đã thể hiện chức linh mục thừa tác mà các Tông Đồ là những người đầu tiên được nhận lãnh; chức linh mục ấy tự yếu tính phải nối tiếp, phải trải dài không ngừng trong mọi giai đoạn lịch sử. Trong chiều hướng ấy, người linh mục thiên niên kỷ thứ ba sẽ là người nối tiếp các linh mục trong những thiên niên kỷ trước đã đóng góp vào sức sống của Giáo Hội. Ngay cả vào năm 2000, ơn gọi linh mục sẽ tiếp tục là lời mời gọi sống chức linh mục độc nhất và trường tồn của Chúa Kitô” (9). Cũng vậy, đời sống và chức vụ linh mục phải “thích nghi với mọi thời đại và với mọi môi trường sống… Chính vì thế, trong mức độ có thể, chúng ta phải nổ lực tiếp nhận ánh sáng tối thượng của Chúa Thánh Thần, hầu khám phá ra những phương hướng của xã hội đương thời, nhận ra những nhu cầu sâu xa nhất, xác định những bổn phận cụ thể quan trọng nhất, những phương pháp mục vụ phải chấp nhận, để có thể đáp lại cách xứng hợp nhất những mong chờ của nhân loại” (10).

Vì phải thích ứng ý nghĩa đích thực trường tồn của chức linh mục với những đòi hỏi và những đặc điểm của thời buổi hiện tại, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã tìm cách giải đáp một số vấn nạn trước mắt : đâu là những vấn đề và đồng thời đâu là những động cơ tích cực mà bối cảnh văn hoá xã hội và Giáo Hội hiện nay khơi dậy nơi những trẻ nhỏ, thiếu niên và thanh niên đang cần phải làm cho dự phóng sống đời linh mục được chính nuồi trong toàn bộ cuộc sống của mình ? Thời đại chúng ta gây những khó khăn nào và cung cấp những khả năng mới mẻ nào cho việc thi hành một thừa tác vụ linh mục phù hợp với ơn bí tích đã lãnh nhận và với đòi buộc phải có một đời sống thiêng liêng thích đáng ?

Giờ đây, Tôi lặp lại một số yếu tố do việc phân tích tình huống mà các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã khai triển. Vì có quá nhiều bối cảnh văn hoá xã hội và Giáo Hội hiện đại trong những quốc gia khác nhau, Tôi chỉ nêu dẫn những hiện tượng sâu xa nhất và phổ cập nhất, đặc biệt những hiện tượng liên quan tới các vấn đề giáo dục và tới việc đào tạo linh mục.

**Tin Mừng hôm nay : những triển vọng và những trở ngại.**

**6.**Nhiều yếu tố dường như cổ võ nơi con người hôm nay một ý thức sắc bén hơn về phẩm giá nhân vị và về một sự mở ngỏ mới đối với những giá trị tôn giáo, đối với Tin Mừng và đối với thừa tác vụ linh mục.

Mặc dầu những mâu thuẫn chồng chất, chúng ta gặp thấy trong xã hội một niềm khao khát công bằng và hòa bình lan rộng hơn và mãnh liệt hơn, một cảm thức sắc bén hơn về việc quản trị lành mạnh công trình tạo dựng và về sự tôn trọng thiên nhiên, một sự nghiên cứu rộng mở hơn về chân lý và về sự bảo vệ nhân phẩm; nơi nhiều tập thể dâ n cứ thế giới, người ta ghi nhận một sự dấn thân ngày càng tăng nhằm xây dựng tình liên đới giữa các quốc gia sao cho cụ thể hơn và nhằm tạo một trật tự mới cho hành tinh chúng ta trong sự tôn trọng tự do và công bằng.

Trong khi tiềm lực năng lượng mà khoa học và kỹ thuật cung cấp đang trên đà phát triển, trong khi thông tin và văn hoá ngày càng lan rộng, người ta cũng nhận thấy trổi hiện lên một yêu cầu mới về luân lý, nghĩa là một sự truy tầm ý nghĩa và bởi đó truy tầm nấc thang khách quan cho các giá trị để nhờ đó điều hoà những triển vọng và những giới hạn của tiến bộ.

Trong lãnh vực thuần túy tôn giáo và thuần túy Kitô giáo, không còn phải đương đầu với những thành kiến ý thức hệ và những từ khước có tính bạo động trước đề nghị về những giá trị tinh thần và tôn giáo nữa, và nơi nhiều miền trên thế giới xuất hiện những triển vọng phúc âm hoá và những triển vọng tái lập đời sống Giáo Hội thật mới mẻ và thật bất ngờ. Người ta ghi nhận một sự phổ cập ngày càng tăng trong việc hiểu biết Kinh Thánh, một sức sống và một mãnh lực lan rộng nơi nhiều Giáo Hội trẻ với sự dấn thân càng lúc càng hệ trọng vào việc bảo vệ và nâng cao các giá trị con người và sự sống con người, người ta còn nêu dẫn một chứng từ đạo tuyệt vời từ phía các Giáo Hội Trung và Đông Âu cũng như chứng từ trung tín và dũng cảm của nhiều Giáo Hội khác hiện đang phải gánh chịu những bách hại và những thử luyện nhân danh đức tin (11).

Niềm khát vọng hướng về Thiên Chúa, niềm khát vọng về một mối quan hệ sống động và có ý nghĩa với Thiên Chúa ngày nay biểu hiện rõ rệt đến mức tạo điều kiện thuận lợi cho sự quảng bá những hình thái tôn giáo phi Thiên Chúa và nhiều giáo phái khác nữa ở những nơi mà không có được sự loan báo Tin Mừng Đức Giêsu một cách chính hiệu và toàn vẹn. Đối với mọi con cái Giáo Hội, đặc biệt đối với các linh mục, sự quảng bá ấy, thậm chí nơi một số môi trường có truyền thống Kitô giáo, là nguyên do thường hằng buộc phải kiểm điểm lương tâm, phải xét lại tính khả tín nơi chứng từ Tin Mừng của mình; thế nhưng sự quảng bá ấy cũng là một dấu hiệu cho thấy sự truy tầm Thiên Chúa vẫn còn sâu xa và rất phổ biến.

**7.**Người ta nhận thấy nhiều yếu tố khác có tính chất vấn nạn hoặc tiêu cực pha trộn vào các yếu tố nói trên và vào những yếu tố tích cực khác.

*Chủ nghĩa duy lý*vẫn còn rất phổ biến, nhân danh một quan niệm giản lược hoá của “khoa học”, chủ nghĩa này khép chặt lý trí con người lại, không nhường chỗ cho sự gặp gỡ Mặc khải và không công nhận tính siêu việt của Thiên Chúa.

Người ta cũng ghi nhận rằng *chủ nghĩa chủ thể*của ngôi vị vẫn được bảo vệ một cách khốc liệt, chủ nghĩa này có khuynh hướng vây kín ngôi vị trong cá nhân chủ nghĩa, để rồi không thể có được những tương quan đích thực giữa người với người. Vì thế nhiều người, nhất là các thiếu niên và thanh niên, tìm cách bù trừ tình trạng cô đơn ấy bằng những phương tiện khỏa lấp thuộc nhiều bản chất khác nhau, với những hình thức tìm hướng lạc hoặc tìm trốn tránh trách nhiệm trong mức độ cường điệu khác nhau; bị giam hãm trong cái chóng qua, những người ấy tìm cách sống những kinh nghiệm cá nhân nào mạnh nhất và có lợi nhất trong mức độ có thể, những kinh nghiệm trên bình diện giác quan và cảm xúc nhất thời, bởi đó họ đương nhiên trở thành vô tâm và như thể bại liệt trước lời mời gọi bước vào một kế hoạch sống đòi phải có chiều kích thiêng liêng và tôn giáo hoặc phải có sự dấn thân trong tình liên đới.

Ngoài ra, khắp nơi trên thế giới, ngay cả khi mà những ý thức hệ lấy chủ nghĩa duy vật làm giáo điều và sự bài trừ tôn giáo làm chương trình hành động đã cáo chung, có một thứ *chủ nghĩa vô thần thực hành và hiện sinh*vẫn được truyền lan, chủ nghĩa này ăn khớp với một nhãn giới trần tục hoá về đời sống và về vận mệnh con người. Một con người “chỉ còn biết quan tâm đến chính mình, một con người chẳng những biến mình thành tiêu điểm hâm mộ mà còn dám tự xưng mình là nguyên lý và là căn cơ của mọi thực tại” (12), con người ấy càng ngày càng bị tước đoạt mất phần “bổ khuyết của tâm hồn”, phần này lại càng rất cần thiết khi mà khối lượng dự trữ lớn lao gồm những của cải vật chất và những tài nguyên càng tạo cho người ấy ảo tưởng để tự thoả mãn với chính mình. Họ không còn cần phải đấu tranh với Thiên Chúa, họ chỉ đơn giản coi Ngài như không có.

Trong bối cảnh này, một cách đặc biệt, cần phải ghi nhận *tình trạng thực tại gia đình đang bị thoái hoá, ý nghĩa đích thực của tính dục con người bị lu mờ hoặc bóp méo:* đây là những hiện tượng có tầm ảnh hưởng rất tiêu cực trên việc giáo dục những người trẻ và trên việc giúp họ mở lòng đón nhận các thứ ơn gọi tu trì. Người ta còn ghi nhận tình trạng trầm trọng do những bất công xã hội và do sự tập trung của cải trong tay một thiểu số, là hoa quả của một chủ nghĩa tư bản phi nhân bản (13), càng ngày càng khơi thêm hố ngăn cách giữa những dân tộc giàu và những dân tộc nghèo: bởi đó có sự phát sinh trong xã hội con người những căng thẳng và những băn khoăn làm cho đời sống cá nhân và cộng đoàn bị xáo trộn cách sâu đậm.

Trong môi trường Giáo Hội, người ta cũng ghi nhận những hiện tượng tiêu cực đáng lo ngại ảnh hưởng đến đời sống và thừa tác vụ của các linh mục: chẳng hạn sự ngu dốt, sự thiếu hiểu biết về tôn giáo vẫn đang dai dẳng nơi nhiều tín hữu, ảnh hưởng thấp kém của huấn giáo bị lấn át bởi những sứ điệp phổ biến sâu rộng và có sức mạnh hơn về phía những cơ quan truyền thông xã hội; sự đa nguyên trong lãnh vực thần học, văn hoá và mục vụ, mặc dầu đôi khi được khởi xướng với ý ngay lành đã bị hiểu lệch lạc và rốt cuộc làm cho đối thoại đại kết trở nên khó khăn và tạo nguy cơ cho sự hiệp nhất đức tin cần có; sự tồn tại lâu dài của một thái độ nghi kỵ và hầu như bất khoan nhượng đối với Huấn Quyền của phẩm trật; sự đẩy mạnh nguồn phong phú của sứ điệp Tin Mừng theo kiểu một chiều và giản lược để rồi biến việc loan báo đức tin và làm chứng cho đức tin thành một đóng góp đơn thuần cho sự giải phóng con người và xã hội hoặc thành một nơi ẩn trú làm cho con người tha hoá trong sự mê tín hoặc trong một trạng thái tôn giáo phi Thiên Chúa (14).

Sự hiện diện trên cùng một một lãnh thổ những tập thể bền bỉ gồm những người thuộc sắc tộc và tôn giáo khác nhau là một hiện tượng rất ư quan trọng ngay cả khi đó là một hiện tượng đổi mới mẻ nơi nhiều quốc gia có thuyền thống Kitô Giáo từ lâu đời. Cứ như thế mà ngày càng phát triển một xã hội da sắc tộc và đa tôn giáo. Nếu một đàng hiện tượng này có thể trở nên cơ hội cho một nỗ lực đối thoại thường xuyên hơn và hiệu nghiệm hơn, cho một sự mờ ngỏ hướng đến những tinh thần cũng như những kinh nghiệm tiếp đón và khoan dung đúng mức, thì đàng khác nó lại có thể trở nên nguồn phát sinh sự xáo trộn và chủ nghĩa tương đối, nhất là nơi những cá nhân và tập thể không mấy vững chắc về đức tin.

Ngoài những yếu tố trên, trong sự liên kết chặt chẽ với đà đi lên của chủ nghĩa cá nhân, còn có thể kể thêm *chủ nghĩa duy chủ thể về đức tin.*Nơi một con số Kitô hữu ngày càng gia tăng, người ta ghi nhận có sự sút kém, trong việc gắn bó với nội dung khách quan của giáo thuyết đức tin : người ta gắn bó một cách chủ quan vào những gì để ưa, vào những gì tương hợp với kinh nghiệm riêng rẽ của mình, vào những gì không gây xáo trộn cho những thói quen riêng tư của mình. Cuối cùng việc nại tới tính bất khả xâm phạm của lương tâm cá nhân, tự nó là chính đáng, trong một bối cảnh như thế, không khỏi mặc lấy những tính chất nguy hiểm và hàm hồ.

Từ đó dẫn đến sự kiện này là càng ngày người ta càng thuộc về Giáo Hội một cách không trọn vẹn và có điều kiện, gây ảnh hưởng tiêu cực cho sự nở rộ các ơn gọi hướng đến chức linh mục, cho ý thức mà linh mục có về căn tính và về thừa tác vụ của mình trong cộng đoàn.

Sau hết, cho đến ngày hôm nay, nơi nhiều vùng. Giáo Hội vẫn còn phải gánh chịu những vấn đề nghiêm trọng do sự kiện các lực lượng linh mục không có mặt đầy đủ và bởi đó ít đáp ứng hơn cho những nhu cầu. Các tín hữu thường bị bỏ rơi trong những giai đoạn lâu dài, thiếu sự trợ giúp mục vụ thích đáng. Sự tăng triển đời sống Kitô hữu của họ nói chung phải thiệt thòi và hơn nữa, khả năng trở thành tác nhân rao giảng Tin Mừng của chính họ bị giảm sút.

**Những người trẻ trước ơn gọi và việc đào tạo linh mục.**

**8.**Những mâu thuẫn và triển vọng đa tạp đánh dấu các xã hội, các nền văn hoá và đồng thời các cộng đoàn Giáo Hội chúng ta được thế giới người trẻ cảm nhận và sống với một cường độ rất đặc biệt, với những âm vang trực tiếp và rất mãnh liệt trên bước đường giáo dục của họ. Trong chiều hướng ấy, sự khởi động và sự phát triển các ơn gọi linh mục nơi trẻ nhỏ, thiếu niên và thanh niên không ngừng phải đương đầu với những cản trở và những khích lệ.

*Cái mà người ta gọi là “xã hội tiêu dùng” mê hoặc* những người trẻ một cách dữ dội, làm cho họ trở thành nạn nhân và tù nhân của một lối giải thích cuộc hiện hữu con người mang tính chất duy cá nhân, duy vật và duy khoái lạc ! Quan niệm “sống thoải mái” hiểu theo nghĩa vật chất có khuynh hướng trở thành lý tưởng độc nhất của cuộc đời, một lối “sống thoải mái” phải đạt được với bất cứ điều kiện nào và với bất cứ giá nào. Hiệu quả là từ chối mọi hy sinh, vứt bỏ mọi nỗ lực tìm kiếm và sống những giá trị tinh thần và tôn giáo. Mối “quan tâm” độc chiếm về cái *sở hữu*dành chỗ cái ưu việt là *hiện hữu*; và, từ đó, các giá trị nhân vị và liên vị không được cắt nghĩa và sống theo luân lý của ơn huệ, của tính nhưng không, nhưng theo luân lý của sự chiếm hữu ích kỷ và sự bóc lột kẻ khác.

Tình trạng này được nhận ra một cách đặc biệt trong *quan niệm về tính dục con người,*sa đoạ và mất phẩm giá, từ chỗ nằm phục vụ cho hiệp thông và trao hiến liên vị đến chỗ giàn lược thành đơn thuần một mặt hàng tiêu dùng. Bởi đó, kinh nghiệm cảm tính của số đông những người trẻ thay vì dẫn đến sự tăng trưởng hoà điệu và tươi đẹp về nhân cách, thay vì mở ngỏ cho họ hướng đến tha nhân trong sự trao hiến chính mình lại dẫn đến một sự thoái nhượng nghiêm trọng về mặt tâm lý và đạo đức, mang theo những hậu quả nặng nề cho tương lai họ.

Đối với nhiều người trẻ, cội rễ của các khuynh hướng nói trên chính là *kinh nghiệm lệch lạc*về tự do : tự do thay vì được đảm nhận để tuân theo chân lý khách quan và phổ quát thì lại được cảm mến như là sự đồng tình mù quáng với những mãnh lực của bản năng và với ý muốn thống trị của mỗi người. Do vậy, một cách nào đó, xét theo phương diện não trạng và cách xử sự, thật là tự nhiên khi có sự tiêu tan về thái độ gắn bó nội tâm đối với những nguyên tắc luân lý; thật là tự nhiên, xét theo phương diện tôn giáo, nếu không phải trong mọi trường hợp, khi có sự từ chối Thiên Chúa một cách minh nhiên, hay ít ra có thái độ bất cần hoặc một cuộc sống mà ngay cả trong những giây phút có ý nghĩa nhất và trong những lựa chọn dứt khoát nhất chỉ được sống như thể không hề có Thiên Chúa. Trong một bối cảnh như thế, thật là khó khăn cho ý nghĩa của một ơn gọi linh mục có thể thực hiện, thậm chí có thể hiểu; bởi vì ơn gọi là một chứng từ loại biệt về tính ưu việt của cái hiện hữu trên cái chiếm hữu; ơn gọi còn là nhìn nhận ý nghĩa của đời sống như là một sự trao hiến chính mình tự do và có trách nhiệm cho người khác và như là một tư thế sẵn sàng để hoàn toàn phục vụ Tin Mừng và Nước Chúa trong chức linh mục.

Ngay cả trong cộng đoàn Giáo Hội, thế giới người trẻ vẫn đang thường là một “vấn nạn”. Thực vậy, nếu còn hơn cả nơi người trưởng thành, nơi người trẻ, có một xu hướng khá mạnh tiến tới thái độ duy chủ thể trong lãnh vực đức tin và tiến tới tình trạng thuộc về đời sống và sứ mệnh của Giáo Hội chỉ phiếm diện và có điều kiện, thì trong cộng đoàn Giáo Hội người ta phải vất vả, vì một loạt nguyên cớ, để tổ chức một nền mục vụ cho giới trẻ sao cho thích nghi và kiến hiệu : người trẻ có nguy cơ bị bỏ rơi, làm mồi cho sự mong manh về tâm lý, bất mãn và chỉ trích khi nhìn thấy những người lớn không sống đức tin cho hợp lẽ và chín muồi và do đó không nêu được những mẫu gương đáng tin cậy.

Bởi vậy, khó có thể đề nghị cho những người trẻ và đào tạo cho họ một kinh nghiệm sống trọn vẹn và năng động đời sống Kitô hữu trong Giáo Hội. Do sự kiện ấy, viễn tượng ơn gọi linh mục vẫn xa cách với những tiêu điểm hâm mộ cụ thể của người trẻ.

**9.**Dầu vậy, không thiếu những tình huống đầy khích lệ và tích cực có khả năng khơi dậy và cổ xuý trong tâm hồn các thiếu niên và thanh niên một thái độ sẵn sàng đáp ứng mới cũng như một sự truy tầm đích thực và chính hiệu đối với các giá trị đạo đức và tinh thần, vốn tự bản chất cống hiến một mảnh đất thuận lợi cho sự nở rộ ơn gọi nhằm trao hiến trọn vẹn chính mình cho Chúa Kitô và cho Giáo Hội trong chức linh mục.

Trước hết, một số hiện tượng mới đây đã gây khá nhiều vấn đề nay được ghi nhận là có phần giảm thiểu, chẳng hạn sự phản kháng có tính triệt để, những làn sóng phóng túng, những yêu sách nặng tính không tưởng, những hình thức xã hội hoá bất chấp phân biệt, sự bạo động.

Đàng khác, phải công nhận rằng những người trẻ ngày nay, với sức mạnh và sự tươi mát của lứa tuổi mình, cưu mang nơi họ những lý tưởng đang dần dà hội nhập vào lịch sử : niềm khao khát tự do, sự nhận thức giá trị vô song của nhân vị, nhu cầu phải chân chính và trong suốt, một quan niệm mới và một thể loại mới về tính hỗ tương trong những quan hệ giữa nam và nữ, sự truy tầm xác tín và say mê nhằm tiến tới một thế giới công bằng hơn, liên đới hơn và hiệp nhất hơn, sự mở ngỏ hướng đến đối thoại với mọi người, sự dấn thân cho hoà bình.

Nơi nhiều người trẻ thời đại, người ta ghi nhận một sự phát triển thật phong phú và thật sống động về nhiều hình thức tự nguyện đáp ứng nhu cầu của những người phải sống trong cảnh bị bỏ rơi và vất vưởng giữa lòng xã hội, thái độ sẵn sàng đáp ứng này được coi là một yếu tố tác động rất quan trọng cho việc giáo dục, bởi vì khuyến khích và nâng đỡ những người trẻ trong một lối sống vô vị lợi hơn, cởi mở hơn và liên đới hơn với người nghèo. Nếp sống ấy có thể giúp khai thông sự hiểu biết, niềm khát vọng và sự đón nhận một ơn gọi hướng đến việc phục vụ tha nhân lâu bền và hoàn toàn, nhất là bằng đường lối dâng hiến trọn vẹn cho Thiên Chúa trong đời sống linh mục.

Sự sụp đổ gần đây của các ý thức hệ, thái độ nặng tính chất phê phán khi đứng trước thế giới những người lớn vốn không luôn luôn nêu dẫn một chứng từ sống được hun đúc bằng các giá trị luân lý và siêu việt, cả đến kinh nghiệm của những người đồng trang lứa đi tìm đào thoát trong ma tuý và bạo lực, tất cả góp phần rất lớn để phải đẩy mạnh hơn và phải nhất thiết không tránh né vấn đề cơ bản về những giá trị thực sự có khả năng mang lại ý nghĩa viên mãn của chúng cho cuộc sống. Nơi rất nhiều người trẻ, khát vọng tôn giáo và nhu cầu thiêng liêng ngày càng tỏ hiện cách minh nhiên : từ đó có khát vọng sống kinh nghiệm hoang địa và cầu nguyện, có sự quay trở về với việc đọc Lời Chúa thiết thân hơn và thường đều hơn, với việc nghiên cứu thần học.

Trong khuôn khổ của môi trường tự nguyện, cũng như trong khuôn khổ của công đoàn Giáo Hội, những người trẻ trở thành những chiến hữu mỗi ngày một tích cực, nhất là trong việc tham gia các nhóm, từ những nhóm lâu đời nhất nay đã được canh tân cho tới những nhóm mới được thành lập: đây là kinh nghiệm của một Giáo Hội được mời gọi vào công cuộc “phúc âm hoá mới” bằng sự trung thành với Thần Khí, Đấng tạo sức sống cho Giáo Hội, và thể theo những khát vọng của một thế giới xa cách Thiên Chúa nhưng lại cần đến Ngài; đây cũng là kinh nghiệm của một Giáo Hội liên đới hơn với con người và các dân tộc, trong công cuộc bảo vệ và thăng tiến phẩm giá con người, nhân quyền của mọi người và của từng người. Tất cả những điều ấy khai mở tâm hồn và đời sống những người trẻ hướng đến những lý tưởng có sức thu hút và đòi phải dấn thân, những lý tưởng có thể thực hiện một cách cụ thể bằng việc nối gót Chúa Kitô trong chức linh mục.

Tình trạng của con người và của Giáo Hội được đánh dấu bằng một tính chất hàm hồ và lưỡng nghĩa sâu đậm như thế chắc hẳn sẽ làm nền, chẳng những cho mục vụ ơn gọi và cho việc đào tạo linh mục tương lai, mà còn cho khuôn khổ đời sống và thừa tác vụ của mọi linh mục, và cho việc đào tạo trường kỳ. Bởi đó, nếu người ta hiểu được những hình thức “khủng hoảng” khác nhau mà các linh mục ngày nay cảm nghiệm trong việc thi hành thừa tác vụ, trong đời sống thiêng liêng, cả đến trong việc diễn giải bản chất và ý nghĩa của chức linh mục thừa tác, người ta cũng phải vui mừng và hy vọng mà nhận ra được những triển vọng tích cực mà khúc quanh lịch sử hiện nay cung ứng cho các linh mục trong việc hoàn thành sứ vụ của mình.

**Sự phân định dựa theo Tin Mừng.**

**10.**Như đã được gợi lên qua một vài nhận định thoáng qua có tính cách ví dụ, tình huống phức tạp hiện nay chẳng những cần phải được nhận thức nhưng còn phải và nhất là phải được diễn giải. Chỉ bằng cách đó người ta mới có thể trả lời rành mạch câu hỏi cơ bản : “Làm sao để đào tạo các linh mục cho thực sự ngang tầm với hoàn cảnh hiện nay, cho thực sự có khả năng phúc âm hoá thế giới ngày nay?” (15).

Nhận thức tình huống là điều quan trọng. Chỉ nêu dẫn một số dữ kiện thì chưa đủ; cần có một cuộc tra cứu khoa học để có thể xác định cái toàn diện của một khuôn khổ cụ thể gồm những hoàn cảnh văn hoá, xã hội và Giáo Hội.

*Diễn giải*tình huống còn là điều quan trọng hơn. Việc làm này là do yêu cầu của tính lưỡng nghĩa và đôi khi của tính chất mâu thuẫn từ nơi tình huống, những tính chất này cũng giống như thửa đất trong Tin Mừng, trên đó hạt giống tốt và cỏ lùng cùng được gieo và mọc chung với nhau (x.Mt 1, 24-30), chứng tỏ cho thấy có sự trộn lẫn sâu đậm giữa những khó khăn và những tiềm năng, giữa những yếu tố tiêu cực và những lý do để hy vọng, giữa những cản trở và những lối mở.

Công việc diễn giải nhằm phân biệt điều thiện và điều dữ, phân biệt những dấu chỉ hy vọng và những đe doạ, không phải luôn dễ dàng. Trong công việc đào tạo linh mục, vấn đề không phải chỉ đơn thuần là thâu nhận những yếu tố tích cực và đem đối chọi chúng với những yếu tố tiêu cực. Điều quan trọng là phải đưa chính những yếu tố tích cực ấy ra để phân định một cách chăm chú, để đừng tách biệt yếu tố này ra khỏi yếu tố kia và đừng đem đối lập chúng với nhau, như thế chúng là những yếu tố có thể đem đối chọi nhau. Đối với các yếu tố tiêu cực cũng vậy : đừng đem vứt bỏ chúng trọn khối mà không phân biệt, bởi vì nơi mỗi một yếu tố tiêu cực có thể tiềm ẩn một giá trị cần được cứu vãn và cần được trả về trong chân lý toàn diện.

Đối với người tín hữu, diễn giải tình huống lịch sử có nghĩa là tôn trọng nguyên tắc vận dụng trí thông minh và dựa vào tiêu chuẩn của những lựa chọn hành động phát xuất từ đó, nguyên tắc và tiêu chuẩn này nằm trong một đòi hỏi mới và căn cơ, đó là *sự phân định dựa theo Tin Mừng;*việc diễn giải này hình thành trong sức mạnh và ánh sáng của Tin Mừng, của Tin Mừng sống động và cá vị, của chính Chúa Giêsu Kitô, và nhờ vào ân huệ của Chúa Thánh Thần. Bởi thế, trong tình huống lịch sử với những gì là bấp bênh của nó, công việc phân định dựa theo Tin Mừng không chỉ thâu nhận một dữ kiện đơn thuần để rồi phải đem ra ứng dụng một cách chính xác và để rồi có thể dửng dưng hoặc thụ động trước dữ kiện ấy, nhưng đúng hơn thâu nhận một “bổn phận”, một thách đố đối với tự do có trách nhiệm, hoặc của cá nhân mà thôi hoặc của cộng đoàn. Đó là một thách đố gắn liền với “lời mời gọi” mà Thiên Chúa làm vang vọng trong chính tình huống lịch sử : vì vậy, trong tình huống, Thiên Chúa mời gọi trước hết Giáo Hội cùng với người tín hữu làm sao cho “Tin Mừng về ơn gọi và về chức linh mục” diễn dạt được tính trường tồn của chân lý trong những hoàn cảnh đổi thay của cuộc sống. Cũng cần phải áp dụng cho việc đào tạo linh mục những lời của của Công đồng Vaticanô II: “Giáo Hội có bổn phận, bất cứ lúc nào, tra cứu các dấu chỉ thời đại và cắt nghĩa các dấu chỉ ấy dưới ánh sáng Tin Mừng, làm thế nào cho mình có thể giải đáp, với cách thức thích nghi cho từng thế hệ, các vấn nạn muôn thuở của con người về ý nghĩa của cuộc sống hiện tại và mai ngày và về những quan hệ hỗ tương giữa con người với nhau. Bởi đó, điều cần thiết là phải nhận biết và thấu hiểu thế giới trong đó chúng ta đang sống, những mong chờ, những khát vọng và dặc tính thường là bi thảm của thế giới” (16).

Sự phân định dựa theo Tin Mừng ấy đặt nền tảng trên lòng tín thác vào tình yêu Chúa Giêsu Kitô là Đấng luôn mãi và không ngơi chăm sóc Giáo Hội (x. Ep 5,29), Ngài là Chúa và là Thầy, là nền móng, là trung tâm và là cùng đích của toàn thể lịch sử nhân loại (17); sự phân định ấy được soi sáng và củng cố nhờ Chúa Thánh Thần Đấng mọi nơi mọi lúc khơi dậy sự vâng phục đức tin, lòng dũng cảm tươi vui để nói gót Chúa Giêsu, ơn khôn ngoan để xét đoán mọi sự và không bị một ai xét đoán (x. 1Cr 2,15); sự phân định ấy cậy dựa vào lòng trung thành của Chúa Cha đối với những lời hứa của Ngài.

Nhờ đó Giáo Hội cảm thấy dù khả năng đương đầu với những khó khăn và những thách đố của giai đoạn lịch sử mới. Giáo Hội cũng có thể bảo đảm cho hiện tại cũng như cho tương lai một nền đào tạo linh mục nhằm cung cấp những thừa tác viên nhiệt thành và xác tín đối với công cuộc “phúc âm hoá mới”, những người đầy tớ trung thành và quảng đại phục vụ Chúa Giêsu Kitô và phục vụ loài người.

Chúng ta đừng che dấu những khó khăn. Những khó khăn không phải là hiếm và cũng không nhẹ nhàng. Để thắng vượt khó khăn, chúng ta có niềm hy vọng và niềm tin vào tình yêu bất khả khuyết của Chúa Kitô, chúng ta có niềm tin vững chắc vào tính bất khả thay thế của thừa tác vụ linh mục đối với đời sống Giáo Hội và thế giới.

CHƯƠNG II

NGÀI ĐÃ XỨC DẦU

THÁNH HIẾN TÔI

VÀ ĐÃ SAI TÔI ĐI.

BẢN CHẤT VÀ SỨ VỤ

CỦA CHỨC LINH MỤC THỪA TÁC.

**Hướng nhìn chức linh mục.**

**11.**“Mọi người trong hội đường đều đưa mắt hướng nhìn Ngài” (Lc 4,20). Điều mà Thánh Luca tác giả Tin Mừng nói về những người đã có mặt trong hội đường Nagiarét ngày Sabbát hôm ấy và đã nghe Đức Giêsu giải thích đoạn sách ngôn sứ Isaia sau khi Ngài đọc lên hôm ấy có thể đem áp dụng cho tất cả mọi Kitô hữu bởi vì tất cả đều được mời gọi công nhận lời sấm đã được thực hiện trọn vẹn nơi Đức Giêsu Nagiarét : “Lúc ấy, Ngài cất tiếng nói : ‘Hôm nay đoạn Sách Thánh này được ứng nghiệm cho anh em là những kẻ đang nghe’ (Lc 4,24). Đoạn Sách Thánh ấy nói rằng: “Thánh Thần Chúa ngự trên tôi vì Ngài đã xức dầu thánh hiến tôi để tôi mang Tin Mừng đến cho người nghèo. Ngài đã sai tôi đi rao giảng sự giải thoát cho người bị giam cầm, sự sáng mắt cho kẻ mù loà, trả tự do cho người bị áp bức, công bố năm hồng ân của Chúa” (Lc 4,18-19;x. Is 62,1-2). Đức Giêsu tự giới thiệu mình như là đầy tràn Chúa Thánh Thần, “được xức dầu hiến thánh”, “để mang Tin Mừng đến cho người nghèo” : Ngài là Đấng Mêsia, một Đấng Mêsia vừa là tư tế, ngôn sứ và là vua.

Người Kitô hữu phải đưa mắt đức tin và mắt tình yêu hướng nhìn dung mạo nói trên của Đức Kitô. Chính dưới ánh sáng của sự “chiêm ngắm” này mà các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã suy tư về vấn đề đào tạo linh mục trong hoàn cảnh hiện nay. Không thể nào giải quyết vấn nạn ấy nếu trước đó không suy nghĩ về cứu cánh của tiến trình đào tạo: cứu cánh, đó chính là chức linh mục thừa tác và, nói chính xác hơn, là chức linh mục thừa tác với tư cách tham gia vào chính chức linh mục của Chúa Giêsu Kitô, trong Giáo Hội. Nhận thức về bản chất và về sứ vụ của chức linh mục thừa tác là điều tất yếu phải đi trước, đồng thời là đường lối vững chắc nhất và là động cơ mãnh liệt nhất để có thể phát triển hoạt động mục vụ trong Giáo Hội, nhằm thăng tiến và phân định các ơn gọi linh mục cũng như đào tạo những người được mời gọi tiến đến thừa tác vụ được phong ban.

Như thế, truy tầm một sự hiểu biết chính xác và sâu rộng về bản chất và sứ vụ của chức linh mục thừa tác là đường lối phải tuân theo — đây quả thực là đường lối của Thượng Hội Đồng — để có thể ra khỏi cuộc khủng hoảng về *căn tính linh mục,*như Tôi đã phát biểu trong bài diễn văn bế mạc Thượng Hội Đồng: “Cuộc khủng hoảng này đã xuất hiện trong những năm kế tiếp ngay sau Công đồng. Sở dĩ nó phát sinh là vì giáo thuyết của Huấn Quyền trong Công đồng đã bị giải thích sai lầm, có khi đã bị cố tình giải thích lệch lạc. Chắc chắn đây là một trong những nguyên nhân đã gây ra nhiều vụ hồi tục mà Giáo Hội lúc bấy giờ phải gánh chịu; những vụ hồi tục đã ảnh hưởng trầm trọng đến công việc mục vụ, đến các ơn gọi linh mục và cách riêng đến các ơn gọi thừa sai. Thượng Hội Đồng Giám Mục năm 1990, bằng cách khám phá lại toàn vẹn chiều sâu của chức linh mục nhờ vào biết bao bài tham luận đã được đón nghe trong Phòng Hội Aula này, như thể đã đến để mang lại niềm hy vọng sau nhiều vụ hồi tục xót xa ấy. Những bài tham luận ấy chứng tỏ chúng tôi ý thức như thế nào về mối dây hữu thể loại biệt nối kết người linh mục với Chúa Kitô là Linh Mục Tối Cao và là Mục Tử Nhân Lành. Căn tính linh mục ấy phải làm nền để tạo bản chất cho nền đào tạo cần được tiến hành nhắm đến chức linh mục và còn nhắm đến trọn vẹn cuộc đời linh mục. Mục đích chính xác của Thượng Hội Đồng 1990 là như thế” (18).

Nhằm mục đích ấy, Thượng Hội Đồng xét rằng cần phải nhắc lại một cách tổng hợp tất cả những gì liên quan đến các nền tảng của bản chất và sứ vụ linh mục thừa tác, bản chất và sứ vụ mà đức tin Giáo Hội đã thừa nhận trong suốt dòng lịch sử qua nhiều thế hệ và Công đồng Vaticanô II đã trình bày cho con người thời đại chúng ta (19).

**Trong Giáo Hội là mầu nhiệm, hiệp thông và sứ vụ.**

**12.**Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã viết: “căn tính linh mục, cũng như bất cứ căn tính nào của người Kitô hữu, bắt nguồn từ Mầu Nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi” (20) là Mầu nhiệm được mạc khải, được chuyển đạt cho loài người nơi Chúa Kitô, đồng thời trong Ngài và nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần, tạo thành Giáo Hội với tư cách là “hạt mầm và khởi đầu” của Nước Trời (21). Tông Huấn *Christifideles Laici*tổng hợp giáo huấn của Công đồng bằng cách trình bày Giáo Hội như là mầu nhiệm, hiệp thông và sứ vụ; “Giáo Hội là *mầu nhiệm*bởi vì tình yêu và sự sống của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần là ân huệ tuyệt đối nhưng không, được ban cho tất cả những ai sinh ra bởi nước và Thần Khí (x. Ga 3,5), được kêu mời sống chính sự *hiệp thông*của Thiên Chúa, biểu lộ và lan truyền sự hiệp thông ấy trong lịch sử (*sứ vụ)*“ (22).

Chính trong lòng Giáo Hội xét như là mầu nhiệm hiệp thông giữa Thiên Chúa Ba Ngôi trong nỗi day dứt thi hành sứ vụ mà mọi căn tính Kitô hữu được mạc khải và đồng thời căn tính loại biệt của linh mục và của thừa tác vụ linh mục cũng được mạc khải. Quả vậy, linh mục, nhờ vào sự thánh hiến đã lãnh nhận qua bí tích Truyền Chức thánh, được sai đi bởi Chúa Cha, nhờ Chúa Giêsu Kitô, và một cách đặc biệt được nên đồng hình dạng với Ngài, Đấng là Đầu và Mục Tử của dân Ngài, để sống và hoạt động, trong sức mạnh của Chúa Thánh Thần, nhằm phục vụ Giáo Hội và cứu độ thế giới (23).

Nhờ đó, người ta hiểu được tính chất thiết yếu “tương giao” của căn tính linh mục : do bởi chức linh mục phát sinh từ nơi thẳm sâu mầu nhiệm khôn tả của Thiên Chúa, nghĩa là từ tình yêu của Chúa Cha, từ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô và từ ơn hiệp nhất của Chúa Thánh Thần, người linh mục qua bí tích được hội nhập vào sự hiệp thông với Giám mục và với các linh mục khác (24), để phục vụ Dân Thiên Chúa là Giáo Hội và để dẫn dắt mọi người đến với Chúa Kitô, đúng như lời cầu nguyện của Ngài : “Lạy Cha rất thánh, xin Cha gìn giữ chúng con trong danh Cha mà Cha đã ban cho Con để chúng nên một như chúng ta… Lạy Cha, cũng như Cha, Cha ở trong Con và Con ở trong Cha, xin cho chúng cũng ở trong chúng ta, để cho thế gian tin rằng Cha đã sai Con” (Ga 17,11-21).

Bởi thế, không thể tìm xác định bản chất và sứ vụ của chức linh mục thừa tác ở bên ngoài nhiệm hệ đa tạp và phong phú gồm những tương quan bắt nguồn từ Mầu Nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi và nối dài trong sự hiệp thông với Giáo Hội xét như là dấu chỉ và khí cụ, trong Chúa Kitô, của sự nối kết giữa loài người với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại (25). Từ đó, nghiên cứu Giáo Hội về phương diện hiệp thông chính là việc làm có tính định đoạt để có thể nắm vững căn tính linh mục, phẩm giá riêng biệt của linh mục, ơn gọi và sứ vụ trong Dân Thiên Chúa và trong thế giới. Chính vì vậy, qui chiếu về Giáo Hội là điều cần thiết, ngay cả khi đó không phải là điều tiên quyết trong định nghĩa về căn tính linh mục. Xét như là *mầu nhiệm, Giáo Hội thiết yếu gắn liền với Chúa Giêsu Kitô;*thực ra, Giáo Hội chính là sự viên mãn, là Thân Thể và là Hiền Thê của Ngài. Giáo Hội là “dấu chỉ”, là “kỷ vật” sống động nói lên sự hiện diện liên lỉ của Ngài và nói lên hoạt động của Ngài giữa chúng ta và cho chúng ta. Người linh mục tìm gặp trọn vẹn sự thật về căn tính của mình trong sự kiện mình tham dự một cách loại biệt vào Đức Kitô và nối tiếp chính Đức Kitô, vị tư tế Tối Cao và độc nhất của Giao Ước mới : linh mục là hình ảnh sống động và trong suốt của Chúa Kitô linh mục. Là biểu hiện “tính chất mới mẻ” tuyệt đối của Ngài trong lịch sử cứu độ, chức tư tế của Chúa Kitô chính là cội nguồn độc nhất và là bản mẫu bất khả thay thế của chức tư tế Kitô hữu và cách riêng của chức tư tế linh mục. Bởi đó, qui chiếu về Chúa Kitô là chìa khoá tuyệt đối cần thiết để có thể thấu hiểu thực tại linh mục.

**Mối liên hệ cơ bản với Đức Kitô là Đầu và Mục Tử.**

**13.**Đức Giêsu Kitô đã biểu lộ nơi chính Ngài dung mại trọn hảo và vĩnh viễn của chức tư tế thời Tân Ước \*26): Ngài đã mạc khải dung mạo ấy bằng toàn thể đời sống trần thế của Ngài, nhưng trên tất cả bằng chính biến cố trung tâm là cuộc khổ nạn, cái chết và sự phục sinh của Ngài.

Như tác giả *Thư gửi tín hữu Do Thái* đã viết, là con người như chúng ta và đồng thời là người Con độc nhất của Thiên Chúa, Đức Giêsu, ngay trong chính hữu thể của Ngài, là vị trung gian hoàn hảo giữa Chúa Cha và nhân loại (x. Dt 8-9), vị trung gian cho chúng ta được trực tiếp đến gần Thiên Chúa, nhờ ân huệ của Chúa Thánh Thần : “Thiên Chúa đã sai đến tâm hồn chúng ta Thần Khí của Con Ngài, Thần Khí ấy kêu lên : Abba, lạy Cha !” (Gl 4,6; x. Rm. 8,15).

Đức Giêsu hoàn thành nhiệm vụ trung gian bằng việc hiến dâng chính mình trên Thập Giá, nhờ đó, một lần thay cho muôn lần, Ngài mở lối vào thánh điện trên trời và vào nhà của Chúa Cha (x. Dt 9,24-28). Sánh với Đức Giêsu, Môisê và tất cả các vị “trung gian” thời Cựu Ước giữa Thiên Chúa và Dân Ngài — các vua, các tư tế và các ngôn sứ — chỉ xuất hiện như là “hình ảnh” và là “bóng mờ của những điều thiện bảo sẽ tới”, chớ không như là “chính sự biểu hiện của các thực tại” (x. Dt 10,1).

Đức Giêsu là Vị Mục Tử Nhân Lành mà các ngôn sứ đã báo trước (x. Ed 34), Vị Mục Tử biết chiên mình từng con một, thí mạng sống mình cho chiên và quy tụ hết mọi con chiên lại thành một đàn duy nhất với một chủ chăn duy nhất (x. Ga 10,11-16). Ngài là vị mục tử, không phải đến “để được phục vụ nhưng để phục vụ” (Mt 20,28), với cử chỉ rửa chân ngày vượt qua (x. Ga 13,11-20), đã để lại cho những người thân thích của Ngài mẫu gương phục vụ mà họ có trách nhiệm thực thi lẫn cho nhau, và đã tự nguyện hiến dâng chính mình làm cho chiên vô tội chịu sát tế để cứu chuộc chúng ta (x. Ga 1,36; Kh 5,6-12).

Nhờ hy lễ Thập Giá tiến dâng một lần và mãi mãi. Đức Giêsu thông ban cho tất cả các môn đệ của Ngài phẩm giá và sứ vụ làm linh mục của Giao Ước mới và vĩnh cửu. Như thế là ứng nghiệm lời Thiên Chúa hứa với Ít-raen: “Ta sẽ coi các ngươi như một vương quốc tư tế, một dân tộc thánh thiện” (Xh 19,6). Thánh Phêrô viết : Chính toàn dân Giao Ước Mới được làm thành một “toà nhà thiêng liêng”, “một hàng tư tế thánh thiện, nhằm dâng tiến những hy lễ thiêng liêng đẹp lòng Thiên Chúa, nhờ Đức Giêsu Kitô” (1 Pr 2,5). Những người đã lãnh nhận Phép Rửa là những viên đá sống động xây nên toà nhà thiêng liêng, nối kết với Thân Thể Chúa Kitô, “là đá tảng sống động… được tuyển chọn và thật quý giá bên cạnh Thiên Chúa” (1 Pr 2,4). Dân tư tế mới, là Giáo Hội, chẳng những có được nơi Chúa Kitô hình ảnh riêng biệt và chính hiệu của mình mà còn lãnh nhận từ nơi Ngài sự tham dự thiết thực trên bình diện hữu thể vào chức tư tế vĩnh cửu và độc nhất của Ngài, chức tư tế mà Dân Chúa phải thích ứng trọn cả đời mình.

**14.**Nhằm phục vụ chức tư tế phổ quát của Giao Ước Mới, Đức Giêsu, trong sứ vụ trần thế, đã mời gọi nhiều môn đệ đến với Ngài; với quyền bính dành cho một sứ vụ loại biệt, Ngài kêu gọi và thiết lập Nhóm Mười Hai “để làm bạn đồng hành với Ngài và để sai họ đi rao giảng, kèm theo quyền xua trừ ma quỉ” (Mc 3,14-15).

Như thế, ngay từ trong giai đoạn thi hành sứ vụ công khai (x. Mt 16,18) và sau đó, một cách viên mãn, khi đã chết và sống lại (x. Mt 28,16-20; Ga 20,21), Đức Giêsu ban cho Phêrô và Nhóm Mười Hai những quyền hành hoàn toàn loại biệt đối với cộng đoàn tương lai và nhằm mục đích rao giảng Tin Mừng cho muôn dân. Sau khi đã mời gọi họ theo Ngài. Ngài giữ họ bên cạnh Ngài và Ngài sống với họ, dùng gương sáng và lời nói thông truyền cho họ sứ điệp cứu độ sau cùng, Ngài sai họ đến với mọi người. Để cho sứ vụ ấy được hoàn thành, Đức Giêsu ban cho các Tông Đồ, cùng với sức mạnh do sự tuôn đổ Thánh Thần sau biến cố Phục Sinh, cũng một quyền bính Mêsia mà Ngài đã lãnh nhận từ nơi Chúa Cha, quyền bính đã được ban cho Ngài, quyền bính đã được biểu lộ cách viên mãn qua sự Phục Sinh của Ngài: “Mọi quyền hành trên trời dưới đất đã được ban cho Ta. Vậy, các con hãy ra đi, hãy chiêu tập môn đệ từ khắp muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, dạy họ tuân giữ mọi điều Ta đã chỉ thị. Này đây Ta sẽ ở với các con mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,18-20).

Bằng cách ấy, Đức Giêsu thiết lập một mối liên hệ sít sao giữa thừa tác vụ được ban cho các Tông Đồ với chính sứ vụ riêng của mình : “Ai đón nhận các con là đón nhận Ta và ai đón nhận Ta là đón nhận Đấng đã sai Ta” (Mt 10,40); “Ai nghe các con là nghe Ta, ai loại bỏ các con là loại bỏ Ta và ai loại bỏ Ta là loại bỏ Đấng đã sai Ta” (Lc 10,16). Hơn thế nữa, trong Tin Mừng thứ tư, dưới ánh sáng của biến cố vượt qua gồm cái chết và sự phục sinh, Đức Giêsu quả quyết một cách hết sức mạnh mẽ và minh bạch: “Như Cha đã sai Ta, cũng vậy Ta sai các con” (Ga 20,21; x.13,20; 17,18). Cũng như Đức Giêsu nắm giữ một sứ vụ đến trực tiếp từ Thiên Chúa và làm cho chính quyền bính của Thiên Chúa trở nên hiện diện (x. Mt 7,29; 21,23; Mc 1,27; 11,28; Lc 20,2;24,19), cũng vậy các Tông Đồ nắm giữ một sứ vụ đến từ Chúa Giêsu. Cũng như “Con không thể tự mình làm điều gì” (Ga 5,19) đến nỗi giáo thuyết của Ngài không phài là của riêng Ngài nhưng là giáo thuyết của Đấng đã sai Ngài (x. Ga 7,16), cũng vậy, Đức Giêsu nói với các Tông Đồ: “Ngoài Ta các con không thể làm được gì” (Ga 15,5): sứ vụ của các Tông Đồ thì không phải là sứ vụ riêng của các ngài nhưng là chính sứ vụ của Chúa Giêsu. Sở dĩ có thể hoàn thành sứ vụ ấy thì không phải do sức lực của con người nhưng chỉ nhờ vào “ơn ban” của Chúa Kitô và của Thần Khí Ngài, nhờ vào ơn bí tích: “Các con hãy nhận lấy Thánh Thần. Các con tha tội cho ai, tội người ấy được tha, các con cầm buộc tội ai, tội người ấy bị cầm buộc” (Ga 20,22-23). Vì thế, không phải vì cậy dựa vào một công nghiệp riêng tư nào nhưng chỉ vì thông phần một cách nhưng không vào ân sủng của Chúa Kitô mà các Tông Đồ, trong lịch sử, cho đến thời cùng tận, đeo đuổi sứ vụ cứu độ của chính Đức Kitô vì lợi ích cho loài người.

Dấu chỉ và điều kiện tiên quyết để cho sứ vụ ấy được chính hiệu và sai nở, đó là sự hiệp nhất giữa các Tông Đồ với Chúa Giêsu và trong Chúa Giêsu, giữa các Tông Đồ với Chúa Cha, như đã được nêu dẫn trong lời nguyện tư tế của Chúa, là tổng hợp của sứ vụ Ngài (x. Ga 17,20-23).

**15.**Đến lượt các ngài, như đã được Chúa thiết lập, các Tông Đồ sẽ dần dà làm trọn sứ vụ của các ngài bằng cách kêu mời, dưới nhiều hình thức khác nhau nhưng tựu trung đồng qui với nhau, những người khác, làm giám mục, làm linh mục và làm phó tế, để hoàn thành sứ vụ đã lãnh nhận từ nơi Chúa Kitô Phục Sinh, Đấng đã sai các ngài đến với mọi người thuộc mọi thời đại.

Tân Ước nhất loại ghi chú rằng Thần Khí của chính Đức Kitô đã đưa dẫn vào trong thừa tác vụ những con người được chọn giữa các anh em. Với cử chỉ đặt tay (x. Cv 6,6; 1Tm 4,14; 5,22; 2Tm 1,6) là cử chỉ chuyển ban ơn Thần Khí, những con người ấy được mời gọi và được trang bị để tiếp nối cùng một thừa tác vụ hoà giải, chăn dắt đoàn chiên của Thiên Chúa và giảng dạy (x. Cv 20,28; 1Pr 5,2).

Như vậy, các linh mục được mời gọi nối dài sự hiện diện của Đức Kitô, vị Mục Tử duy nhất và tối cao, bằng cách noi theo lối sống của Ngài và bằng cách làm sao cho mình như thể được Ngài xuyên thấu ngay giữa đàn chiên được giao phó cho mình. Như thư thứ nhất của thánh Phêrô đã viết một cách rõ ràng và chính xác : “Với các vị niên trưởng giữa anh em, tôi, cũng thuộc hàng *niên trưởng như các vị ấy,*là chứng nhân về những nỗi thống khổ của Đức Kitô, là kẻ sẽ được thông phần vinh quang sắp được mạc khải, tôi có lời khuyên nhủ các vị ấy. Hãy chăn dắt đàn chiên Thiên Chúa đã được giao phó cho anh em, hãy chăm lo cho chúng, không phải vì miễn cưỡng nhưng một cách sẵn lòng, thể theo ý Thiên Chúa; không phải vì lợi nhuận ô trọc nhưng vì lòng nhiệt thành; không phải bằng cách làm vua làm chúa trên những kẻ được ban cho anh em làm phần cơ nghiệp nhưng bằng cách trở nên mẫu mực cho đàn chiên. Và khi Vị Thủ Lãnh các mục tử xuất hiện, anh em sẽ lãnh nhận triều thiên vinh quang không bao giờ tàn úa” (1 Pr 5,1-4).

Trong Giáo Hội và cho Giáo Hội, như những dấu chỉ bí tích, các linh mục đại diện cho Chúa Giêsu Kitô là Đầu và Mục Tử, các linh mục công bố Lời Chúa một cách chính danh, các linh mục lặp lại những cử chỉ tha thứ và ban ơn cứu độ, nhất là qua các bí tích Rửa Tội, Thống Hối và Thánh Thể, các linh mục đem sự chăm sóc đầy tình thương của Ngài, sự chăm sóc đến nỗi trao hiến trọn vẹn chính mình của Ngài, ra thi thố cho đoàn chiên mà các linh mục qui tụ lại làm một và dẫn đến Chúa Cha nhờ Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần. Nói tóm lại, các linh mục hiện hữu và hoạt động để loan báo Tin Mừng cho thế giới và để xây dựng Giáo Hội nhân danh đích thân Chúa Kitô là Đầu và Mục Tử (27).

Chính bằng thể thức kiểu mẫu và loại biệt trên đây mà các thừa tác viên được cắt đặt tham dự vào chức tư tế duy nhất của Chúa Kitô. Nhờ việc xức dầu trong bí tích Truyền Chức Thánh, Chúa Thánh Thần làm cho họ nên đồng hình dạng, bằng một tước hiệu mới và loại biệt, với Đức Giêsu Kitô là Đầu và Mục Tử, Chúa Thánh Thần làm cho họ nên thích ứng tự bên trong và thôi thúc họ bằng đức ái mục vụ của Ngài, và trong Giáo Hội, Chúa Thánh Thần làm cho họ trở thành những người tôi tớ có phẩm chất để họ loan báo Tin Mừng cho mọi tạo vật và để họ làm cho đời sống Kitô hữu của mọi người đã rửa tội được viên mãn.

Sự thật về linh mục phát xuất từ Lời Chúa, nghĩa là từ chính Đức Giêsu Kitô, và từ kế hoạch của Ngài liên quan tới sự cấu thành Giáo Hội, sự thật ấy đã được hát lên bằng một bài ca tạ ơn vui mừng của phụng vụ trong kinh Tiền Tụng ngày lễ Dầu: “Nhờ việc xức dầu của Chúa Thánh Thần, Cha đã đặt Con Một Cha làm Tư Tế của Giao Ước Mới vĩnh cửu; Cha đã muốn cho chức tư tế duy nhất của Ngài luôn sống động trong Giáo Hội. Chính Ngài là Đức Kitô, là Đấng ban cho toàn dân được cứu chuộc phẩm vị làm tư tế vương giả; chính Ngài tuyển chọn trong tình yêu của Ngài đối với đàn em, những người sẽ được đặt tay và sẽ thông phần vào thừa tác vụ của Ngài… Nhân danh Ngài, các linh mục tiến dâng hy lễ cứu độ duy nhất nơi bàn tiệc vượt qua : các linh mục có trách nhiệm xả thân phục vụ Dân Cha để nuôi dưỡng họ bằng Lời của Cha và làm cho họ sống bằng các bí tích của Cha; các linh mục sẽ là những chứng nhân thực sự cho đức tin và đức ái, sẵn sàng hiến mạng sống mình như Đức Kitô đã hiến dâng mạng sống cho đàn em và cho Cha”.

**Phục vụ Giáo Hội và Thế giới.**

**16.**Mối liên hệ cơ bản của linh mục là mối liên hệ nối kết linh mục với Đức Giêsu Kitô là Đầu và Mục Tử : thực ra, bằng một thể thức loại biệt và chính hiệu, linh mục tham dự vào sự “thánh hiến” hoặc “xức dầu” và vào “sứ vụ” của Đức Kitô (x. Lc 4,18-20). Nhưng mối liên hệ ấy lại được mật thiết gắn liền với mối liên hệ nối kết linh mục với Giáo Hội. Ở đây không phải là những mối liên hệ chỉ đơn thuần chồng chất lên nhau : chính những mối liên hệ ấy được nối kết mật thiết với nhau bằng một thứ nội nhập hỗ tương. Sự qui chiếu về Giáo Hội được hàm chứa trong cùng một quan hệ duy nhất giữa linh mục với Chúa Kitô, theo nghĩa là chính việc linh mục đại diện cho Chúa Kitô bằng “sự đại diện hiểu theo nghĩa bí tích” đặt nền tảng và tạo sức sống cho quan hệ giữa linh mục và Giáo Hội.

Trong chiều hướng ấy, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã viết: “Với tư cách đại diện cho Chúa Kitô là Đầu, Mục Tử và Phu Quân của Giáo Hội, linh mục chẳng những được đặt vào *trong Giáo Hội*nhưng còn là*đối diện với Giáo Hội.*Chức linh mục cũng như đồng thời Lời Chúa và các dấu chỉ bí tích mà linh mục là người phục vụ đều thuộc về những yếu tố tác thành Giáo Hội. Thừa tác vụ của linh mục hoàn toàn là để phục vụ Giáo Hội nhằm nâng cao việc thực thi chức tư tế cộng đồng của toàn thể Dân Thiên Chúa; thừa tác vụ ấy chẳng những được sắp đặt cho Giáo Hội địa phương nhưng còn cho Giáo Hội hoàn vũ (x. *Presbyterorum ordinis ,*LM, số 10), trong sự hiệp thông với Giám mục, với Thánh Phêrô và dưới quyền của thánh Phêrô. Nhờ chức linh mục của Giám mục, chức linh mục bậc hai được tháp vào cơ cấu tông truyền của Giáo Hội. Bởi đó, cũng như các Tông Đồ, linh mục giữ nhiệm vụ làm sứ giả của Đức Kitô (x. 2Cr 5,20). Đó chính là nền tảng cho tính chất thừa sai của chức linh mục” (28).

Như thế, thừa tác vụ được phong ban cùng khai sinh với Giáo Hội; dầu là của giám mục hay của các linh mục trong sự qui chiếu và trong sự hiệp thông với các giám mục, thừa tác vụ ấy có mối liên hệ đặc biệt với thừa tác vụ của các Tông Đồ buổi đầu, từ đó thừa tác vụ ấy thực sự đóng vai trò kế nhiệm, mặc dầu, so với thừa tác vụ của các Tông Đồ, thừa tác vụ ấy mặc những hình thái hiện sinh khác biệt.

Bởi đó, không được coi chức linh mục được thụ phong như là đến trước Giáo Hội : chức linh mục ấy hoàn toàn là để phục vụ chính Giáo Hội; cũng không được quan niệm chức linh mục ấy là đến sau cộng đoàn Giáo Hội, như thế có thể hiểu Giáo Hội đã được thành lập mà không cần chức linh mục ấy.

Quan hệ giữa linh mục với Đức Giêsu Kitô và, trong Ngài, với Giáo Hội được hàm chứa trong chính *hữu thể*của linh mục, do bởi đã được thánh hiến và đã được xức dầu trong bí tích, và được hàm chứa trong hành động của linh mục, nghĩa là trong sứ vụ hay trong thừa tác vụ của linh mục. Một cách đặc biệt, “linh mục thừa tác là tôi tớ của Đức Kitô hiện diện trong Giáo Hội xét như là mầu nhiệm, hiệp thông và sứ vụ. Do sự kiện linh mục thông phần vào việc “xức dầu” và vào “sứ vụ” của Đức Kitô, linh mục có khả năng nối dài kinh nghiệm, lời nói, hy lễ và hoạt động cứu độ của Ngài trong Giáo Hội. Linh mục bởi đó là *tôi tớ của Giáo Hội xét như là mầu nhiệm,*bởi vì linh mục thực thi những dấu chỉ Giáo Hội và bí tích nói lên sự hiện diện của Chúa Kitô Phục Sinh. Linh mục là *tôi tớ của Giáo Hội xét như là hiệp thông,*bởi vì — trong sự hiệp nhất với giám mục và mối liên kết chặt chẽ với linh mục đoàn — linh mục xây dựng sự hiệp nhất của cộng đoàn Giáo Hội trong sự hoà điệu của nhiều ơn gọi, nhiều đặc sủng và nhiều hình thức phục vụ khác nhau; cuối cùng, linh mục là *tôi tớ của Giáo Hội xét như là sứ vụ,*bởi vì linh mục làm cho cộng đoàn trở thành cộng đoàn loan báo và làm chứng về Tin Mừng” (29).

Do đó, trong chính hữu thể và trong sứ vụ bí tích của mình, linh mục đến trong cơ cấu Giáo Hội để làm dấu chỉ cho tính ưu việt tuyệt đối và cho tính nhưng không của ân sủng được ban cho Giáo Hội nhờ Chúa Kitô Phục Sinh. Nhờ chức linh mục thừa tác. Giáo Hội ý thức trong đức tin rằng Giáo Hội không hiện hữu tự mình nhưng là nhờ ân sủng của Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần. Các Tông Đồ và những người kế nhiệm các ngài, với tư cách là những người nắm giữ quyền bính đến từ Đức Kitô là Đầu và Mục Tử, do bởi thừa tác vụ của mình, được sắp đặt*đối diện với Giáo Hội,*như là sự nối dài hữu hình và là dấu chỉ bí tích của Đức Kitô, thay cho chính Ngài trước mặt Giáo Hội và thế giới, như là cội nguồn cứu độ trường tồn và luôn mãi mới mẻ, “Ngài, Đấng cứu độ Thân Thể” (Ep 5,23).

**17.**Thừa tác vụ được phong ban, do tự bản chất, chỉ có thể được hoàn thành trong mức độ mà linh mục hiệp nhất với Chúa Kitô bằng sự hội nhập hiểu theo nghĩa bí tích vào trong hàng ngũ linh mục và bởi đó trong mức độ mà linh mục hiệp thông với giám mục về phương diện phẩm trật. Tự căn rễ, thừa tác vụ được phong ban mang *“bản chất cộng đồng”*và chỉ có thể được hoàn thành như là *“công trình thập thể”*(30). Công đồng đã diễn tả rất nhiều về bản chất hiệp thông ấy của chức linh mục, đã lần lượt nghiên cứu các quan hệ giữa linh mục với giám mục của mình, với các linh mục khác và với giáo dân (31). Thừa tác vụ linh mục trước hết là sự hiệp thông, sự hợp tác thiết yếu và có trách nhiệm vào thừa tác vụ của giám mục, trong việc chăm lo cho Giáo Hội hoàn vũ và cho Giáo Hội đặc thù và, cùng với giám mục, làm thành một linh mục đoàn duy nhất trong khi phục vụ Giáo Hội ấy.

Mỗi một linh mục, là triều hoặc dòng, được liên kết nên một với các thành phần khác thuộc linh mục đoàn, tùy theo bí tích Truyền Chức Thánh, bằng những mối liên hệ riêng biệt về đức ái tông đồ, về thừa tác vụ và về tình huynh đệ. Thực vậy, tất cả các linh mục triều hoặc dòng đều tham dự vào chức tư tế duy nhất của Đức Kitô là Đầu và Mục Tử, “cùng nhằm một mục đích : xây dựng Thân Thể Đức Kitô; nhất là vào thời đại chúng ta, công việc ấy đòi hỏi những nhiệm vụ đa dạng và những thích nghi mới”, và thừa tác vụ được nên phong phú trải qua các thời đại nhờ vào những đặc sủng luôn mới mẻ (32).

Sau hết, bởi vì dung mạo của mình cũng như sự dẫn thân của mình không phải là để thay thế nhưng đúng hơn để nâng cao chức tư tế lãnh nhận từ Bí Tích Rửa tội của toàn thể Dân Thiên Chúa và để hướng dẫn chức tư tế ấy đến chỗ thể hiện trọn vẹn trong Giáo Hội, các linh mục sống trong một tương quan tích cực và xây dựng đối với người giáo dân. Các linh mục phục vụ cho đức tin, cho niềm trông cậy và cho đức ái của họ. Các linh mục công nhận những điều ấy và, với tư cách là anh em và là bạn hữu, các linh mục bảo tồn phẩm giá cho những người làm con Thiên Chúa và giúp họ thực thi trọn vẹn vai trò loại biệt của họ trong khuôn khổ sứ vụ của Giáo Hội (33).

Chức tư tế thừa tác được phong ban nhờ bí tích Truyền Chức Thánh và chức tư tế cộng đồng hay “vương giả” của các tín hữu, mặc dầu khác biệt với nhau chẳng những về cấp trật nhưng còn về yếu tính (34), vẫn liên quan với nhau và lệ thuộc lẫn nhau; cả hai — dưới những hình thức khác nhau — đều bắt nguồn từ chức tư tế duy nhất của Đức Kitô. Thực ra, chức tư tế thừa tác tự nó không là dấu chỉ cho một cấp độ thánh thiện cao hơn so với chức tư tế cộng đồng của các tín hữu; nhưng, do bởi chức tư tế thừa tác, các linh mục đã lãnh nhận từ Chúa Kitô, bởi Chúa Thánh Thần, một ân huệ loại biệt, hầu có thể giúp Dân Thiên Chúa thực thi một cách trung thành và trọn vẹn chức tư tế cộng đồng được ban cho họ (35).

**18.**Như Công Đồng ghi nhận, “ân huệ thiêng liêng mà các linh mục đã lãnh nhận ngày thụ phong chuẩn bị cho các linh mục không phải đi vào một sứ vụ hạn hẹp và gò bó, nhưng đi vào một số vụ cứu độ có tầm cỡ phổ quát, “cho đến tận cùng bờ cõi trái đất”; thật ra bất cứ thừa tác vụ linh mục nào cũng thông phần vào những chiều kích phổ quát của sứ vụ được Đức Kitô giao phó cho các Tông Đồ” (36). Do bởi chính bản chất của thừa tác vụ, các linh mục cần phải được thầm nhuần và thôi thúc bởi một tinh thần thừa sai sâu xa và bởi “tinh thần công giáo thực sự sẽ giúp các linh mục quen vượt khỏi những ranh giới của riêng giáo phận mình, quốc gia mình và lễ chế mình để rồi đáp ứng nhu cầu của Giáo Hội toàn cầu, sẵn sàng tận đáy lòng rao giảng Tin Mừng cho đến tận cùng bờ cõi trái đất” (37).

Ngoài ra, một cách đặc biệt, bởi vì trong nội bộ Giáo Hội, linh mục là con người của hiệp thông, cho nên đối với mọi người, linh mục phải là con người của sứ vụ và đối thoại. Bén rễ sâu xa trong sự thật và trong đức ái của Chúa Kitô, được thôi thúc bởi ước vọng và sự cần thiết nội tại phải loan báo ơn cứu độ cho mọi người, linh mục được mời gọi nối kết với mọi người những mối quan hệ huynh đệ và phục vụ, cùng nhau truy tầm chân lý bằng cách làm việc để thăng tiến công bằng và hoà bình. Linh mục phải nối kết những quan hệ huynh đệ trước hết với các anh em thuộc các Giáo Hội khác và thuộc các hệ phái Kitô giáo, nhưng cũng phải nối kết những quan hệ huynh đệ với các tín hữu thuộc các tôn giáo khác, với mọi người thiện chí, và một cách đặc biệt, với những người nghèo và những người yếu đuối hơn hết, cũng như với hết mọi người, hoặc không nhận thức hoặc không diễn đạt ra được, đang ngưỡng vọng về chân lý và ơn cứu độ mà Đức Kitô mang đến, theo lời và theo gương Đức Giêsu như Ngài đã nói : “Không phải những người khỏe mạnh cần thấy thuốc nhưng là những người đau yếu… Ta không đến để kêu gọi người công chính nhưng kêu gọi người có tội” (Mc 2,17).

Ngày nay, một cách đặc biệt, trách nhiệm mục vụ mà ưu tiên là ‘công cuộc phúc âm hoá mới’ là trách nhiệm của toàn thể Dân Chúa và đòi hỏi một nhiệt tình mới, những phương pháp mới và một ngôn ngữ mới dành cho việc loan báo và làm chứng về Tin Mừng. Đòi buộc các linh mục phải triệt để và hoàn toàn đắm mình trong mầu nhiệm Chúa Kitô và phải có khả năng thể hiện một lối sống mục vụ mới, đánh dấu bằng một sự hiệp thông sâu xa với Đức Giáo Hoàng, với các Giám mục và giữa các linh mục với nhau, và bằng một sự hợp tác sai hoa sai trái với giáo dân, tôn trọng và thăng tiến các vai trò khác nhau, các đặc sủng và các thừa tác vụ giữa lòng cộng đoàn Giáo Hội (38).

“Hôm nay, lời Sách Thánh này ứng nghiệm cho anh em là những kẻ đang nghe” (Lc 4,21). Chúng ta hãy lắng nghe một lần nữa những lời ấy của Chúa Giêsu dưới ánh sáng của chức linh mục thừa tác mà chúng ta đã trình bày về bản chất và sứ vụ. Cái “hôm nay” mà Đức Giêsu đề cập, bởi vì nằm trong “thời gian viên mãn” và xác định ý nghĩa cho thời gian viên mãn — là thời gian cứu độ đã hoàn thành và dứt khoát — cái “hôm nay” ấy ám chỉ thời gian của Giáo Hội. Sự thánh thiện và sứ vụ của Đức Kitô, như được diễn tả bằng những lời sau đây : “Thần Khí Chúa… đã xức dầu thánh hiến tôi, để tôi mang Tin Mừng đến cho người nghèo”, chính là nguồn cội sống động từ đó nẩy mầm sự hiến thánh và sứ vụ của Giáo Hội, “sự viên mãn” của Đức Kitô (x. Ep 1,23); được tái sinh nhờ bí tích Rửa tội, hết mọi Kitô hữu đã lãnh nhận sự tuôn đổ Thần Khí Chúa, Đấng thánh hiến họ để tạo thành một đền thờ thiêng liêng và một hàng tư tế thánh thiện. Thần Khí sai họ đi công bố những kỳ công đã được thực hiện do Đấng đã kêu gọi họ từ bóng đêm sang ánh sáng diệu vợi của Ngài (x. 1 Pr 2,4-10). *Linh mục thông phần vào sự thánh hiến và vào sứ vụ của Đức Kitô bằng một thể thức loại biệt và chính hiệu,*nghĩa là bằng bí tích Truyền Chức Thánh là bí tích đã biến đổi linh mục, ngay trong chính hữu thể của mình, nên đồng hình dạng với Đức Giêsu Kitô Đầu và Mục Tử; linh mục tham dự vào sứ vụ “loan báo Tin Mừng cho người nghèo” nhân danh Chúa Kitô và thay mặt Chúa Kitô.

Trong sứ điệp chung kết, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã cô đọng trong một công thức vắn gọn nhưng giàu ý nghĩa tất cả những gì là “sự thật” hay đúng hơn “mầu nhiệm” và “ơn huệ” của chức linh mục thừa tác được phát biểu như sau: “Nguồn cội tột cùng của căn tính chúng ta ở trong tình yêu của Chúa Cha. Hiểu theo nghĩa bí tích, chúng ta được kết hợp làm một với Chúa Con mà Cha đã sai đến, là Thượng Tế và là Mục Tử Nhân Lành, bằng chức tư tế thừa tác trong quyền lực của Chúa Thánh Thần. Đời sống và thừa tác vụ linh mục là sự nối dài đời sống và hoạt động của chính Đức Kitô. Căn tính của chúng ta nằm ở đó, cũng như phẩm giá thực sự của chúng ta, nguồn mạch vui mừng của chúng ta, và niềm tin vững chắc của chúng ta về sự sống” (39).

CHƯƠNG III

THẦN KHÍ CHÚA

NGỰ TRÊN TÔI

ĐỜI SỐNG THIÊNG LIÊNG CỦA LINH MỤC

**Một lời mời gọi loại biệt nên thánh.**

**19.**“Thần Khí Chúa ngự trên tôi” (Lc 4,18). Thần Khí không chỉ ở trên Đấng Mêsia nhưng lấp đầy Ngài, thấm nhập vào Ngài, nối kết với Ngài trong hữu thể và trong hành động của Ngài. Thật vậy, Thần Khí chính là nguyên lý cho sự “thánh hiến” và cho “sứ vụ” của Đấng Mêsia; “vì Ngài đã xức dầu thánh hiến tôi và đã sai tôi đi loan báo Tin Mừng cho người nghèo…” (Lc 4,18). Nhờ sức mạnh của Thần Khí, Đức Giêsu hoàn toàn thuộc về Thiên Chúa và chỉ thuộc về Thiên Chúa, Ngài thông phần vào sự thánh thiện vô biên của Thiên Chúa là Đấng mời gọi Ngài, tuyển chọn Ngài và sai phái Ngài. Bởi thế, Thần Khí Chúa tự tỏ lộ như là nguồn mạch thánh thiện và lời mời gọi nên thánh.

Chính “Thần Khí Chúa” ấy cũng ở “trên” toàn thể Dân Chúa, Dân được thiết lập thành dân “thánh thiện” cho Thiên Chúa và được Thiên Chúa “sai đi” loan báo Tin Mừng cứu độ. Các thành phần Dân Chúa “say sưa” với Thần Khí, “mang dấu ấn” của Thần Khí (x. 1Gr 12,13; 2Gr 1,21-22; Ep 1,13;4,30) và được mời gọi nên thánh.

Một cách đặc biệt, *Thần Khí mạc khải cho chúng ta và thông truyền cho chúng ta ơn gọi cơ bản*mà Chúa Cha từ muôn thuở ngỏ với mọi người : ơn gọi *nên “thánh”*và vô tì vết trước mặt Ngài trong tình yêu”, do được tiền định “làm dưỡng tử của Ngài nhờ Đức Giêsu Kitô” (Ep 1,4-5). Chẳng những mạc khải cho chúng ta và thông truyền cho chúng ta ơn gọi ấy, *Thần Khí còn trở nên trong chúng ta nguyên lý và nguồn cội cho sự thực hiện ơn gọi ấy :*là Thần Khí của Chúa Con (x. Gl 4,6), Ngài làm cho chúng ta mặc hình dạng của Đức Kitô Giêsu và biến chúng ta thành những người thông phần vào đời sống nghĩa tử của Đức Giêsu, nghĩa là vào đức ái của Ngài đối với Chúa Cha và đối với đàn em. “Bởi vì Thần Khí là sức sống của chúng ta, ước gì Thần Khí cũng làm cho chúng ta hành động” (Gl 5,25). Với những lời vừa qua, thánh Tông Đồ Phaolô nhắc nhở cho chúng ta rằng đời sống của người Kitô hữu là*đời sống thiêng liêng,*nghĩa là đời sống được thôi thúc và dẫn dắt bởi Thần Khí, hướng đến sự thánh thiện và hướng đến đức ái trọn hảo.

Khẳng định của Công Đồng: “Lời mời gọi sống viên mãn đời sống Kitô hữu và thực thi đức ái trọn hảo được ngỏ đến mọi người tin vào Chúa Kitô, bất kể bậc sống hoặc lối sống của họ” (40), được áp dụng một cách đặc biệt cho các linh mục: các linh mục được mời gọi, chẳng những với tư cách thụ nhân của bí tích Rửa tội nhưng còn, một cách loại biệt, với tư cách linh mục, hiểu như một tước hiệu mới và tùy theo những thể thức riêng, bắt nguồn từ bí tích Truyền Chức Thánh.

**20.**Về vấn đề “đời sống thiêng liêng” của linh mục, về ơn thánh thiện và về ơn có trách nhiệm nên “thánh”, Sắc Lệnh công đồng về chức vụ và đời sống linh mục cung cấp cho chúng ta một tổng hợp phong phú và khích lệ: “Các linh mục trở thành thừa tác viên của Chúa Kitô là Đầu để xây dựng và kiến thiết trọn vẹn Thân Thể là Giáo Hội, với tư cách cộng sự viên của Hàng Giám Mục : chính với tước hiệu ấy mà bí tích Truyền Chức Thánh mặc cho các linh mục hình dạng của Chúa Kitô Linh Mục. Chắc hẳn, được bí tích Rửa tội thánh hiến, các linh mục đã lãnh nhận như mọi Kitô hữu khác dấu chỉ và ân huệ về một ơn gọi và một ân sủng nhờ đó, dù bản tính nhân loại yếu hèn, các linh mục có khả năng và có đòi buộc phải theo đuổi sự trọn hảo, đúng như lời Chúa phán: “Các con hãy nên trọn hảo như Cha các con trên trời là Đấng trọn hảo” (Mt 5,48). Sự trọn hảo này, các linh mục có trách nhiệm đạt tới với một danh nghĩa riêng: các linh mục nhận Chức Thánh, có nghĩa là đã được thánh hiến bằng một thể thức mới để làm khí cụ sống động cho Đức Kitô Linh Mục Đời Đời, được trang bị để qua các thời dại nối tiếp hoạt động kỳ diệu của Chúa, hoạt động nhằm phục hưng toàn vẹn cộng đoàn nhân loại trong quyền năng tối cao của Ngài. Linh mục nào cũng vậy, một khi đóng vai trò thay mặt Chúa Kitô bằng cách thế của mình thì do sự kiện ấy được phú ban thêm một ơn riêng nữa; ơn này giúp cho linh mục, nhờ phục vụ những người được giao phó cho mình và phục vụ toàn thể Dân Chúa, lúc nào cũng hướng đến sự trọn hảo của Đấng mình đại diện cho; cũng chính nhờ vào ơn này mà sự yếu đuối của con người xác thịt nơi linh mục được cứu chữa nhờ sự thánh thiện của Đấng đã trở thành Linh Mục Thượng Phẩm “thánh thiện, vô tội, không tì vết, tách biệt khỏi tội nhân” cho chúng ta (Dt 7,26) (41).

Công đồng trước hết khẳng định*ơn gọi nên thánh phổ quát.* Ơn gọi này bắt nguồn từ bí tích Rửa tội là bí tích đóng ấn cho linh mục làm “tín hữu” *(Christifidelis),*làm “anh em giữa những người anh em”, được hội nhập và liên kết làm một với Dân Chúa, trong niềm vui san sẻ các ơn thiêng cứu độ (x. Ep 4,4-6) và với bổn phận cùng nhau bước đi “trong đường lối Chúa Thánh Thần” theo chân Đức Chúa và Thầy duy nhất. Chúng ta đừng quên lời nói nổi danh của thánh Augustinô: “Đối với anh em, tôi là giám mục; cùng với anh em, tôi là Kitô hữu. Tên gọi trước là để chỉ chức vụ lãnh nhận, tên gọi sau là để chỉ ân sủng; tên gọi trước gắn liền với hiểm nguy, tên gọi sau kết chặt với ơn cứu độ” (42).

Cũng minh bạch như thế, Công đồng còn bàn về một*ơn gọi nên thánh “loại biệt”*, nói đúng hơn về một ơn gọi đặt nền tảng trên bí tích Truyền Chức Thánh, xét như là bí tích dành riêng cho linh mục, nghĩa là nhân danh sự thánh hiến mới cho Thiên Chúa nhờ việc thụ phong. Đối với ơn gọi loại biệt này, thánh Augustinô cũng có ý ám chỉ khi tiếp tục lời khẳng định “đối với anh em, tôi là giám mục; cùng với anh em tôi là Kitô hữu” bằng những lời lẽ sau: “Nếu như cùng chung sống với anh em trong tư cách người được cứu chuộc làm cho tôi cảm thấy vui mừng hơn là được cắt đặt đứng đầu anh em thì, khi tuân giữ lệnh truyền của Chúa, tôi sẽ cố công phục vụ anh em sao cho hết mực tận tâm để không phụ bạc đối với Đấng đã cứu chuộc tôi với giá làm cho tôi nên người tôi tớ của anh em” (43).

Trong phần tiếp theo, bản văn công đồng nêu dẫn một vài yếu tố cần thiết để xác định nội dung loại biệt gồm chứa trong đời sống thiêng liêng của các linh mục. Các yếu tố ấy gắn liền với sự “ thánh hiến” của riêng các linh mục, làm cho các linh mục nên đồng hình dạng với Đức Giêsu Kitô là Đầu và Mục Tử của Giáo Hội. Các yếu tố ấy gắn liền với “sứ vụ” hay thừa tác vụ riêng của chính các linh mục, trang bị cho các linh mục để các linh mục dấn thân và trở nên “khí cụ sống động của Đức Kitô Linh Mục Đời Đời” và để các linh mục hành động “nhân danh và thay mặt cho chính Đức Kitô”; các yếu tố ấy cũng gắn liền với toàn thể “đời sống” các linh mục qua đó các linh mục có trách nhiệm biểu lộ và làm chứng một cách độc đáo “tính triệt để Tin Mừng” (44).

**Nên đồng hình dạng với Đức Giêsu Kitô Đầu và Mục Tử. Đức ái mục vụ.**

**21.**Nhờ được thánh hiến bởi bí tích, linh mục nên đồng hình dạng với Đức Giêsu xét như là Đầu và Mục Tử, linh mục lãnh nhận ơn “có quyền thiêng liêng”, nghĩa là thông chia quyền bính qua đó Đức Giêsu Kitô dẫn dắt Giáo Hội nhờ Thần Khí Ngài (45).

Nhờ vào sự thánh hiến ấy, sự thánh hiến được thực hiện do việc tuôn đổ Thần Khí trong bí tích Truyền Chức Thánh, đời sống thiêng liêng của linh mục được đóng ấn, được uốn nắn và được đánh dấu bởi những cách ứng xử của chính Đức Kitô là Đầu và Mục Tử Giáo Hội, những cách ứng xử được gồm tóm trong đức ái mục vụ của linh mục.

Đức Giêsu Kitô là*Đầu của Giáo Hội, Thân Thể Ngài.*Ngài là “Đầu” với ý nghĩa mới và độc đáo, là “tôi tớ”, như chính Ngài đã nói: “Cũng vậy, Con Người đến không phải để được phục vụ nhưng để phục vụ và hiến ban mạng sống làm giá chuộc muôn dân” (Mc 10,45). Công cuộc phục vụ của Đức Giêsu đạt mức viên mãn bằng cái chêt trên thập giá, nghĩa là bằng sự hiến ban trọn vẹn chính mình trong khiêm hạ và tình yêu: “Ngài đã tự hoá mình thành hư vô bằng cách mang lấy thân phận nô lệ và trở nên giống người phàm. Chẳng những xử sự như một con người, Ngài còn tự hạ hơn nữa, bằng cách vâng phục cho đến chết và chết trên thập giá…” (Pl 2,7-8). Như thế, quyền bính của Đức Giêsu Kitô là Đầu ăn khớp với việc phục vụ của Ngài, với sự trao hiến trọn vẹn chính mình Ngài, khiêm nhượng và đầy tình thương yêu, cho Giáo Hội. Tất cả đều nằm trong sự hoàn toàn vâng phục Chúa Cha : Ngài là người Tôi Tớ đau khổ duy nhất và đích thực của Chúa, đồng thời là Tư Tế và là Của Lễ.

Đời sống thiêng liêng của mỗi linh mục phải được thôi thúc và trở nên sống động bởi chính thể loại quyền bính hay phục vụ ấy đối với Giáo Hội, và đó đúng là đòi hỏi do việc linh mục nên đồng hình dạng với Đức Giêsu Kitô là Đầu và nên đầy tớ của Giáo Hội (46). Chính trong chiều hướng ấy mà thánh Augustinô ngỏ lời với một giám mục trong ngày tấn phong như sau: “Người đứng đầu trên dân trước hết phải biết rằng mình là tôi tớ của nhiều người. Đừng khinh chê, tôi xin lặp lại, người đứng đầu trên dân đừng khinh chê việc trở nên tôi tớ cho nhiều người bởi vì Chúa các Chúa đã không khinh chê việc trở nên tôi tớ cho chúng ta” (47).

Đời sống thiêng liêng của các thừa tác viên Tân Ước phải được đóng ấn bằng thái độ tiên khởi ấy, thái độ phục vụ đối với dân Thiên Chúa (x. Mt 20,24-28; Mc 10,43-44), và phải được loại trừ khỏi mọi cao ngạo và mọi tham vọng “làm vua làm chúa” trên đoàn chiên được giao phó (x. 1Pr 5,2-3). Hoàn thành công việc phục vụ một cách tự nguyện và sẵn lòng : bằng cách ấy, các thừa tác viên — các “niên trưởng” trong cộng đoàn, tức các linh mục — sẽ có thể là “mô hình” của đoàn chiên và đoàn chiên, đến lượt mình, được mời gọi đảm nhận cùng một thái độ tư tế và phục vụ ấy đối với toàn thể thế giới để cho con người được triển nở đầy đủ và được giải thoát toàn vẹn.

**22.**Hình ảnh của Đức Giêsu Kitô *Mục Tử của Giáo Hội,* đoàn chiên Ngài, lấy lại và biểu trưng cùng những ý nghĩa như hình ảnh Đức Giêsu Kitô Đầu và Tôi Tớ, nhưng với những đường nét mới hơn và gợi cảm hơn. Thực hiện lời sấm về Đấng Mêsia Cứu Độ mà ngôn sứ Êdêkien và tác giả thánh vịnh trong kinh nguyện đã vui mừng hát lên (x. Tv 23/22; Ed 34,11-16), chính Đức Giêsu tự giới thiệu mình là “Mục Tử Nhân Lành” (Ga 10,11.14) chẳng những của dân Ítraen mà của mọi người (x. Ga 10,16). Đời sống của Ngài là biểu hiện liên lỉ và còn là sự thực hiện thường nhật “đức ái mục vụ” của Ngài: Ngài động lòng thương xót đám đông bởi vì bọ mỏi mệt và kiệt sức như những con chiên không có người chăn (x. Mt 9,35-36); Ngài đi tìm những con chiên thất lạc và tản mác (x. Mt 18,12-14), và Ngài reo vui một khi tìm được chúng; Ngài qui tụ chúng lại và bảo vệ chúng; Ngài biết chúng và gọi chúng từng con một (x. Ga 10,3); Ngài dẫn dắt chúng trên những đồng cỏ xanh tươi, tiến về những dòng suối nước êm đềm (x. Tv 23/22); Ngài dọn bàn ăn cho chúng, lấy chính mạng sống mình mà nuôi chúng. Vị Mục Tử Nhân Lành hiến ban mạng sống mình, bằng cái chết và sự phục sinh của Ngài, như phụng vụ la mã của Giáo Hội đã hát lên: “Ngài đã sống lại, Đức Giêsu, Vị Mục Tử chân chính, Đấng đã hiến ban mạng sống mình vì đoàn chiên, Đấng đã chọn lựa cái chết để cứu chúng ta. Alleluia” (48).

Thánh Phêrô gọi Đức Giêsu là “Thủ Lãnh các mục tử” (1Pr 5,4) vì công trình của Ngài và sứ vụ của Ngài được nối tiếp trong Giáo Hội bởi các Tông Đồ (x. Ga 21,15-17) và bởi những người kế nhiệm các ngài (x. 1Pr 5,1-4), các linh mục. Do tác dụng của việc thánh hiến, các linh mục được nên đồng hình dạng với Đức Giêsu Mục Tử Nhân Lành và được mời gọi sao chép bằng cuộc sống đức ái mục vụ của Ngài.

Sự trao hiến mà Đức Kitô tự mình dành cho Giáo Hội, hoa trái của tình yêu Ngài, mang ý nghĩa độc đáo của sự trao hiến giữa vợ và chồng, như hơn một lần các bản văn sách thánh đã gợi lên.*Đức Giêsu là Phu Quân đích thực*trao tặng rượu cứu độ cho Giáo Hội (x. Ga 2,11). Là “Đầu của Giáo Hội, là Đấng Cứu Độ của Thân Thể” (Ep 5,23), Ngài đã yêu mến Giáo Hội và đã nộp mình vì Giáo Hội, ngõ hầu thánh hoá Giáo Hội bằng cách thanh tẩy Giáo Hội bởi việc tắm nước kèm theo lời đọc; bởi vì Ngài muốn tự đem đến cho mình một Giáo Hội thật rạng rở, không tì vết, không nhăn nheo hoặc tương tự, nhưng thánh thiện và không vương nhiễm” (Ep 5,25-27). Chắc hẳn, Giáo Hội là thân thể trong đó với tư cách là Đầu Đức Kitô hiện diện và hành động, nhưng Giáo Hội còn là Hiền Thê như một Evà mới được dựng nên từ cạnh sườn bị đâm thủng của Đấng Cứu chuộc trên Thập Giá. Chính vì thế, Đức Kitô đứng “trước” Giáo Hội, “dưỡng nuôi Giáo Hội và chăm sóc Giáo Hội” (x. Ep 5,29) bằng việc trao hiến mạng sống mình cho Giáo Hội. Linh mục được mời gọi trở nên hình ảnh sống động của Đức Giêsu Kitô, Phu Quân của Giáo Hội : (49) dĩ nhiên, linh mục vẫn luôn ở trong cộng đoàn và thuộc về cộng đoàn, với tư cách là tín hữu, liên kết với mọi anh chị em được qui tụ với nhau nhờ Thần Khí; nhưng, do tác dụng của việc nên đồng hình dạng với Đức Kitô Đầu và Mục Tử, linh mục được đặt trong tình huống phu thê ấy, đối diện với cộng đoàn. “Với tư cách đại diện cho Chúa Kitô là Đầu, Mục Tử và Hiền Thê của Giáo Hội, linh mục chẳng những chiếm vị trí trong Giáo Hội nhưng còn đối diện với Giáo Hội (50). Chính vì thế, trong đời sống thiêng liêng của mình, linh mục được mời gọi bằng cuộc sống sao chép tình yêu của Đức Kitô Phu Quân đối với Giáo Hội Hiền Thê. Như vậy, đời sống của linh mục phải được chiếu tỏa và được định hướng bởi tính chất phu thê ấy và bởi đó phải làm chứng cho tình yêu phu thê của Đức Kitô; nhờ đó, linh mục sẽ có khả năng yêu mến người ta với một con tim mới, lớn rộng và trong vắng, với sự siêu thoát chân chính đối với chính mình, trong một sự trao hiến chính mình hoàn toàn, liên tục và chân thành. Và linh mục sẽ cảm nghiệm như thế một “ganh tị” thần thiêng (x. 2Cr 11,2), với một niềm âu yếm thậm chí được điểm tô bằng những sắc thái của tình mẫu tử, nhờ đó có khả năng chịu đựng, những “đau đớn do việc sinh con”, cho tới khi “ Đức Kitô được thành hình” trong các tín hữu (x. Gl 4,19).

**23.**Nguyên lý nội tại, nhân đức thôi thúc và hướng dẫn đời sống thiêng liêng của linh mục, xét như đã nên đồng hình dạng với Đức Kitô Đầu và Mục Tử, chính là*đức ái mục vụ,*thông phần vào đức ái mục vụ của Đức Kitô Giêsu: đó là*ơn*nhưng không của Chúa Thánh Thần và, đồng thời về phía linh mục, là sự dấn thân và lời mời gọi để đáp trả tự do và có trách nhiệm.

Cốt lõi của đức ái mục vụ là *trao hiến chính mình,*trao hiến *hoàn toàn*cho *Giáo Hội,*theo hình ảnh sự trao hiến của Đức Kitô và thông phần với Ngài. “Đức ái mục vụ là nhân đức nhờ đó chúng ta noi gương Chúa Kitô trong sự trao hiến của Ngài và trong việc phục vụ của Ngài. Không phải chỉ những việc chúng ta làm, nhưng là *việc chúng ta trao hiến chính mình*mới biểu lộ tình yêu của Đức Kitô dành cho đoàn chiên của Ngài. Đức ái mục vụ ấn định cho chúng ta cách thế suy nghĩ và hành động, phương thức quan hệ với người đời. Điều ấy rất là đòi hỏi đối với chúng ta…” (51).

Sự trao hiến chính mình, cội rễ và chóp đỉnh của đức ái mục vụ, nhắm đối tượng là Giáo Hội. Điều này ứng dụng cho Đức Kitô “Đấng đã yêu mến Giáo Hội và đã nộp mình cho Giáo Hội” (Ep 5,25). Linh mục cũng phải làm như vậy. Với đức ái mục vụ thấm nhuần vào việc thực thi thừa tác vụ linh mục, như một *“tác vụ tình yêu”*(52), “linh mục, một khi đón nhận ơn gọi thi hành tác vụ, có nhiệm vụ làm cho ơn gọi ấy trở thành một lựa chọn do tình yêu, nhờ đó Giáo Hội và các linh hồn trở thành mối lợi chính yếu của linh mục. Sống đường thiêng liêng ấy một cách cụ thể, linh mục sẽ có khả năng yêu mến Giáo Hội phổ quát và thành phần Giáo Hội được giao phó cho mình, với tất cả sự nồng nhiệt của một người chồng đối với vợ mình” (53). Sự trao hiến chính mình không có biên giới, được đánh dấu bởi chính nhiệt tâm tông đồ và truyền giáo của Đức Kitô, vị Mục Tử Nhân Lành, Đấng đã nói: “Ta còn nhiều chiên khác chưa thuộc về chuồng nầy; những chiên ấy, Ta phải dẫn chúng về; chúng sẽ nghe tiếng Ta và sẽ chỉ có một đoàn chiên và một mục tử mà thôi” (Ga 10,16).

Bên trong cộng đoàn Giáo Hội, đức ái mục vụ của linh mục yêu cầu và đòi hỏi, một cách riêng rẽ và loại biệt, linh mục phải giữ quan hệ ngôi vị với linh mục đoàn, trong sự lệ thuộc giám mục và cùng với giám mục, như Công đồng đã minh thị phát biểu: “Đức ái mục vụ đòi buộc các linh mục, nếu như không muốn chạy đua cách vô ích, phải làm việc bằng cuộc sống trong sự hiệp thông trường kỳ với các giám mục và với các anh em khác trong hàng linh mục” (54).

Sự trao hiến chính mình cho Giáo Hội liên quan tới Giáo Hội với tư cách Giáo Hội là thân thể và là *Hiền Thê của Đức Giêsu Kitô.*Chính vì thế, đức ái của linh mục trước hết được nối kết với đức ái của Chúa Giêsu Kitô. Chỉ khi nào yêu mến và phục vụ Chúa Kitô Đầu và Phu Quân thì đức ái mới trở nên nguồn cội, tiêu chuẩn, thước đo, động lực cho tình yêu và cho công việc phục vụ của linh mục đối với Giáo Hội, Thân Thể và Hiền Thê của Chúa Kitô. Đó chính là điều mà Thánh Tông Đồ Phaolô ý thức một cách tinh tường và mạnh mẽ, ngài viết cho các Kitô hữu thuộc Giáo Hội Corintô như sau: “Phần chúng tôi, chúng tôi chỉ là những người làm đầy tớ cho anh em vì Đức Giêsu” (2 Cr 4,5). Nhất là lời giảng dạy minh thị của Đức Giêsu, Ngài chỉ giao cho Phêrô tác vụ chăn dắt đoàn chiên của ngài sau ba lần làm chứng về tình yêu, thậm chí về một tình yêu trổi vượt: “Ngài nói với Phêrô lần thứ ba ‘Simon, con Gioan, con có yêu mến Ta không?’ Phêrô… nói với Ngài: ‘Lạy Chúa, Chúa biết hết mọi sự; Chúa biết rõ con yêu Chúa’. Đức Giêsu nói với ông: ‘Hãy chăn dắt các chiên của Ta’” (Ga 21,17).

Đặc biệt bắt nguồn từ bí tích Truyền Chức Thánh, đức ái mục vụ sẽ được biểu hiện tròn đầy và sẽ tìm được lương thực chính yếu nơi *bí tích Thánh Thể:*“Đức ái mục vụ — theo như chúng ta đọc thấy trong Công Đồng — cốt nhất này sinh từ hy lễ Thánh Thể; như vậy, hy lễ Thánh Thể là trung tâm và là cội rễ của toàn thể đời sống linh mục, tinh thần của linh mục phải là cố gắng làm sao nội tâm hoá tất cả những gì được thực hiện trên bàn thờ hiến tế” (55). Thực vậy, chính trong bí tích Thánh Thể mà được tái diễn — nói cho chính xác hơn, được hiện tại hoá lần nữa — hy lễ Thập Giá, sự trao hiến hoàn toàn của Chúa Kitô cho Giáo Hội, sự trao hiến bằng Mình bị nộp và Máu đổ ra của Ngài, như là chứng từ tuyệt hảo cho phẩm vị làm Đầu và Mục Tử của Ngài, làm Tôi Tớ và Hiền Thê cho Giáo Hội. Rõ ràng chính vì thế mà đức ái mục vụ của linh mục chẳng những nảy sinh từ bí tích Thánh Thể mà còn tìm được nơi việc cử hành bí tích Thánh Thể sự thực hiện cao độ nhất. Cũng vậy, chính từ bí tích Thánh Thể mà linh mục nhận được ơn và trách nhiệm mặc cho toàn thể cuộc sống mình một ý nghĩ “hi tế”.

Cũng chính đức ái mục vụ ấy làm thành nguyên lý nội tại và năng động có khả năng thống nhất những sinh hoạt khác biệt và đa tạp của linh mục. Nhờ đức ái mục vụ, có thể thực hiện được đòi hỏi cốt yếu và trường kỳ phải thống nhất đời sống nội tâm với nhiều hoạt động và trách nhiệm thuộc chức vụ. Lại nữa, hơn bao giờ hết, đòi hỏi ấy rất khẩn thiết trong một bối cảnh văn hoá xã hội và Giáo Hội được đánh dấu mạnh mẽ bởi sự đa phức, sự phân chia thành mảng và sự tản mác. Chỉ bằng cách ráp nối từng thời khắc và từng hành vi nào trong lựa chọn cơ bản, lựa chọn “hiến ban mạng sống mình vì đoàn chiên”, người ta mới có thể chắc chắn tạo được sự thống nhất sống còn ấy, sự thống nhất cần thiết để cho đời sống linh mục được hoà điệu và quân bình : “Để có thể xây dựng sự thống nhất đời sống, các linh mục, trong khi thi hành chức vụ, phải noi gương Chúa Kitô; lương thực của Ngài là thực thi ý muốn của Đấng đã sai Ngài và hoàn thành công trình của Đấng ấy… Sống bằng chính đời sống của Vị Mục Tử Nhân Lành như thế, các linh mục, khi thực hành đức ái mục vụ, sẽ tìm được mối giây trọn hảo linh mục, hầu làm cho đời sống và hoạt động của mình được thống nhất” (56).

**Đời sống thiêng liêng trong việc thi hành thừa tác vụ.**

**24.**Thần Khí Chúa đã thánh hiến Đức Kitô và đã sai Ngài đi loan báo Tin Mừng (x. Lc 4,18). Sứ vụ không phải là một yếu tố bên ngoài song song với việc thánh hiến, nhưng là cùng đích nội thuộc và sống còn của việc thánh hiến: *thánh hiến là thánh hiến cho sứ vụ.*Bằng cách ấy, không chỉ việc thánh hiến nhưng *cả sứ vụ đều ở dưới dấu hiệu và sức mạnh thánh hoá của Thần Khí.*

Điều này đã nghiệm đúng đối với Đức Giêsu. Điều này cũng đã nghiệm đúng với các Tông Đồ và những người kế nhiệm các Tông Đồ. Điều này nghiệm đúng với đối với toàn thể Giáo Hội, và, trong Giáo Hội, đối với các linh mục: tất cả đều lãnh nhận Thần Khí như là lời mời gọi và như là ơn thánh hoá trong và bởi việc chu toàn sứ vụ của mình (57).

Như vậy, giữa đời sống thiêng liêng của linh mục và việc thực hành chức vụ của linh mục, có một mối tương quan mật thiết (58) mà Công Đồng diễn tả như sau: “Trong khi thi hành thừa tác vụ của Thần Khí và của sự công chính (x. 2Cr 3,8-9), các linh mục bén rễ sâu trong đời sống thiêng liêng, miễn sao các ngài niềm nở đón nhận Thần Khí Chúa Kitô, Đấng ban sự sống cho các ngài và hướng dẫn các ngài. Những yếu tố được phối trí để cho đời sống các ngài nên trọn hảo, đó là các hành vi phụng vụ mỗi ngày của các ngài, là trọn vẹn thừa tác vụ của các ngài được thực thi trong mối hiệp thông với Giám mục và với các linh mục. Đàng khác, sự thánh thiện của các linh mục là một đóng góp cốt yếu làm cho thừa tác vụ mà các ngài chu toàn được hữu hiệu” (59).

*“Anh em hãy sống điều mà anh em sẽ chu toàn và hãy uốn mình cho phù hợp với mầu nhiệm Thập Gía của Chúa!”.* Đó là lời mời, là huấn dụ mà Giáo Hội ngỏ với các linh mục trong nghi thức phong chức khi lễ vật của dân thánh dành cho hy lễ thánh thể được trao cho linh mục. “Mầu nhiệm” mà linh mục là “người phân phát” (x. 1Cr 4,1) cuối cùng chính là Đức Giêsu Kitô, Đấng, trong Thần Khí, là nguồn mạch thánh thiện và là lời mời gọi thánh hoá. “Mầu nhiệm” phải nằm giữa lòng đời sống thường nhật của linh mục. Bởi đó, có đòi buộc phải cảnh tỉnh thật sự và phải ý thức bén nhạy. Cũng trong nghi thức phong chức, trước những lời vừa nêu dẫn trên đây, có lời khuyên nhủ như sau: “Anh em hãy ý thức những việc anh em sẽ làm”. Chính thánh Phaolô đã cảnh giác giám mục Timôthê: “Con chớ khinh thường ơn huệ thiêng liêng ở trong con” (1 Tm 4,13; x. 2Tm 1,6).

Tương quan giữa đời sống thiêng liêng và việc thi hành thừa tác vụ linh mục cũng có thể được giải thích khởi từ đức ái mục vụ mà bí tích Truyền Chức Thánh ban cho. Thừa tác vụ của linh mục, chính bởi vì thông phần vào thừa tác vụ cứu độ của Đức Giêsu Kitô Đầu và Mục Tử, không thể không hiện tại hoá đức ái mục vụ của linh mục, đức ái mà linh mục vừa phải coi là nguồn mạch và vừa phải lấy làm tinh thần cho công việc phục vụ cũng như cho sự tự hiến của mình. Xét theo thực thể khách quan, thừa tác vụ linh mục là *“amoris officium”,*như kiểu nói đã được trích dẫn của thánh Augustinô; thực thể khách quan ấy được coi đúng là nền tảng và là lời mời gọi hướng đến một *ethos*tương ứng, *ethos* ấy chỉ có thể là *ethos*của tình yêu, như lời thánh Augustinô: *“Sit amoris officium pascere dominicum gregem”*(60). *Ethos* ấy, đời sống thiêng liêng của linh mục, không là gì khác hơn sự đón nhận “chân lý” của thừa tác vụ linh mục, được coi là *amoris officium,*trong ý thức và trong tự do, và bởi đó trong trí óc và con tim, trong những quyết định và những hành động.

**25.**Điều thiết yếu, đối với một đời sống thiêng liêng được triển nở trong việc thi hành thừa tác vụ, là linh mục phải không ngừng canh tân và luôn luôn đào sâu hơn nữa*ý thức của mình về việc làm thừa tác viên của Đức Giêsu Kitô,*nhờ tác dụng của việc thánh hiến bằng bí tích và của việc nên đồng hình dạng với Đức Kitô Đầu và Mục Tử của Giáo Hội. Ý thức ấy không chỉ tương ứng với bản chất thực sự của sứ vụ mà linh mục chu toàn nhằm lợi ích cho Giáo Hội và cho nhân loại, nhưng còn tạo thành đời sống thiêng liêng cho linh mục chu toàn sứ vụ ấy. Quả vậy, linh mục được Đức Kitô chọn, không phải như một “đồ vật” nhưng như một “nhân vị”; linh mục không phải là một công cụ ù lì và thụ động nhưng là một “khí cụ sống động” như lời Công Đồng khi nói về đòi buộc hướng đến sự trọn lành (61). Cũng chính Công đồng trình bày các linh mục như là “những người liên kết và những cộng tác viên” của một Thiên Chúa “thánh thiện và thánh hoá” (62).

Trong chiều hướng ấy, con người của của linh mục với ý thức, tự do và trách nhiệm được lôi cuốn sâu đậm vào trong việc thi hành thừa tác vụ. Được bảo đảm do việc thánh hiến và việc nên đồng hình dạng phát xuất từ bí tích Truyền Chức Thánh, mối dây nối kết với Đức Giêsu Kitô xây dựng và đòi hỏi từ phía linh mục một mối dây khác, đó là “ý hướng”, là ý muốn có ý thức và tự do làm điều mà Giáo Hội muốn làm, bằng hành vi thừa tác. Mối dây ấy tự bản chất đời phải trở nên bao quát nhất và sâu xa nhất trong mức độ có thể, phải đem trí tuệ, tình cảm, đời sống, hay nói một cách vắn tắt, một chuỗi những trạng thái luân lý và thiêng liêng tương ứng vào trong các hành vi thừa tác mà linh mục chu toàn.

Chắc chắn thừa tác vụ linh mục, cách riêng việc cử hành các bí tích, đón nhận hiệu năng cứu độ từ chính hoạt động của Đức Giêsu Kitô là hoạt động được hiện tại hoá trong các bí tích. Nhưng, do bởi một kế hoạch của Thiên Chúa nhằm tuyên dương tính nhưng không tuyệt đối của ơn cứu độ, và khi làm cho con người vừa nên “người được cứu” vừa nên “vị cứu tinh” — luôn luôn và duy chỉ với Đức Giêsu Kitô — hiệu năng của việc thi hành thừa tác vụ còn tùy thuộc vào mức độ tham gia của con người và mức độ đón nhận nữa (63). Cách riêng, nếu trong một mức độ nào đó, thừa tác viên thực sự thánh thiện, thì sự thánh thiện ấy có ảnh hưởng đích thực trên cách mà thừa tác viên loan báo lời, cử hành các bí tích và hướng dẫn cộng đoàn trong đức ái. Và đó chính là điều mà Công Đồng quả quyết một cách rõ rệt: “Chính sự thánh thiện của các linh mục là một đóng góp cốt yếu làm cho thừa tác vụ mà các ngài chu toàn được hữu hiệu; chắc hẳn ơn thánh của Thiên Chúa có thể hoàn thành công trình cứu độ ngay cả bởi những thừa tác viên bất xứng nhưng, thông thường, Thiên Chúa ưa thích biểu lộ những sự việc cao cả của Ngài qua những con người niềm nở và ngon ngùy đối với sự thúc đẩy và dẫn dắt của Chúa Thánh Thần, qua những con người sống kết hiệp mật thiết với Chúa Kitô và sống đời sống thánh thiện nhờ đó có thể nói như Thánh Tông Đồ: “Nếu tôi sống thì không còn phải là tôi sống, nhưng là Chúa Kitô sống trong tôi” (Gl 2,20)” (64).

Ngay trong ý thức về việc mình là thừa tác viên của Đức Giêsu Kitô Đầu và Mục Tử, còn có niềm vui vì đã lãnh nhận từ Đức Giêsu Kitô một ân sủng riêng biệt : ân sủng do đã được Chúa chọn làm “khí cụ sống động” cho công trình cứu độ. Sự lựa chọn ấy chứng tỏ tình yêu của Đức Giêsu Kitô dành cho linh mục. Lớn hơn tất cả mọi tình yêu khác, tình yêu ấy đòi phải đáp trả. Sau khi sống lại, Đức Giêsu đặt ra cho Phêrô câu hỏi cơ bản về tình yêu: “Simon con ông Gioan, con có yêu mến Ta hơn những người này không?”. Sau khi Phêrô trả lời, sứ vụ mới được giao phó: “Hãy chăn dắt các chiên mẹ của Ta” (Ga 21,15). Để có thể giao cho Phêrô đoàn chiên của Ngài, trước đó Đức Giêsu hỏi xem Phêrô có yêu mến Ngài không. Nhưng thực ra, đó là tình yêu tự do và đi trước của chính Đức Giêsu đã thúc đẩy Ngài đặt câu hỏi ấy cho Phêrô và rồi giao phó cho Vị Tông Đồ các chiên “của Ngài”. Bởi đó, bất cứ hành vi thừa tác nào, trong khi dẫn đến việc yêu mến và phục vụ Giáo Hội, cũng thúc đẩy để có sự chín muồi ngày càng hơn trong tình yêu và trong việc phục vụ Đức Kitô Đầu, Mục Tử và Phu Quân của Giáo Hội; tình yêu ấy luôn luôn được coi là sự đáp trả lại tình yêu đi trước, tự do và hào phóng của Thiên Chúa trong Đức Kitô. Đàng khác, sự tăng triển trong tình yêu đối với Đức Giêsu Kitô lại định hình cho sự tăng triển trong tình yêu đối với Giáo Hội: “Chúng tôi chăn dắt anh em *(pascimus vobis);*cùng với anh em, chúng tôi được chăn dắt *(pascimur vobiscum).*Nguyện xin Chúa ban cho chúng tôi sức mạnh để yêu mến anh em đến độ có thể chết cho anh em, hoặc bằng hiệu quả bên ngoài hoặc bằng tâm hồn bên trong *(aut effectu aut affectu)*” (65).

**26.**Nhờ lời giáo huấn quí giá của Công Đồng Vaticanô II (66), chúng ta có thể nắm vững được những điều kiện, những đòi buộc, những thể loại và những thành quả của mối tương quan mật thiết phải có giữa đời sống thiêng liêng của linh mục với việc thi hành ba thừa tác vụ của linh mục: Lời Chúa, các Bí Tích và công việc phục vụ trong Đức Ái. Trước hết linh mục là *thừa tác viên Lời Chúa.*Linh mục được hiến thánh và sai đi để loan báo Tin Mừng Nước Trời cho mọi người, mời gọi mọi người vâng phục đức tin và hướng dẫn các tín hữu để mỗi ngày họ một hiểu biết và thông hiệp sâu xa hơn vào mầu nhiệm của Thiên Chúa, đã được Đức Kitô mạc khải và truyền đạt cho chúng ta. Vì thế, chính linh mục trước tiên phải tạo được một mối thâm tình sâu đậm giữa bản thân mình với Lời Chúa. Khía cạnh ngữ học hoặc chú giải mặc dầu cần thiết vẫn chưa đủ để gọi là hiểu biết Lời Chúa. Linh mục phải đón nhận Lời Chúa với một tấm lòng mềm mại và nguyện cầu để cho Lời Chúa thấm nhập đến tận đáy thẳm ý nghĩ và tình cảm của mình và làm nảy sinh nơi mình một tinh thần mới, làm nảy sinh “tư tưởng của Chúa” (1 Cr 2,16). Bởi đó, những lời nói và hơn nữa những lựa chọn, những thái độ của linh mục phải làm sao để ngày càng nên trong suốt hơn đối với Tin Mừng, để loan báo Tin Mừng và làm chứng cho Tin Mừng. Chỉ bằng cách “ở” trong Lời Chúa mà linh mục có thể trở nên môn đệ hoàn hảo của Chúa, có thể thấu triệt chân lý và có thể thực sự trở nên tự do, vượt qua mọi trạng huống trái nghịch hoặc xa lạ với Tin Mừng (x. Ga 8,31-32). Linh mục phải là người đầu tiên tin vào Lời Chúa với ý thức tròn đầy rằng những lời lẽ trong thừa tác vụ của mình không phải là “của mình” nhưng là của Đấng đã sai mình. Linh mục không phải làm chủ Lời Chúa : linh mục là người phục vụ Lời. Không phải linh mục là người duy nhất chiếm hữu Lời Chúa : linh mục là người mắc nợ Lời Chúa đối với dân Thiên Chúa. Chính bởi vì ngài rao giảng Tin Mừng và để ngài có thể rao giảng Tin Mừng mà linh mục, cũng như Giáo Hội, càng ngày càng phải ý thức rằng chính mình cũng cần phải được liên lỉ phúc âm hoá (67). Linh mục loan báo lời Chúa, với tư cách là thừa tác viên, linh mục tham dự vào quyền làm ngôn sứ của Đức Kitô và của Giáo Hội. Vì công việc ấy, để cho chính mình cũng như cho các tín hữu bảo đảm có được sự chuyển đạt Tin Mừng trong tính toàn vẹn của nó, linh mục được mời gọi trau dồi nơi mình một sự nhạy cảm, một trạng thái ứng sẵn và một sự gắn bó đặc biệt đối với Truyền Thống sống động của Giáo Hội và đối với Huấn Quyền của Giáo Hội. Tất cả mọi điều ấy không xa lạ đối với Lời Chúa nhưng góp phần cho việc cắt nghĩa Lời Chúa được chuẩn xác hơn và bảo vệ ý nghĩa chính hiệu cho Lời Chúa (68).

Nhất là trong việc *cử hành các bí tích,*cũng như trong việc cử hành Phụng Vụ các Giờ Kinh, linh mục được mời gọi sống và biểu lộ sự thống nhất sâu xa giữa việc thi hành thừa tác vụ và đời sống thiêng liêng của mình. Là ân sủng được ban cho Giáo Hội, bí tích Thánh Thể là nguyên lý cho sự thánh thiện và là lời mời gọi hướng đến sự thánh hoá. Đối với linh mục, bí tích Thánh Thể chiếm một vị trí thật sự trung tâm, trong thừa tác vụ cũng như trong đời sống thiêng liêng của Ngài. “Bởi vì Bí tích Thánh Thể chứa đựng tất cả kho tàng thiêng liêng của Giáo Hội, nghĩa là chứa đựng chính Chúa Kitô, Chiên Vượt Qua, bánh hằng sống : thân mình Ngài có sự sống nhờ Chúa Thánh Thần và tạo sự sống, thân hình ấy ban sự sống cho mọi người, mời gọi họ và hướng dẫn họ cùng kết hiệp với Ngài hiến dâng chính cuộc đời của riêng mình, hiến dâng công việc của mình và hiến dâng toàn thể tạo vật” (69).

Từ những bí tích khác nhau và cách riêng từ ân sủng loại biệt thuộc về từng bí tích, đời sống thiêng liêng của linh mục nhận được những dấu ấn riêng biệt : thực vậy, đời sống ấy được cơ chế hoá và được uốn nắn nhờ vào những đặc tính và đòi buộc đa dạng của các bí tích được cử hành và được cảm nghiệm bằng cuộc sống.

Tôi muốn có một lời nhắc nhở đặc biệt về bí tích Thống Hối mà các linh mục là thừa tác viên nhưng đồng thời cũng phải là những thụ nhân, từ đó trở nên những người làm chứng cho lòng từ bi nhân ái của Thiên Chúa đối với người cõ tội. Tôi đề nghị lần nữa điều mà Tôi đã viết trong Tông Huấn *Reconciliatio et poenitentia*: “Cũng như đời sống của các anh em giáo dân và tu sĩ của mình, đời sống thiêng liêng và mục vụ của linh mục chỉ giữ được phẩm chất và lòng nhiệt thành nếu như cá nhân linh mục biết thực hành bí tích Thống Hối một cách chuyên cần và nghiêm chỉnh. Việc cử hành bí tích Thánh Thể và làm thừa tác viên của các bí tích khác, nhiệt tâm tông đồ, những giao tiếp với các tín hữu, sự hiệp thông với các anh em linh mục, sự cộng tác với giám mục, đời sống cầu nguyện, nói tóm lại, toàn bộ đời sống linh mục phải nhận chịu một sự thoái hoá không thể tránh khỏi nếu, vì coi thường hay vì bất cứ một lý do nào khác, linh mục không thường đều chạy đến với bí tích Thống Hối bằng một đức tin và một lòng đạo đức chân chính. Linh mục nào mà không xưng tội nữa hoặc xưng tội một cách chẳng ra gì thì *con người linh mục*cũng như *hoạt động linh mục*sẽ mau chóng cảm thụ điều ấy và chính cộng đoàn mà linh mục là người mục tử cũng không khỏi nhận ra” (70).

Sau hết, các linh mục được mời gọi thi hành quyền bính và phục vụ Đức Giêsu Kitô Đầu và Mục Tử của Giáo Hội *bằng cách thôi thúc và dẫn dắt cộng đoàn Giáo Hội,*nghĩa là bằng cách quy tụ “gia đình của Thiên Chúa, một cộng đoàn huynh đệ chỉ có chung một linh hồn, và, nhờ Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần, các linh mục dẫn dắt cộng đoàn ấy đến với Thiên Chúa là Cha” (71). Trách nhiệm cai quản ấy *(“munus regendi”)*là một trách nhiệm rất tế nhị và phức tạp đòi hỏi, ngoài sự chú tâm đối với từng người và từng ơn gọi khác biệt, phải có khả năng điều hợp mọi ân huệ và đặc sủng mà Chúa Thánh Thần khơi dậy trong cộng đoàn bằng cách kiểm nghiệm chúng và mặc giá trị cho chúng hầu xây dựng Giáo Hội, luôn luôn trong sự hiệp nhất với các giám mục. Đây là một thừa tác vụ đời linh mục phải có một đời sống thiêng liêng sâu đậm, giầu những phẩm cách và nhân đức dành riêng cho người “chủ tọa” và “chỉ đạo” mọi cộng đoàn, cho người “niên trưởng” hiểu theo nghĩa mạnh nhất và cao quí nhất của từ ngữ, đó là lòng trung thành, tính nhất quán, sự khôn ngoan, khả năng tiếp nhận mọi người, thái độ hoà nhã, lập trường vững chắc về những điều cốt yếu, sự từ bỏ đối với những quan điểm quá chủ quan, lòng vô vị lợi tự bản thân, tính kiên nhẫn, lòng hăng say dấn thân mỗi ngày, niềm tin cậy vào hoạt động thầm kín của ân sủng được biểu lộ nơi những người đơn sơ và nơi những người nghèo (*x. Tt 1,7-8).*

**Cuộc sống của người linh mục và tính triệt để của Tin Mừng**

**27.**Thần Khí Chúa ngự trên tôi (Lc 4,18). Chúa Thánh Thần được ban tặng nhờ bí tích Truyền Chức Thánh là nguồn mạch thánh thiện và là lời mời gọi thánh hoá. Bởi vì, trước hết, Ngài làm cho linh mục nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô Đầu và Mục Tử của Giáo Hội và Ngài giao phó cho linh mục chu toàn sứ mệnh làm ngôn sứ, làm tư tế và làm vua nhân danh và thay mặt Đức Kitô. Tiếp đến, Ngài thôi thúc linh mục và tạo sinh khí cho cuộc sống thường nhật của linh mục, vun đắp bằng những ân huệ và những đòi buộc, những nhân đức và những khí thế, cụ thể hoá trong đức ái mục vụ. Đức ái này là tổng hợp những giá trị và những nhân đức dựa theo Tin Mừng và là sức mạnh nâng đỡ sự phát triển các giá trị và các nhân đức ấy cho tới mức trọn hảo Kitô Giáo (72).

Đối với hết mọi Kitô hữu không loại trừ một ai, tính triệt để Tin Mừng là một đòi buộc cơ bản và bất khả thay thế, phát xuất từ lời Đức Kitô mời gọi nối gót Ngài và noi gương Ngài, bằng cách cậy dựa vào sự hiệp thông đời sống chặt chẽ với Ngài, do tác động của Chúa Thánh Thần (x. Mt 8,18-20; 10,37-39; Mc 8,34-38; 10,17-21; Lc 9,57-62). Chính đòi buộc ấy cũng đồng thời liên can đến các linh mục, chẳng những bởi vì các linh mục ở “trong” Giáo Hội, nhưng còn bởi vì các linh mục đứng “trước” Giáo Hội, với tư cách là đã nên đồng hình dạng với Đức Kitô Đầu và Mục Tử, đã được thánh hiến và đã dấn thân vào trong thừa tác vụ được phối trí, đã được thôi thúc bởi đức ái mục vụ. Trong tinh thần triệt để của Tin Mừng và để biểu lộ tinh thần ấy, có rất nhiều nhân đức và đòi buộc luân lý mang tính định đoạt đối với đời sống mục vụ và thiêng liêng của linh mục đã được khai hoa kết nhụy. Chúng ta có thể nêu dẫn chẳng hạn đức tin, thái độ khiêm nhượng trước mầu nhiệm Thiên Chúa, lòng từ ái, sự cẩn trọng. Những “lời khuyên Phúc Âm” mà Đức Giêsu đề nghị trong Bài Giảng Trên Núi là một hình thức diễn đạt ưu việt của tính triệt để Tin Mừng (x. Mt 5-7). Trong số *những lời khuyên* được phối trí mật thiết với nhau ấy, có đức vâng phục, đức khiết tịnh và đức nghèo khó (73). Linh mục được mời gọi sống các lời khuyên ấy theo những thể thức và hơn nữa, theo những cứu cánh và ý nghĩa nguyên thủy, như chúng đã phát xuất từ căn tính của linh mục và biểu lộ căn tính ấy.

**28.**Trong số những đức tính cần thiết nhất cho thừa tác vụ linh mục, phải kể đến trạng thái ứng trực của tâm hồn nhờ đó các linh mục không tìm ý riêng của mình nhưng tìm ý của Đấng đã sai phái mình (x. Ga 4,34; 5,30; 6,38)” (74). Đó chính là*đức vâng phục*vốn mang một số đặc điểm riêng đối với trường hợp đời sống thiêng liêng linh mục.

Trước hết đó là một sự *vâng phục “tông truyền”,*hiểu theo nghĩa công nhận, yêu mến và phục vụ Giáo Hội trong cơ cấu phẩm trật của Giáo Hội. Quả vậy, không thể có thừa tác vụ linh mục nếu không có hiệp thông với Đức Giáo Hoàng và với giám mục đoàn, cách riêng với giám mục giáo phận mà linh mục mắc nợ vì đã hứa “tôn kính với tâm tình hiếu thảo và vâng phục” trong ngày thụ phong. Việc “tuân phục” nhưng vị nắm giữ quyền bính trong Giáo Hội không hề gây nhục nhã, nhưng lại là hoa quả của tự do có trách nhiệm nơi linh mục và chính linh mục đón nhận những đòi buộc của một đời sống Giáo Hội có cơ cấu và có tổ chức. Linh mục cũng đón nhận ơn phân định và ơn ý thức trách nhiệm trong những quyết định mang chiều kích Giáo Hội. Ân sủng ấy, Đức Giêsu đã tặng ban cho các Tông Đồ và những người kế nhiệm các ngài để cho mầu nhiệm Giáo Hội được bảo tồn một cách trung thành và để cho mối dây nối kết cộng đoàn Kitô hữu được gìn giữ trên con đường duy nhất dẫn đưa Giáo Hội tới bến cứu độ.

Đức vâng phục Kitô giáo chính hiệu, với những động lực chuẩn xác và với sự tuân giữ không vì tinh thần nô lệ, giúp cho linh mục thi hành quyền bính mà linh mục có sứ vụ thi hành đối với dân Thiên Chúa, sao cho Tin Mừng như thể xuyên thấu chính mình: không theo chủ nghĩa độc tài và cũng không áp dụng những phương thế mỵ dân. Chỉ người nào biết vâng phục trong Đức Kitô mới biết làm sao để yêu cầu người khác vâng phục trong tinh thần Tin Mừng.

Ngoài ra, đức vâng phục của linh mục còn biểu lộ một đòi buộc mang chiều kích “cộng đồng”: đó không phải là sự vâng phục của một cá nhân biệt lập đối với quyền bính, nhưng ngược lại đó là sự vâng phục hội nhập một cách sâu đậm vào trong sự hiệp nhất của linh mục đoàn, trong khi linh mục đoàn, với tư cách là cộng đoàn, được mời gọi sống trong sự hợp tác chân tình với giám mục và, qua giám mục với vị kế nhiệm thánh Phêrô (75).

Khía cạnh ấy trong đức vâng phục của linh mục đòi hỏi một sự khổ chế đáng kể: một đàng, linh mục phải tập làm quen để đừng quá gắn bó với những sở thích riêng của mình và với những quan điểm riêng của mình; đàng khác linh mục phải nhượng cho các anh em đồng sự khoảng cách cần thiết để họ có thể biểu dương tài nghệ và khả năng của họ, mà không hề ganh tị, phân bì hoặc kình chống. Đức vâng phục của linh mục là một sự vâng phục liên đới, bởi vì được xây dựng trên sự kiện linh mục thuộc về linh mục đoàn duy nhất và bởi vì, luôn luôn giữa lòng linh mục đoàn và cùng với linh mục đoàn, biểu lộ những đường hướng và những lựa chọn đồng trách nhiệm.

Sau hết, đức vâng phục của linh mục mang một tính chất riêng biệt, tính chất *“mục vụ”.*Điều ấy có nghĩa là linh mục sống trong một bầu khí liên lỉ ứng trực và sẵn sàng để cho mình bị chộp giữ hay, có thể nói, để cho mình bị “ăn” do bởi những nhu cầu và những đòi hỏi dĩ nhiên cần phải hợp lý của đoàn chiên; những nhu cầu và đòi hỏi ấy một đôi khi cần phải được đem ra phân định và kiểm chứng, thế nhưng không thể chối cãi được rằng cuộc sống của người linh mục hoàn toàn được lấp đầy bởi sự đói khát Tin Mừng, đói khát lòng tin, đói khát hy vọng, đói khát tình yêu Thiên Chúa và đói khát mầu nhiệm Thiên Chúa, một sự đói khát, có thể được nhận thức nhiều hay ít, đang hiện hữu trong đoàn dân Thiên Chúa được giao phó cho linh mục.

**29.**Công đồng viết: trong số những lời khuyên Phúc Âm, “trước tiên phải kể đến hồng ân quí giá là ân sủng mà Chúa Cha đã ban cho một số người (x. Mt 19,11; 1Cr 7,7), đó là ơn tự hiến cho một mình Thiên Chúa dễ dàng hơn và với một con tim không chia sớt (x. 1Cr 7,32-34), trong bậc sống đồng trinh hoặc độc thân. Sự tiết dục hoàn toàn vì Nước Trời ấy đã luôn luôn là đối tượng, về phía Giáo Hội, của một niềm vinh dự đặc biệt, như là dấu chỉ và trợ lực cho đức ái và như là nguồn mạch riêng biệt làm trổ sinh hoa trái thiêng liêng trong thế giới” (76). Trong bậc sống đồng trinh và độc thân, đức khiết tịnh duy trì ý nghĩa cơ bản của nó, nghĩa là ý nghĩa của một đời sống tính dục con người được thể hiện như là một phương cách biểu lộ chính hiệu và như là một lối nẻo phục vụ quí giá cho tình yêu hiệp thông và trao hiến liên vị. Ý nghĩa ấy tiềm ẩn và tồn tại một cách tròn đầy trong bậc sống đồng trinh là bậc sống, mặc dầu khước từ đời sống hôn nhân, thể hiện “ý nghĩa phu thê” của thân xác, nhờ vào sự hiệp thông và sự trao hiến liên vị với Đức Giêsu Kitô và với Giáo Hội của Ngài; sự hiệp thông ấy và sự trao hiến ấy là hình ảnh tiên báo và là cảm nếm trước hương vị của sự hiệp thông trao hiến hoàn hảo và vĩnh viễn trên trời: “Trong bậc sống đồng trinh, con người ấp ủ niềm mong đợi, ngay cả trong thân xác mình, ngày dự tiệc cưới cánh chung của Đức Kitô với Giáo Hội, và con người tự trao hiến hoàn toàn chính mình cho Giáo Hội với hy vọng Đức Kitô sẽ trao tặng chính Ngài cho Giáo Hội trong chân lý trọn vẹn của đời sống vĩnh cửu” (77).

Dưới ánh sáng ấy, người ta có thể dễ dàng hiểu được và đánh giá được những nguyên do đã dẫn tới sự lựa chọn qua nhiều thế kỷ của Giáo Hội Tây Phương và đã làm cho Giáo Hội Tây Phương, mặc cho mọi khó khăn và mọi bình phẩm được nêu lên qua nhiều giai đoạn, duy trì quyết định chỉ phong chức linh mục cho những người mà quyết mình được Thiên Chúa mời gọi sống ơn trinh khiết trong bậc sống độc thân tuyệt đối và vĩnh viễn.

Các Nghị Phục Thượng Hội Đồng đã diễn đạt tư tưởng của các ngài cách rõ rệt và mạnh mẽ trong một lời đề nghị quan trọng đáng cho chúng ta nhắc lại trọn vẹn và nguyên văn. “Mặc dầu vẫn tôn trọng kỷ luật của các Giáo Hội Đông Phương, xác tín rằng đức trinh khiết toàn vẹn trong bậc độc thân linh mục là một đặc sủng, Thượng Hội Đồng nhắc nhở các linh mục rằng đức trinh khiết ấy chính là hồng ân vô giá của Thiên Chúa dành cho Giáo Hội và đức trinh khiết ấy bày tỏ cho thế giới hiện đại một giá trị ngôn sứ. Thượng Hội Đồng lần này, một lần nữa và một cách mạnh mẽ, khẳng định lại điều mà Giáo Hội La mã và một số lễ chế Đông Phương đòi hỏi, rằng chức linh mục chỉ được phong ban cho những người đã lãnh nhận từ Thiên Chúa hồng ân có được ơn gọi sống trinh khiết trong bậc độc thân (không thành kiến đối với truyền thống của một số Giáo Hội Đông Phương và đối với một số trường hợp đặc biệt trong đó có những giáo sĩ sống đời đôi bạn vốn xuất thấn từ những giáo phái khác mới trở lại đạo công giáo và vốn là trường hợp ngoại lệ đối với thông điệp của Đức Phaolô VI về đời sống độc thân linh mục) [số 42]. Thượng Hội Đồng không muốn để vương vấn nơi tâm trí bất cứ ai một chút hoài nghi nào liên quan tới ý định kiên quyết của Giáo Hội là duy trì luật buộc sống độc thân vĩnh viễn do tự do lựa chọn đối với các ứng sinh được thụ phong linh mục, trong nghi lễ La Mã. Thượng Hội Đồng đề nghị bậc sống độc thân phải được trình bày và cắt nghĩa trong tất cả sự phong phú từ nơi Thánh Kinh, thần học và tu đức học, như là hồng ân quí giá mà Thiên Chúa ban cho Giáo Hội và như là dấu chỉ của Nước Chúa vốn không thuộc về thế gian này, đồng thời là dấu chỉ cho tình yêu của Thiên Chúa đối với thế gian này, cũng như cho tình yêu không chia sớt của linh mục đối với Thiên Chúa và đối với dân Thiên Chúa, làm sao để cho bậc sống độc thân được nhìn nhận như là một yếu tố tích cực làm cho chức linh mục được nên phong phú” (78).

Điều rất quan trọng, đó là linh mục phải hiểu được động lực và nguyên do thần học dẫn tới luật của Giáo Hội về bậc sống độc thân. Với tính cách là luật, nó diễn đạt*ý định của Giáo Hội,*ngay cả trước khi chủ thể bày tỏ ý muốn đáp ứng của mình. Nhưng ý định của Giáo Hội tìm được động lực và nguyên do tối hậu nơi *mối liên kết giữa bậc sống độc thân với việc Phong Chức Thánh,*nhờ đó linh mục được nên đồng hình dạng với Đức Giêsu Kitô Đầu và Phu Quân của Giáo Hội. Giáo Hội xét như là Hiền Thê của Đức Giêsu Kitô mong muốn được linh mục yêu mến một cách hoàn toàn và độc chiếm giống như Đức Giêsu Kitô Đầu và Phu Quân đã yêu mến Giáo Hội. Đời sống độc thân linh mục lúc ấy sẽ là sự trao hiến chính mình *trong*và *với* Đức Kitô *cho*Giáo Hội Ngài và sẽ biểu lộ công việc phục vụ mà linh mục thực thi cho Giáo Hội trong Chúa Kitô và với Chúa Kitô.

Vì nhắm đến một đời sống thiêng liêng chính hiệu, linh mục cần phải quan niệm và sống bậc độc thân không phải như một yếu tố riêng rẽ và thuần túy tiêu cực, nhưng như một trong những sắc thái của một đường hướng tích cực, loại biệt và đặc trưng của nhân cách linh mục. Từ bỏ cha mẹ mình, linh mục nối gót Đức Giêsu Mục Tử Nhân Lành trong một sự hiệp thông tông truyền, để phục vụ dân Chúa. Bậc sống độc thân bởi đó cần phải được đón nhận với một quyết định tự do và ngập tràn yêu thương, cần phải được cải tiến liên lỉ, như là một hồng ân vô giá của Thiên Chúa, như là một “trợ lực cho đức ái mục vụ” (79), như là một sự tham dự riêng biệt vào tình phụ tử của Thiên Chúa và vào sự sản sinh của Giáo Hội, như là một chứng từ cho Vương Quốc cánh chung được ban cho thế giới. Để sống tốt cả những đòi hỏi luân lý, mục vụ và thiêng liêng của bậc độc thân linh mục, tuyệt đối cần thiết phải cầu nguyện với lòng khiêm nhượng và cậy tin, như lời nhắc nhở của Công Đồng: “Chắc hẳn, trong thế giới hiện nay, có rất nhiều người tuyên bố rằng không thể nào thực hiện được tiết dục hoàn toàn: đó là một lý do hơn nữa để các linh mục phải khiêm tốn và kiên trì cầu xin, trong sự kết hiệp với Giáo hội, ơn trung thành, là ơn không bao giờ bị từ chối với mọi người” (80). Ngoài ra, nhờ liên kết việc cầu nguyện với các bí tích của Giáo Hội và với nỗ lực khổ chế, linh mục sẽ có được niềm hy vọng trong những khó khăn, ơn tha thứ trong những lỗi phạm, lòng tin cậy và sự can đảm trong việc tiếp tục tiến bước.

**30.**Về*đức nghèo khó theo tinh thần Tin Mừng,*các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã đưa ra một lối mô tả cô đọng và sâu sắc hơn bao giờ hết, trình bày đức nghèo khó như là việc “đem mọi của cải (tous les biens) tùng phục Của Cải tối thượng (Bien suprême) là Thiên Chúa và Vương Quốc của Ngài” (81). Trong thực tế, chỉ người nào chiêm ngắm và sống mầu nhiệm Thiên Chúa như là Của Cải độc nhất và tối thượng, như là nguồn phong phú thực thụ và vĩnh viễn, mới có thể hiểu và thực hành đức nghèo khó. Đức nghèo khó chắc chắn không phải là khinh chê và từ chối những của cải vật chất, nhưng là tự do sử dụng những của cải ấy và đồng thời vui vẻ từ khước chúng với một trạng thái ứng trực nội tâm, đối với Thiên Chúa và đối với những kế hoạch của Ngài.

Sự nghèo khó của linh mục, vì lý do linh mục nhờ bí tích nên đồng hình dạng với Đức Kitô Đầu và Mục Tử, mặc lấy những đặc điểm mục vụ chính xác. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã dừng chân nơi những đặc điểm ấy bằng cách lặp lại và khai triển giáo huấn của công đồng (82). Cùng với những đặc điểm khác, các ngài viết: “Theo gương Chúa Kitô, Đấng vốn giàu sang đã hoá nên nghèo khó vì yêu thương chúng ta (x. 2Cr 8,9), các linh mục phải coi người nghèo và những người yếu đuối như là được giao phó cho mình một cách đặc biệt, và phải có khả năng nêu chứng tá nghèo khó bằng một đời sống giản dị và khắc khổ, vì đã quen từ bỏ một cách quảng đại những gì là dư thừa *(Optatam totius, ĐT*số 9; C.I.C, GL khoản 282)” (83).

Quả thật “thợ xứng đáng hưởng thù lao của mình” (Lc 10,7) và “Chúa đã chỉ thị cho những ai loan báo Tin Mừng sống bằng Tin Mừng” (1Cr 9,14); thế nhưng, thật ra quyền ấy của người tông đồ không được nhầm lẫn với bất cứ một kỳ vọng nào nhằm đem công việc phục vụ Tin Mừng và Giáo Hội làm cái phụ thuộc cho những mối lợi và bổng lộc có thể phát sinh từ đó. Chỉ có sự nghèo khó mới chắc chắn tạo được cho linh mục tư tế ứng trực cần có để được sai đi nơi nào mà hoạt động của mình hữu ích hơn và cấp thiết hơn, ngay cả với giá của một hy sinh bản thân. Đó là điều kiện tiên quyết cho sự ngoan nguỳ của người tông đồ đối với Thần Khí, Đấng làm cho người tông đồ sẵn sàng “ra đi” mà không cần hành trang và không bị ràng buộc, chỉ một mực tuân theo ý định của Đấng là Thầy (x. Lc 9,57-62; Mc 10,17-22).

Đích thân hội nhập vào trong cộng đoàn mà mình có trách nhiệm, linh mục cần phải nêu chứng tá về một sự “trong suốt” hoàn toàn trong việc quản trị tài sản của cộng đoàn. Linh mục sẽ không bao giờ xử sự như thể các tài sản ấy là gia sản riêng tư của mình, nhưng như những gì mà mình phải thanh thỏa trước mặt Thiên Chúa và trước mặt anh em mình, nhất là trước những người nghèo. Và, nhờ ý thức rằng mình thuộc về một linh mục đoàn duy nhất, linh mục sẽ dấn thân để tạo điều kiện thuận lợi, hoặc cho một sự phân phối của cải giữa các anh em đồng sự cao sang cho công bằng hơn, hoặc cho việc cùng hưởng dùng chung với nhau những của cải ấy (x. Cv 2,42-45).

Tự do nội tâm, được nuôi dưỡng và bảo toàn nhờ vào đức nghèo khó theo tinh thần Tin Mừng, làm cho linh mục có khả năng đứng về phía những người yếu đuối nhất, liên kết chính mình với những nỗ lực của họ nhằm tái tạo một xã hội công bằng hơn, trở nên nhạy bén hơn cũng như có khả năng hiểu biết và phân định hơn đối với những hiện tượng liên can tới khía cạnh kinh tế và xã hội của đời sống, đồng thời thăng tiến chọn lựa nào là ưu tiên của người nghèo. Không loại trừ một ai trong việc loan báo và ban phát ơn cứu độ, linh mục biết chú tâm tới những người bé nhỏ, tới các tội nhận, tới hết mọi người sống ngoài lề xã hội, theo như mẫu mực mà Đức Giêsu đã để lại trên bước đường thừa tác vụ ngôn sứ và tư tế của Ngài (x. Lc 4,18).

Chúng ta đừng quên ý nghĩa ngôn sứ của đức nghèo khó linh mục, đặc biệt khẩn thiết trong những xã hội tiêu dùng: “Một linh mục thật sự nghèo chắc chắn sẽ là dấu chỉ cụ thể cho sự tách biệt, cho sự chối từ chớ không phải cho sự lụy phục đối với bạo quyền trong thế giới đương thời là thế giới đặt trọn niềm tin cậy của mình nơi tiền bạc và nơi sự an toàn vật chất” (84).

Trên thập giá, Đức Giêsu Kitô mang đức ái mục vụ của Ngài đến mức trọn hảo trong một sự trần trụi tột cùng bên ngoài và bên trong; Ngài là mẫu mực và là nguồn mạch các nhân đức vâng phục, khiết tịnh và nghèo khó mà linh mục được mời gọi sống như là biểu hiện tình yêu mục vụ của mình đối với anh em. Theo như những điều Phaolô viết cho các Kitô hữu Philipphê, linh mục phải có “cùng những tâm tình” như Đức Giêsu, phải tự tước bỏ khỏi cái tôi riêng rẻ của mình để, trong đức ái vâng phục, khiết tịnh và nghèo khó, tìm gặp được con đường vương giả đưa tới sự nối kết với Thiên Chúa và tới sự hiệp nhất với các anh em (x. Pl 2,5).

**Thuộc về Giáo Hội địa phương và tận tụy với Giáo Hội địa phương.**

**31.**Cũng như bất cứ đời sống thiêng liêng Kitô giáo chính hiệu nào, đời sống thiêng liêng của linh mục cũng sở đắc một*chiều kích giáo Hội cốt yếu và bất khả thay thế:* đời sống ấy tham dự vào sự thánh thiện của chính Giáo Hội, Giáo Hội mà trong *kinh Tin Kính*chúng ta tuyên xưng là “các Thánh cùng thông công”. Sự thánh thiện của Kitô hữu bắt nguồn từ sự thánh thiện của Giáo Hội, biểu lộ sự thánh thiện ấy và đồng thời làm giàu cho sự thánh thiện ấy. Chiều kích Giáo Hội này mang những thể thức, những cứu cánh và những ý nghĩa đặc thù trong đời sống thiêng liêng của linh mục, vì tương quan loại biệt đối với Giáo hội, luôn luôn khởi đi từ việc linh mục nên đồng hình dạng với Đức Kitô Đầu và Mục Tử, từ thừa tác vụ được phân bổ và từ đức ái mục vụ của linh mục.

Trong nhãn quan ấy, cần phải coi việc linh mục thuộc về Giáo Hội địa phương và tận tụy với Giáo Hội địa phương như là giá trị thiêng liêng của ngài. Các thực tại ấy không những chỉ khởi phát vì những lý do tổ chức và kỷ luật. Ngược lại, quan hệ với giám mục trong sự hiệp nhất của linh mục đoàn, sự san sẻ niềm ân cần săn sóc của giám mục đối với Giáo Hội, lòng tận tụy mục vụ nhằm phục vụ dân Thiên Chúa trong những điều kiện lịch sử và xã hội cụ thể của Giáo Hội địa phương là những yếu tố mà người ta không thể coi thường khi muốn phác hoạ chân dung của linh mục và của đời sống thiêng liêng linh mục. Trong chiều hướng ấy, “nhập vụ” không chỉ giản lược vào một liên hệ, nhưng còn giả thiết một chuỗi những thái độ, những lựa chọn mục vụ và thiêng liêng góp phần kiến tao một diện mạo riêng biệt cho ơn gọi của linh mục.

Điều cần thiết là linh mục phải ý thức rằng sự kiện ở trong một Giáo Hội địa phương tự nó là một yếu tố định đoạt để sống một đời sống thiêng liêng Kitô giáo. Với ý nghĩa ấy, linh mục tìm ngay trong việc mình thuộc về Giáo Hội địa phương và tận tụy với Giáo Hội địa phương một nguồn mạch cho những ý nghĩa, những tiêu chuẩn phân định và hành động tạo khuôn khổ cho sứ mệnh phục vụ và đời sống thiêng liêng của mình.

Trên bước đường tiến tới trọn hảo, cũng có thể có sự trợ giúp đến từ những thần hứng hoặc những qui chiếu nơi các truyền thống đời sống thiêng liêng khác, có khả năng làm giàu cho đời sống linh mục của nhiều người và tạo sinh khí cho linh mục đoàn nhờ vào những ân huệ thiêng liêng quí giá. Đó là trường hợp của nhiều hiệp hội cũ và mới trong Giáo Hội vốn đón nhận cả những linh mục trong hàng ngũ của mình, từ những hiệp đoàn tông đồ cho đến những tu hội đời linh mục, từ những dạng thức hiệp thông và chia sẻ thiêng liêng đa dạng cho đến các phong trào Giáo Hội. Các linh mục thuộc những đan viện và những hội dòng chính là nguồn phong phú thiêng liêng cho toàn thể linh mục đoàn giáo phận, đóng góp cho linh mục đoàn những đặc sủng loại biệt của họ cũng như những thừa tác vụ chuyên biệt của họ : do bởi sự hiện diện của mình, họ khuyến khích Giáo Hội địa phương sống đậm đà hơn chiều kích hướng mở phổ quát của Giáo Hội ấy (85).

Việc linh mục thuộc về Giáo Hội địa phương và tận tụy với Giáo Hội địa phương đến độ trao hiến mạng sống mình, ngõ hầy xây dựng Giáo Hội “thay mặt” cho Đức Kitô Đầu và Mục Tử, nhằm phục vụ toàn thể cộng đoàn Kitô hữu, trong sự liên kết chân tình và hiếu thảo với giám mục, cần phải được tô đậm bởi bất cứ đặc sủng nào khả dĩ khởi hứng trực tiếp hoặc gián tiếp cho đời sống của một linh mục (86).

Để cho các ân huệ dư tràn của Thần Khí được đón nhận trong niềm vui và để cho chúng được sinh hoa kết trái nhằm làm vinh danh Thiên Chúa và mưu ích cho toàn thể Giáo Hội, trước hết mọi người cần phải nhận thức và phân định những đặc sủng riêng của mình và những đặc sủng của tha nhân. Tiếp đến, việc thực thi các đặc sủng ấy phải luôn luôn đi kèm với lòng khiêm nhượng Kitô giáo, với sự can đảm dám tự phê phán chính mình, với ý hướng trổi vượt trên mọi bận tâm khác nhằm giúp xây dựng toàn thể cộng đoàn, mọi đặc sủng riêng biệt đều được sắp xếp cho sự phục vụ cộng đoàn ấy. Ngoài ra mọi người đều được yêu cầu phải có một nỗ lực chân thành nhằm quý chuộng lẫn nhau, nhằm tôn trọng lẫn nhau và nhằm đánh giá sao cho hoà hợp những dị biệt tích cực và chính đáng hiện có nơi linh mục đoàn. Tất cả những yếu tố ấy cũng nằm trong đời sống thiêng liêng và trong sự khổ chế liên lỉ của linh mục.

**32.**Thuộc về Giáo Hội địa phương và tận tụy đối với Giáo Hội địa phương thì không phải là tất cả hoạt động và đời sống linh mục đều đóng khung trong Giáo Hội ấy. Không thể đem giản lược các đặc tính ấy vào nơi Giáo Hội địa phương bằng cách nại tới chính bản chất của Giáo Hội địa phương (87) và tới bản chất của thừa tác vụ linh mục. Về vấn đề này, Công Đồng viết : “ân huệ thiêng liêng mà các linh mục đã lãnh nhận ngày thụ phong chuẩn bị cho các linh mục, không phải đi vào một sứ vụ hạn hẹp và gò bó, nhưng vào một sứ vụ cứu độ có tầm mức phổ quát, cho đến mút cùng trái đất” (Cv 18); thực vậy, bất cứ thừa tác vụ linh mục nào cũng thông phần vào những chiều kích hoàn vũ của sứ vụ được Đức Kitô giao phó cho các Tông Đồ” (88).

Bởi đó, đời sống thiêng liêng của các linh mục cần phải được đánh dấu sâu đậm bởi khí thế và năng động thừa sai. Họ có trách nhiệm, trong việc thi hành thừa tác vụ và làm chứng bằng đời sống của mình, biến cộng đoàn được giao phó cho mình thành một cộng đoàn thừa sai chính hiệu. Như Tôi đã viết trong thông điệp *Redemptoris missio,*“tất cả các linh mục đều phải có một tâm hồn và một não trạng thừa sai, mở ngỏ hướng đến những nhu cầu của Giáo Hội và của thế giới, chú trọng tới những người xa cách nhất, và trên hết tới những tập thể ngoài Kitô giáo trong môi trường của mình. Trong kinh nguyện và cách riêng trong hy lễ tạ ơn, các linh mục phải cưu mang niềm ân cần của toàn thể Giáo Hội đối với toàn bộ nhân loại” (89).

Nếu tinh thần thừa sai ấy tạo sinh khí dạt dào cho đời sống các linh mục, việc đáp ứng tình huống hiện đang ngày càng nghiêm trọng hơn trong Giáo Hội, tình huống phát xuất từ tình trạng phân phối hàng giáo sĩ không đồng đều, sẽ trở nên dễ dàng hơn. Về điểm này, Công đồng đã phát biểu hết sức rõ ràng và mạnh mẽ: “Do đó, các linh mục phải nhớ rằng cách ngài cần ủ ấp trong tim mối ưu tư của tất cả Giáo Hội. Vì thế, những linh mục thuộc các giáo phận giàu ơn gọi phải sẵn sàng tự nguyện ra đi, dĩ nhiên với phép của Đấng Bản Quyền hoặc với lời kêu gọi của ngài, để thi hành thừa tác vụ của mình trong những xứ sở, những hội thừa sai hoặc những hoạt động đang lâm vào cảnh thiếu thốn linh mục (90).

**“Xin hãy canh tân nơi chúng sự tuôn đổ Thần Khí thánh thiện của Ngài”**

**33.**“Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Ngài đã xức dầu thánh hiến tôi. Ngài đã sai tôi đem Tin Mừng đến cho người nghèo” (Lc 4,18). Ngày nay, Đức Giêsu vẫn còn làm vọng lên trong con tim linh mục chúng ta những lời Ngài đã phát biểu trong hội đường Nagiarét. Thật vậy, đức tin chúng ta mạc khải cho chúng ta sự hiện diện tích cực của Thần Khí Chúa Kitô nơi hữu thể chúng ta, nơi hành động và đời sống chúng ta, bằng cùng một phương cách như đã được bí tích Truyền Chức Thánh định hình, trang bị và uốn nắn.

Đúng vậy, *Thần Khí Chúa là vị hướng đạo vĩ đại của đời sống thiêng liêng chúng ta.*Thần Khí Chúa tạo dựng “quả tim mới”, ban sinh khí và dẫn dắt quả tim ấy với “lề luật mới” của đức ái, của đức ái mục vụ. Ý thức rằng linh mục không bao giờ thiếu ân sủng của Chúa Thánh Thần, xét như là ơn hoàn toàn nhưng không và như là sự dấn thân trong trách nhiệm, đó là yếu tố định đoạt cho sự phát triển đời sống thiêng liêng linh mục. Sự ý thức về ân huệ ấy thâm nhập và đỡ nâng lòng tin cậy không thể chuyển lay của linh mục giữa những khó khăn, những cám dỗ, những yếu đuối vẫn thường xảy đến trên hành trình thiêng liêng.

Một lần nữa, Tôi đề nghị với mọi linh mục điều mà vào một dịp khác Tôi đã nói với nhiều người trong anh em: “ơn gọi linh mục cốt yếu là một lời mời gọi nên thánh với mô hình bắt nguồn từ bí tích Truyền Chức Thánh. Sự thánh thiện là tình thân mật đối với Thiên Chúa, là nỗ lực noi gương Đức Kitô nghèo khó, khiết tịnh và khiêm nhượng; là tình yêu không hạn chế đối với các linh hồn và là sự trao hiến chính mình vì lợi ích đích thực của các linh hồn; là tình yêu đối với Giáo Hội, một Giáo Hội thánh thiện, một Giáo hội muốn chúng ta nên thánh bởi vì đó chính là sứ vụ mà Đức Kitô đã giao phó cho Giáo Hội. Mỗi người trong anh em cũng phải nên thánh để có thể giúp các anh em khác thực hiện ơn gọi nên thánh.

“Làm sao lại không suy tư […] về vai trò thiết yếu mà Chúa Thánh Thần nắm giữ trong lời mời gọi loại biệt nên thánh dành riêng cho thừa tác vụ linh mục ? Chúng ta hãy nhắc lại những lời trong nghi thức Phong Chức được coi như trọng tâm của công thức bí tích: “Lạy Chúa Cha toàn năng, chúng con khẩn nguyện Cha, xin Cha ban cho các tôi tớ Cha đây được gia nhập hàng linh mục. Xin Cha hãy tuôn đổ một lần nữa Thần Khí thánh thiện vào nơi đáy thẳm tâm hồn họ. Lạy Chúa, xin cho họ được lãnh nhận nơi Chúa trọng trách phục tùng hàng giám mục. Xin cho họ biết dùng gương đời sống của mình mà thúc đẩy cho các phong tục tập quán được nên tinh tuyền”.

“Hỡi những người bạn thân mến, nhờ việc Phong Chức, anh em đã lãnh nhận chính Thần Khí của Đức Kitô. Đấng làm cho anh em nên giống với Đức Kitô, ngõ hầu anh em có thể hành động nhân danh Đức Kitô và mặc lấy nơi anh em cùng những tâm tình như Ngài. Sự thông hiệp mật thiết với Thần Khí Đức Kitô bảo đảm cho hiệu năng của hoạt động bí tích mà anh em thực hiện *“thay mặt Đức Kitô”,*sự thông hiệp ấy còn đòi phải được biểu lộ trong việc sốt sắng cầu nguyện, trong tính nhất quán của đời sống, trong đức ái mục vụ của một thừa tác vụ không ngơi qui hướng về ơn cứu độ của mọi người. Nói vắn tắt, sự thông hiệp ấy đòi hỏi anh em phải thánh hoá bản thân mình” (91).

CHƯƠNG IV

HÃY ĐẾN MÀ XEM

ƠN GỌI LINH MỤC TRONG MỤC VỤ CỦA GIÁO HỘI

**Tìm theo, ở lại.**

**34.***“Hãy đến mà xem”*(Ga 1,39). Đức Giêsu đã trả lời cho hai môn đệ của Gioan Tẩy Giả như thế, khi hai vị hỏi Ngài ở đâu. Chúng ta tìm thấy nơi câu nói này ý nghĩa của ơn gọi.

Sau đây là cách mà thánh Gioan tác giả Tin Mừng thuật lại ơn gọi của Anrê và Phêrô: “Ngày hôm sau, Gioan lại có mặt ở đó cùng với hai môn đệ của mình. Đức Giêsu đi ngang qua, Gioan đưa mắt hướng nhìn Ngài và nói: ‘Đây là Chiên Thiên Chúa’. Hai môn đệ nghe nói thế liền đi theo Đức Giêsu. Đức Giêsu quay lại và thấy họ theo Ngài. Ngài nói với họ: “Các anh muốn gì?” Họ trả lời: “Rabbi (nghĩa là Thưa Thầy), Thầy ở đâu ?” Ngài nói: “Hãy đến mà xem”. Họ đã đến và đã xem thấy nơi Ngài ở và họ ở lại với Ngài ngày hôm ấy. Lúc đó độ chừng giờ thứ mười.

“Anrê, em Simon Phêrô, là một trong hai người đã nghe lời Gioan và đã đi theo Đức Giêsu. Trước hết, Anrê gặp Simon anh mình và nói với anh: ‘Chúng tôi đã gặp Đấng Mêsia’ – nghĩa là Đức Kitô. Anrê dẫn anh đến với Đức Giêsu. Đức Giêsu nhìn Simon và nói: ‘Anh là Simon, con ông Gioan; anh sẽ được gọi là Kêpha’ – nghĩa là Đá” (Ga 1,35-42).

Trang Tin Mừng này là một trong nhiều trang Sách Thánh mô tả “mầu nhiệm” ơn gọi; trong trường hợp hiện tại, điều được đề cập là mầu nhiệm ơn gọi nơi các Tông Đồ của Đức Giêsu. Trang Tin Mừng của Gioan cũng có ý ám chỉ ơn gọi Kitô hữu nói chung, nhưng lại có giá trị mẫu mực cho ơn gọi linh mục. Với tư cách là cộng đoàn các môn đệ của Đức Giêsu, Giáo Hội được mời gọi gắn chặt cái nhìn của mình vào hoạt cảnh này là hoạt cảnh, một cách nào đó, không ngừng tái diễn trong lịch sử. Giáo Hội được mời gọi đào sâu ý nghĩa nguyên tuyền và ngã vị của lời mời gọi đi theo Đức Kitô trong thừa tác vụ linh muc, đào sâu mối liên hệ bất khả phân giữa ân sủng của Thiên Chúa với trách nhiệm của con người, mối liên hệ được gồm chứa và được mạc khải trong lời mời mọc mà chúng ta gặp thấy nhiều lần trong Tin Mừng: *hãy đến và theo Ta*(x. Mt 19,21). Giáo Hội được mời gọi cắt nghĩa và mô tả sự năng động đặc thù của ơn gọi, sự phát triển từng cấp và cụ thể theo những giai đoạn sau: *tìm Đức Giêsu, theo Ngài và ở lại với Ngài.*

Giáo Hội tìm thấy trong *“Tin Mừng về ơn gọi”*này mẫu mực, sức mạnh và niềm hăng say cần thiết cho mục vụ của Giáo Hội về ơn gọi, nghĩa là sứ vụ nhắm tới việc chăm lo cho sự nảy sinh, cho sự phân định và cho sự sát cánh các ơn gọi, cách riêng ơn gọi hướng đến chức linh mục. Bởi vì “thiếu hụt linh mục chắc chắn là nỗi buồn của toàn thể Giáo Hội” (92), mục vụ các ơn gọi, nhất là ngày nay, cần phải được khởi xướng với một niềm hăng say mới, mãnh liệt và xác định hơn, do mọi thành phần trong Giáo Hội. Cần phải xác tín rằng nền mục vụ ấy không phải là một yếu tố đệ nhị hoặc phụ tùy, không phải là một thì biệt lập hoặc hạn hữu như thể là đơn thuần một “phần”, cho dẫu có quan trọng đến đâu, trong nền phục vụ bao quát của Giáo Hội. Đúng hơn, theo như các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã lặp lại, đó là một sinh hoạt mật thiết lồng vào trong nền mục vụ chung của toàn thể Giáo Hội (93), một trọng trách cần phải được tháp nhập và phải được đồng hoá trọn vẹn với cái mà người ta thường gọi là “trọng trách đối với các linh hồn” (94), một chiều kích đồng bản chất và thiết yếu với mục vụ của Giáo Hội, cũng giống như với sự sống và sứ vụ của Giáo Hội (95).

Đúng vậy, *chủ đề ơn gọi có cùng bản chất với mục vụ của Giáo Hội và thiết yếu đối với nền mục vụ ấy.*Sở dĩ như thế là bởi vì, hiểu theo một nghĩa nào đó, ơn gọi tạo thành hữu thể thâm sâu của Giáo Hội ngay cả trước khi ơn gọi được tác động.*Ecclesia,*danh xưng của Giáo Hội, chỉ dẫn cho thấy bản chất của Giáo Hội gắn liền một cách sâu rộng với ơn gọi, bởi vì Giáo Hội thật sự là “triệu tập”, là *tập thể qui tụ những ai được mời gọi:*“Cái tập thể qui tụ những người trong niềm tin ngước nhìn Đức Giêsu, tác giả ơn cứu độ, nguyên lý hiệp nhất và bình an ấy, Thiên Chúa đã triệu tập và đã làm thành Giáo Hội, để cho tập thể này, đối với con mắt mọi người và từng người, trở nên bí tích hữu hình của sự hiệp nhất cứu độ” (96).

Chỉ bằng cách khởi đi từ mầu nhiệm Giáo Hội, xét như là *mysterium vocationis,*người ta mới có thể đọc được một cách thuần túy thần học cái gọi là ơn gọi linh mục và cái gọi là mục vụ liên quan tới ơn gọi ấy.

**Giáo Hội và ơn gọi được ban tặng.**

**35.**Ơn gọi Kitô hữu nào cũng đặt nền tảng trên sự tuyển chọn nhưng không và khởi xướng trước từ phía Chúa Cha “Đấng đã chúc lành cho chúng ta bằng đủ loại phúc lành thiêng liêng, trên trời, trong Đức Kitô. Chính bởi đó mà Thiên Chúa đã tuyển chọn chúng ta trong Ngài, ngay cả trước khi tạo dựng thế giới, để chúng ta trở nên thánh thiện và vô tì vết dưới con mắt Ngài, trong tình yêu, và, ngay từ trước, đã xác định cho chúng ta được nên dưỡng tử của Ngài nhờ Đức Giêsu Kitô. Đó chính là sở nguyện trong ý định của Ngài” (Ep 1,3-5).

Mọi ơn gọi Kitô hữu đều phải phát xuất từ Thiên Chúa, đều là ân huệ của Thiên Chúa; thế nhưng không bao giờ ơn gọi Kitô hữu được ban ngoài Giáo Hội và không lệ thuộc vào Giáo Hội. Ơn gọi Kitô hữu luôn luôn ngang qua Giáo Hội và trong Giáo Hội bởi vì, như lời nhắc nhở của Công Đồng Vaticanô II, “Thiên Chúa đã không muốn cho con người lãnh nhận sự thánh hoá và ơn cứu độ một cách lẻ loi bên ngoài mọi liên hệ hỗ tương; ngược lại, Ngài đã muốn làm cho con người trở thành một dân tộc, một dân tộc nhận biết Ngài theo đúng sự thật và phục vụ Ngài trong thánh thiện” (97).

Chẳng những Giáo Hội đón nhận trong nhà mình tất cả mọi ơn gọi mà Thiên Chúa ban cho Giáo Hội trên lối đường cứu độ của mình, nhưng chính Giáo Hội còn mặc lấy cho mình những đường nét của một mầu nhiệm ơn gọi, phản ảnh sống động và rạng rỡ của mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi. Trong thực tế, là “dân kết tụ thành một nhờ sự hiệp nhất giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần” (98), Giáo Hội cưu mang nơi chính mình mầu nhiệm của Chúa Cha, Đấng không ai kêu mời cũng không do ai sai phái (x. Rm 11,33-35), Đấng mời gọi mọi người thánh hoá danh Ngài và chu toàn ý muốn của Ngài; Giáo Hội cưu mang nơi chính mình mầu nhiệm của Chúa Con, Đấng được Chúa Cha mời gọi và sai đến để loan báo Nước Thiên Chúa cho mọi người, Đấng mời gọi mọi người đi theo Ngài. Sau hết Giáo Hội nắm giữ mầu nhiệm của Chúa Thánh Thần, Đấng thánh hiến cho sứ vụ tất cả những người nam và người nữ mà Chúa Cha kêu gọi nhờ Con Ngài là Đức Giêsu Kitô.

Tự bản chất là “ơn gọi”, Giáo Hội *sinh thành các ơn gọi*và đồng thời *giáo dục các ơn gọi.*Giáo Hội làm công việc ấy trong chính thực thể “bí tích” của mình, với tư cách là “dấu chỉ” và là “khí cụ” trong đó ơn gọi Kitô hữu vang vọng và được chu toàn; Giáo Hội làm công việc ấy trong hoạt động của mình, nghĩa là trong việc thi hành thừa tác vụ loan báo Lời Chúa, cử hành các bí tích, phục vụ và làm chứng cho đức ái.

Bởi đó cần phải lưu ý rằng*ơn gọi Kitô hữu thoạt tiên ngang một chiều kích Giáo Hội*. Ơn gọi không chỉ phát xuất “từ”Giáo Hội và từ vai trò trung gian của Giáo Hội; ơn gọi không chỉ được nhận biết và thực hiện “trong” Giáo Hội; nhưng – trong việc phục vụ cơ bản nhằm đáp đền cho Thiên Chúa – ơn gọi cũng tự bày tỏ một cách thiết yếu như là làm công việc phục vụ “cho” Giáo Hội. Dưới mọi hình thức, ơn gọi Kitô hữu là một hồng ân nhắm mục đích xây dựng Giáo Hội, làm tăng triển Nước Thiên Chúa trên thế giới (99).

Những gì chúng ta nói về mọi ơn gọi Kitô hữu được thể hiện cách riêng trong ơn gọi linh mục. Ơn gọi này, nhờ bí tích Truyền Chức Thánh được lãnh nhận trong Giáo Hội, là một lời mời gọi đặt mình vào việc phục vụ dân Thiên Chúa với tư cách đặc biệt thuộc về Đức Giêsu Kitô và nên đồng hình dạng với Ngài, đồng thời bao gồm quyền hành động “nhân danh và thay mặt” Đấng Đầu và Mục Tử của Giáo Hội.

Trong nhãn quan ấy, chúng ta hiểu được điều mà các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng viết: “Ơn gọi của mỗi linh mục hiện hữu trong Giáo Hội và cho Giáo Hội: chính nhờ Giáo Hội mà ơn gọi ấy được thể hiện. Từ đó, mọi linh mục lãnh nhận ơn gọi của Chúa, qua trung gian Giáo Hội, như một hồng ân diễm phúc, một ân sủng *gratis data (đặc sủng).*Giám mục hoặc vị bề trên có thẩm quyền chẳng những có bổn phận duyệt xét, nhưng còn có bổn phận công nhận khả năng thích ứng và ơn gọi của ứng sinh. Một sự can thiệp của Giáo Hội như thế vốn nằm trong ơn gọi hướng đến thừa tác vụ linh mục hiểu theo đúng nghĩa. Ứng sinh của hàng linh mục phải lãnh nhận ơn gọi mà không áp đặt những điều kiện riêng tư của bản thân mình, nhưng lại chấp nhận những tiêu chuẩn và điều kiện do chính Giáo Hội đề ra theo đúng trách nhiệm thuộc về Giáo Hội” (100).

**Cuộc đối thoại trong ơn gọi : Thiên Chúa đề xướng và con người đáp trả.**

**36.**Lịch sử của mọi ơn gọi linh mục, cũng như đàng khác của mọi ơn gọi Kitô hữu, là lịch sử của một *cuộc đối thoại khôn tả giữa Thiên Chúa và con người,*giữa tình yêu của Thiên Chúa là Đấng mời gọi với tự do của con người là kẻ đáp lại Thiên Chúa trong tình yêu. Hai khía cạnh bất khả phân ly ấy của ơn gọi, ân huệ nhưng không của Thiên Chúa và tự do hữu trách của con người, được mô tả một cách rất rõ ràng và hết sức mạnh mẽ trong những lời vắn gọn những vững chắc qua đó thánh Máccô tác giả Tin Mừng trình bày ơn gọi của Nhóm Mười Hai: Đức Giêsu “leo lên núi và Ngài *gọi những kẻ Ngài muốn* đến với Ngài. Họ*đã đến*với Ngài” (3,13). Một đàng, có sự quyết định tuyệt đối tự do của Đức Giêsu, đàng khác có việc Nhóm Mười Hai “đến”, hay nói cách khác, việc họ “đi theo Đức Giêsu”.

Đó chính là mẫu mực có giá trị trường tồn, là những dữ kiện bất khả phân ly của mọi ơn gọi: ơn gọi của các ngôn sứ, của các tông đồ, của các linh mục, của các tu sĩ, của các tín hữu giáo dân, của mọi người.

Thế nhưng, yếu tố chiếm hoàn toàn ưu thế và còn là tiên quyết và có tính định đoạt, đó là *sự can thiệp tự do và nhưng không của Thiên Chúa, Đấng mời gọi.*Thiên Chúa có sáng kiến mời gọi. Chẳng hạn, đây là kinh nghệm của ngôn sứ Giêrêmia: “Lời Chúa đã ngỏ với tôi như thế này : ‘Trước khi ngươi hình thành trong lòng mẹ, Ta đã biết ngươi; trước khi ngươi được đưa vào vùng ánh sáng, Ta đã thánh hiến ngươi; Ta đã đặt ngươi làm ngôn sứ cho muôn dân’” (Gr 1,4-5). Thánh Tông Đồ Phaolô đã trình bày cùng một chân lý ấy, ngài gắn chặt mọi ơn gọi vào sự tuyển chọn từ muôn thuở của Đức Kitô, sự tuyển chọn đã được thực hiện “trước khi tạo dựng vũ trụ” và “tùy theo sở nguyện của ý định Ngài” (Ep 1,5). Ưu thế tuyệt đối của ân sủng trong ơn gọi được khẳng định một cách rõ rệt nhất trong lời của Đức Giêsu: “Không phải anh em đã chọn Thầy nhưng chính Thầy đã chọn anh em và cắt đặt anh em để anh em ra đi và mang lại hoa trái và để hoa trái của anh em tồn tại” (Ga 15,16).

Nếu tính ưu việt của ân sủng là điều được ơn gọi linh mục chứng tỏ một cách không thể bàn cãi, thì quyết định tự do và tối thượng của Thiên Chúa trong việc mời gọi con người lại đòi hỏi phải được tôn trọng một cách tuyệt đối: quyết định ấy không hề có thể bị ép buộc do bất cứ một tham vọng nào của con người, cũng không thể được thay thế bởi bất cứ một quyết định nào của con người. Ơn gọi là điều được ban tặng do ân sủng của Thiên Chúa chứ không bao giờ là một quyền lợi của con người. Chính vì thế, “không bao giờ được coi đời sống linh mục như là một sự thăng tiến thuần túy nhân bản, cũng như không bao giờ được coi sứ vụ của thừa tác viên như là một phương án đơn thuần của con người” (101). Từ đó, cần phải triệt để loại trừ mọi kỳ vọng hoặc cao vọng từ phía những người được kêu gọi (x. Dt 5,4). Trọn vẹn khoảng thiêng liêng trong con tim cần phải được phủ lấp bằng một niềm tri ân đầy thán phục và cảm mến, và bằng một niềm hy vọng không hề chuyển lay, bởi vì các ứng sinh nhận thức rằng nguồn cậy dựa của họ không phải ở nơi sức lực riêng của họ, nhưng chỉ ở nơi sự trung thành vô điều kiện của Thiên Chúa là Đấng mời gọi.

“Ngài gọi những kẻ Ngài muốn và họ đến với Ngài” (Mc 3,13). Việc họ “đến”, ở đây cũng đồng thời là việc họ nối gót “theo” Đức Giêsu, diễn tả sự đáp trả tự do của Nhóm Mười Hai trước lời mời gọi của Đấng là Thầy. Trường hợp của Phêrô và Anrê cũng y như vậy: “Ngài nói với họ: ‘Hãy theo Ta, Ta sẽ làm cho các anh trở nên những ngư phủ chài lưới người”. Và lập tức họ đã bỏ lưới mà đi theo Ngài” (Mt 4,19-20). Kinh nghiệm của Giacôbê và Gioan cũng tương tự như thế (x. Mt 19,21-22). Và cứ như thế, mãi mãi, trong ơn gọi, có sự chiếu sáng cùng với nhau của tình yêu nhưng không từ phía Thiên Chúa và của sự vươn lên cao nhất có thể từ phía tự do con người, tự do gắn bó với lời mời gọi của Thiên Chúa và tự do tin cậy nơi Ngài.

Quả thật, ân sủng và tự do không đối chọi nhau. Ngược lại, ân sủng thôi thúc và nâng đỡ tự do nhân linh, giải thoát tự do ấy khỏi ách nô lệ của tội (x. Ga 8,34-36), cứu chữa tự do ấy và nâng cao tự do ấy trong những khả năng cởi mở và đón nhận hồng ân của Thiên Chúa. Nếu như sự khởi xướng hoàn toàn nhưng không của Thiên Chúa Đấng mời gọi là điều không thể phản bác thì, cũng vậy và hơn nữa, không thể chối bỏ tính nghiêm trọng tột bực trong tự do của con người khi phải đương đầu và đáp trả. Chính vì thế mà đáp lại lời mời “hãy đến và theo Ta” của Đức Giêsu, người thanh niên giầu có đối chọi bằng sự từ chối, là dấu chỉ – mặc dầu tiêu cực – cho thấy tự do của anh: “nhưng khi nghe những lời ấy, anh ta sa sầm nét mặt và buồn bã bỏ đi, vì anh ta có lắm tiền nhiều của” (Mc 10,22).

Do đó, *tự do là thiết yếu cho ơn gọi,*một sự tự do, trong lời đáp trả tích cực, mặc lấy ý nghĩa của một sự gắn bó bản ngã sâu đậm, với tính cách trao hiến tình yêu hay đúng hơn với tính cách trả nợ cho Đấng Trao Ban là Thiên Chúa, tác giả của lời mời gọi, với tính cách tận hiến. Đức Phaolô VI đã nói: “Lời mời gọi đối xứng với lời đáp trả. Chỉ có thể có những ơn gọi tự do, nghĩa là những ơn gọi chấp nhận dâng hiến chính mình một cách hồn nhiên, ý thức, quảng đại, toàn diện… Chúng tôi gọi ơn gọi là những của lễ: và trong cụ thể, đó là đích thực vấn đề. Ngày hôm nay cũng như hôm qua và còn hơn hôm qua, Đức Kitô vẫn nói bằng một giọng nói nhỏ nhẹ và xuyên thấu: “Hãy đến”. Tự do được đặt trước thử thách cao cả nhất: đúng vậy, đó là tự do trở thành của lễ, tự do dẫn tới sự quảng đại, lòng hy sinh” (102).

Làm thành hạt nhân mật thiết nhất trong lời đáp trả của con người trước Thiên Chúa Đấng mời gọi, của lễ tự do tìm được mẫu mực không thể sánh ví hay đúng hơn, cội rễ sắc bén của nó trong của lễ rất tự do của Đức Giêsu Kitô, vị tiên phong của những ai được mời gọi, dâng theo ý muốn của Chúa Cha: “Chính vì thế, khi bước vào thế giới, Đức Kitô nói: ‘Hy sinh và lễ vật Ngài đã chẳng ưng, nhưng Ngài đã tác thành thân thể cho con… Vậy con xin thưa: Này đây, lạy Thiên Chúa, con xin đến để thực hành thánh ý Ngài” (Dt 10,5-7).

Trong sự hiệp thông mật thiết với Đức Kitô, Đức Maria Mẹ Đồng Trinh đã là tạo vật hơn tất cả mọi tạo vật sống trọn vẹn chân lý ơn gọi, bởi vì không một ai đã đáp trả như Đức Maria bằng một tình yêu cao cả đến thế đối lại tình yêu bao la của Thiên Chúa (103).

**37.**“Nhưng khi nghe những lời ấy, anh ta sa sầm nét mặt và buồn bã bỏ đi, bởi vì anh ta có lắm tiền nhiều của” (Mc 10,22). Người thanh niên giàu có trong Tin Mừng đã không đáp lại lời mời gọi của Đức Giêsu, nhắc nhở cho chúng ta những trở ngại lớn lao có thể làm bế tắc hoặc ngăn cản sự đáp trả tự do từ phía con người: chẳng những của cải vật chất có thể khép chặt lòng người trước những giá trị của Thần Khí và trước những đòi buộc triệt để của Nước Thiên Chúa, mà ngay cả một số điều kiện xã hội và văn hoá thời đại cũng có thể tạo ra nhiều mối đe dọa và có thể áp đặt những nhãn giới lêch lạc và sai lầm về bản chất thật sự của ơn gọi, làm cho sự đón nhận và cả đến sự thấu hiểu trở nên khó khăn nếu không nói là bất khả thực hiện.

Nhiều người hình dung về Thiên Chúa bằng một ý niệm khái quát và mơ hồ đến độ gần giống với những hình thức tôn giáo phi Thiên Chúa trong đó người ta quan niệm thánh ý Thiên Chúa như là một thứ định mệnh cố định và bất khả tránh né mà con người chỉ có việc thích nghi và cam chịu một cách hoàn toàn thụ động. Nhưng đó không phải là dung nhan Thiên Chúa mà Đức Giêsu Kitô đã muốn mạc khải cho chúng ta. Thực ra, Thiên Chúa là Cha và, bằng một tình yêu vĩnh cữu cho Ngài khởi xướng trước, Ngài kêu gọi con người và móc nối với con người một cuộc đối thoại kỳ diệu và lâu bền, mời con người chia sẻ chính sự sống thần linh của Ngài với tư cách làm con. Chắc chắn rằng với một cái nhìn sai lạc về Thiên Chúa, con người còn không thể hiểu được chính mình là như thế nào cho đúng với sự thật, bởi vì ơn gọi không thể nào được tri thức và cảm nhận trong giá trị chính hiệu của nó: ơn gọi lúc ấy chỉ có thể được nhận chịu như là một gánh nặng áp đặt và không chịu đựng nổi.

Cũng vậy, một số tư tưởng sai lạc về con người, thường được biện minh bởi những luận chứng mệnh danh là triết lý hay khoa học, một đôi khi dẫn con người đến chỗ quan niêm cuộc hiện hữu của mình và tự do của mình như là hoàn toàn được ấn định và chi phối bởi những yếu tố bên ngoài thuộc cấp trật giáo dục, tâm lý, văn hoá hay xã hội. Trong một số trường hợp, tự do được hiểu bằng những từ ngữ như sự độc lập tuyệt đối, tự coi mình là nguồn cội duy nhất và tối hậu của những lựa chọn cá nhân, tự định nghĩa như là sự khẳng định chính mình với bất cứ giá nào. Nhưng, bằng cách đó, không thể nào hiểu và sống ơn gọi như một cuộc đối thoại tự do bằng tình yêu là cuộc đối thoại nảy sinh từ mối thông hiệp giữa Thiên Chúa với con người và hoàn tất, nơi con người, bằng sự trao hiến chính mình một cách chân thành.

Trong bối cảnh hiện đại, người ta cũng gặp thấy một xu hướng tư duy về mối quan hệ giữa Thiên Chúa và con người theo cách thế của chủ nghĩa cá nhân và của chủ nghĩa thân tình, coi lời mời gọi của Thiên Chúa như thể được ngỏ với từng cá nhân một cách trực tiếp, không hề qua trung gian của cộng đoàn, và coi lời mời gọi ấy như thể nhắm đến mục tiêu là một lợi ích, hoặc là ơn cứu độ của từng ứng sinh chớ không phải là sự trao hiến hoàn toàn cho Thiên Chúa nhằm phục vụ cộng đoàn. Chúng ta cũng còn gặp một mối đe dọa khác thâm sâu hơn, đồng thời tinh vi hơn : mối đe dọa ngăn cản nhận biết và đón mừng chiều kích Giáo Hội được khắc ghi do tự bản chất trong mọi ơn gọi Kitô hữu, đặc biệt trong ơn gọi linh mục. Thật vậy, như Công đồng nhắc nhở, chức linh mục thừa tác đạt được ý nghĩa chính hiệu và thể hiện được chân lý trọn vẹn trong việc phục vụ và trong sự tăng triển của cộng đoàn Kitô hữu và của chức tư tế thuộc về giáo dân (104).

Bối cảnh văn hoá chúng ta vừa gợi lên, mà ảnh hưởng chắc hẳn lan tới các Kitô hữu, đặc biệt tới những người trẻ, giúp hiểu được tầm cỡ của cuộc khủng hoảng chính các ơn gọi linh mục vốn liên can, tự nguồn gốc và trải qua tiến trình phát triển, tới rất nhiều khủng hoàng trầm trọng hơn về đức tin. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã minh bạch tuyên bố điều ấy, các ngài công nhận rằng cuộc khủng hoảng các ơn gọi linh mục có những căn rễ sâu xa trong môi trường văn hoá, trong não trạng và trong cách giữ đạo của các Kitô hữu (105).

Bởi đó, điều khẩn thiết là mục vụ về các ơn gọi của Giáo Hội phải dứt khoát và ưu tiên chăm lo lái tập “não trạng Kitô giáo”, phát sinh từ đức tin và được đức tin nâng đỡ. Hơn bao giờ hết, công cuộc phúc âm hoá hệ tại chỗ trình bày một cách không nhàm chán khuôn mặt thật của Thiên Chúa là Cha Đấng trong Đức Giêsu Kitô, kêu gọi mỗi người chúng ta, đồng thời trình bày ý nghĩa chính hiệu của tự do nhân linh, xét như là nguyên lý và là sức mạnh của sự trao hiến chính mình một cách có trách nhiệm. Chỉ bằng cách đó mới có thể thiết lập được những nền tảng cần thiết để cho mọi ơn gọi, kể cả ơn gọi linh mục, có thể được cảm nhận trong chân lý của nó, được quí mến trong vẻ đẹp của nó, và được sống với lòng tận tụy hoàn toàn và với niềm vui sâu xa.

**Nội dung của mục vụ các ơn gọi và những phương thế được ứng dụng.**

**38.**Ơn gọi chắc chắn là một mầu nhiệm không thể dò thấu bao hàm mối tương quan mà Thiên Chúa thiết lập với con người: độc nhất và không thể văn hồi; là mầu nhiệm được truy nhận và cảm nghiệm như một lời mời gọi đón chờ một sự đáp trả đến từ nơi thâm cung của lương tâm, “nơi thánh điện, ở đó con người hiện diện một mình với Thiên Chúa và ở đó tiếng Chúa được đón nghe” (106). Thế nhưng điều ấy không loại bỏ chiều kích cộng đồng và đặc biệt chiều kích Giáo Hội của ơn gọi; Giáo Hội cũng thực sự hiện diện và hành động trong ơn gọi của mọi linh mục.

Nhằm phục vụ ơn gọi linh mục cũng như hành trình của ơn gọi ấy, nghĩa là sự hình thành, sự phân định và sự sát cánh ơn gọi, Giáo Hội có thể tìm được mẫu gương nơi Anrê, một trong hai môn đệ đầu tiên đã đi theo Đức Giêsu. Chính Anrê đã thuật lại cho người anh điều đã xảy đến cho mình: “Chúng tôi đã gặp Đấng Mêsia (nghĩa là Đấng Kitô)” (Ga 1,44). Và lời tường thuật cuộc “khám phá” ấy mở lối cho cuộc gặp gỡ: *“Và Anrê dẫn anh mình đến với Đức Giêsu”*(Ga 1,42). Không hề có thể hoài nghi về sự đề xướng hoàn toàn tự do và về quyết định tối thượng của Đức Giêsu chính Đức Giêsu gọi Simon và đặt cho Simon một tên mới: “Đức Giêsu nhìn Simon và nói: ‘Ngươi là Simon con ông Gioan; ngươi sẽ được gọi là Kêpha’ (nghĩa là Đá)” (Ga 1,42). Thế nhưng Anrê cũng đã góp phần trong sự đề xướng : Anrê đã khuyến khích anh mình đi gặp Đức Giêsu.

*“Và Anrê dẫn anh mình đến với Đức Giêsu”.*Chính ở đây, hiểu theo một nghĩa nào đó, chúng ta gặp thấy tâm điểm của mọi nền phục vụ về ơn gọi qua đó Giáo Hội quan tâm đến sự hình thành và đến sự tăng triển của các ơn gọi, bằng cách sử dụng những ân huệ và những trách nhiệm, những đặc sủng và thừa tác vụ đã lãnh nhận từ nơi Đức Kitô và từ nơi Thần Khí của Ngài. Với tư cách là dân tư tế, ngôn sứ và vương giả, Giáo Hội có trọng trách cổ võ và phục vụ sự hình thành cũng như sự chín muồi của các ơn gọi linh mục, nhờ kinh nguyện và đời sống bí tích, nhờ việc loan báo Lời Chúa và việc giáo dục đức tin, dưới ảnh hưởng và với chứng từ của đức ái.

Trong phẩm vị và trong trách nhiệm làm dân tư tế. Giáo Hội chỉ dẫn cho thấy *kinh nghiệm*và việc cử hành *phụng cụ*là những *nhịp cốt yếu và tiên khởi của mục vụ các ơn gọi.*Quả vậy, được Lời Chúa nuôi dưỡng, kinh nghiệm Kitô giáo tạo nên khoảng không gian lý tưởng để cho mỗi người có thể khám phá ra chân lý của hữu thể mình và căn tính của phương án đời sống, cá vị và duy nhất, mà Chúa Cha tạo tác cho mình. Do đó, điều cần thiết là phải giáo dục các thiếu nhi và thanh niên sao cho họ trung thành với việc cầu nguyện và suy niệm Lời Chúa; trong thinh lặng và đón nghe, họ sẽ có thể nhận ra được lời mời gọi của Chúa tiến đến chức linh mục và mau mắn quảng đại đi theo Ngài.

Giáo Hội phải đón nhận mỗi ngày lời mời gọi bức bách và khẩn thiết của Đức Giêsu, Ngài yêu cầu “cầu nguyện với Chủ mùa gặt để Chủ ấy sai thợ đến gặt hái” (Mt 9,38). Tuân theo giới lệnh của Đức Kitô, trên hết mọi sự, Giáo Hội chu toàn việc khiêm tốn tuyên xưng đức tin: trong khi cầu nguyện cho các ơn gọi vì cảm nhận được sự khẩn cấp của ơn gọi đối với đời sống và sứ vụ của mình, Giáo Hội nhận ra rằng các ơn gọi là hồng ân của Thiên Chúa và, xét theo bản chất, các ơn gọi ấy phải được van xin bằng một sự cầu khẩn liên lỉ và tín thác. Chẳng những từng người nhưng là toàn thể các cộng đoàn Giáo Hội cần phải thực hành việc cầu nguyện vì đó là điểm tựa, là giá đỡ nâng của mọi nền mục vụ các ơn gọi. Không ai còn nghi ngờ về tâm quan trọng của những sáng kiến đặc thù trong việc cầu nguyện, của những thời khắc đặc biệt dành riêng cho yêu cầu ấy, trước hết phải kể đến Ngày thế giới hằng năm dành cho các ơn gọi, và của sự dấn thân một cách minh thị nơi những người và những nhóm nhạy cảm cách riêng với vấn đề các ơn gọi linh mục. Thế nhưng, ngày nay, sự mong chờ những ơn gọi mới trong việc cầu nguyện phải càng ngày càng trở thành một tập quán trường kỳ với sự tham gia một cách rộng rãi của toàn thể cộng đoàn Kitô giáo và của trọn vẹn thực thể Giáo Hội. Chính nhờ đó mà người ta có thể lặp lại bằng cuộc sống kinh nghiệm của các Tông Đồ : các ngài đã hiệp nhất với Đức Maria, trong Phòng Tiệc Ly, và đã cầu nguyện để mong chờ sự tuôn đổ Thần Khí (x. Cv 1,14), Đấng vẫn không ngừng khơi dậy từ trong toàn dân Thiên Chúa “những linh mục mà thế giới đang cần đến, để phục vụ cho việc cầu nguyện, cho bí tích Thánh Thể và để loan báo Tin Mừng là Đức Kitô” (107).

Là chóp đỉnh và là nguồn mạch của đời sống Giáo Hội (108), cách riêng của mọi kinh nguyện Kitô Giáo, phụng vụ cũng chiếm giữ một vai trò cần thiết và một ảnh hưởng biệt đãi trong mục vụ các ơn gọi. Thực ra, phụng vụ tạo thành một kinh nghiệm sống động về ân huệ của Thiên Chúa và một trường học đáng kể cho việc đáp trả lời mời gọi của Ngài. Xét theo bản chất, mọi việc cử hành phụng vụ, nhất là cử hành bí tích Thánh Thể, mang lại rất nhiều hiệu quả. Phụng vụ mạc khải cho chúng ta dung nhan đích thực của Thiên Chúa; phụng vụ laà cho chúng ta thông hiệp vào mầu nhiệm Vượt Qua, nghĩa là vào giờ mà Đức Giêsu đã đến trong thế gian và vào giờ mà Ngài đã tự do và tự nguyện bước tới, vì vâng theo tiếng gọi của Chúa Cha (x. Ga 13,1); sau hết, phụng vụ tỏ lộ cho chúng ta khuôn mặt của Giáo Hội, xét như là đoàn dân tư tế và như là cộng đoàn gắn chặt với nhau một cách keo sơn, với sự dị biệt và bổ khuyết lẫn nhau của các đặc sủng và các ơn gọi. Hy lễ cứu chuộc của Đức Kitô mà Giáo Hội cử hành trong mầu nhiệm, mang lại một giá trị đặc biệt cao quí cho sự khổ đau được cảm nhận bằng cuộc sống trong sự kết hiệp với Chúa Giêsu. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã mời gọi chúng ta đừng bao giờ quên rằng “nhờ của lễ gồm những khổ đau rất thường tình trong đời sống con người, bệnh nhân Kitô hữu tiến dâng chính mình làm của lễ toàn thiêu cho Thiên Chúa, theo gương Đức Kitô Đấng đã tự hiến chính mình cho mọi người chúng ta (x. Ga 17,19)” và rằng “của lễ gồm những khổ đau dâng theo ý hướng ấy mang lại ích lợi lớn lao cho sự thăng tiến các ơn gọi” (109).

**39.**Trong việc thực hành sứ vụ ngôn sứ, Giáo Hội cảm thấy rằng bổn phận không thể né tránh của mình là *loan báo và bày tỏ ý nghĩa Kitô Giáo của ơn gọi*mà chúng ta có thể gọi là “Tin Mừng về ơn gọi”. Giáo Hội cũng nhận thức trong lãnh vực này sự bức xúc được diễn tả qua lời của Thánh Tông Đồ: “Vô phúc cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng!” (1Cr 9,16). Trên tất cả, lời khuyến cáo ấy vang vọng cho chúng tôi là những mục tử và, đồng thời với chúng tôi, liên can đến mọi nhà giáo dục trong Giáo Hội. Công việc giảng thuyết và huấn giáo phải luôn làm nổi bật những mối tương quan mật thiết với các ơn gọi: Lời Thiên Chúa mang lại cho các tín hữu ánh sáng cần thiết để nhận thấy cuộc đời là một sự đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa, Lời Thiên Chúa sát cánh với các tín hữu để họ đón nhận, trong đức tin, ân huệ ơn gọi bản thân.

Thế nhưng, mặc dầu quan trọng, tất cả những điều ấy vẫn chưa đủ : cần có một “khoa rao giảng trực tiếp về mầu nhiệm ơn gọi trong Giáo Hội, về giá trị của chức linh mục thừa tác, về sự cần thiết bức bách của chức linh mục thừa tác đối với dân Thiên Chúa” (110). Một nền giáo huấn hữu cơ và mở rộng cho mọi thành phần trong Giáo hội giúp xua tan những nghi hoặc, đánh bại những ý niệm một chiều và sai lệch về thừa tác vụ linh mục, đồng thời mở rộng tâm hồn các tín hữu cho việc mong chờ hồng ân và tạo những điều kiện thuận lợi cho sự hình thành những ơn gọi mới. Đã đến lúc phải can đảm đề cập đến đời sống linh mục như là một giá trị vô song và như là một hình thức sống đời sống Kitô hữu rạng rỡ và ưu việt. Các nhà giáo dục và đặc biệt các linh mục đừng ngần ngại đề xuất một cách minh bạch và mạnh mẽ ơn gọi hướng đến chức linh mục như là một sự khả thi thiết thực đối với những người trẻ có tài năng và có đức tính xứng hợp. Làm như vậy không có nghĩa là chi phối và hạn chế tự do của những người trẻ, ngược lại, một sự đề xuất chính xác, được thực hiện đúng lúc, có thể có giá trị định đoạt để rồi khơi dậy nơi những trẻ một sự đáp trả tự do và chính hiệu. Ngoài ra, lịch sử của Giáo Hội và lịch sử của biết bao ơn gọi linh mục, được nở rộ ngay cả vào lúc tuổi thơ, là một chứng cớ hùng hồn cho tính chất quan phòng của việc sống kề cận với linh mục và của việc nghe lời linh mục nói: không những lời nói nhưng còn là sự kề cận, nghĩa là một chứng từ cụ thể, vui tươi, có khả năng làm trổi hiện những vấn nạn và dẫn đến những quyết định dứt khoát.

**40.**Với tư cách là dân vương giả, Giáo Hội nhận thức mình được bén rễ trong “lề luật của Thần Khí là Đấng ban sự sống” (Rm 8,2), và được thôi thúc bởi lề luật ấy. Lề luật ấy vốn dĩ thiết yếu là lề luật vương giả của đức ái (x. Gc 2,8) hay lề luật trọn hảo của tự do (x. Gc 1,25). Chính vì thế, Giáo Hội chu toàn sứ vụ của mình khi Giáo Hội *dẫn dắt mọi tín hữu khám phá và sống ơn gọi của riêng mình trong tự do và gánh vác ơn gọi ấy cho tới hoàn thành trong đức ái.*

Trong công việc giáo dục, với một sự chú tâm biệt đãi, Giáo Hội nhằm khơi dậy nơi các trẻ nhỏ, nơi các thanh thiếu niên niềm khát vọng và ước muốn nối gót Đức Giêsu Kitô trong mọi sự và một cách kề cận. Công trình giáo dục, mặc dầu liên quan tới cộng đoàn Kitô hữu xét như là cộng đoàn, cần phải đáp ứng cho từng người một: quả vậy, qua lời mời gọi của Ngài, Thiên Chúa đạt thấu lòng mỗi người, và Thần Khí, Đấng cư ngụ trong lòng mỗi môn đệ (x. 1Ga 3,24), được trao ban cho từng Kitô hữu với những đặc sủng dị biệt và với những biểu hiện riêng rẽ của mình. Như thế mỗi người cần được giúp đỡ để lãnh nhận ân huệ được giao phó cho mình một cách cá nhân, với tư cách một ngôi vị độc nhất và bất khả thay thế, và cần được giúp đỡ để đón nghe những lời mà Thần Khí Thiên Chúa ngỏ với mình.

Trong nhãn quan ấy, mối ưu tư về các ơn gọi hướng đến chức linh mục cũng có thể được diễn đạt bằng một sự đề xuất quyết liệt và thuyết phục trong *việc linh hướng.* Điều cần thiết là phải khám phá lại truyền thống cao cả về việc sát cánh thiêng liêng với từng người, là công việc đã luôn mang lại nhiều hoa trái quý giá trong đời sống Giáo Hội, tiến trình linh hướng này có thể được bổ khuyết, trong những trường hợp nhất định và với những điều kiện chính xác, bằng những hình thức phân tích hay những trợ lực tâm lý, chớ không được thay thế bởi chúng (111). Các trẻ nhỏ, các thanh thiếu niên phải được mời gọi khám phá và đánh giá ơn được ban là việc linh hướng, truy tầm ơn ấy, thực tập ơn ấy, yêu cầu ơn ấy, bằng một thái độ tha thiết và tin cậy, nơi các vị giáo dục mình trong đức tin. Về phía mình, các linh mục phải là những người tiên phong cống hiến thời giờ và năng lực cho công trình giáo dục và trợ giúp thiêng liêng cho từng cá nhân : ước chi các linh mục đừng bao giờ hối tiếc vì đã coi thường hoặc đã để vuột mất sang hàng thứ yếu nhiều điều khác, ngay cả những điều đẹp đẽ và hữu ích, nếu như đó là sự việc không thể tránh khỏi để vẫn tiếp tục tin vào thừa tác vụ của mình là cộng tác với Thần Khí hầu soi sáng và hướng dẫn những ai được mời gọi.

Cùng đích của việc giáo dục người Kitô hữu là đạt tới, dưới ảnh hưởng của Thần Khí, “sự trưởng thành viên mãn của Đức Kitô” (Ep 4,13). Điều này được thể hiện khi, nhờ noi theo và chia sẻ đức ái của Chúa Kitô, người ta làm cho trọn vẹn cuộc sống mình trở nên việc phục vụ tình yêu (x. Ga 13,14-15), bằng cách tiến dâng lên Thiên Chúa sự thờ phượng thiêng liêng đẹp lòng Ngài (x. Rm 12,1) và bằng cách xả thân cho anh em. *Công việc phục vụ tình yêu là hướng đi cơ bản của mọi ơn gọi,*và điều ấy nghiệm đúng một cách hết sức đặc biệt cho ơn gọi linh mục vì, quả thực, linh mục được mời gọi lặp lại bằng cuộc sống phương cách triệt để nhất có thể để thực thi đức ái mục vụ của Chúa Giêsu, nghĩa là tình yêu của Vị Mục Tử Nhân Lành “hiến mạng sống mình vì đoàn chiên” (Ga 10,11).

Chính vì thế, một nền phục vụ chính hiệu về ơn gọi sẽ không bao giờ nản chí trong việc giáo dục các trẻ nhỏ, các thanh thiếu niên về khát vọng dấn thân, về ý nghĩa của việc phục vụ nhưng không, về giá trị của hy sinh, về sự trao hiến chính mình một cách vô điều kiện. Phong trào tự nguyện, ngày càng thu hút đối với nhiều người trẻ, là một phong trào rất hữu ích, với điều kiện đó là tự nguyện do động lực Tin Mừng, giúp giáo dục những người trẻ biết phân định các nhu cầu, giúp họ mỗi ngày một sống tận tụy và trung thành, giúp họ sẵn sàng đón nhận khi cần kíp cuộc dấn thân dứt khoát trong đời tận hiến, lấy việc cầu nguyện làm lương thực. Tự nguyện như thế sẽ đỡ nâng cách chắc chắn hơn một cuộc đời dấn thân vô vị lợi và nhưng không, và sẽ làm cho người nào đeo đuổi cuộc đời ấy trở nên bén nhạy hơn đối với tiếng nói của Thiên Chúa là Đấng có thể mời gọi người ấy tiến đến chức linh mục. Ngược lại với người thanh niên giàu có, kẻ nhẹ dạ vẫn có thể đón nhận lời mời gọi tràn đầy tình yêu mà Đức Giêsu ngỏ với mình (x. Mc 10,21); người ấy sẽ có thể đón nhận lời mời gọi bởi vì của cải (biens) của người ấy đã hệ tại chỗ trao hiến chính mình cho ngươờ khác và ở chỗ “thiệt mất” chính mình.

**Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm đối với các ơn gọi linh mục.**

**41.**Ơn gọi linh mục là một ân huệ của Thiên Chúa, ân huệ ấy chắc chắn tạo thành một thiện ích lớn lao đối với người đầu tiên được trao gởi. Thế những đó cũng là một ân huệ dành cho toàn thể Giáo Hội, một thiện ích cho đời sống và sứ vụ của Giáo Hội. Bởi đó, Giáo Hội được mời gọi bảo tồn ân huệ ấy, quí chuộng và yêu mến ân huệ ấy : Giáo Hội có trách nhiệm đối với sự hình thành và đối với sự chính muồi của các ơn gọi linh mục. Do vậy, chủ thể chủ động, chiến hữu tiên phong của mục vụ ơn gọi chính là cộng đoàn Giáo Hội xét như là cộng đoàn, trong mọi hình thái biểu hiện khác biệt của cộng đoàn ấy: từ Giáo Hội phổ quát đến Giáo Hội địa phương và, một cách loại suy, từ Giáo Hội địa phương đến giáo xứ và đến mọi thành phần Dân Chúa.

Điều bức bách hơn bao giờ hết, nhất là ngày nay, là phải lan truyền và củng cố niềm xác tín rằng *tất cả mọi thành phần trong Giáo Hội, không loại trừ một ai, đều nhận được ân sủng và đều mang lấy trách nhiệm chăm lo cho các ơn gọi.*Công Đồng Vaticanô II đã tỏ ra minh bạch hết mực khi quả quyết rằng “bổn phận tạo thuận lợi cho sự gia tăng các ơn gọi linh mục là của toàn thể cộng đoàn Kitô hữu, cộng đoàn Kitô hữu được giao phó phải thanh thỏa bổn phận ấy trước tiên bằng một đời sống trọn vẹn là Kitô hữu” (112). Chỉ trên nền tảng niềm xác tín ấy mà mục vụ các ơn gọi mới có thể biểu lộ dung nhan thật sự Giáo Hội của mình và mới có thể phát huy một hoạt động hoà diệu, bằng cách cũng sử dụng những bộ phận đặc biệt và những phương thế thích ứng với sự hiệp thông và với tinh thần đồng trách nhiệm.

Trách nhiệm đầu tiên của nền mục vụ hướng về các ơn gọi linh mục, đó là trách nhiệm của *giám mục (113)*, giám mục được mời gọi đích thân đảm nhận trách nhiệm ấy, ngay cả khi ngài có thể và phải cổ võ những nguồn cộng tác đa dạng. Giám mục là một người cha và là một người bạn đối với linh mục đoàn của mình, trách nhiệm của ngài là phải “duy trì cho liên tục” đặc sủng và thừa tác vụ linh mục bằng cách kết hiệp thêm những lực lượng mới nhờ việc đặt tay. Giám mục phải chăm lo sao cho chiều kích các ơn gọi luôn luôn hiện diện trong toàn bộ mục vụ bình thường, hơn nữa sao cho chiều kích ấy được hội nhập và được đồng hoá với mục vụ. Chính giám mục có trách nhiệm cổ võ và điều hợp các sáng kiến dị biệt ấy để mưu ích cho các ơn gọi (114).

Giám mục biết rằng, trên tất cả, ngài có thể cậy dựa vào sự cộng tác của linh mục đoàn. Tất cả *các linh mục,*cùng với ngài, đều liên đới với nhau, và đồng trách nhiệm với nhau trong việc mưu cầu và trong việc thăng tiến các ơn gọi linh mục. Thật vậy, như lời quả quyết của Công Đồng, “với tư cách là những nhà giáo dục đức tin, các linh mục có trách nhiệm chăm lo sao cho mỗi Kitô hữu, trong Chúa Thánh Thần, đạt tới sự triển nở ơn gọi của bản thân mình” (115). Và đó là “một bổn phận bắt nguồn từ chính sứ vụ linh mục, nhờ đó linh mục thông chia mối ưu tư của toàn thể Giáo Hội là làm sao, mãi mãi nơi trần thế này, tránh khỏi nạn thiếu hụt những người thợ trong đoàn dân Thiên Chúa” (116). Đời sống các linh mục, lòng tận tụy tuyệt đối của các ngài dành cho dân Thiên Chúa, việc các ngài làm chứng bằng cách phục vụ Chúa và Giáo Hội của Chúa trong tình yêu – đây là một chứng từ in hằn dấu thánh giá, thánh giá được chấp nhận trong hi vọng và trong niềm vui phục sinh – sự hoà hợp huynh đệ của các ngài và nhiệt tâm của các ngài trong việc rao giảng Tin Mừng cho thế giới, đó là những yếu tố đệ nhất và có tính thuyết phục nhất cho thấy các ơn gọi quà thật phong nhiêu (117).

Một trách nhiệm rất đặc thù được giao phó cho *gia đình Kitô giáo*bởi vì, nhờ vào bí tích hôn nhân, gia đình thông phần một cách đặc biệt và độc đáo vào sứ vụ giáo dục của Giáo Hội là Mẹ và là Thầy. Như các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã viết, “quả thực như một ‘Giáo Hội tại gia’ *(Lumen gentium,*GH, số 11), gia đình đã luôn cống hiến và còn tiếp tục công shiến những điều kiện thuận lợi cho sự hình thành các ơn gọi. Bởi vì, ngày nay, hình ảnh gia đình Kitô giáo đang gặp hiểm hoạ, cần phải dành một tầm quan trọng lớn lao cho mục vụ gia đình. Bằng cách ấy, một khi quảng đại đón nhận ơn sự sống con người, chính các gia đình sẽ trở thành “như thể chủng viện đầu tiên” *(Optatam totius,* ĐT số 2), trong đó các trẻ em sẽ có thể đạt được, ngay từ buổi đầu, ý thức về đạo đức, về việc cầu nguyện và về tình yêu đối với Giáo Hội” (118). Trong dòng liên tục và hoà điệu với hoạt động của các cha mẹ và của gia đình, phải kể đến *học đường,*là bộ phận được mời gọi sống căn tính “cộng đoàn giáo dục” của mình với một phương án văn hoá có khả năng chiếu tỏa ánh sáng trên chiều kích của ơn gọi, xét như là giá trị tự nhiên và cơ bản của con người. Trong chiều hướng ấy, bằng một đức tin nhất thiết được điểm tô bằng tinh thần Kitô giáo (hoặc nhờ tôn giáo được hiện diện cách minh nhiên nơi học đường Nhà Nước, theo những sự sắp đặt của quốc gia, hoặc nhất là trong trường hợp học đường công giáo), học đường có thể ghi tạc “vào trong tâm trí các trẻ nhỏ và các thanh thiếu niên niềm khát vọng thi hành ý Thiên Chúa trong bậc sống thích hợp nhất cho từng người, mà không bao giờ loại trừ ơn gọi tiến đến thừa tác vụ linh mục” (119).

*Các tín hữu giáo dân,*cách riêng các giáo lý viên, những nhà giảng dạy, những nhà giáo dục, những linh động viên của mục vụ cho người trẻ, mỗi người tùy theo tài nguyên và khả năng riêng của mình, đóng một vai trò rất quan trọng trong mục vụ ơn gọi linh mục. Thực vậy, càng đào sâu ý nghĩa của ơn gọi và của sứ vụ mình trong Giáo Hội, họ càng có thể nhận ra giá trị và tính chất bất khả thay thế của ơn gọi và của sứ vụ linh mục.

Trong khuôn khổ các cộng đoàn giáo phận và giáo xứ, *những nhóm suy tư về ơn gọi*cần phải được quí chuộng và khích lệ. Các thành viên trong những nhóm ấy cống hiến phần đóng góp bằng cầu nguyện và bằng những khổ đau của mình cho những ơn gọi linh mục và tu sĩ, đồng thời nâng đỡ các ơn gọi ấy về tinh thần cũng như vật chất.

Ở đây cũng cần phải nhắc tới *nhiều nhóm, nhiều phong trào và hiệp hội tín hữu giáo dân* mà Chúa Thánh Thần khởi động và làm tăng trưởng trong Giáo Hội, trong tương quan với sự kiện người Kitô hữu hiện diện một cách thừa sai hơn trong thế giới. Các tổ chức giáo dân ấy được nhìn nhận là một môi trường đặc biệt giàu ơn gọi tận hiến, như là những địa điểm thực sự thích ứng với việc đề xuất và tăng triển ơn gọi. Thật vậy, nhiều người trẻ, trong chính khuôn khổ ấy và nhờ vào những hiệp hội ấy, đã nghe được lời Chúa mời gọi đi theo Ngài trên con đường linh mục thừa tác và đáp trả với một lòng quảng đại đáng khích lệ (120). Bởi vậy, vần phải đề cao những tổ chức ấy để, trong sự hiệp thông với toàn thể Giáo Hội và nhờ các tổ chức ấy nên lớn mạnh, các tổ chức ấy đóng góp phần riêng của mình vào sự phát triển mục vụ các ơn gọi.

Những tiến kêu nài vang vọng từ nhiều phía, những thành phần khác nhau trong Giáo Hội dấn thân cho mục vụ ơn gọi, tất cả hoạt động cho ơn gọi ấy càng trở nên hữu hiệu nếu như càng làm cho cộng đoàn Giáo Hội, khởi từ giáo xứ, hiểu được rằng tuyệt đối không thể đem vấn đề ơn gọi linh mục ủy thác cho một số “chuyên gia để rồi trút bỏ trách nhiệm trên họ” (các linh mục nói chung và các linh mục phụ trách chủng viện nói riêng), nhưng là “một vấn đề sống còn nằm ngay giữa lòng Giáo Hội” (121), và rằng cần phải đem đặt vấn đề ấy vào trong tâm điểm tình yêu của mọi Kitô hữu đối với Giáo Hội.

CHƯƠNG V

NG ÀI THIẾT LẬP HỌ

THÀNH NHÓM MƯỜI HAI

ĐỂ HỌ NÊN BẠN

ĐỒNG HÀNH VỚI NGÀI

VIỆC ĐÀO TẠO

CÁC ỨNG SINH LINH MỤC

**Sống nối gót Đức Kitô như các Tông Đồ**

**42.**“Ngài leo lên núi và Ngài gọi những kẻ Ngài muốn đến với Ngài. Họ đã đến với Ngài và Ngài thiết lập họ thành Nhóm Mười Hai để họ nên bạn đồng hành với Ngài và để sai họ đi rao giảng, kèm theo quyền xua trừ ma quỷ” (Mc 3,13-15).

“Để họ nên đồng hành với Ngài” : với những từ này, chúng ta có thể đọc thấy “sự sát cánh các ơn gọi” của các Tông Đồ, từ phía Đức Giêsu. Sau khi đã kêu gọi họ và trước khi sai họ đi và cũng là để có thể sai họ đi rao giảng, Đức Giêsu xếp đặt cho họ một thời gian đào tạo nhằm mục đích phát triển mối tương quan hiệp thông và bằng hữu sâu xa với Ngài. Ngài dành cho họ một nền huấn giáo đi vào chiều sâu (x. Mt 13,11), và Ngài muốn họ nên những người làm chứng về đời cầu nguyện thầm lặng của Ngài với Chúa Cha (x. Ga 17,1-6; Lc 22,39-45).

Trong sự chăm sóc dành cho các ơn gọi linh mục, Giáo Hội, thuộc mọi thời đại, tìm nguồn cảm hứng nơi gương mẫu của Chúa Kitô. Mục vụ các ơn gọi trong Giáo Hội đã có và hôm nay vẫn còn có rất *nhiều dạng thức cụ thể khác biệt nhau,*chẳng những nhắm mục đích phân định các ơn gọi linh mục nhưng còn là sát cánh với các ơn gọi ấy. Tuy nhiều nhưng *tinh thần*thôi thúc và nâng đỡ vẫn *là một :*chỉ sau khi đã đào tạo những người có ơn gọi một cách đầy đủ mới có thể đưa họ tiến đến chức linh mục. Mục vụ các ơn gọi cung ứng cho họ khả năng đáp trả một cách ý thức và tự do và sự đáp trả ấy đưa dẫn toàn thể con người họ đến với Chúa Giêsu Kitô, Đấng mời gọi họ sống thân tình với Ngài và chia sẻ sứ vụ cứu độ của Ngài. Trong chiều hướng này, “chủng viện”, dưới nhiều hình thức khác nhau và, một cách tương tự, “cơ sở đào tạo” các linh mục dòng, trước khi là một nơi chốn vật chất, đã phải là một nơi chốn thiêng liêng, một lộ trình cho cuộc sống, một bầu khí trợ lực và bảo đảm cho tiến trình đào tạo, nhờ đó giúp những người được Thiên Chúa mời gọi tiến đến chức linh mục trở thành hình ảnh sống động của Đức Kitô Đầu và Mục Tử của Giáo Hội, qua bí tích Truyền Chức Thánh. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã trình bày rõ rệt ý nghĩa nguyên thủy và loại biệt của việc đào tạo các ứng sinh linh mục: “Sống trong chủng viện, trường dạy Tin Mừng, có nghĩa là sống nối gót Đức Kitô như các Tông Đồ, có nghĩa là để cho Đức Kitô đưa dẫn vào công cuộc phục vụ Chúa Cha và phục vụ nhân loại, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, và để cho mình nên đồng hình dạng với Đức Kitô Mục Tử Nhân Lành nhằm mục đích, trong cương vị linh mục, phục vụ tốt đẹp hơn trong Giáo Hội và trong thế giới. Được đào tạo để làm linh mục có nghĩa là luyện tập để có thể tự mình trả lời câu hỏi cơ bản của Đức Kitô: “Con có yêu mến Ta không?” Đối với người linh mục tương lai, câu trả lời chỉ có thể là sự trao hiến trọn vẹn đời sống mình” (122).

Vấn đề ở đây là phải tùy vào những điều kiện xã hội, tâm lý, chính trị và văn hoá của thế giới hiện nay mà phiên dịch tinh thần nói trên là tinh thần không bao giờ được sao nhăng trong Giáo Hội; những điều kiện ấy vốn dị biệt và phức tạp theo như lời chứng của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng, trong tương quan với các Giáo Hội địa phương khác nhau. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng để lộ những mối bận tâm đầy lo âu nhưng đồng thời cũng nêu cao một niềm hy vọng lớn lao, các ngài đã dành nhiều thời giờ để suy tư về những nỗ lực nghiên cứu và những nỗ lực thích nghi các phương pháp đào tạo ứng sinh linh mục, hiện đang được thực hiện trong những Giáo Hội của các ngài.

Tông Huấn hiện tại chỉ có ý thâu nhập thành quả các công việc trong Thượng Hội Đồng. Tông Huấn này muốn xác định một vài*điểm đã đạt được,*chỉ rõ *những mục tiêu không thể bỏ qua,*cung ứng cho mọi người *những bước đường đào tạo phong phú* đã được thử nghiệm một cách tích cực. Trong Tông Huấn này, có sự phân biệt giữa*đào tạo “khai đạo” và đào tạo “trường kỳ”,*tuy vậy vẫn không bao giờ coi nhẹ mối liên hệ sâu xa nối kết chúng nên một và làm cho cả hai trở thành một lộ trình duy nhất cho cuộc sống Kitô hữu và linh mục. Tông Huấn bàn về *những chiều kích*khác biệt trong nền*đào tạo nhân bản, thiêng liêng, trí thức và mục vụ,*cũng như bàn về *các môi trường*và những *chủ thể có trách nhiệm* đào tạo các ứng sinh.

I. CÁC CHIỀU KÍCH CỦA VIỆC ĐÀO TẠO LINH MỤC

**Đào tạo nhân bản, nền tảng của mọi nền đào tạo linh mục.**

**43.**“Không có đào tạo nhân bản thỏa đáng, thì việc đào tạo linh mục trong toàn bộ sẽ bị thiếu hụt mất nền tảng cần thiết” (123). Lời khẳng định này của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng không chỉ nói lên một dữ kiện mà lý trí quen gợi lên và kinh nghiệm vẫn thường xác nhận: đó còn là một đòi buộc mà nguyên do sâu xa nhất và loại biệt nhất nằm ngay trong chính bản chất của linh mục và của thừa tác vụ linh mục. Được mời gọi trở nên “hình ảnh sống động” của Đức Giêsu Kitô Đầu và Mục Tử, linh mục cần phải phản ánh nơi chính mình, trong mức độ có thể, sự thành toàn nhân bản như được rạng chiếu nơi Con Thiên Chúa làm người và như được nhìn xuyên thấu qua các thái độ đầy hiệu năng của Ngài đối với tha nhân, đúng như lời diễn tả của các tác giả Tin Mừng. Chắc hẳn thừa tác vụ của linh mục bao gồm việc loan báo Lời Chúa, cử hành các bí tích, điều hành cộng đoàn Kitô hữu “nhân danh và thay mặt Đức Kitô”, nhưng tất cả những công việc ấy luôn luôn là để nhắm tới những con người cụ thể: “Thật vậy, được cất nhắc từ giữa loài người, mọi vị thượng tế đều được đặt lên để can thiệp cho loài người trong những mối quan hệ giữa loài người với Thiên Chúa” (Dt 5,1). Chính vì thế, việc đào tạo nhân bản cho người linh mục mặc một tầm quan trọng riêng biệt vì lý do linh mục phải quan hệ với với những người đón nhận sứ vụ của mình. Thật vậy, để cho thừa tác vụ của linh mục được dễ tin hơn và dễ đón nhận hơn xét theo phương diện nhân bản, linh mục cần phải trau dồi nhân cách của mình sao cho mình trở nên một “nhịp cầu” chớ không phải một chướng ngại vật cho tha nhân trong việc gặp gỡ Đức Giêsu Kitô Đấng cứu chuộc loài người. Noi gương Đức Giêsu là Đấng “biết được những điều chất chứa trong lòng người” (Ga 2,25; x. 8,3-11), linh mục cần phải có khả năng hiểu biết sâu xa lòng trí con người, trực giác được những khó khăn và những vấn đề, tạo điều kiện dễ dàng cho sự gặp gỡ và đối thoại, đạt được lòng tin cậy và sự cộng tác, phát biểu được những phán đoán lành mạnh và khách quan.

Như thế, không phải chỉ vì để đạt được một sự triển nở cần thiết và chính đáng và để tự thể hiện chính mình, nhưng còn vì để thi hành thừa tác vụ linh mục mà các linh mục tương lai cần phải vun trồng một tập hợp những đức tính nhân bản, cần thiết cho sự kiến tạo những nhân cách quân bình, mạnh mẽ và tự do: chính vì để có khả năng chịu đựng sức nặng của các trách nhiệm mục vụ. Bởi đó có nhu cầu phải được giáo dục về lòng yêu mến chân lý, về sự chân thành, về sự tôn trọng nhân vị đối với mọi người, về ý thức công bằng, về chữ tín trong lời nói, về lòng trắc ẩn thực thụ, về tính nhất quán, cách riêng về sự quân bình trong phán đoán và trong cách cư xử (124). Trong thư gởi tín hữu Philipphê, Thánh Tông Đồ Phaolô đề nghị một chương trình vừa đơn giản vừa đỏi hỏi cho việc đào tạo nhân bản: “Tất cả những gì là chân thật, là cao thượng, là công minh, là trong trắng, là dễ mến, là đáng kính phục, tất cả những gì được coi là tốt đẹp về mặt nhân đức nhân bản và về những điều được người đời ca ngợi, anh em hãy chú trọng tất cả những điều ấy” (Ph 4,8). Có điều thú vị đáng ghi nhận, đó là thánh Phaolô, ngay trong những đức tính thật sự nhân bản của Ngài, lại đưa chính mình ra làm mẫu mực cho các tín hữu, ngài nói tiếp ngay sau đó: “Những gì anh em đã học, đã lãnh nhận, đã nghe về tôi và đã nhận thấy nơi tôi, anh em phải đem ra thực hành” (Pl 4,9).

Tương quan với tha nhân mang một tầm quan trọng đặc thù. Đó là một yếu tố thật sự thiết yếu đối với người được mời gọi lãnh nhận trách nhiệm trên một cộng đoàn và trở thành “con người của hiệp thông”. Điều này đòi hỏi linh mục không được tự cao, không được cau có nhưng phải nhã nhặn, niềm nở, chân thành trong lời nói cũng như trong lòng (125), khôn ngoan và thận trọng, quảng đại và sẵn sàng phục vụ, có khả năng thiết lập với tha nhân và khơi dậy nơi tha nhân những mối quan hệ chân thành và huynh đệ, mau cảm thông, tha thứ và an ủi (x. 1 Tm 3, 1-5; Tr 1,7-9). Thường bị xô đẩy vào tình trạng vừa ô hợp vừa cô độc, nhất là nơi những chỗ tập trung đông đúc ở thành thị, nhân loại hiện nay càng ngày càng nhạy cảm đối với sự hiệp thông: ngày nay hiệp thông là một trong những dấu chỉ hùng hồn nhất và là một trong những đường lối hữu hiệu nhất của sứ điệp Tin Mừng.

Đào tạo cho ứng sinh linh mục có được sự trường thành về cảm tính, trong một bối cảnh như hiện nay, là một yếu tố quan trọng và mang tính định đoạt, là tìm cách làm cho bước đường giáo dục thật sự đạt tới một tình yeê chân thực và hữu trách.

**44.***Sự trưởng thành về mặt cảm tính*giả thiết đã đạt được ý thức về vị trí trung tâm của tình yêu trong cuộc sống con người. Thực ra, như Tôi đã viết trong thông điệp *Redemptor hominis,*“con người không thể sống mà không có tình yêu. Con người sẽ mãi mãi không hiểu được chính mình, cuộc đời con người sẽ mất hết ý nghĩa nếu con người không đón nhận mạc khải về tình yêu, nếu con người không gặp được tình yêu, nếu con người không thử nghiệm tình yêu, nếu con người không biến tình yêu thành của mình, nếu con người không thông phần một cách mạnh mẽ vào tình yêu” (126).

Tình yêu được đề cập ở đây là một tình yêu bao gồm toàn thể ngôi vị con người, trong những chiều kích và những câu đố thể lý, tâm lý và thiêng liêng của con người, một tình yêu được diễn đạt trong “ý nghĩa hôn ước” của thân thể con người, nghĩa là, nhờ thân thể, con người tự trao hiến mình cho người khác và đón nhận người khác. Một nền giáo dục phải tính hiểu một cách đúng đắn sẽ hướng đến chính nổ lực hiểu biết và thể hiện tình yêu nhân linh ấy trong “chân lý” của nó. Ngày nay, người ta ghi nhận một tình huống xã hội và văn hoá xô bồ trong đó “đại đa số ‘tầm thường hoá’ tính dục con người, cắt nghĩa tính dục con người một cách giản lược và nghèo nàn, chỉ đem móc nối tính dục với thân xác và với lạc thú ích kỷ” (127). Về phương diện này, ngay chính những gia đình làm nơi phát xuất ơn gọi linh mục cũng rơi vào những tình huống trong đó có những hụt hẫng đáng kể và đôi khi những bất quân bình nghiêm trọng.

Trong một bối cảnh như thế, điều khó hơn nhưng cũng bức bách hơn, đó là bảo đảm có được một *nền giáo dục về tính dục*thật sự và trọn vẹn thiết thân cho từng cá nhân, một nền giáo dục dẫn đến sự quý chuộng cũng như lòng yêu mến đối với đức khiết tịnh, “là nhân đức phát huy sự trưởng thành chính hiệu của ngôi vị nhân linh, làm cho con người có khả năng tôn trọng và thăng tiến “ý nghĩa hôn ước” của thân xác” (128).

Giáo dục cho con người có được tình yêu hữu trách và làm cho con người trưởng thành về cảm tính là những gì tuyệt đối cần thiết cho người nào được mời gọi, như linh mục, sống bậc*độc thân,*nghĩa là được mời gọi, với ân sủng của Chúa Thánh Thần và nhờ sự đáp trả tự do bằng ý muốn của riêng mình, hiến dâng toàn thể tình yêu và lòng ân cần của mình cho Đức Giêsu Kitô và cho Giáo Hội. Nhằm mục đích dấn bước sống độc thân, sự trưởng thành về mặt cảm tính phải có thể hội nhập vào trong những mối quan hệ nhân sinh, như tình bạn lành mạnh và tình huynh đệ sâu xa, một tình yêu nồng nhiệt, sắc bén và tự thân đối với Đức Giêsu Kitô. Như các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã viết “tình yêu của Đức Kitô, được nối dài bằng hy lễ tiến dâng chính mình mang chiều kích hoàn vũ, phải chiếm giữ tầm quan trọng bậc nhất trong việc phát động sự trưởng thành về mặt cảm tính. Chính nhờ đó mà ứng sinh được mời gọi sống độc thân sẽ tìm được nơi sự trưởng thành về mặt cảm tính một chỗ dựa vững chắc để sống đức khiết tịnh một cách trung tín và vui vẻ” (129).

Dẫu có là chính hiệu và tôi luyện, đặc sủng độc thân vẫn giữ nguyên những nghiêng chiều của cảm tính và những thúc đẩy của bản năng : do đó, các ứng sinh linh mục rất cần đến một sự trưởng thành về mặt cảm tính, nhờ đó mới có khả năng sống thận trọng, từ khước tất cả những gì có thể làm phương hại sự trưởng thành ấy, biết cảnh tỉnh về thể xác cũng như tinh thần, có được thái độ quí chuộng và tôn trọng những tương quan liên vị giữa nam và nữ. Có thể góp thêm vào đó một sự trợ giúp quí giá từ một nền giáo dục thích nghi cho *tình bạn* đích thực, theo gương những mối giây trìu mến huynh đệ mà chính Đức Kitô đã thể hiện trong cuộc sống trần thế của Ngài. (x. Ga 11,5).

Sự trưởng thành nhân bản và cách riêng sự trưởng thành về mặt cảm tính đòi hỏi một *nền đào tạo* trong suốt và cương nghị *nhắm đến tự do,* để cho tự do mặc lấy những sắc thái của một sự tuân phục vừa xác tín vừa chân tình đối với “sự thật” của con người mình, đối với “ý nghĩa” của cuộc sống mình, nghĩa là tuân phục đến độ trao hiến chính mình một cách chân thành, lấy đó làm đường lộ và làm cốt lõi cơ bản cho sự thể hiện bản thân chính hiệu (130). Hiểu như thế, tự do đòi hỏi con người phải thực sự làm chủ chính mình, dứt khoát chiến đấu và thắng vượt mọi hình thái vi kỷ và cá nhân chủ nghĩa vốn đe dọa đời sống mỗi người, mau mắn cởi mở đối với tha nhân, quảng đại trong sự tận tụy và trong việc phục vụ đối với tha nhân. Tất cả những điều ấy đều quan trọng để có thể đáp trả ơn gọi, đặc biệt ơn gọi linh mục, để có thể trung thành với ơn gọi và với những cam kết gắn liền với ơn gọi, nhất là trong những giai đoạn khó khăn. Đời sống cộng đoàn trong chủng viện có thể góp thêm phần trợ lực để cho việc giáo dục tạo được bước tiến hướng đến một sự tự do chín muồi và có trách nhiệm (130).

*Giáo dục về lương tâm luân lý*là một công việc mật thiết gắn liền với việc đào tạo về tự do hữu trách. Từ nơi cái “tôi” sâu thẳm, lương tâm luân lý vổ võ sự vâng phục trước những đòi buộc luân lý; đồng thời, lương tâm luân lý vén mở ý nghĩa thâm sâu của sự vâng phục ấy : một sự đáp trả có ý thức và tự do, bởi đó có động lực là tình yêu, trước những lời yêu cầu của Thiên Chúa và của tình yêu Ngài. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng viết: “Sự trưởng thành nhân bản của linh mục phải đặc biệt bao hàm việc đào tạo lương tâm linh mục. Thật vậy, để cho ứng sinh có thể trung thành thỏa đáp những ràng buộc của mình đối với Thiên Chúa, đối với Giáo Hội và có thể hướng dẫn lương tâm các tín hữu một cách khôn ngoan, ứng sinh cần phải tạo thói quen lắng nghe tiếng Chúa ngỏ với mình trong lòng và cần phải gắn bó vào thánh ý Ngài với tình yêu và lòng kiên quyết” (132).

**Đào tạo thiêng liêng : hiệp thông với Thiên Chúa và tìm gặp Đức Kitô.**

**45.**Việc đào tạo nhân bản ấy, nếu được phát triển trong bối cảnh của một nền nhân học thừa nhận sự thật trọn vẹn về con người, sẽ khai mở và bổ khuyết cho việc đào tạo thiêng liêng. Được Thiên Chúa tạo dựng và được máu Đức Kitô cứu chuộc, mọi người đều được mời gọi tái sinh “bởi nước và bởi Thần Khí” (Ga 3,5) và trở nên “con trong Con”. Chính trong kế hoạch hữu hiệu ấy của Thiên Chúa mà chúng ta tìm gặp chiều kích tôn giáo, là yếu tố cấu thành con người, chiều kích ấy vốn được khám phá và nhìn nhận bởi lý trí đơn thuần : con người hướng mở về cái siêu việt, về cái tuyệt đối; tâm hồn con người khắc khoải mãi cho tới khi an nghỉ trong Chúa (133).

Tiến trình giáo dục dành cho đời sống thiêng liêng, hiểu như là tương quan và hiệp thông với Thiên Chúa, lấy nhu cầu cơ bản và bất khả hủy diệt ấy làm nguồn mạch và được phát triển trong nhu cầu đó. Dựa theo Mạc Khải và kinh nghiệm Kitô giáo, việc đào tạo thiêng liêng tìm được tính chất độc đáo độc nhất vô nhị trong sự mới mẻ của Tin Mừng. Thực ra, “việc đào tạo ấy là công việc của Chúa Thánh Thần, đòi hỏi toàn diện con người phải dấn thân; việc đào tạo ấy dẫn vào trong sự hiệp thông sâu xa với Đức Giêsu Kitô Mục Tử Nhân Lành; việc đào tạo ấy hướng dẫn cho toàn thể cuộc sống tuân phục Chúa Thánh Thần, bằng một thái độ hiếu thảo đối với Đức Chúa Cha và bằng một sự gắn bó tín thác đối với Giáo Hội. Việc đoà tạo thiêng liêng bén rễ trong kinh nghiệm thập giá để rồi có thể đưa dẫn, bằng một sự hiệp thông sâu xa, vào trong toàn thể mầu nhiệm Vượt qua” (134).

Như chúng ta nhận thấy, đào tạo thiêng liêng ở đây là đào tạo chung cho mọi tín hữu, việc đào tạo ấy còn cần phải được cơ cấu hoá tùy theo ý nghĩa và đặc tính phát xuất từ căn tính của linh mục và của thừa tác vụ linh mục. Đối với mọi tín hữu, đào tạo thiêng liêng phải là việc làm trung tâm và phải tạo sự thống nhất giữa con người Kitô hữu với đời sống Kitô hữu, nghĩa là sự thống nhất của một tạo vật mới trong Đức Kitô đang tấn tới trong Chúa Thánh Thần. Cùng một cách thức ấy, đối với mọi linh mục, việc đào tạo thiêng liêng phải là “tâm điểm”, phải tạo sự thống nhất cũng như sức sống cho “hữu thể” và “hành động” của linh mục. Trong chiều hướng ấy, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng quả quyết rằng “thiếu đào tạo thiêng liêng, việc đào tạo mục vụ sẽ không có nền tảng” (135) và rằng đào tạo thiêng liêng chính là “yếu tố quan trọng nhất trong nền giáo dục linh mục” (136).

Sắc lệnh công đồng*Optatam totius* đã trình bày khá rõ nét những gì là thiết yếu được hàm chứa trong việc đào tạo thiêng liêng nhằm giúp có được một lộ trình ấn định cho việc tiến tới chức linh mục: “Phải cung ứng một nền đào tạo thiêng liêng […] sao cho các chủng sinh được chuẩn bị để sống trong sự hiệp thông liên lỉ và thân tình với Chúa Cha, nhờ Con Ngài là Đức Giêsu Kitô, trong Chúa Thánh Thần. Hướng đến việc mô phỏng Đức Kitô Linh mục nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, các chủng sinh phải tập làm quen để gắn bó với Ngài như những người bạn bằng một đời sống tâm phúc trọn vẹn. Các chủng sinh phải sống mầu nhiệm vượt qua của Ngài làm sao để có thể đưa dẫn đoàn dân sẽ được giao phó cho mình vào trong mầu nhiệm ấy. Phải dạy cho các chủng sinh biết tìm kiếm Đức Kitô bằng cách trung thành suy niệm Lời Chúa, bằng cách tích cực hiệp thông với các mầu nhiệm rất thánh của Giáo Hội, trước hết qua bí tích Thánh Thể và thần vụ. Các chủng sinh phải tìm kiếm Đức Kitô nơi giám mục là người sai phái mình và nơi những con người mà mình được sai phái đến, nhất là nơi những người nghèo, những người bé nhỏ, những người yếu đau, những người tội lỗi và những người không tin. Với niềm cậy tin hiếu thảo, các chủng sinh phải yêu mến và tôn kính Đức Trinh Nữ Maria diễm phúc mà khi hấp hối trên thập giá Đức Kitô Giêsu đã ban cho người cho môn đệ yêu dấu để làm mẹ của mình” (137).

**46.**Bản văn công đồng trên đây đáng cho chúng ta chú tâm suy niệm. Chúng ta có thể dễ dàng phân định ở đó một số giá trị và đòi buộc cơ bản liên quan tới hành trình thiêng liêng được đề nghị cho ứng sinh linh mục.

Điều được nhận ra tiên vàn, đó là giá trị và đòi buộc của một *“đời sống mật thiết kết hiệp” với Đức Giêsu Kitô.* Được xây trên bí tích Rửa tội và được nuôi dưỡng bằng bí tích Thánh Thể, sự hiệp nhất với Chúa Giêsu phải tỏ lộ bằng một cuộc canh tân triệt để, trong đời sống mỗi ngày. Sự thông hiệp mật thiết với Chúa Ba Ngôi, nghĩa là đời sống mới trong ân sủng với quyền làm con Thiên Chúa, nói lên “tính chất mới mẻ” của người tín hữu, tính chất mới mẻ này lan tỏa đến hữu thể và hành động. Đời sống mới ấy chính là huyền nhiệm của đời sống Kitô hữu được đặt dưới sinh khí của Chúa Thánh Thần; bởi đó, đời sống mới ấy phải làm thành cái gọi là *“ethos”*của đời sống người Kitô hữu. Về những điều được hàm chứa cách kỳ diệu trong đời sống Kitô hữu, được coi như là tâm điểm của đời sống thiêng liêng, theo như vừa trình bày, Đức Giêsu đã giảng dạy cho chúng ta trong ám dụ cây nho và ngành cho : “Thầy là cây nho đích thật và Cha Thầy là người trồng nho…. Anh em hãy ở trong Thầy, như Thầy ở trong anh em. Cũng như ngành nho tự mình không thể kết trái nếu không gắn liền với thân nho, anh em cũng vậy, nếu anh em không ở trong Thầy. Thầy là cây nho, anh em là ngành. Người nào ở trong Thầy và Thầy ở trong người ấy, người ấy sẽ sinh nhiều hoa trái; bởi vì lìa khỏi Thầy ạnh em sẽ không làm được gì” (Ga 15,1.4-5).

Trong nền văn hoá hiện đại, các giá trị tinh thần và tôn giáo không thiếu và con người, mặc cho những dáng vẻ bên ngoài, vẫn cứ triền miên đói khát Thiên Chúa. Nhưng thường thường Kitô giáo có nguy cơ bị coi như là một tôn giáo trong số các tôn giáo, hoặc bị giản lược vào nền đạo đức xã hội thuần túy nhằm phục vụ con người. Bởi đó, không phải lúc nào người ta cũng nhận ra được tính chất mới mẻ có sức làm đảo lộn cuộc sống của Kitô giáo trong lịch sử : Kitô giáo là “Mầu Nhiệm”, là biến cố Con Thiên Chúa làm người và ban cho những kẻ đón nhận Ngài “quyền” trở nên con Thiên Chúa (Ga 1,12); là sự loan báo và còn là sự ban tặng một giao ước tình yêu và sự sống được ký kết giữa Thiên Chúa và con người, Các linh mục tương lai sẽ chỉ có thể truyền đạt tin diệu vợi và nguồn hạnh phúc ấy cho người khác (x. 1 Ga 1,1-4), nếu họ đạt được cho chính họ một sự hiểu biết sâu xa cùng với những tiến bộ bằng kinh nghiệm về “mầu nhiệm”, nhờ vào một nền đào tạo thiêng liêng thích ứng.

Trong khi nêu bật tính chất siêu việt của mầu nhiệm Kitô giáo, bản văn công đồng còn trình bày sự thông hiệp mật thiết của các linh mục với Đức Giêsu, thậm chí còn điểm thêm *sắc thái của tình bằng hữu.*Vấn đề ở đây không phải là một kỳ vọng phi lý của con người. Đây chỉ đơn thuần là quà tặng vô giá của Đức Kitô như Ngài đã nói với các Tông Đồ: “Thầy không còn gọi anh em là tôi tớ, bởi vì tôi tớ không biết việc chủ làm; nhưng Thầy gọi anh em là bạn hữu, bởi vì tất cả những gì Thầy đã nghe biết nơi Cha Thầy Thầy đều đã truyền đạt cho anh em” (Ga 15,15).

Trong phần kế tiếp, bản văn công đồng trưng dẫn một giá trị thiêng liêng khác không kém quan trọng : đó là *việc tìm gặp Đức Giêsu.*“Phải dạy cho các chủng sinh biết tìm gặp Đức Kitô”. Với điều gọi là *quaerere Deum,* đây là một đề tài cổ điển của nền tu đức Kitô giáo lấy ơn gọi của các Tông Đồ làm mẫu mực để minh họa. Khi tường thuật về cách thức mà hai môn đệ đầu tiên đã đi theo Đức Giêsu, thánh Gioan đưa ra ánh sáng vị thế mà “tìm gặp” ấy chiếm giữ. Chính Đức Giêsu là người đặt câu hỏi: “Các anh tìm gì?” Và cả hai đã trả lời: “Thưa Thầy, Thầy ở đâu?”. Tác giả Tin Mừng viết tiếp : “Ngài nói với họ : “Hãy đến mà xem”. Họ đã đến và đã xem thấy nơi Ngài ở và họ ở lại với Ngài ngày hôm ấy” (Ga 1,37-39). Bởi đó, đời sống thiêng liêng của người chuẩn bị bước vào chức linh mục được chi phối bởi cuộc tìm gặp ấy : tìm và “gặp” Thầy, theo Ngài và ở lại với Ngài. Trong thừa tác vụ và đời sống linh mục, cần phải tiếp tục cuộc “tìm gặp” ấy, bởi vì mầu nhiệm noi gương Đức Kitô và thông dự vào đời sống Ngài thì bất tận. Cũng vậy, cần phải tiếp tục “gặp” Thầy để rồi giới thiệu Ngài cho người khác và hơn nữa, khơi dậy nơi người khác lòng khao khát tìm kiếm Thầy. Thế nhưng chỉ có thể thực sự làm được việc này nếu đem đề nghị cho người khác một “kinh nghiệm sống, một kinh nghiệm đáng đem chia sẻ. Đó là đường lối mà Anrê đã chọn để dẫn anh mình là Simon đến với Đức Giêsu. Theo lời thánh Gioan tác giả Tin Mừng, Anrê “gặp anh mình là Simon lúc tảng sáng và nói với anh: Chúng tôi đã gặp Đấng Mêsia — nghĩa là Đức Kitô. Anrê dẫn anh mình đền với Đức Giêsu”. Bằng cách đó, cả Simon cũng đã được mời gọi làm tông đồ đi theo Đấng Mêsia : “Đức Giêsu nhìn Simon và nói: “anh là Simon, con ông Gioan; anh sẽ được gọi là Kêpha” – nghĩa là Đá” (Ga 1,41-42).

Thế nhưng, trong đời sống thiêng liêng, tìm kiếm Đức Kitô có nghĩa là gì? Gặp Ngài ở đâu? “Thưa Thầy, Thầy ở đâu?”. Sắc lệnh công đồng *Optatam totitus*dường như chỉ dẫn ba con đường phải trải qua : trung thành suy niệm lời Chúa, tích cực tham dự các mầu nhiệm thánh trong Giáo Hội, phục vụ trong đức ái đối với những người “bé mọn”. Đó chính là ba giá trị và đòi buộc cao cả xác định nội dung hàm chứa trong nền đào tạo thiêng liêng dành cho ứng sinh linh mục.

**47.***Đọc Lời Chúa trong suy niệm và cầu nguyện*(*lectio divina),* đồng thời khiêm nhượng và quý trọng lắng nghe người phát biểu, đó là một yếu tố thiết cốt trong việc đào tạo thiêng liêng. Quả thật, chính trong ánh sáng và sức mạnh của Lời Chúa mà mỗi người có thể khám phá, hiểu, yêu mến và theo đuổi ơn gọi cũng như chu toàn sứ vụ của mình. Chính khi trở thành đích điểm của Lời Thiên Chúa là Đấng mời gọi con người và trở thành khởi điểm (nguyên lý) của lời con người là kẻ đáp lại Thiên Chúa, mà cuộc sống con người đạt được ý nghĩa tròn đầy và căn cơ. Nhờ thân mật với Lời Chúa mà tiến trình hoán cải sẽ trở nên dễ dàng, hiểu theo hai nghĩa : chẳng những từ bỏ điều dữ để gắn bó với điều lành nhưng còn làm cho tư tưởng của Thiên Chúa được lớn lên trong tâm hồn. Với tính cách đáp lại lời Thiên Chúa, đức tin lúc ấy trở thành tiêu chuẩn mới để giúp phán đoán và đánh giá con người và sự việc, các biến cố và các vấn đề.

Tất cả những điều ấy, với điều kiện là Lời Chúa được nghe và đón nhận theo đúng bản chất đích thực, bởi vì Lời Chúa giúp gặp gỡ chính Thiên Chúa, một Thiên Chúa ngỏ lời với con người; Lời Chúa giúp gặp gỡ Đức Kitô, Ngôi Lời Thiên Chúa, Sự Thật, cũng là Đường và Sự Sống (x. Ga 14,6). Cần phải đọc “sách thánh” bằng cách lắng nghe “những lời nói”, lắng nghe “Lời” của Thiên Chúa, như lời nhắc nhở của công đồng: “Các Sách Thánh chứa đựng Lời Thiên Chúa và bởi vì các sách ấy đều được linh ứng nên đều thật sự là Lời Thiên Chúa” (138). Công đồng còn nói : “Bằng việc mạc khải ấy, Thiên Chúa vô hình (x. Cl 1,15; 1Tm 1,17), trong tình yêu bao la của Ngài, ngỏ lời với loài người như với những người bạn (x. Xh 33,11; Ga 15,14-15). Ngài đàm đạo với họ (x. Br 3,38) để mời gọi họ và chấp nhận cho họ được thông chia sự sống thuộc về Ngài” (139).

Tiếp cận Lời Chúa một cách mật thiết và ngập tràn tình yêu, bằng việc cầu nguyện : đó là công việc hết sức đặc biệt đối với thừa tác vụ ngôn sứ của linh mục; đó là một điều kiện tất yếu để linh mục có thể thi hành thừa tác vụ ấy một cách xứng hợp, nhất là trong bối cảnh của công cuộc “phúc âm hoá mới” trong Giáo Hội ngày nay. Theo lời mời gọi của Công Đồng, và tất cả những ai một cách bình thường tham gia thừa tác vụ Lời Chúa, các phó tế hoặc các giáo lý viên, cần phải chuyên chăm đọc Kinh Thánh như một loại sách thiêng liêng và đào sâu Kinh Thánh bằng việc học hỏi, cần phải gắn bó với Kinh Thánh, để đừng có ai trong họ phải trở nên kẻ làm công việc giảng thuyết Lời Chúa bên ngoài cách hão huyền, trong khi tự thâm tâm lại chẳng hề lắng nghe (Thánh Augustinô, Serm. 179,1 : PL 38,966)” (140).

Cầu nguyện là cách đáp trả cơ bản đối với Lời Chúa và cầu nguyện chắc chắn là một giá trị và một đòi buộc tiên khởi trong việc đào tạo thiêng liêng. Việc đào tạo thiêng liêng phải đưa dẫn các ứng sinh linh mục để họ nhận biết và thực nghiệm*ý nghĩa chính hiệu của kinh nguyện Kitô giáo :*là một cuộc gặp gỡ sống động và cá vị với Chúa Cha, nhờ Con độc nhất của Ngài với tác động của Chúa Thánh Thần, là một cuộc đối thoại được trở thành việc thông phần vào cuộc đối thoại phụ tử giữa Đức Giêsu với Cha Ngài. Đàng khác, còn một khía cạnh không kém quan trọng trong sứ vụ linh mục, đó là linh mục phải là “nhà giáo dục về cầu nguyện”. Thế nhưng linh mục sẽ chỉ có thể đào tạo người khác theo trường học của Đức Giêsu cầu nguyện nếu chính linh mục đã được đào tạo và còn tiếp tục tự đào luyện theo trường học ấy. Đó chính là điều mà người đời đòi hỏi nơi linh mục : “Linh mục là *người của Thiên Chúa,*là người thuộc về Thiên Chúa và làm cho người ta suy nghĩ về Thiên Chúa. Khi nói về Đức Kitô, *Thư gởi tín hữu Do Thái*trình bày Đức Kitô như một “vị thượng tế nhân ái và trung thành trong những sự việc liên can tới Thiên Chúa” (Dy 2,17)…. Các Kitô hữu hy vọng gặp được nơi linh mục chẳng những một con người đón tiếp họ, bằng lòng lắng nghe họ, bày tỏ cho họ một mối thiện cảm nào đó, nhưng còn là và nhất là *một con người giúp đỡ họ ngắm nhìn Thiên Chúa,*tiến lên về phía Thiên Chúa. Bởi đó, linh mục cần phải được đào tạo cho có một thâm tình sâu đậm với Thiên Chúa. Những người chuẩn bị làm linh mục phải hiểu được rằng toàn thể giá trị đời sống linh mục của họ lệ thuộc vào sự trao hiến chính mình mà họ sẽ có thể thực hiện cho Đức Kitô và nhờ Đức Kitô, cho Đức Chúa Cha” (141).

Trong một bối cảnh náo động và ồn ào như bối cảnh xã hội chúng ta, nền sư phạm cần thiết cho việc cầu nguyện, phải bao gồm việc giáo dục nhằm đạt được một cảm nhận sâu sắc về con người, nhằm nhận thức được giá trị tôn giáo của sự *thinh lặng,*là bầu khí thiêng liêng cần có để có thể nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa và để cho sự hiện diện của Thiên Chúa có thể xâm chiếm mình (x. 1 V 19,11-12).

**48.**Chóp đỉnh của kinh nguyện Kitô giáo chính là *Bí Tích Thánh Thể,*bí tích này, đến lượt mình, lại là *“chóp đỉnh và nguồn mạch” của mọi bí tích và của Phụng Vụ các Giờ Kinh. Giáo dục về phụng vụ*hiểu theo nghĩa tròn đầu là một sự hội nhập đời sống vào mầu nhiệm Đức Giêsu Kitô, đã chết và sống lại, đang hiện diện và hành động trong các bí tích của Giáo Hội : việc giáo dục này là tuyệt đối cần thiết đối với nền đào tạo thiêng liêng của mọi Kitô hữu và cách riêng của mọi linh mục. Các bí tích mang lại ân huệ và hoa quả là sự thông hiệp với Thiên Chúa, trung tâm của toàn thể đời sống thiêng liêng. Sự thông hiệp với Thiên Chúa đồng thời là một bổn phận và một trách nhiệm mà các bí tích chuyển thông cho tự do của người tín hữu, để rồi sự thông hiệp ấy gợi hứng cho những quyết định, những lựa chọn, những thái độ và những hoạt động trong cuộc sống thường ngày. Trong chiều hướng ấy, “ân sủng” làm cho đời sống Kitô hữu nên “mới” chính là Đức Giêsu Kitô. Đấng đã chết và đã sống lại, hiện tiếp tục tuôn đổ Thần Khí của Ngài qua các bí tích, Thần Khí thánh thiện và thánh hoá. Cũng vậy, “luật mới” có trách nhiệm hướng dẫn và chỉnh đốn cuộc sống người Kitô hữu, luật ấy được các bí tích khác ghi trong “trái tim mới”. Đó là luật bác ái đối với Thiên Chúa và đối với anh em, là sự đáp trả và nối dài đức ái của Thiên Chúa đối với con người, một đức ái được ám chỉ và được thông ban qua các bí tích. Nhờ đó, chúng ta hiểu được giá trị của một sự tham dự “trọn vẹn, ý thức và tích cực” (142) vào việc cử hành các bí tích, nhằm mục đích đón nhận và đem ra thực hành ơn “đức ái mục vụ” vốn là linh hồn của thừa tác vụ linh mục.

Đáng kể hơn cả là việc tham dự vào bí tích Thánh Thể, tưởng niệm hy lễ, cái chết và sự phục sinh vinh hiển của Đức Kitô, “bí tích sùng mộ, dấu chỉ hiệp nhất, mối dây bác ái” (143), bữa tiệc vượt qua “trong đó Đức Kitô được đón nhận làm của ăn, linh hồn được ngập tràn ân sủng Ngài và vinh quang mai ngày như đã được tặng ban cho chúng ta” (144). Trong khi đó, với tư cách là thừa tác viên của những sự việc linh thánh, các linh mục trên hết là thừa tác viên của Hiến Tế Thánh Lễ : (145) vai trò của các ngài là tuyệt đối cần thiết bởi vì, không có linh mục, không thể có hiến tế tạ ơn.

Điều đó chứng tỏ tầm quan trọng thiết yếu của Bí Tích Thánh Thể đối với đời sống và thừa tác vụ linh mục và bởi đó đối với nền đào tạo các ứng sinh linh mục. Một cách hết sức đơn sơ và để cho thật cụ thể, Tôi xin lặp lại: “Điều cần thiết phù hợp cho các chủng sinh, đó là họ tham dự *hằng ngày*việc cử hành Bí tích Thánh Thể, làm thế nào để sau này họ coi việc cử hành thường nhật ấy như là quy luật trong cuộc đời linh mục của họ. Ngoài ra, cần phải dạy cho các chủng sinh biết quan niệm việc cử hành Thánh Thể như *nhịp sống thiết yếu của một ngày.*Họ phải tham dự việc cử hành ấy một cách tích cực , không bao giờ bằng lòng với việc có mặt vì thói quen thuần túy. Sau cùng, các ứng sinh linh mục phải được đào tạo để có những tâm tình sầu kín nhờ bí tích Thánh Thể làm nảy sinh : đó là *tâm tình tri ân* đối với những ân phúc lãnh nhận từ trời, bởi vì bí tích Thánh Thể là một cuộc tạ ơn; *thái độ hiến dâng*nhờ đó họ được thúc đẩy kết hiệp của lễ chính mình với của lễ tạ ơn của Đức Kitô;*đức ái,* được nuôi dưỡng bằng một bí tích vốn là dấu chỉ hiệp nhất và chia sẻ, *khát vọng chiêm ngắm và thờ lạy* đối diện với Đức Kitô thực sự hiện diện trong các hình bánh và rượu” (146).

Điều khẩn cấp hơn bao giờ hết là phải giúp khám phá lại, giữa lòng nền đào tạo thiêng liêng, *vẻ đẹp và niềm vui của bí tích thống hối.*Quả vậy, nền văn hoá của chúng ta, với cuộc canh tân những hình thái tự biện hộ chính mình cách tinh vi nhất, có nguy cơ đánh mất “ý thức về tội” và, do đó, đánh mất niềm vui có sức an ủi do việc cầu xin ơn tha thứ (x. Tv 51/50,14) và việc gặp gỡ Thiên Chúa “giàu lòng thương xót” (Ep 2,4). Do vậy, thật là cần thiết phải giáo dục các linh mục tương lai sao cho có được nhân đức thống hối mà Giáo Hội khéo léo gọi mời trong các cuộc cử hành và trong những dịp quan trọng của năm phụng vụ, nhân đức ấy đạt được tầm mức trọn vẹn trong bí tích Hoà Giải. Từ đó phát sinh ý thức về sự khổ chế và về kỷ luật nội tâm, phát sinh tinh thần hy sinh và từ bỏ, thái độ chấp nhận gian khổ và thập giá. Các yếu tố ấy trong đời sống thiêng liêng thường gây những khó khăn đáng kể cho nhiều ứng sinh linh mục, nhất là những ứng sinh đã đớn lên trong những điều kiện sống tương đối dễ dãi : họ ít hướng đến các yếu tố ấy và ít nhạy cảm đối với các yếu tố ấy do những mẫu gương và những lý tưởng lưu hành bởi những phương tiên truyền thông xã hội, ngay cả nơi những quốc gia mà điều kiện sống thấp kém hơn và tình trạng của những người trẻ nghiệt ngã hơn. Vì lý do ấy và nhất là để noi gương Đức Kitô Mục Tử Nhân Lành mà thực hiện “sự trao hiến triệt để chính mình” theo như đòi buộc của linh mục, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã viết: “Điều cần thiết là phải cấy trồng ý thức về thập giá, trung tâm của mầu nhiệm Phục Sinh. Nhờ sự đồng hoá với Đức Kitô chịu đóng đinh, với Đức Kitô tôi tớ, thế giới có thể tìm lại được giá trị của sự khắc nghiệt, sự khổ đau và thậm chí của sự đổ máu vì đạo, ngay giữa lòng nền văn hoá hiện đại là văn hoá tiêm nhiễm chủ nghĩa thế tục, tinh thần thèm khát và chủ trương hưởng lạc” (147).

**49.**Việc đào tạo thiêng liêng cũng dạy cho biết *tìm kiếm Đức Kitô nơi những con người.*Đời sống thiêng liêng chắc hẳn là đời sống nội tâm, đời sống thân mật với Thiên Chúa, đời sống cầu nguyện và chiêm ngắm. Nhưng cũng chính trong đời sống thiêng liêng mà việc gặp gỡ Thiên Chúa và việc gặp gỡ tình yêu của một người Cha đối với mọi người lại nhất thiết dẫn đến việc gặp gỡ tha nhân, dẫn đến sự trao hiến chính mình cho người khác, qua việc phục vụ khiêm tốn và vô vị lợi mà Đức Giêsu đã đề nghị cho mọi người dùng làm chương trình sống khi Ngài rửa chân cho các tông đồ: “Thầy đã nêu gương cho anh em, để đến lượt anh em, anh em cũng làm như Thầy đã làm cho anh em” (Ga 13,15).

Việc đào tạo nhắm đến sự trao hiến chính mình cách quảng đại và nhưng không gặp được trợ lực từ nơi đời sống cộng đoàn là đời sống bình thường được đòi hỏi cho việc chuẩn bị tiến tới chức linh mục. Việc đào tạo ấy chính là điều kiện cần thiết phải có đối với người nào được mời gọi để chính mình trở nên sự xuyên thấu, sự hiển dung cho Vị Mục Tử Nhân Lành, Đấng ban tặng mạng sống (x. Ga 10,11.15). Dưới khía cạnh ấy, nền đào tạo thiêng liêng phải phát huy chiều kích nội tại mục vụ hoặc bác ái của mình. Một lòng sùng kính đúng đắn, mãnh liệt và dịu dàng đối với trái tim Chúa Kitô có thể góp thêm phần nào nền đào tạo ấy như các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã ghi nhận : “Đào tạo các linh mục tương lai trong nền tu đức hướng về Trái Tim Chúa, đó là dẫn đưa họ đến một cuộc sống tương ứng với tình yêu của Ngài đối với Chúa Cha trong Chúa Thánh thần, với tình yêu của Ngài đối với nhân loại đến độ ban mạng sống bằng cách tự hiến tế” (148).

Như thế, linh mục là *con người của đức ái;*linh mục được mời gọi dạy cho người khác biết noi gương Đức Kitô và biết sống giới răn mới là giới răn yêu thương huynh đệ (x. Ga 15,12). Tư cách này đòi hỏi linh mục phải không ngừng để cho Chúa Thánh Thần giáo dục về đức ái của Chúa Kitô. Từ đó, việc chuẩn bị cho cuộc sống linh mục nhất thiết bao hàm một nền đào tạo vững chắc về đức ái, nhất là về lòng yêu mến ưu tiên đối với “người nghèo”, vì đức tin khám phá ra nơi họ sự hiện diện của Đức Giêsu (x. Mt 25,40), và về lòng nhân ái yêu mến dành cho các tội nhân.

Chính trong viễn tượng đức ái, được hiểu là trao hiến chính mình vì tình yêu, mà *sự giáo dục về đức vâng phục về bậc sống độc thân và về đức nghèo khó*tìm được vị trí của mình trong nền đào tạo thiêng liêng dành cho người linh mục tương lai (149). Lời kêu mời của Công Đồng cũng đi theo cùng một chiều hướng : “Các chủng sinh cần phải hiểu rõ ràng rằng họ không được đào luyện để thống trị hay để thừa hưởng vinh dự, nhưng để trọn vẹn phó mình cho việc phục vụ Thiên Chúa và cho thừa tác vụ chủ chăn. Cần phải vun trồng nơi họ, với một sự chăm sóc đặc biệt, đức vâng phục của một linh mục, ước muốn sống nghèo khó, tinh thần từ bỏ, sao cho họ có thói quen mau mắn từ khước ngay cả những sự việc được phép mà không cấp thiết và có thói quen mô phỏng Đức Kitô chịu đóng đinh” (150).

**50.**Trong việc đào tạo thiêng liêng dành cho người được mời gọi sống bậc độc thân, cần phải đặc biệt lưu ý để luyện tập cho người linh mục tương lai *hiểu biết, quý chuộng, yêu mến và sống bậc độc thân theo đúng bản chất*và theo đúng những cùng đích của bậc sống ấy, nghĩa là với những động lực Tin Mừng, thiêng liêng và mục vụ. Trong công việc luyện tập này, điều được giả thiết và điều được hàm chứa chính là nhân đức khiết tịnh, là nhân đức điểm tô mọi tương quan nhân linh và dẫn đến việc “thực nghiệm và biểu lộ… một tình yêu chân thành, nhân bản, huynh đệ, cá vị và có khả năng hy sinh theo gương Đức Kitô đối với mọi người và đối với từng người” (151).

Bậc sống độc thân linh mục thông chuyển cho đức khiết tịnh một số đặc tính nhờ đó, “khước từ đời sống lứa đôi vì Nước Trời (x. Mt 19,12), các linh mục có thể gắn bó với Chúa bằng một tình yêu không chia sớt, phù hợp trọn vẹn với Giao Ước mới; các linh mục làm chứng về sự sống lại thuộc thế giới mai sau (x. Lc 20,36) và tìm được một trợ lực rất thích hợp cho việc thực hành liên lỉ đức ái trọn hảo để có thể nên mọi sự cho mọi người trong thừa tác vụ linh mục” (152). Theo chiều hướng ấy, không được coi bậc độc thân linh mục như một quy tắc đơn thuần mang tính pháp lý hoặc như một điều kiện hoàn toàn bên ngoài để được chấp nhận cho thụ phong. Ngược lại, bậc độc thân là một giá trị mật thiết gắn liền với việc Thụ Phong. Bậc độc thân làm cho linh mục nên giống Đức Giêsu Kitô, Mục Tử Nhân Lành và Phu Quân của Giáo Hội. Bậc độc thân tạo điều kiện cho linh mục chọn lựa một tình yêu cao cả hơn, một tình yêu không chia sớt dành cho Đức Kitô và Giáo Hội Ngài, với một tư thế trọn vẹn và vui tươi, ứng sẵn cho thừa tác vụ mục tử. Phải coi bậc độc thân như một ân sủng đặc biệt, như một hồng ân mà không phải bất cứ ai cũng hiểu được, nhưng chỉ những người đã được ban cho ơn ấy (X. Mt 19,11). Ân sủng này đòi hỏi một sự đáp trả có ý thức và tự do từ phía người lãnh nhận, với một sức mạnh phi thường. Đặc sủng ấy của Chúa Thánh Thần cũng chuyển ban ơn trung thành cho đến trọn đời, ơn chu toàn một cách quảng đại và vui tươi những bó buộc gắn liền. Trong việc đào tạo sống bậc độc thân linh mục, cần phải kiến tạo vững chắc ý thức về “hồng ân vô giá của Thiên Chúa” (153); bởi đó, cần phải luyện tập cầu nguyện và cảnh giác để cho hồng ân ấy được thoát khỏi mọi điều có thể gây nguy hại.

Nếu được sống một cách chính hiệu, bậc độc thân linh mục sẽ mang lại nhiều thuận lợi cho việc chu toàn thừa tác vụ linh mục giữa đoàn dân Thiên Chúa. Ngoài ra, bằng cách làm chứng về giá trị Tin Mừng của sự trinh khiết, linh mục nhờ đó mà có thể giúp các đôi bạn Kitô hữu biết sống trọn vẹn “bí tích cao cả” là tình yêu của Đức Kitô Phu Quân đối với Hiền Thê Giáo Hội và, nhờ sự trung thành của mình trong bậc độc thân, linh mục sẽ trở nên nguồn khích lệ cho sự trung thành trong đời sống vợ chồng (154).

Việc tập luyện quan trọng và tế nhị nhằm sống bậc độc thân linh mục, đặc biệt trong những tình huống xã hội và văn hóa ngày nay, đã dẫn các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đến một loạt những chỉ thị mà giá trị trường tồn được xác quyết do sự khôn ngoan của Mẹ Giáo Hội. Tôi dùng quyền mà đề nghị một lần nữa những chỉ thị ấy như là những tiêu chuẩn phải tuân theo trong việc đào tạo sống đức khiết tịnh bậc độc thân: “Các giám mục, cũng như các viện trưởng và các vị linh mục hướng chủng viện, phải thiết lập những nguyên tắc, phải cung cấp những tiêu chuẩn và phải cống hiến những trợ lực để giúp phân định trong lãnh vực này. Sự ân cần của giám mục và đời sống huynh đệ giữa các linh mục mang một tầm quan trọng rất đặc biệt đối với việc đào tạo sống đức khiết tịnh trong bậc độc thân. Tại chủng viện, nghĩa là trong giai đoạn đào tạo, bậc sống độc thân phải được trình bày một cách minh bạch, không một chút hàm hồ nhưng theo hướng tích cực. Chủng sinh cần phải có một trình độ trưởng thành tâm lý và phái tính đầy đủ cũng như một đời sống chuyên chăm cầu nguyện và phải đặt mình dưới sự hướng dẫn của một cha thiêng liêng. Vị linh hướng phải giúp cho chủng sinh đạt tới một quyết định chín muồi và tự do xây dựng trên lòng quý chuộng đối với tình bạn của linh mục và đối với kỷ luật bản thân, cũng như trên thái độ chấp nhận sự cô đơn và trên một tình trạng bản thân hoàn chỉnh về thể lý và tâm lý. Để đạt được thành quả này, các chủng sinh phải học hiểu kỹ lưỡng giáo thuyết của Công Đồng Vaticanô II, thông điệp *Sacerdotalis coelibatus*và Huấn Thị về việc đào tạo sống bậc độc thân linh mục do Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo phổ biến năm 1974. Để cho chủng sinh có thể đảm nhận đời sống độc thân vì Nước Trời với một quyết định tự do, điều cần thiết là chủng sinh phải hiểu biết bản chất Kitô giáo và bản chất thực sự nhân bản của đời sống tính dục trong hôn nhân và trong bậc độc thân cũng như cùng đích của nó. Đồng thời cũng cần thiết phải dạy dỗ và giáo dục các tín hữu giáo dân về những nguyên do Tin mừng, thiêng liêng và mục vụ giúp minh giải bậc sống độc thân linh mục, sao cho họ biết trợ giúp các linh mục bằng tình bạn, sự cảm thông và sự hợp tác của họ” (155).

**Đào tạo trí thức : tăng cường hiểu biết cho đức tin.**

**51.**Mặc dầu bao gồm những đòi hỏi loại biệt, đào tạo trí thức mật thiết gắn liền với đào tạo nhân bản và thiêng liêng, đến độ tạo thành một chiều kích cần thiết cho nền đào tạo ấy: thật ra đào tạo trí thức là một đòi hỏi của lý trí nhờ đó con người “dự phần vào ánh sáng thông hiểu của Thiên Chúa” và tìm cách đạt tới sự khôn ngoan để rồi sự khôn ngoan, đến lượt nó, lại giúp hiểu biết Thiên Chúa và gắn bó với Ngài (156).

Việc đào tạo trí thức cho ứng sinh linh mục được biện minh một cách đặc loại nhờ vào chính bản chất của thừa tác vụ được điều phối, và ngày nay, công cuộc “phúc âm hoá mới” mà Chúa gọi mời Giáo Hội thực hiện khi bước vào thiên niên kỷ thứ ba này lại chính là một thách đố làm cho việc đào tạo trí thức trở nên khẩn thiết hơn. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng viết: “Nếu bất cứ Kitô hữu nào cũng phải sẵn sàng để bảo vệ đức tin và để nêu cao niềm hy vọng đang sống động trong chúng ta (x. 1P 3,15), thì hơn thế nữa, các ứng sinh linh mục và các linh mục lại càng phải quý trọng việc đào tạo thiêng liêng trong giáo dục và trong hoạt động mục vụl; thực vậy, để cứu rỗi các anh chị em mình, các ứng sinh và các linh mục phải đạt được một sự hiểu biết sâu xa hơn nữa về các mầu nhiệm của Thiên Chúa” (157). Hoàn cảnh hiện đại được đánh dấu sâu đậm bởi một thái độ tôn giáo dửng dưng: đồng thời bởi một sự ngờ vực không mấy minh bạch về khả năng thực thụ của lý trí trong việc đạt thấu chân lý khách quan và phổ quát, hơn nữa bởi những vấn nạn mới do các phát minh khoa học và kỹ thuật khơi dậy. Tất cả những điều ấy biện minh cho sự đòi hỏi mãnh liệt phải có một trình độ đào tạo trí thức ưu tú nhằm giúp cho các linh mục, trong một bối cảnh như thế, có thể loan báo Tin Mừng bất biến của Đức Kitô và làm cho Tin Mừng ấy trở nên đáng tin cậy trước những đòi hỏi chính đáng của lý trí con người. Ngoài ra, hiện tượng đa nguyên ngày nay đang lây lan một cách đáng kể, chẳng những trong xã hội mà còn cả trong cộng đoàn Giáo Hội. Bởi đó cần phải có một khả năng thích ứng để phân định và phê phán. Tình huống hiện nay càng làm hiện rõ sự cần thiết phải có một nền đào tạo trí thức nghiêm minh hơn bao giờ hết.

Tìm nguyên do “mục vụ” cho nền đào tạo trí thức như vừa rồi giúp chúng ta xác quyết điều đã được đề cập trước nữa về vấn đề thống nhất tiến trình giáo dục trong các chiều kích khác biệt. Việc học chiếm một phần lớn cuộc đời của ứng sinh linh mục, việc học bắt buộc ấy không phải là một yếu tố bên ngoài hoặc phụ thuộc đối với sự phát triển ơn gọi của ứng sinh về phương diện nhân bản, Kitô giáo và thiêng liêng. Trong thực tế, nhờ việc học, nhất là thần học người linh mục tương lai bám víu vào Lời Chúa, lớn lên trong đời sống thiêng liêng và có được tư thế sẵn sàng để chu toàn thừa tác vụ mục tử. Đó chính là mục đích vừa đơn thuần vừa đa tạp của bộ môn thần học như đã được Công Đồng nêu dẫn (158) và còn được Thượng Hội Đồng lặp lại trong *Inanumenium lohons*:“Để có thể gia tăng hiệu năng mục vụ của việc đào tạo trí thức, cần phải đem lồng việc đào tạo ấy vào trong một lộ trình thiêng liêng được đánh dấu bởi kinh nghiệm tự thân về Thiên Chúa, và bởi có phải vươt qua một bộ môn khoa học thuần túy khái niệm và phải đạt tới sự hiểu biết của con tim để trước hết có thể “xem thấy” và sau đó có thể chuyển đạt mầu nhiệm Thiên Chúa cho anh em” (159).

**52.**Việc học *triết học*giúp hiểu và cắt nghĩa sâu xa hơn về con người, về tự do của con người, về những tương quan giữa con người với thế giới và với Thiên Chúa, triết học là một thành phần thiết yếu cho nền đào tạo trí thức. Việc học triết học được coi là tối cấp thiết, trước hết vì lý do có mối liên hệ giữa những vấn đề triết học với các mầu nhiệm cứu độ được nghiên cứu trong thần học dưới ánh sáng đức tin (160), sau nữa vì lý do tình trạng văn hoá hiện nay quá hỗn độn, với sự kiện chủ nghĩa duy chủ thể được đề cao và được coi như thước đo và tiêu chuẩn của chân lý. Trong những điều kiện như thế, chỉ có một nền triết học lành mạnh mới có thể giúp cho các ứng sinh linh mục phát triển ý thức và tư duy về mối quan hệ thiết định giữa trí óc của con người với chân lý, một chân lý được mạc khải trọn vẹn cho chúng ta nơi Đức Giêsu Kitô. Không được làm giảm thiểu tầm quan trọng của triết học, bằng cách nại cớ phải bảo toàn niềm “xác tín về chân lý” mặc dầu chỉ có niềm xác tín này mới có thể làm nền tảng cho việc trao hiến trọn vẹn con người cho Đức Giêsu và cho Giáo Hội. Một vài vấn đề rất cụ thể, như căn tính của linh mục, sự dấn thân tông đồ và thừa sai của linh mục, lại mật thiết gắn liền với vấn đề không kém cụ thể là vấn đề chân lý: đây là điều không mấy khó hiểu. Nếu người ta không nắm chắc chân lý, làm sao người ta có thể đặt cuộc cả đời mình và làm sao cho người ta có thể đủ sức cất tiếng gọi mời cuộc đời của tha nhân một cách nghiêm chỉnh ?

Triết học đóng góp rất nhiều để giúp ứng sinh làm giàu việc đào tạo trí thức nhằm đạt tới sự “suy tôn chân lý”, nghĩa là một sự *bái phục chân lý với tâm tình trìu mến*dẫn đến chỗ nhìn nhận rằng chân lý tự nó không hề được tạo nên hoặc được khuôn đúc do con người nhưng được ban cho con người do bởi Chân lý tối thượng, bởi Thiên Chúa; rằng lý trí con người, mặc dầu bị hạn chế và đôi khi rất khó khăn, có thể đạt tới chân lý khách quan và phổ quát, là chân lý liên quan tới Thiên Chúa và tới ý nghĩa căn cơ của hiện hữu; sau hết, rằng đức tin tự nó không thể loại bỏ lý trí hoặc miễn trừ nỗ lực “suy tư” về những gì đức tin chất chứa, như lời dẫn giải của một đầu óc xuất chúng là thánh Augustimô : “Tôi đã khao khát dùng trí thông minh để dò tìm điều mà tôi đã đặt niềm tin tôi vào, tôi đã bàn cãi nhiều và tôi đã cực nhọc không ít” (161).

Để có được sự hiểu biết sâu rộng hơn về con người và về những hiện tượng xã hội, nhằm mục đích thi hành thừa tác vụ mục tử sao cho được “nhập thể” tối đa, *các khoa học về con người,*theo như người ta vẫn thường gọi, chắc chắn không thể không hữu ích; đó là xã hội học, tâm lý học, sư phạm, các khoa học kinh tế và chính trị, các khoa học truyền thông xã hội. Trong khuôn khổ nhất định của những khoa học thực nghiệm và mô tả, các khoa học về con người giúp cho linh mục tương lai nối dài hoạt động của Đức Kitô như Ngài đã hoá nên đương thời với những con người thuộc thời đại Ngài. Đức Phaolô VI đã nói : “Đức Kitô đã hoá nên đương thời với một số người và đã dùng ngôn ngữ của họ để tự diễn đạt chính mình. Trung thành với Ngài có nghĩa là làm sao để Ngài vẫn tiếp tục là người đương thời với chúng ta” (162).

**53.**Việc đào tạo trí tức cho người linh mục tương lai phải đặt lại nền tảng và được phát triển nhất là trong việc học thần học, *sacra doctrina.*Giá trị và tính chính danh của nền đào tạo thần học lệ thuộc vào sự tôn trọng chu đáo bản chất riêng của thần học, như các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã tóm tắt: “Thần học chân chính là thần học phát xuất từ đức tin và nhắm mục đích dẫn tới đức tin” (163). Đó là điều mà Giáo Hội, và đặc biệt Huấn Quyền của Giáo Hội, đã không ngừng đề nghị. Đây cũng chính là đường hướng mà các thần học gia cỡ lớn đã tuân theo và đã làm cho tư tưởng của Giáo Hội trong dòng lịch sử được nên phong phú. Thánh Tôma đã tỏ ra minh bạch hết mực khi quả quyết rằng đức tin chính là *habitus (quán tính)*của thần học, nghĩa là nguyên lý hoạt động thường hằng của thần học (164) và rằng “toàn bộ thần học đều được điều hợp để nuôi dưỡng đức tin” (165).

Như thế, thần học gia trước hết là một tín hữu, một con người đức tin. Nhưng đó là một tín hữu thắc mắc về chính đức tin của mình *(fides quaerens intellectum),*thắc mắc để có thể đạt đến một sự hiểu biết thấu đáo hơn về đức tin của mình. Cả hai khía cạnh, đức tin và tư duy có phương pháp, đều liên quan với nhau và thấm nhập lẫn nhau : chính sự phối hợp mật thiết với nhau và sự thấm nhập hỗ tương này nói lên bản chất đích thực của thần học, và bởi đó, của nội dung, của thể loại, của tinh thần mà theo đó *giáo thuyết linh thánh* sẽ được soạn thảo và học hỏi.

Đàng khác, là khởi điểm và là đích điểm của thần học, đức tin tạo nên một mối tương quan cá vị giữa người tín hữu với Đức Giêsu Kitô trong Giáo Hội. Chính vì thế, ngay trong thần học cũng chất chứa những đặc tính nội thuộc có tầm mức Kitô học và Giáo Hội mà ứng sinh cần phải thấm nhuần một cách có ý thức, chẳng những vì mật thiết liên can đến đời sống bản thân của mình, nhưng còn đến thừa tác vụ mục tử của mình nữa. Nếu đức tin là sự đón nhận Lời Thiên Chúa thì đức tin được thành toàn trong tiếng “xin vâng” triệt để của người tín hữu đáp lại Đức Giêsu Kitô, Lời viên mãn và vĩnh viễn của Thiên Chúa nói với thế giới (x. Dt 1,1-4). Bởi đó, lấy sự gắn bó với Đức Giêsu Kitô là Đấng Khôn Ngoan của Thiên Chúa làm trung tâm suy tư thần học cũng phải như vậy : việc suy tư này phải tự coi mình như là sự thông dự vào “tư tưởng” của Đức Kitô (x. 1Cr 2,16) dưới phương diện nhân loại của một khoa học *(scientia fidei).* Đồng thời, đức tin dẫn người tín hữu vào trong Giáo Hội và làm cho người tín hữu được thông chia sự sống của Giáo Hội xét như là cộng đoàn đức tin. Từ đó, thần học mang một chiều kích Giáo Hội bởi vì thần học chính là tư duy về đức tin của Giáo Hội, và tư duy bởi một thần học gia vốn là thành phần của Giáo Hội (166).

Những nhãn quan thuộc về Kitô luận và Giáo Hội này, vì có cùng bản chất với thần học, sẽ giúp phát triển nơi các ứng sinh linh mục, đồng thời với tính chuẩn mực khoa học, một lòng yêu mến lớn lao và mãnh liệt đối với Đức Giêsu Kitô và đối với Giáo Hội. Lòng yêu mến ấy vừa nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng của các ứng sinh vừa qui hướng họ đến sự quảng đạo chu toàn thừa tác vụ của mình. Đó chính là điều Công đồng Vaticanô II mong muốn khi yêu cầu tổ chức lại các môn học của Giáo Hội bằng cách phối trí hoàn bị hơn những bộ môn triết học và thần học khác nhau. “để làm cho các bộ môn ấy hoà nhịp với nhau đóng góp vào việc ngày càng khai mở trí tuệ của các chủng sinh trước mầu nhiệm của Đức Kitô là Đấng, trong toàn vẹn lịch sử nhân loại, không ngừng sinh hoạt trong Giáo Hội và nhất là tác động nhờ vào thừa tác vụ linh mục” (167).

Việc đào tạo trí thức thần học và đời sống thiêng liêng, cách riêng đời sống cầu nguyện, liên kết nên một với nhau và tăng cường lẫn nhau mà không hề loại trừ tính nghiêm chỉnh của việc nghiên cứu cũng như không loại trừ hương vị thiêng liêng của việc cầu nguyện. Thánh Bônaventura dự phòng cho chúng ta: “Đừng có ai tưởng rằng mình đã làm dù khi đọc sách mà không có xức dầu, khi tư duy bay bổng mà không mộ mến, khi truy cứu mà không thán phục, khi nhận định mà không hân hoan, khi sinh hoạt mà không có lòng đạo đức, khi uyên bác mà không có đức ái, khi thông thái mà không có lòng khiêm nhường, khi học hỏi mà không có ân sủng của Thiên Chúa, khi hiểu biết chính mình mà không có sự khôn ngoan do Thiên Chúa phú ban” (168).

**54.**Đào tạo thần học là một công trình phức tạp và nhiêu khê. Việc đào tạo thần học phải giúp cho ứng sinh linh mục đạt được *một quan niệm* được coi là*đầy đủ và thống nhất*về những chân lý mà Thiên Chúa mạc khải nơi Đức Giêsu Kitô và về kinh nghiệm đức tin của Giáo Hội. Từ đó phát xuất một đòi buộc gồm hai yếu tố: hiểu biết “tất cả” mọi chân lý Kitô giáo mà không có những lựa chọn vô đoán, và hiểu biết các chân lý ấy một cách có phương pháp. Công việc này đòi hỏi sinh viên phải được giúp đỡ để hoàn thành một tổng luận, tổng luận này là thành quả thâu lượm từ những bộ môn thần học khác nhau mà việc đi vào chuyên môn chỉ thực sự có giá trị nếu không rời xa sự phối hợp sâu xa của chúng.

Trong việc tư duy về đức tin, thần học tiến theo hai hướng. Hướng thứ nhất là “*việc học hỏi Lời Chúa”*: lời được ghi chép trong Sách Thánh, được cử hành và được thể hiện bằng cuộc sống trong truyền thống sống động của Giáo Hội, được giải thích một cách chính hiệu do Huấn Quyền của Giáo Hội. Hướng này đòi phải học hỏi Thánh Kinh là “công việc phải được coi như linh hồn của toàn bộ thần học” (169), học hỏi các thánh Giáo Phụ thuộc về Giáo Hội, học hỏi phụng vụ, học hỏi lịch sử Giáo Hội và các tuyên ngôn của Huấn Quyền. Hướng thứ hai là hướng của *con người đàm đạo với Thiên Chúa*:con người được mời gọi “tin”, “sống”, “chuyển thông”*đức tin*và cái *“ethos” Kitô giáo*cho người khác. Bởi đó cần phải học tín lý, thần học luân lý, thần học tu đức, giáo luật và thần học mục vụ.

Việc quy chiếu về con người có đức tin đưa thần học tới chỗ đặc biệt chú tâm một đàng đến sự khẩn thiết cơ bản và thường hàng của mối quan hệ đức tin tôn giáo và đàng khác đến một số đòi hỏi có phần liên hệ nhiều hơn với tình huống xã hội và văn hoá của thời đại chúng ta. Trong chiều hướng thứ nhất phải kể đến thần học cơ bản có đối tượng là sự kiện mạc khải Kitô giáo và việc chuyển đạt mạc khải trong Giáo Hội. Trong chiều hướng thứ hai, đó là những bộ môn đã và đang được phát triển một cách mạnh mẽ hơn, như để đáp lại những vấn đề ngày nay đang được cảm nhận một cách mãnh liệt. Đó là trường hợp của môn lý thuyết xã hội học của Giáo Hội, môn này “được gia nhập vào trong lãnh vực… của thần học và cách riêng vào trong lãnh vực thần học luân lý” (170) và phải được xếp vào số những “nhân tố thiết yếu” cho công cuộc “phúc âm hoá mới” mà môn này được dùng làm khí cụ (171). Cũng phải kể đến các môn học về sứ vụ truyền giáo, về đại kết, về Do thái giáo, về Hồi giáo và về các tôn giáo khác ngoài Kitô giáo.

**55.**Nền đào tạo thần học hiện đại phải đặc biệt chú tâm tới *một số vấn đề*vốn thường khơi dậy những khó khăn, tạo những đôi co và làm cho tồn tại những xáo trộn trong đời sống Giáo Hội. Chúng ta cần phải suy nghĩ về *mối liên hệ giữa các tuyên ngôn của Huấn Quyền với những tranh luận thần học*mặc dầu mối liên hệ không phải luôn luôn đáng khích lệ, nghĩa là không luôn luôn phản ánh tinh thần cộng tác: “Mặc dầu nắm giữ những đặc sủng và những trách nhiệm khác nhau, Huấn Quyền sống động và thần học tựu trung nhắm cùng một mục đích: đó là bảo vệ dân Thiên Chúa trong chân lý có sức giải thoát và nhờ đó làm cho dân Thiên Chúa trở nên “ánh sáng muôn dân”. Công việc phục vụ cộng đoàn Giáo Hội như vừa xác định đặt nhà thần học và Huấn Quyền vào trong nững mối tương quan hỗ tương với nhau. Huấn Quyền giảng dạy một cách chính danh giáo thuyết của các Tông Đồ và vận dụng thành quả của thần học để biện bác những phê phán và những lệch lạc về đức tin, ngoài ra còn dùng quyền lãnh nhận từ Đức Giêsu Kitô để đề nghị những công việc như đào sâu, phát biểu và áp dụng theo lối mới giáo thuyết đã được một sự hiểu biết ngày càng sâu rộng hơn về Lời Chúa, như được chứa đựng trong Thánh Kinh và được chuyển đạt cách trung thành do Truyền Thống sống động của Giáo Hội, dưới sự dẫn dắt của Huấn Quyền; thần học tìm cách làm sáng tỏ giáo huấn của Mạc Khải trước những đòi hỏi thúc bách của lý trí, và sau hết mặc cho giáo huấn ấy một hình thái hữu cơ và có hệ thống” (172). Dầu vậy, nếu vì cả một chuỗi động cơ nào đó mà sự hợp tác ấy giảm sút thì nhất thiết không được để cho mình lầm đường lạc lối bởi những gì là mơ hồ và hỗn độn; cần phải làm công việc phân biệt kỹ lưỡng một bên là “giáo thuyết phổ cập của Giáo Hội và bên kia là những quan điểm của các nhà thần học cũng như những trào lưu mau qua (những “mốt”)” (173). Không hề có huấn quyền “song song” bởi vì Huấn Quyền duy nhất là của Thánh Phêrô và các Tông Đồ, của Đức Giáo Hoàng và các giám mục (174).

Còn một vấn đề khác thường gặp thấy nhất là ở những nơi mà việc đào tạo trí thức của các chủng sinh được giao phó cho các học viện hàn lâm, đó là vấn đề liên quan tới *mối liên hệ giữa tính chuẩn mực khoa học của thần học với cùng đích mục vụ của thần học,*và như vậy là liên quan tới bản chất mục vụ của thần học. Thực ra vấn đề ở đây bao gồm hai đặc tính của thần học và của việc giảng dạy thần học, hai đặc tính này chẳng những không đối nghịch nhau nhưng còn đồng qui, mặc dầu dưới những góc độ khác nhau, về việc tăng cường “hiểu biết cho đức tin” sao cho đầy đủ hơn. Thật vậy, tính chất mục vụ của thần học không có nghĩa là thần học nhẹ tính giáo thuyết hơn hay bị tước đoạt mất tính chất khoa học của nó; ngược lại điều đó có nghĩa là thần học trang bị cho các linh mục tương lai khả năng loan báo sứ điệp Tin Mừng với sự chú tâm tới những yếu tố văn hoá thuộc thời đại mình, và khả năng hiểu được hoạt động mục vụ theo một lối nhìn thần học chính hiệu. Bởi đó, một nền học vấn biết tôn trọng tính chất khoa học sít sao của từng bộ môn thần học sẽ góp phần làm cho nền đào tạo vị mục tử chăn dắt các linh hồn, là thầy dạy đức tin, được đầy đủ hơn và được sâu rộng hơn; đàng khác, noơ vị linh mục tương lai, một cảm quan bén nhạy tuơng ứng với phương hướng mục vụ sẽ thật sự làm cho việc học thần học nghiêm minh và có tính khoa học có được hiệu năng đào tạo.

Ngày nay, người ta cảm nhận một cách sâu xa nhu cầu phải *phúc âm hoá các nền văn hoá*và phải *hội nhập sứ điệp đức tin vào trong các nền văn hoá,*nhu cầu ấy còn khơi dậy một vấn đề khác. Đó là một vấn đề mục vụ có tầm mức rộng lớn cần phải được đề cập một cách rộng rãi và với nhiều chú tâm trong thời gian đào tạo các ứng sinh linh mục: “Trong hoàn cảnh hiện nay, nơi nhiều miền khác nhau trên thế giới, Kitô giáo được coi như là một điều gì xa lạ đối với các nền văn hoá cổ xưa hoặc tân thời; bởi đó, điều thật quan trọng là, trong toàn bộ nền đào tạo trí thức và nhân bản, cần phải đưa việc hội nhập văn hoá lên hàng nhu cầu và yếu tính” (175). Điều này đòi buộc tiên vàn phải có một nền thần học chính hiệu, múc nguồn từ những nguyên tắc công giáo liên quan tới việc hội nhập văn hoá. Những nguyên tắc này gắn liền với mầu nhiệm Nhập Thể của Ngôi Lời Thiên Chúa và với nhân học Kitô giáo, các nguyên tắc ấy làm sáng tỏ ý nghĩa chính hiệu của việc hội nhập văn hoá. Việc hội nhập văn hoá này phải đương đầu với nhiều nền văn hoá rất dị biệt và đôi khi đối nghịch nhau như hiện có trong nhiều vùng khác nhau trên thế giới, để rồi trở thành một hành vi tuân phục đôi với lệnh truyền của Đức Kitô về việc rao giảng Tin Mừng cho mọi dân tộc đến tận cùng bờ cõi trái đất. Vâng lời ở đây không có nghĩa là chủ trương pha trộn, cũng không đơn thuần có nghĩa là thích nghi việc loan báo Tin Mừng, nhưng nói lên sự kiện Tin Mừng thâm nhập một cách sống động vào trong các nền văn hoá, vượt qua những yếu tố văn hoá không dung hợp với đức tin và đời sống Kitô hữu, nâng cao giá trị của các nền văn hoá đến tận mầu nhiệm cứu độ phát xuất từ Đức Kitô (176). Vấn đề hội nhập văn hoá có thể mang lại một lợi ích đặc biệt khi chính các ứng sinh linh mục lại xuất hiện từ những nền văn hoá bản thổ: lúc ấy họ sẽ cần đến những hướng lối đào tạo thích ứng, hoặc để tránh mối nguy ít đòi hỏi hơn và mối nguy bằng lòng với một nền giáo dục thấp kém hơn về những giá trị nhân bản. Kitô giáo và linh mục, hoặc để đề cao những yếu tố tốt đẹp, và chính hiệu trong các nền văn hoá truyền thống của họ (177).

**56.**Tuân theo giáo huấn và những phương hướng của Công Đồng Vaticanô II cùng những tiêu chuẩn thực hành của *Ratio fundamentalis institutionis sacerdotalis,*một công trình cập nhật hoá (*aggiornamento)*rộng lớn về việc giảng dạy các bộ môn triết học và nhất là thần học đã được thực hiện trong các chủng viện. Nếu trong một số trường hợp, công cuộc*aggiornamento* ấy còn đòi hỏi những rà soát và những khai triển, phải nói rằng, trong toàn bộ, công cuộc ấy đã góp phần hoàn thiện hoá mỗi lúc một hơn nền giáo dục được ban hành trong khuôn khổ của nền đào tạo trí thức. Về vấn đề này, “Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng, một lần nữa, đã thường xuyên và minh bạch khẳng định sự cần thiết và hơn nữa sự khẩn cấp phải áp dụng trong các chủng viện và trong những trường đào tạo chương trình cơ bản cho việc học hỏi, hoặc chương trình phổ quát hoặc chương trình dành cho một số quốc gia hay một số Hội Đồng Giám Mục” (178).

Cần thiết phải kiên quyết đánh tan xu hướng hạ thấp trình độ và hạ thấp tính nghiêm minh của công việc học hỏi, xu hướng này được biểu lộ trong một số khu vực thuộc Giáo Hội và một phần là do kết quả của tình trạng thiếu hụt và hổng chân trong nền đào tạo trí thức cơ bản mà các sinh viên đã lãnh nhận khi bắt đầu chu kỳ triết học và thần học. Tình huống hiện đại tự nó cũng đòi hỏi các bậc thầy phải ngày càng ngang tầm hơn với sự đa phức của thời đại và phải đủ sức biện luận một cách có uy thế, minh bạch và sâu sắc để đương đầu với những vấn nạn do con người ngày nay đặt ra, những vấn nạn mà chỉ có Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô mới mang lại được một lời giải đáp đầy đủ và dứt khoát.

**Đào tạo mục vụ : hiệp thông với đức ái của Chúa Giêsu Kitô, Vị Mục Tử Nhân Lành.**

**57.**Toàn bộ nền đào tạo dành cho các ứng sinh linh mục đều nhắm đến việc tạo điều kiện một cách đặc biệt hơn cho các ứng sinh hiệp thông vào đức ái của Chúa Kitô Mục Tử Nhân Lành. Bởi đó, trong mọi phương diện, nền đào tạo ấy phải mang một tính chất thiết yếu mục vụ. Sắc lệnh Công Đồng *Optatam totius* đã khẳng định rõ ràng điều này khi đề cập đến các đại chủng viện: “Nền giáo dục trọn vẹn dành cho các học sinh ở các đại chủng viện phải nhắm hướng*làm cho họ trở nên thực sự là những mục tử chăn dắt các linh hồn, noi gương Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, là Thầy, Linh Mục và Mục Tử.*Như thế, họ phải được luyện tập để thi hành thừa tác vụ Lời Chúa, sao cho ngày càng hiểu thấu đáo hơn lời mạc khải của Thiên Chúa, sao cho họ nắm giữ lời ấy bằng việc suy niệm và diễn đạt lời ấy bằng môi miệng và bằng đời sống của họ; họ phải được luyện tập để thi hành thừa tác vụ phượng tự và thánh hoá, làm sao để dấn mình vào việc cầu nguyện và vào những cử hành phụng vụ, họ thực thi công cuộc cứu độ bằng hiến lễ tạ ơn và các bí tích; họ phải được luyện tập để thi hành thừa tác vụ mục tử, sao cho họ biết làm cho Đức Kitô hiện diện với con người, Đức Kitô, Đấng “đã không đến để được phục vụ nhưng để phục vụ và hiến mạng sống làm giá cứu chuộc muôn người” (Mc 10,45; x. Ga 13,12-17), làm sao để, một khi trở nên tôi tớ của mọi người, họ nhờ đó mà lợi được nhiều hơn (x. 1 Cr 9,19)” (179).

Bản văn Công Đồng nhấn mạnh đến sự phối hợp sâu đậm phải có giữa các phương diện khác nhau của nền đạo nhân bản, thiêng liêng và trí thức, đồng thời nhấn mạnh đến cứu cánh loại biệt mục vụ của chúng. Trong chiều hướng ấy, cứu cánh mục vụ bảo đảm cho nền đào tạo nhân bản, thiêng liêng và trí thức có được những nội dung nhất định và những đặc tính chính xác, để thống nhất và đánh dấu toàn bộ nền đào tạo dành cho các linh mục tương lai.

Cũng như bất cứ nền đào tạo nào khác, nền đào tạo mục vụ phải được thể hiện bằng một tiến trình suy tư chín chắn và bằng những việc thực tập; nền đào tạo ấy nhận chìm những cội rễ sống động của mình vào trong một tinh thần vốn là trung tâm của mọi sự và vốn tạo nên mãnh lực thúc đẩy và phát triển.

Vì thế, đây là một bộ môn thần học thực thụ cần thiết phải học: *thần học mục vụ hay thần học thực hành,*dùng phương pháp khoa học để suy tư về Giáo Hội như Giáo Hội đang được kiến tạo mỗi ngày, với sức mạnh của Chúa Thánh Thần, theo dòng lịch sử, về Giáo Hội xét như là “bí tích phổ quát của ơn cứu độ” (180), như là dấu chỉ và khí cụ sống động để chuyển thông ơn cứu độ của Đức Giêsu Kitô qua Lời, các bí tích và việc phục vụ trong đức ái. Mục vụ không chỉ là một nghệ thuật, một tập hợp những lời khuyên bảo, những kinh nghiệm, những chỉ dẫn; mục vụ chiếm giữ phẩm vị thần học trọn vẹn của nó bởi vì mục vụ lãnh nhận từ nơi đức tin những nguyên tắc cho hoạt động mục vụ của Giáo Hội trong lịch sử, của một Giáo Hội ngày nào cũng “sản sinh” ra chính Giáo Hội theo kiểu diễn tả hân hoan của thánh Bêđa khả kính: *“Nam et Ecclesia quotidie gignit Ecclesiam”*(181). Trong số những nguyên tắc và tiêu chuẩn ấy, có một nguyên tắc mang tầm quan trọng đặc biệt, đó là nguyên tắc giúp dựa theo Tin Mừng để phân định tình huống văn hoá, xã hội và Giáo Hội trong đó hoạt động mục vụ đang được phát triển.

Việc học thần học mục vụ phải soi sáng cho *hoạt động cụ thể*mà các ứng sinh linh mục phải tự nguyện trải qua với những giai đoạn thực tập, gọi là thực tập mục vụ, bằng cách thức tiệm tiến và luôn luôn ăn khớp với những đòi buộc khác của nền đào tạo. Những “kinh nghiệm” mục vụ này có khi phải kết thành một “tập viện mục vụ” thật sự, phải kéo dài trong một quãng thời gian và phải được đánh giá một cách có phương pháp.

Thế nhưng việc học hỏi và sinh hoạt mục vụ lại quy về một nguồn mạch bên trong mà nền đào tạo sẽ phải quan tâm bảo toàn và đề cao : đó là *sự hiệp thông ngày càng sâu đậm hơn vào đức ái mục vụ của Chúa Giêsu.*Cũng như mục vụ đã tạo thành nguồn cội và sức mạnh cho hoạt động cứu chuộc của Đức Giêsu, cũng vậy, mục vụ còn phải nhờ vào sự tuôn đổ Thần Khí trong bí tích Truyền Chức Thánh, tạo thành nguồn cội và sức mạnh cho thừa tác vụ linh mục. Nền đào tạo được đề cập ở đây là một nền đào tạo chẳng những nhắm đến việc bảo đảm cho có một uy thế mục vụ mang tính khoa học và một sự khôn khéo về mặt thực hành nhưng còn là và nhất là bảo đảm cho sự tăng triển của một *phương cách hiện hữu*trong sự hiệp thông với chính những tâm tình và những thái độ cư xử của Đức Kitô Mục Tử Nhân Lành: “Anh em hãy đối xử với nhau bằng những tâm tình vốn ở trong Đức Kitô Giêsu” (Pl 2,5).

**58.**Hiểu như thế, việc đào tạo mục vụ dĩ nhiên không thể bị giản lược vào một công việc thực tập đơn thuần với mục đích làm quen với những kỹ thuật mục vụ. Phương án giáo dục của chủng viện phải đề nghị dạy cho các sinh viên đạt được một cảm thức bén nhạy về mục vụ, đảm nhận một cách ý thức và trưởng thành những trách nhiệm thuộc về mình, tự tập luyện con người nội tâm để đánh giá các tình huống, thiết lập những lựa chọn ưu tiên và tìm phương thế để *thực hiện*những lựa chọn ấy, tất cả mọi sự việc này dưới ánh sáng đức tin và thể theo những đòi buộc thần học của chính công việc mục vụ.

Nhờ kinh nghiệm ấy là kinh nghiệm khởi đầu và tiệm tiến của thừa tác vụ, các linh mục tương lai sẽ có thể được đưa vào trong truyền thống mục vụ sống động của Giáo Hội địa phương mình; các linh mục tương lai sẽ học tập để mở rộng chân trời trí tuệ và con tim của mình cho phù hợp với chiều kích truyền giáo của đời sống Giáo Hội; họ phải thực tập một số hình thức cộng tác với nhau và với các linh mục mà họ sẽ được sai đến. Các vị này lãnh nhận một trách nhiệm giáo dục mục vụ không kém quan trọng, trong tương quan với việc giảng dạy được cung ứng nơi chủng viện.

Trong việc chọn lựa những nơi và những công việc phục vụ để có được kinh nghiệm mục vụ, cần phải dành một sự chú tâm đặc biệt cho giáo xứ (182) là tế bào sống động của các loại kinh nghiệm mục vụ khác nhau, nơi mà các ứng sinh thực tập sẽ phải đương đầu với nhiều vấn đề đặc biệt thuộc về thừa tác vụ tương lai của mình. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã cung cấp một loạt những thí dụ cụ thể, chẳng hạn đi thăm bệnh nhân, chăm sóc những người di cư, những người bị đày ải và những người du mục, nhiệt thành trong đức ái biểu hiện trong những hoạt động xã hội đa tạp. Các ngài viết: “Điều cần thiết là linh mục phải làm cho đức ái của chính Chúa Kitô, Đấng “đi tới đâu cũng đều thi ân giáng phúc” (Cv 10,38); linh mục cũng cần phải trở nên dấu chỉ hữu hình cho lòng ưu ái của Giáo Hội là Mẹ và Thầy. Và, bởi vì con người ngày nay phải lao đao với muôn vàn thử thách, nhất là bị đè bẹp bởi một sự nghèo đói bất nhân, bởi bạo lực mù quáng và bởi quyền lực bất chính, điều cần thiết là người của Thiên Chúa, như đã được chuẩn bị đúng mức cho mọi công trình tốt đẹp (x. 2 Tm 3,17), phải đòi lại những quyền lợi và phẩm giá của con người. Dầu vậy, người của Thiên Chúa phải giữ mình để không chạy theo những chủ thuyết sai lạc và, bởi vì muốn vun đắp cho sự tiến bộ, không quên rằng thế giới chỉ có thể được cứu chuộc nhờ vào thập giá của Đức Kitô” (183).

Toàn bộ những hoạt động ấy và các hoạt động khác tương tự giáo dục cho linh mục tương lai biết sống sứ vụ “quyền bính” của mình trong cộng đoàn như là một công việc “phục vụ”, bằng cách giữ mình khỏi mọi thái độ trịch thượng hoặc khỏi việc thi hành một quyền bính nào đó mà không luôn luôn hoặc không chỉ có thể biện minh bằng đức ái mục vụ.

Để có được một nền đào tạo thích ứng, điều cần thiết là các loại kinh nghiệm khác nhau của ứng sinh linh mục phải mặc lấy tình chất “thừa tác vụ”, luôn mật thiết gắn liền với mọi đòi buộc khác thuộc về tiến trình đào luyện linh mục và (sao cho không gây thiệt hại đến việc học) trong việc chủ tọa cộng đoàn. Những việc phục vụ này có thể trở thành những hình thức cụ thể để thực thi các thừa tác vụ Đọc Sách, Giúp Lễ và Phó Tế.

**59.**Bởi vì hoạt động mục vụ tự bản chất nhắm đến việc tạo sức sống cho một Giáo Hội vốn thiết yếu là “mầu nhiệm”, “hiệp thông” và “sứ vụ”, nền đào tạo mục vụ sẽ phải chú trọng đến các chiều kích ấy trong việc thi hành thừa tác vụ.

Điều cơ bản là phải ý thức rằng *Giáo Hội là “mầu nhiệm”,*nghĩa là công trình của Thiên Chúa, hoa quả của Thần Khí Đức Kitô, dấu chỉ hữu hiệu của ân sủng, sự hiện diện của Ba Ngôi Thiên Chúa trong cộng đoàn Kitô giáo. Thay vì làm giảm thiểu ý nghĩa của trách nhiệm mục tử, ý thức này sẽ giúp cho vị mục tử xác tín rằng sự tăng trưởng của Giáo Hội là thành quả nhưng không, do Thần Khí, và việc phục vụ Giáo Hội — nhờ ân sủng Thiên Chúa, được giao phó cho trách nhiệm và tự do của con người – là công việc của người đầy tớ vô dụng trong Tin Mừng (x. Lc 17,10).

Hơn nữa, nhờ ý thức *Giáo Hội là “hiệp thông”,* ứng sinh linh mục sẽ được chuẩn bị để thực hành một công việc mục vụ cộng đồng trong sự hợp tác thân tình với các thành phần khác trong Giáo Hội: linh mục và giám mục, linh mục triều và tu sĩ, linh mục và giáo dân. Nhưng, một sự hợp tác như thế trước hết giả thiết phải có sự hiểu biết và quý chuộng những ân huệ và đặc sủng khác nhau, nhưng ơn gọi và trách nhiệm dị biệt mà Chúa Thánh Thần ban tặng và giao phó cho các thành phần thuộc về Thân Thể của Đức Kitô. Sự hợp tác ấy cũng đòi hỏi một cảm thức bén nhạy và chính xác về căn tính của mình và về căn tính của những người khác trong Giáo Hội. Ngoài ra, sự hợp tác ấy còn đòi buộc phải có sự tin cậy lẫn nhau, lòng kiên nhẫn, thái độ hiền dịu, khả năng hiểu, cảm thông và lắng nghe; sau hết và trên tất cả, sự hợp tác ấy bén rễ trong một lòng yêu mến đối với Giáo Hội lớn mạnh hơn lòng yêu mến đối với chính mình và đối với những nhóm mà mình trực thuộc. Điều đặc biệt quan trọng là phải luyện tập cho các linh mục tương lai biết *hợp tác với giáo dân,* để, theo như lời của Công Đồng, “có thể sẵn sàng lắng nghe ý kiến của giáo dân, đồng thời, trong tình huynh đệ, chú trọng đến những khát vọng của giáo dân, giúp đỡ cũng như nhận sự giúp đỡ của giáo dân về kinh nghiệm và về uy thế trong nhiều lãnh vực khác nhau của sinh hoạt nhân loại, hầu có thể cùng với họ đọc ra những dấu chỉ của thời đại” (184). Cũng vậy, Thượng Hội Đồng vừa qua đã nhấn mạnh đến mối quan tâm dành cho giáo dân về phương diện mục vụ: “Ứng sinh linh mục cần phải trở nên có khả năng lôi cuốn và hướng dẫn các tín hữu giáo dân, nhất là những người trẻ, vào trong những ơn gọi khác nhau (hôn nhân, những dịch vụ xã hội, việc tông đồ, các thừa tác vụ, những trách nhiệm thuộc bình diện mục vụ, đời sống tận hiến, những trọng trác. trong sinh hoạt chính trị và xã hội, việc nghiên cứu khoa học, việc giảng dạy). Trên tất cả, cần phải soi dẫn và nâng đỡ giáo dân trong ơn gọi của họ để họ dấn thân vào thế giới và biến đổi thế giới theo ánh sáng của Tin Mừng, đồng thời nhận thức giá trị của sự dấn thân ấy và quý trọng sự dấn thân ấy” (185).

Sau cùng, nhờ ý thức Giáo Hội là *hiệp thông “trong sứ vụ”,* ứng sinh linh mục sẽ được giúp đỡ để yêu mến và sống chiều kích thừa sai thiết yếu của Giáo Hội cùng những hoạt động mục vụ đa tạp: họ sẽ được giúp đỡ để trở nên rộng mở và ứng trực đối với mọi đường lối có thể thực hiện ngày nay nhằm loan báo Tin Mừng, kể cả sự đóng góp quý giá mà các phương tiện truyền thông xã hội có thể và phải mang lại trong lãnh vực này (186); họ sẽ được giúp đỡ để chuẩn bị bước vào một thừa tác vụ vốn, một cách cụ thể, có thể đòi buộc họ phải ở trong tình trạng ứng trực, đáp lại Chúa Thánh Thần và đáp lại giám mục, để rồi được sai đi rao giảng Tin Mừng bên kia những biên giới của quốc gia mình (187).

II. CÁC MÔI TRƯỜNG ĐÀO TẠO LINH MỤC

**Cộng đoàn đào tạo trong đại chủng viện.**

**60.**Sự cần thiết phải có đại chủng viện – và phải có cơ sở tôn giáo tương đồng – để đào tạo các ứng sinh linh mục mà Công Đồng Vaticanô II (188) đã khẳng định bằng quyền bính nay lại được*Thượng Hội Đồng tái khẳng định*như sau: “Cần phải khẳng định một lần nữa rằng cơ chế đại chủng viện, nơi đào tạo tối ưu, là môi trường thông thường, thậm chí sơ đẳng, của một đời sống cộng đoàn có phẩm trật và cũng là cơ sở thích ứng cho việc đào tạo các ứng sinh hướng đến chức linh mục, với những vị bề trên thật sự hiến thân cho thừa tác vụ này. Cơ chế ấy đã mang lại những hoa trái dồi dào theo dòng thế kỷ và còn tiếp tục cống hiến những hoa trái như thế trên khắp thế giới” (189).

Chủng viện được coi như là một thời gian và là một nơi chốn, nhưng trên hết chủng viện được coi như là *một cộng đoàn giáo dục theo những bước tiến lần lượt:* đó là cộng đoàn được giám mục thiết lập để tạo cho người nào được Chúa kêu gọi phục vụ như các Tông Đồ có điều kiện lặp lại bằng cuộc sống kinh nghiệm giáo dục mà Chúa đã dành riêng cho Nhóm Mười Hai. Thực ra, trong Tin Mừng, một cuộc sống sống bằng tương quan lâu dài và mật thiết với Đức Giêsu được trình bày như là tiền thân cần thiết cho thừa tác vụ tông đồ. Tình nghĩa mật thiết ấy đòi buộc Nhóm Mười Hai, một cách hết sức sáng tỏ và khác thường, thể hiện thái độ siêu thoát, nhờ được đề nghị trong một mức độ nào đó cho hết thảy các môn đệ, đối với môi trường xuất thân, đối với công việc quen thuộc, đối với những tình nghĩa sâu đậm (x. Mc 1,16-20; 10,28; Lc 9,23.57-62; 14,25-27). Chúng tôi đã khá nhiều lần thuật lại truyền thống của thánh Máccô với chỗ nhấn mạnh về mối liên hệ sâu xa nối kết các Tông Đồ với Đức Kitô và với nhau: trước khi được sai đi rao giảng và thi hành việc cứu chữa, các Tông Đồ được mời gọi để “nên bạn đồng hành với Ngài” (Mc 3,14).

Bản chất sâu xa của chủng viện là, bằng cách thế của mình, thể hiện một sự *tiếp nối, trong Giáo Hội, cộng đoàn tông đồ quây quần chung quanh Đức Giêsu,*với việc lắng nghe Lời Chúa, tiến bước hướng tới kinh nghiệm Vượt Qua, trong khi chờ đợi Thần Khí được hứa ban cho sứ vụ. Đó chính là lý tưởng mà mọi chủng viện đều phải hướng tới. Với tư cách là *cơ chế của con người,*chủng viện đã mặc lấy trong lịch sử những hình thức rất khác biệt nhau và đã vấp phải muôn vàn khiếm khuyết. Căn tính của chủng viện luôn khích lệ chủng viện tìm gặp một đường lối cụ thể, trung thành với các giá trị Tin Mừng mà chủng viện kín múc, và dù khả năng đáp ứng những tình huống và những nhu cầu của thời đại.

Tự nơi chính mình, chủng viện là *một kinh nghiệm nguyên tuyền của đời sống Giáo Hội:*trong chủng viện, giám mục hiện diện qua thừa tác vụ mà viện trưởng thi hành cùng với các nhà giáo dục khác, trong tinh thần đồng trách nhiệm và hiệp thông dưới sự hướng dẫn và vận dụng của viện trưởng, nhắm đến sự tăng triển mục vụ và tông đồ của các ứng sinh. Các thành phần khác biệt trong cộng đoàn chủng viện, liên kết với nhau nhờ Chúa Thánh Thần bằng một tình huynh đệ duy nhất, hợp tác với nhau, mỗi người tuỳ theo tài năng riêng của mình, để làm cho mọi người được tăng trưởng trong đức tin và đức ái. Chính nhờ đó mà các ứng sinh được chuẩn bị để trở thành linh mục và do vậy để nối dài, trong Giáo Hội cũng như trong lịch sử, sự hiện diện cứu chuộc của Đức Giêsu Kitô. Vị Mục Tử Nhân Lành.

Trên bình diện con người, đại chủng viện đã phải nỗi lực trở thành “một cộng đoàn trong đó các thành phần liên kết với nhau bằng một tình bạn và một đức ái sâu xa, để tạo thành một gia đình thực sự với bầu khí vui tươi” (190). Trên bình diện Kitô giáo – các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nói tiếp – chủng viện phải tạo thành một “cộng đoàn Giáo Hội”, một “cộng đoàn môn đệ của Chúa trong đó cùng một phụng vụ thấm nhập tinh thần cầu nguyên vào toàn thể đời sống; cộng đoàn được qui tụ nhờ việc lắng nghe và suy niệm Lời Chúa mỗi ngày và nhờ bí tích Thánh Thể; cộng đoàn hiệp nhất với nhau trong việc thực thi đức ái huynh đệ và tinh thần công bằng; trong cộng đoàn ấy, Thần Khí của Đức Kitô và tình yêu của Giáo Hội tỏa chiếu, nhờ vào sự tiến bộ của đời sống cộng đoàn và của đời sống thiêng liêng nơi mỗi một thành phần trong cộng đoàn” (191). Xác quyết và diễn giải một cách cụ thể chiều kích Giáo Hội thiết yếu của chủng viện, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nói tiếp: “Với tư cách là cộng đoàn Giáo Hội, thuộc giáo phận cũng như liên giáo phận hoặc cả đến thuộc dòng tu, chủng viện phải nuôi dưỡng cảm thức về sự hiệp thông Giáo Hội của các ứng sinh đối với giám mục của họ và đối với linh mục đoàn của họ, làm sao để họ thông chia những hy vọng cũng như lo âu của các ngài và biết trải dài trạng thái rộng mở ấy đến những nhu cầu của Giáo Hội phổ quát” (192).

Việc đào tạo các ứng sinh hướng đến chức linh mục và đến thừa tác vụ mục tử vốn tự bản chất mang chiều kích Giáo Hội. Để làm công việc ấy, điều thiết yếu là chủng viện phải được nhìn nhận không phải một cách bên ngoài và bề mặt, nghĩa là như một nơi chốn ăn ở và học hành mà thôi, nhưng một cách bên trong và sâu rộng, như một cộng đoàn Giáo Hội loại biệt, một cộng đoàn lặp lại bằng cuộc sống kinh nghiệm của Nhóm Mười Hai nối kết với Đức Giêsu (193).

**61.**Như vậy, chủng viện là một *cộng đoàn Giáo Hội giáo dục,*hay nói đúng hơn, một cộng đoàn đặc thù thực thi việc giáo dục. Điều ấn định diện mạo cho chủng viên, đó là cùng đích loại biệt của chủng viện, nghĩa là việc sát cánh với các linh mục tương lai trong ơn gọi, và bởi đó, việc phân định ơn gọi, sự trợ giúp để đáp lại ơn gọi, và sự chuẩn bị để lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh cùng với những ân sủng và trách nhiệm gắn liền với bí tích nhờ đó linh mục nên đồng hình dạng với Đức Giêsu Kitô, Đầu và Mục Tử, được trang bị và được đưa vào nhập cuộc để thông chia sứ vụ cứu độ trong Giáo Hội và trên thế giới.

Vị chủng viện là một cộng đoàn giáo dục, toàn bộ đời sống diễn ra tại đó, trong những biểu hiện dị biệt nhất, đều phải *tập trung vào việc đào tạo*nhân bản, thiêng liêng, trí thức và mục vụ cho các linh mục tương lai : đó là một nền đào tạo, mặc dầu có nhiều điểm chung với nền đào tạo nhân bản và Kitô giáo cho mọi thành phần thuộc về Giáo Hội, bao gồm những nội dung, những thể loại và những đặc tính phát xuất một cách riêng biệt từ mục đích mà chủng viện theo đuổi: chuẩn bị cho chức linh mục.

Đàng khác, các nội dung và hình thức của công trình giáo dục đòi buộc chủng viện phải *lập chương trình*một cách chính xác, nghĩa là phải đưa ra một chương trình sống có sự thống nhất giữa các bộ phận và đồng thời được phối trí trong sự hoà hợp với cùng đích duy nhất là cùng đích đem lại ý nghĩa cho sự tồn tại của chủng viện: chuẩn bị cho các linh mục tương lai.

Trong chiều hướng này, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng viết: “Với tư cách là cộng đoàn giáo dục, [chủng viện] phải theo một chương trình đã được xác định rõ ràng, có đặc điểm là sự thống nhất điều hành qua vai trò đại diện của Viện Trưởng và các cộng sự viên, qua sự nhất quán trong cách sắp xếp đời sống và hoạt động đào tạo, qua những đòi buộc cơ bản của đời sống cộng đoàn, chính đời sống cộng đoàn này cũng bao gồm những khía cạnh thiết yếu thuộc về công cuộc đào tạo. Chương trình này phải, không do dự cũng không bấp bênh, phục vụ cho cứu cánh loại biệt là cứu cánh duy nhất mang lại ý nghĩa cho sự tồn tại của chủng viện: đào tạo các linh mục tương lai, những mục tử của Giáo Hội” (194). Và để cho chương trình ấy được thực sự thích nghi và hữu hiệu, cần phải diễn dịch những đường hướng lớn của chương trình một cách cụ thể hơn, trong chi tiết, bằng một vài tiêu chuẩn riêng dành cho việc sắp xếp đời sống cộng đoàn, đồng thời ấn định những phương thế và những nhịp điệu thời gian chính xác.

Còn một khía cạnh khác cần phải ghi chú ở đây. Công trình giáo dục tự bản chất là sự sát cánh với những con người cụ thể, những con người sống trong lịch sử, đang bước tới những lựa chọn và tới sự gắn bó với một số lý tưởng sống. Đó chính là lý do đòi hỏi công trình giáo dục phải biết dung hoà hết mọi yếu tố cho ăn nhịp với nhau, từ cái nhìn sáng suốt về mục đích phải đạt, đến sự đòi buộc phải nghiêm chỉnh tiến bước hướng về mục đích ấy, sự quan tâm tới “du khách”, nghĩa là tới con người cụ thể đang dấn thân trong chuyến du hành đào tạo, và bởi đó tới một chuỗi những tình huống, những vấn đề, những khó khăn, những nhịp điệu tiến bước và tăng trưởng. Công việc ấy đòi hỏi một sự uyển chuyển khôn khéo, mà vẫn phải tránh tất cả những gì có thể làm phương hại các giá trị cũng như sự dấn thân có ý thức và tự do, sự uyển chuyển ấy còn phải nói lên lòng yêu mến đích thực và sự tôn trọng chân thành đối với người ứng sinh đang bước tới chức linh mục trong những chiều kích cá vị của mình. Điều này chẳng những có giá trị đối với mỗi một con người nhưng còn là đối với những bối cảnh xã hội và văn hoá khác nhau trong đó diễn ra cuộc sống của các chủng viện và của những hình thái đa tạp trong lịch sử các chủng viện. Hiểu như thế, *công trình giáo dục đòi buộc một sự canh tân liên lỉ.* Các Nghị Phụ đã kịch liệt nhấn mạnh điều đó, ngay cả về nỗ lực làm cho các chủng viện nên đồng hình dạng: “Trong khi vẫn bảo toàn giá trị của các hình thức chủng viện cổ điển, Thượng Hội Đồng mong muốn rằng công việc tham khảo ý kiến các Hội Đồng Giám Mục về những nhu cầu hiện đại của nền đào tạo phải được tiếp tục theo đuổi, theo như sắc lệnh *Optatam totius* (số 1) và Thượng Hội Đồng năm 1967 đã tiên liệu. Các*chỉ tiêu (Rationes)*dành cho mỗi quốc gia hay mỗi lễ chế phải được kịp thời duyệt xét lại, hoặc nhân cơ hội được các Hội Đồng Giám Mục yêu cầu, hoặc nhân dịp những chuyến viếng thăm với tư cách Tông Đồ nơi các chủng viện thuộc những quốc gia khác nhau, để đưa vào trong chủng viện những thể loại đào tạo dị biệt, nhằm đáp ứng nhu cầu của các dân tộc thuộc nền văn hoá gọi là bản thổ, nhu cầu của ơn gọi nơi những người đã lớn tuổi, của ơn gọi thừa sai, v.v…” (196).

**62.**Cứu cánh và cơ cấu giáo dục của đại chủng viện đòi hỏi các ứng sinh linh mục chỉ được gia nhập sau một thời gian chuẩn bị. Việc chuẩn bị này không không đặt thành vấn đề riêng biệt, ít ra cho đến những thập niên vừa qua, khi mà cứ sự thường các ứng sinh linh mục xuất thân từ các tiểu chủng viện và khi mà đời sống Kitô hữu trong các cộng đoàn Giáo Hội dễ dàng cống hiến cho mọi người, không phân biệt, một nền giáo huấn và giáo dục Kitô giáo khả quan.

Tình huống đã biến chuyển nơi nhiều vùng. Có một sự tương phản đáng kể một đàng, giữa kiểu cách sống và sự đào luyện tự nền tảng cho các trẻ nhỏ, các thiếu niên và thanh niên, ngay cả khi chúng là Kitô hữu và đôi khi đã dấn thân trong đời sống Giáo Hội; đàng khác, giữa kiểu cách sống của chủng viện với những đòi buộc của nền đào tạo. Trong bối cảnh này, cùng hiệp thông với các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng. Tôi yêu cầu phải có một giai đoạn xứng hợp cho việc chuẩn bị đi trước nền đào tạo được ban hành ở chủng viện: “Một giai đoạn chuẩn bị về mặt nhân bản, Kitô giáo, trí thức và thiêng liêng cho các ứng sinh đại chủng viện là điều hữu ích. Các ứng sinh ấy cũng cần phải hội tụ những đức tính được ấn định : ý hướng ngay lành, một trình độ trưởng thành nhân bản đầy đủ và một sự hiểu biết khá sâu rộng về giáo thuyết đức tin, một sự khai đạo vào những phương pháp cầu nguyện và vào một kiểu cách sống phù hợp với truyền thống Kitô giáo. Các ứng sinh cũng cần phải có những lối cư xử qua đó tuỳ theo những phong tục của địa phương mình, chứng tỏ nỗ lực truy tầm Thiên Chúa và đức tin (*x. Evangelii nuntiandi*, số 48)” (197).

Sự “hiểu biết khá sâu rộng về giáo thuyết đức tin” mà các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đề cập là điều kiện phải có trước khi học thần học : không thể nào phát triển *“sự thông hiểu của đức tin”* nếu như không nắm vững nội dung “đức tin”. Một lỗ hổng như thế sẽ được dễ dàng lấp đầy hơn nhờ vào bộ *Giáo lý phổ quát*sắp phát hành.

Trong khi mọi người đều có chung một niềm xác tín về sự cần thiết phải có giai đoạn chuẩn bị trước khi gia nhập chủng viện, các quan điểm lại khác biệt nhau về những nội dung và những đặc tính của chủng viện, nghĩa là về mục đích đệ nhất của chủng viên : đào tạo thiêng liêng để giúp phân định ơn gọi hoặc đào tạo trí thức và văn hoá. Đàng khác, không thể không kể ra nhiều dị biệt sâu xa vẫn tồn tại chẳng những nơi các ứng sinh khác nhau, mà còn cả nơi các miền hoặc các quốc gia. Sự kiện ấy kêu mời phải kéo dài giai đoạn học và thực tập hiện nay, để có thể xác định một cách thích đáng hơn và hợp nghĩa hơn các yếu tố thuộc về giai đoạn chuận bị ấy hay còn gọi là “*giai đoạn dự bị*” *:*thời gian, nơi chốn, hình thức, đề tài cho giai đoạn ấy, để rồi còn phải phối trí giai đoạn ấy với những năm đào tạo kế tiếp ở chủng viện.

Trong chiều hướng ấy, Tôi đích thân lặp lại và Tôi đề nghị một lần nữa với Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo lời yêu cầu mà các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã phát biểu : “Thượng Hội Đồng yêu cầu Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo thâu thập tất cả mọi thông tin liên quan tới những kinh nghiệm ban đầu của nền đào tạo này đã được khởi xướng hoặc đang diễn tiến trong giai đoạn hiện nay. Vào thời gian thích hợp, Thánh Bộ sẽ chuyển đạt cho các Hội Đồng Giám Mục những thông tin về vấn đề này” (197).

**Tiểu Chủng Viện và những hình thức khác để sát cánh các ơn gọi.**

**63.**Như kinh nghiệm lâu dài tỏ rõ cho thấy, biểu hiện đầu tiên của ơn gọi linh mục thường trùng hợp với những năm tháng trước thời niên thiếu hoặc với những năm tháng đầu của lứa tuổi thanh niên. Và, ngay cả nơi những người quyết định vào chủng viện muộn hơn, điều thường tình vẫn là nhận ra được sự hiện diện của lời mời gọi đến từ Thiên Chúa vào những năm tháng xa xưa về trước. Lịch sử Giáo Hội không ngừng làm chứng về những tiếng gọi của Chúa trong thời tuổi trẻ. Thánh Tôma, chẳng hạn, giải thích lòng ưu ái đặc biệt của Đức Giêsu dành cho Tông Đồ Gioan “với lý do Gioan còn trẻ tuổi” và rút ra kết luận như sau: “Điều này giúp hiểu được rằng Thiên Chúa đặc biệt yêu quý những ai hiến thân phục vụ Ngài ngay từ buổi đầu của tuổi trẻ” (198).

Giáo Hội nỗ lực chăm sóc những hạt mầm ơn gọi được gieo vãi trong tâm hồn các trẻ em; nhờ các tiểu chủng viện, Giáo Hội thực hiện việc phân định buổi đầu và để tâm sát cánh các hạt mầm ơn gọi ấy. Trong nhiều vùng trên thế giới, các chủng viện như thế vẫn đang tiếp tục thực hiện một công trình giáo dục quý giá, để bảo tồn và phát triển những hạt mầm ơn gọi linh mục, hầu các học sinh có thể nhận ra ơn gọi dễ dàng hơn và được nên đủ khả năng hơn để đáp trả ơn gọi. Phương án giáo dục của các chủng viện này nhắm tạo điều kiện thuận lợi, một cách xứng hợp và qua từng giai đoạn, cho việc đào tạo nhân bản, văn hoá và thiêng liêng nhờ đó hướng dẫn người trẻ đi vào con đường đại chủng viện với một nền tảng thích ứng và vững chắc.

“*Luyện tập để nối gót Đức Kitô Cứu Thế với tinh thần quảng đại và với tâm hồn trong trắng”*: đó là mục đích của tiểu chủng viện như đã được nêu dẫn trong sắc lệnh *Optatam notius,*sắc lệnh này trình bày kiểu cách giáo dục của tiểu chủng viện như sau : “Dưới sự hướng dẫn bằng tình cha con của các vị bể trên, với sự hợp tác rất hữu ích của các bậc cha mẹ, các chủng sinh sẽ trải qua một cuộc sống phù hợp với lứa tuổi, với não trạng và với diễn biến của thời niên thiếu, một cuộc sống đáp ứng trọn vẹn những tiêu chuẩn của một đời sống tâm lý lành mạnh. Không được bỏ qua việc bảo đảm cho các chủng sinh có được kinh nghiệm thích hợp về những thực tại nhân linh và về những mối quan hệ bình thường với gia đình” (199).

Trong giáo phận, tiểu chủng viện sẽ có thể là tụ điểm cho mục vụ các ơn gọi, bằng cách đề nghị những hình thức tiếp đón xứng hợp và bằng cách tạo những cơ hội thông tin cho các thanh thiếu niên đang đi tìm ơn gọi, hoặc, đã nhất định theo đuổi ơn gọi, nhưng còn buộc phải trì hoãn việc gia nhập chủng viện vì những lý do như hoàn cảnh đủ loại, gia đình hoặc học vấn.

**64.**Ở những nơi nào mà tiểu chủng viện – thật sự cần thiết và rất hữu ích, nơi nhiều miền – không thể được thành lập, cần phải thay thế bằng cách thiết lập những “cơ chế” khác (200), như, chẳng hạn, *những nhóm ơn gọi* dành cho thiếu niên hoặc thanh niên. Mặc dầu không có tính cách trường tồn, các nhóm này sẽ có thể, trong một bối cảnh cộng đồng, cung cấp những điều kiện thuận lợi cho sự xác quyết và sự tăng trưởng ơn gọi. Vẫn sống trong gia đình mình, đồng thời thường xuyên lui tới với cộng đoàn Kitô hữu để được giúp đỡ trong tiến trình đào tạo, các thiếu niên và thanh niên này không thể bị bỏ mặc đơn độc. Họ cần đến một nhóm riêng rẽ hoặc một cộng đoàn làm nơi quy tụ, để có thể cậy dựa vào đó mà hoàn thành hành trình ơn gọi mà ân huệ của Chúa Thánh Thần đã khởi xướng nơi họ.

Bởi vì đây là điều đã luôn xảy ra trong dòng lịch sử Giáo Hội, ngày nay người ta ghi nhận, với một sự mới mẻ và một sự thường đều đáng khích lệ, hiện tượng *những ơn gọi linh mục*này sinh *vào tuổi trưởng thành,*sau một kinh nghiệm lâu dài về cuộc sống giáo dân và về cuộc sống dấn thân trong nghể nghiệp. Không phải lúc nào cũng là điều có thể và cứ sự thường là điều không xứng hợp, nếu muốn mời gọi những người lớn tuổi ấy theo đuổi hành trình giáo dục của đại chủng viện. Tốt hơn, sau khi đã phân định kỹ lưỡng tính chính hiệu của các ơn gọi ấy, cần phải đề ra một hình thức đặc loại nào đó để sát cánh và để đào tạo, làm thế nào để vận dụng những thích nghi thoả đáng mà bảo đảm cho có được một nền đào tạo tất yếu về mặt thiêng liêng và trí thức (201). Nếu được điều chế một cách tốt đẹp trong những mối quan hệ với các ứng sinh khác cùng hướng đến chức linh mục và trong những thời gian có mặt với cộng đoàn đại chủng viện, các ơn gọi ấy sẽ chắc chắn đạt được sự hội nhập trọn vẹn vào trong linh mục đoàn duy nhất và đạt được sự hiệp thông mật thiết và thân tình với linh mục đoàn.

III. CÁC CHIẾN HỮU TIÊN PHONG CỦA NỀN ĐÀO TẠO LINH MỤC

**Giáo Hội và Giám Mục.**

**65.**Bởi vì việc đào tạo các ứng sinh linh mục vốn nằm trong nền mục vụ các ơn gọi do Giáo Hội điều hành, phải nói rằng Giáo Hội, *xét theo đúng bản chất, chính là đại chủ thể (sujet communautaire)* được ơn và có trách nhiệm sát cánh những ai được Chúa kêu gọi trờ nên thừa tác viên của Ngài trong chức linh mục.

Trong chiều hướng ấy, chính sự hiểu biết về mầu nhiệm Giáo Hội sẽ giúp chúng ta xác định rõ hơn vị thế và bổn phận thuộc về các thành phần khác nhau trong Giáo Hội, hoặc như những cá nhân riêng rẽ, hoặc như những thành phần của một nhóm, một tập thể, trong công việc đào tạo các ứng sinh linh mục.

Tự bản chất thâm sâu, Giáo Hội là “sự tưởng niệm”, là “bí tích” về sự hiện diện và về hoạt động của Đức Giêsu Kitô ở giữa chúng ta và vì chúng ta. Chính nhờ sự hiện diện cứu chuộc của Ngài mà chúng ta mới có được lời mời gọi hướng đến chức linh mục : không chỉ lời mời gọi, mà còn sự sát cánh để cho người được gọi có thể nhận ra ân sủng của Chúa và đáp lại ân sủng ấy một cách tự do và bằng tình yêu. Chính Thấn Khí của Đức Giêsu tạo ánh sang và ban sức mạnh cho sự phân định ơn gọi và cho hành trình ơn gọi. Bởi đó, *không thể có công trình đào tạo chính hiệu dành cho chức linh mục nếu không có ân huệ của Thần Khí Đức Kitô*. Bất cứ nhà đào tạo phàm nhân nào cũng phải ý thức đầy đủ điều ấy. Tại sao lại không nhìn thấy ở đó một “tài nguyên” hoàn toàn miễn phí và triệt để hữu hiệu, một “tài nguyên” hoàn toàn miễn phí và triệt để hữu hiệu, một tài nguyên tỏ lộ trọng lượng dứt khoát khi có sự dấn thân vào việc đào tạo hướng đến chức linh mục? Tại sao lại không mừng rỡ trước phẩm giá của mọi nhà đào tạo vốn là con người nhưng nay, hiểu theo một nghĩa nào đó, trờ thành người đại diện hữu hình của Chúa Kitô đối với ứng sinh linh mục? Nếu nền đào tạo linh mục thiết yếu là để chuẩn bị cho vị “mục tử” tương lai noi theo hình ảnh của Đức Giêsu Kitô Mục Tử Nhân Lành, hỏi còn ai hơn là chính Đức Giêsu Kitô, nhờ sự tuôn đổ Thần Khí của Ngài, có thể chuyển thông đức ái mục vụ mà Ngài đã thể hiện bằng cuộc sống đến nỗi hiên ban trọn vẹn chính mình (x. Ga 15,13;10,11), có thể đưa dẫn đức ái mục vụ ấy tới chỗ trưởng thành, đức ái mà Ngài muốn cho hết mọi linh mục phải lặp lại bằng cuộc sống ?

*Vị đại diện đầu tiên của Đức Kitô trong việc đào tạo linh mục chính là giám mục*. Có thể dùng lời của tác giả Tin Mừng Mác-cô trong bản văn chúng ta đã trưng dẫn nhiều lần, để nói về giám mục, về mọi giám mục : “Ngài gọi những kẻ Ngài muốn đến với Ngài. Họ đã đến với Ngài và Ngài đã thiết lập họ thành Nhóm Mười Hai *để họ nên bạn đồng hành với Ngài* và để sai họ đi rao giảng…” (Mc 3,13-14). Thật ra, tiếng gọi bên trong của Thần Khí cần phải được xác nhận bởi tiếng gọi chính hiệu của giám mục. Nếu tât cả mọi người đều có thể “*đến với giám mục*” vì giám mục là Cha và là Mục Tử của mọi người, thì các linh mục có thể đến một cách đặc biệt, vì các linh mục chung chia với giám mục cùng một chức tư tế và cùng một thừa tác vụ: theo lời Công Đồng, giám mục phải coi các linh mục và đối xử với các linh mục như “những người anh em và những người bạn” (202). Có thể loại suy để áp dụng điều đó cho những ai đang chuẩn bị tiến đến chức linh mục. Còn về điểm khác: “nên bạn đồng hành với Ngài”, bạn đồng hành với giám mục, thì trách nhiệm của giám mục, với tư cách là nhà đào tạo của các ứng sinh linh mục, đòi ngài phải có bổn phận thăm viếng các linh mục thường đều và một cách nào đó phải nên “bạn đồng hành với các linh mục”.

Sự hiện diện của giám mục mang một giá trị đặc biệt, chẳng những bởi vì sự hiện diện ấy giúp cộng đoàn chủng viện sống hội nhập với Giáo Hội địa phương và hiệp thông với Vị Mục Tử dẫn dắt Giáo Hội này, nhưng còn bởi vì sự hiện diện ấy đem lại căn tính cho cộng đoàn và phục vụ cứu cánh mục vụ là đặc tính của nền đào tạo các ứng sinh linh mục. Nhất là, với sự hiện diện ở giữa các ứng sinh linh mục, qua việc chia sẻ cho họ tất cả những gì liên quan đến hành trình mục vụ Giáo Hội địa phương, giám mục mang lại một nhân tố cơ bản để cho các ứng sinh được đào tạo về “cảm thức Giáo Hội” vốn là một giá trị thiêng liêng và mục vụ trung tâm trong việc thi hành thừa tác vụ linh mục.

**Cộng đoàn giáo dục trong chủng viện.**

**66.**Cộng đoàn giáo dục trong chủng viện được xây dựng xung uanh những nhà đào tạo khác nhau : viện trưởng, cha linh hướng hoặc cha thiêng liêng, các bề trên và các giáo sư. Tất cả những nhà đào tạo này phải tự cảm thấy liên kết mật thiết với giám mục mà họ đóng vai đại diện dưới những tước vị khác nhau và bằng những cách thức khác nhau; giữa họ với nhau, họ cần phải có một sự hiệp thông và một sự cộng tác sâu đậm và chân tình. Mối dây hiệp nhất giữa các nhà giáo dục làm cho phương án giáo dục có thể được thực hiện đúng mức và nhất là mang lại cho các ứng sinh linh mục một gương mẫu giàu ý nghĩa và cụ thể về sự hiệp thông Giáo Hội, giá trị cơ bản của đời sống Kitô hữu và của thừa tác vụ mục tử.

Điều hiển nhiên là hiệu năng của việc đào tạo phần lớn tuỳ thuộc vào nhân cách chín chắn và vững vàng của các nhà đào tạo, về phương diện nhân bản và Tin Mừng. Vè thế, điều hết sức hệ trọng là phải chọn lọc kỹ lưỡng các nhà đào tạo và phải tích cực khuyến khích họ tự tôi luyện cho ngày càng trở nên thích ứng hơn với trọng trách được uỷ thác cho họ. Vì biết chắc rằng việc chuẩn bị cho các ứng sinh linh mục tuỳ thuộc vào sự lựa chọn các nhà đào tạo và vào nền đào tạo mà các vị ấy cung ứng, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã xác định khá dài dòng về những đức tính dành cho các nhà đào tạo. Chẳng hạn các ngài đã viết: “Trọng trách đào tạo các ứng sinh linh mục đòi hỏi các nhà đào tạo phải được chuẩn bị một cách đặc biệt, về những phương diện thật sự là kỹ thuật, sư phạm, thiêng liêng, nhân bản và thần học, nhưng cũng phải được chuẩn bị về một tinh thần đoàn kết và cộng tác, để có thể thực hiện chương trình đào tạo trong một mối dây hiệp nhất rất chặt chẽ, sao cho luôn luôn bảo toàn được sự thống nhất trong hoạt động mục vụ của chủng viện dưới quyền viện trưởng. Tập thể các nhà đào tạo phải làm chứng về một đời sống thực sự phản ánh Tin Mừng và về sự tận hiến hoàn toàn cho Chúa. Điều xúng hợp là nhà đào tạo cần được hưởng một sự ổn định và cần có chỗ cư ngụ thường xuyên trong cộng đoàn chủng viện. Nhà đào tạo phải luôn liên kết mật thiết với giám mục, vì giám mục là người đầu tiên chịu trách nhiệm về việc đào tạo các linh mục” (203).

Các giám mục phải là những người đầu tiên cảm thấy trách nhiệm nghiêm trọng của mình trong việc đào tạo những người sẽ đảm nhận việc giáo dục các linh mục tương lai. Đối với thừa tác vụ giáo dục này, cần phải chọn những linh mục có đời sống gương mẫu và sỏ đắc một tập hợp những đức tính như: “Sự trưởng thành nhân bản và thiêng liêng, kinh nghiệm mục vụ, uy thế nghiệp vụ, sự ổn định trong ơn gọi của riêng mình, sự đào luyện về mặt lý thuyết trong những khoa học nhân văn (đặc biệt tâm lý học) tương ứng với trách nhiệm được giao phó, sự thành thạo về những phương pháp làm việc tập thể” (204).

Mặc dầu vẫn tôn trọng sự phân biệt giữa cái bên trong với cái bên ngoài, mặc dầu vẫn tôn trọng tự do hoàn toàn trong việc chọn lựa cha giải tội cũng như tôn trọng sự khôn ngoan và thận trọng phù hợp với thừa tác vụ linh hướng, cộng đoàn linh mục gồm những nhà giáo dục phải cảm thấy liên đới lẫn nhau trong trách nhiệm giáo dục các ứng sinh linh mục. Chính cộng đoàn này, luôn luôn quy chiếu về sự đánh giá có thẩm quyền của giám mục và của viện trưởng, sẽ đóng vai thăng tiến và kiểm nghiệm khả năng thích ứng của các ứng sinh về mặt tài năng thiêng liêng, nhân bản và trí thức, nhất là về những gì liên quan tới tinh thần cầu nguyện, về sự hấp thụ sâu xa giáo lý đức tin, về khả năng sống tình huynh đệ chính hiệu, về đặc sủng sống độc thân (205).

Như các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã nhắc nhở, trong khi vẫn chú trọng đến những chỉ dẫn của Tông Huấn *Christifideles laici* và của Tông Thư *Mulieris dignitatem*(206), trong đó có sự nhấn mạnh về ích lợi của một nguồn ảnh hưởng lành mạnh cho mọi đường lối giáo dục do tự đời sống tu đức của người giáo dân và do tự đặc sủng của giới nữ, còn một điều quan trọng nữa, đó là phải liên hiệu dưới những hình thức khôn khéo và thích ứng với từng bối cảnh văn hoá, cho có được sự cộng tác của các *tín hữu giáo dân*, *nam cũng như nữ*, trong công trình đào tạo các linh mục tương lai. Họ phải được chọn lựa một cách kỹ lưỡng, trong khuôn khổ những luật lệ của Giáo Hội, tuỳ theo đặc sủng riêng của họ và những sở đắc của họ như đã được thử nghiệm. Với sự cộng tác của họ, được điều hợp và đan kết kỹ lưỡng vào những trách nhiệm giáo dục của những vị đóng vai trò đào tạo các linh mục tương lai, chúng ta có quyền chờ đợi những thành quả rất hữu ích cho các ứng sinh linh mục để họ có được một sự tăng triển quân bình về cảm thức Giáo Hội và một nhận thức chính xác hơn về căn tính linh mục (207).

**Các giáo sư thần học.**

**67.**Những người hướng dẫn và sát cánh với các linh mục tương lai để đi vào học thuyết linh thánh (doctrina sacra), bằng việc giảng dạy thần học, có một trách nhiệm giáo dục đặc thù, trách nhiệm này, dựa theo kinh nghiệm thường được nhìn nhận là mang nhiều tầm mức định đoạt hưon là trách nhiệm của các nhà giáo dục khác trong việc phat triển nhân cách của người linh mục tương lai.

Chưa kể đến những quan hệ sư phạm với các ứng sinh linh mục, trách nhiệm của *các giáo sư thần học*bao gồm quan niệm mà chính họ phải có về bản chất thần học và về bản chất thừa tác vụ linh mục, cũng như bao gồm tinh thần và cú pháp mà họ dùng để diễn giải giáo trình thần học của mình. Theo chiều hướng ấy, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã quả quyết đúng nghĩa khi nói “nhà thần học phải ý thức rõ rệt rằng, trong việc giảng dạy, mình không vận dụng uy thế tự nơi chính mình, nhưng phải khơi dậy và thông truyền nhận thức đức tin nhân danh Chúa và Giáo Hội. Bằng cách ấy, trong khi vẫn sử dụng những tài nguyên mới của khoa học, nhà thần học thi hành thừa tác vụ của mình theo sự ủy thác của Giáo Hội và cộng tác với giám mục trong bổn phận dạy dỗ của ngài. Bởi vì các nhà thần học cũng như các giám mục đều phục vụ cùng một Giáo Hội trong công việc thăng tiến đức tin, họ phải cùng nhau phát huy và vun trồng một lòng tin cậy lẫn nhau, và trong tinh thần ấy, họ cũng phải thắng vượt những đôi co và những xung khắc (x. phần khai triển trong Huấn Thị của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin về “*ơn gọi mang chiều kích Giáo Hội của nhà thần học*”)” (208).

Cũng như mọi nhà giáo dục khác, vị giáo sư thần học phải duy trì sự hiệp thông và phải cộng tác chân tình với tất cả những người khác cũng đã hiến thân cho việc đào tạo linh mục tương lai, họ phải nhờ vào sự chuẩn mực khoa học, lòng quảng đại, thái độ khiêm nhường và say mê, mà mang lại một sự đóng góp độc đáo và ưu tú; sự đóng góp ở đây không phải chỉ là truyền đạt học thuyết – cho dầu đó là học thuyết thánh – nhưng, trên hết, là trình bày một lối nhìn, một nhãn quan hầu có thể liên kết thành một mối, trong kế hoạch của Thiên Chúa, tất cả mọi kiến thức của con người và mọi biểu hiện khác nhau của đời sống.

Các giáo sư thấn học có khả năng chuyên biệt và có hiệu năng đào tạo hay không là tuỳ thuộc nơi đức tính của họ : trước hết phải là “những con người đức tin và đầy lòng yêu mến Giáo Hội, rồi phải xác tín rằng chủ thể phân minh nắm giữ sự hiểu biết về mầu nhiệm Kitô giáo vẫn luôn là Giáo Hội xét như là Giáo Hội; bởi đó, phải tin chắc rằng bổn phận dạy dỗ của mình là một thừa tác vụ chính hiệu của Giáo Hôi, phải khá dồi dào về cảm quan mục vụ ấy chẳng những đâu là những nội dung nhưng còn đâu là cách trình bày những nội dung ấy cho thích ứng. Các giáo sư được yêu cầu phải hoàn toàn tuân phục Huấn Quyền : là những chứng nhân của đức tin, các giáo sư giảng dạy nhân danh Giáo Hội” (209).

**Các cộng đoàn xuất phát, các hiệp hội và phong trào người trẻ.**

**68.**Mặc dầu sự lựa chọn ơn gọi đã nhất thiết dẫn đến thái độ dứt bỏ, những cộng đoàn mà từ đó các ứng sinh linh mục đã xuất phát vẫn còn tiếp tục nắm giữ một tầm ảnh hưởng không thể coi thường đối với việc đào tạo linh mục tương lai. Bởi đó, các cộng đoàn ấy cần phải ý thức phần trách nhiệm đặc biệt về phía mình.

Trước tiên phải kể đến gia đình : các bậc cha mẹ, các anh chị em và các thành phần khác trong vòng vây gia đình không bao giờ được tìm cách đưa linh mục tương lai trở về với những giới hạn chật hẹp của một kiểu lập luận quá nhân loại, nếu không nói quá trần tục, ngay cả khi vì tình nghĩa chân thành (x. Mc 3,20-21.31-35). Ngược lại, chính mình được thôi thúc bởi ước muốn “thi hành thánh ý Thiên Chúa”, họ sẽ có thể sát cánh với bước đường đào tạo bằng việc cầu nguyện, lòng kính trọng, gương sáng về những nhân đức gia đình, sự trợ giúp tinh thần và vật chất, nhất là trong những giai đoạn khó khăn. Kinh nghiệm dạy cho chúng ta rằng, trong nhiều trường hợp, sự trợ giúp đa dạng ấy đã được coi là có tính định đoạt đối với ứng sinh linh mục. Ngay cả trong trường hợp cha mẹ và gia đình dửng dưng hoặc chống đối việc lựa chọn ơn gọi, cách phát biểu lập trường trong sáng và minh bạch của họ cùng với động cơ kích thích phát xuất từ đó, đối với chúng sinh, sẽ là một trợ lực lớn lao để cho ơn gọi linh mục được chín muồi một cách có ý thức hơn và nhất định hơn.

Trong liên hệ sâu đậm với gia đình, có *cộng đoàn giáo xứ* ; cả hai kết hiệp với nhau trên phương diện giáo dục đức tin. Hơn nữa, nhờ một nền mục vụ đặc biệt dành cho những người trẻ và các ơn gọi, giáo xứ đóng vai trò bổ khuyết, trong tương quan với gia đình. Nhất là, với tư cách thể hiện mầu nhiệm Giáo Hội một cách cận kề hơn, giáo xứ cống hiến một sự đóng góp nguồn cội và hết mực quý giá cho nền đào tạo linh mục tương lai. Cộng đoàn giáo xứ phải tiếp tục coi người trẻ đang trên đường tiến tới chức linh mục như một thành phần sống động của mình. Cộng đoàn giáo xứ phải tiếp tục coi người trẻ đang trên đường tiến tới chức linh mục như một thành phần sống động của mình. Cộng đoàn giáo xứ phải sát cánh với người trẻ bằng việc cầu nguyện, phải đón tiếp người trẻ một cách chân tình trong những thời gian nghỉ hè, phải tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người trẻ được đào tạo về căn tính linh mục của mình, bằng cách tạo cho người trẻ những cơ hội thích đáng và những kinh nghiệm phù hợp nhằm tôi luyện ơn gọi của người trẻ trước sứ vụ linh mục.

Cả *các hiệp hội và các phong trào người trẻ*, là dấu chỉ và là lời xác quyết về sức sống mà Thần Khí bảo đảm ban cho Giáo Hội cũng có thể và phải đóng góp vào việc đào tạo các ứng sinh linh mục, cách riêng cho những người đã sống kinh nghiệm Kitô hữu, thiêng liêng và tông đồ trong các cộng đoàn ấy. Những người trẻ đã lãnh nhận sự đào tạo nền tảng trong các hiệp hội như thế và đang qui chiếu về đó để múc lấy kinh nghiệm về Giáo Hội không được để cho mình cảm thấy như bị mời gọi thoát ra khỏi quá khứ và cắt đứt những mối tương quan với môi trường đã góp phần giúp mình đáp lại ơn gọi. Những người trẻ ấy không được xoá bỏ những đường nét tiêu biểu của nền linh đạo mà mình đã lãnh nhận và đã sống ở đó, với tất cả những gì là tốt lành, là xây dựng và là làm cho phong phú mà mình nắm giữ được (210). Bởi đó, đối với họ, môi trường xuất phát vẫn tiếp tục là nguồn trợ lực và nâng đỡ trên bước đường đào tạo linh mục.

Những cơ hội giáo dục đức tin, những cơ hội tăng triển Kitô giáo và Giáo Hội mà Chúa Thánh Thần tạo cho biết bao người trẻ, qua muôn vàn hình thức tập thể, nhóm, phong trào và hiệp hội với nguồn hứng khởi tin mừng đa dạng, cần phải được nhận định và sống như một ân huệ đến từ một nguồn mạch nuôi dưỡng ở bên trong cơ chế và nhằm phục vụ cho cơ chế. Thật vậy, một phong trào riêng biệt hay một nền linh đạo riêng biệt thì “không phải là một cấu trúc thay cho cơ chế. Ngược lại, đó là nguồn mạch không ngừng tái tạo tính chính hiệu hiện sinh và lịch sử của cơ chế. Bởi đó linh mục cần phải tìm thấy, trong một phong trào, ánh sáng và sức nóng nhờ đó mình có đủ khả năng trung thành với giám mục, nhờ đó mình được chuẩn bị sẵn sàng để chu toàn những đòi buộc của cơ chế và để chú tâm tới kỷ luật của hàng giáo sĩ, nhằm mục đích làm cho nhiệt tình đức tin và ước muốn trung tín của mình được nên đậm đà hơn” (211).

Bởi vậy, trong cộng đoàn mới của chủng viên mà họ được giám mục quy tụ, những người trẻ xuất phát từ các hiệp hội và các phong trào của Giáo Hội cần phải học tập “sự kính trọng đối với những con đường thiêng liêng khác, tinh thần đối thoại và cộng tác”, họ cần phải tuân thủ một cách nghiêm nhặt và chân tình những chỉ dẫn đào tạo mà giám mục và các nhà giáo dục của chủng viện ban hành, bằng cách rập theo những hiệu lệnh và những phán quyết của các vị ấy với lòng tin cậy chân thành (212). Thật ra, thái độ ấy sửa soạn và, một cách nào đó, chuẩn bị trước cho sự lựa chọn chính hiệu của linh mục nhằm phục vụ toàn thể Dân Chúa, trong sự hiệp thông huynh đệ với linh mục đoàn và trong sự vâng phục đối với giám mục.

Việc chủng sinh hoặc linh mục triều tham dự vào những nền linh đạo riêng biệt và vào những nhóm hoặc tập thể thuộc về Giáo Hội chắc chắn tự nó là một yếu tố ích lợi cho sự tăng triển và cho tình huynh đệ linh mục. Dầu vậy, việc tham dự ấy không được gây phiền lụy nhưng ngược lại, phải trợ giúp cho việc thi hành thừa tác vụ và đời sống thiêng liêng đặc thù của linh mục triều, vì linh mục triều “vẫn luôn là mục tử của toàn thể mọi người. Linh mục triều chẳng những là người “thường trực” sẵn sàng phục vụ mọi người mà còn đóng vai chủ sự trong cuộc gặp gỡ mọi người – cách riêng ngài đứng đầu các giáo xứ -, ngõ hầu mọi người gặp được sự tiếp đón mà họ có quyền chờ đợi trong cộng đoàn và trong Tiệc Thánh Thể là cơ hội quy tụ của họ, không kể đến tính nhạy cảm tôn giáo cũng như con đường dấn thân mục vụ của họ” (213).

**Đích thân ứng sinh.**

**69.**Sau hết, không thể quên được rằng ứng sinh linh mục chính mình là chiến hữu tiên phong cần thiết và bất khả thay thế cho nền đào tạo của mình : mọi nền đào tạo, kể cả đào tạo linh mục, cuối cùng là một công cuộc tự đào tạo. Quả vậy, không ai có thể trám chỗ cho tự do hữu trách của mỗi người với tính cách là ngôi vị độc nhất.

Chắc hẳn linh mục tương lai phải là người đầu tiên nhận thức một cách mãnh liệt hơn rằng Vị Chiến Hữu Tiên Phong tuyệt hảo của nền đào tạo dành cho mình, đó là Chúa Thánh Thần, Đấng ban cho trái tim mới, làm cho nên đồng hình dạng và nên một với Đức Giêsu Kitô Mục Tử Nhân Lành : hiểu như thế, ứng sinh sẽ phải củng cố triệt để tự do của mình bằng cách đón nhận hoạt động giáo dục của Chúa Thánh Thần. Thế nhưng đón nhận hoạt động ấy thì, về phía ứng sinh linh mục, cũng có nhĩa là đón nhận những “vai trò trung gian” nhân loại mà Chúa Thánh Thần sử dụng. Chính vì thế, hoạt động của các nhà giáo dục chỉ hữu hiệu thật sự và trọn vẹn nếu linh mục tương lai cộng tác vào đó một cách tự thân, thâm tín và vui lòng.

CHƯƠNG VI

CHA KÊU MỜI CON

KHƠI THẮM LẠI

ÂN HUỆ MÀ THIÊN CHÚA

ĐÃ ĐỔ XUỐNG NƠI CON

VIỆC ĐÀO TẠO TRƯỜNG KỲ

DÀNH CHO CÁC LINH MỤC

**Những lý do thần học của việc đào tạo trường kỳ**

**70.**“Cha kêu mời con khơi thắm lại ân huệ mà Thiên Chúa đã đổ xuống nơi con” (2 Tm 1,6).

Lời thánh Tông Đồ Phaolô nói với Timôthê có thể áp dụng thích hợp cho việc đào tạo trường kỳ mà tất cả các linh mục được kêu gọi thực hiện nhân danh “ân huệ của Thiên Chúa” đã lãnh nhận ngày thụ phong. Lời ấy giúp chúng ta hiểu được tất cả sự thật và căn nguyên của việc đào tạo trường kỳ cho các linh mục. Một bản văn khác của Phaolô, gởi cho cùng một Timôthê, cũng giúp chúng ta hiểu điều ấy :”Con chớ khinh màng ân huệ thiêng liêng có ở nơi con, ân huệ mà cộng đoàn niên trưởng đã chuyển theo việc đặt tay. Con hãy để tâm vào đó. Hãy dồn trọn vẹn con người con vào đó, để cho những thành tựu của con được mọi người thấu tỏ. Hãy thận trọng về chính mình và về công việc giáo huấn : cứ kiên trì trong những sự việc ấy. Hành động như thế là con tự cứu thoát chính mình, cả con và những người đón nghe con nữa” (1 Tm 4,14-16).

Như người ta nhen nhúm lại ngọn lửa dưới đám tro Thánh Tông Đồ van xin Timôthê “khơi thắm lại” ân huệ thần thiên, đón nhận ân huệ ấy mà không bao giờ đánh mất hoặc quên đi sự “mới mẻ trường tồn” đặc biệt cho từng ân huệ của Thiên Chúa, Đấng làm mới lại mọi sự (x. Kh 21.5), và do đó, sống ân huệ ấy trong tất cả sự tươi mát và vẻ đẹp ban đầu.

“Khơi thắm lại” ân huệ thần thiêng không chỉ là chu toàn một bổn phận được uỷ thác cho trách nhiệm cá nhân của Timôthê, cũng không chỉ là hiệu suất do nỗ lực của ký ức và của ý chí mang lại. Đó là thành quả do sự năng động ân sủng chỉ thuộc về ân huệ của Thiên Chúa. Thật ra, chính Thiên Chúa khơi thắm lại chính ân huệ của Ngài, hay nói đúng hơn, giải thoát nguồn phong phú phi thường của ân sủng và của trách nhiệm mà ân huệ Ngài ẩn chứa.

Nhờ tác dụng của bí tích là sự tuôn đổ Thánh Thần Đấng thánh hiến và sai phái, linh mục nên đồng hình dạng với Đức Giêsu Kitô, Đầu và Mục Tử của Giáo Hội, và linh mục được sai đi để thi hành thừa tác vụ mục tử. Bởi đó, mãi mãi và không bao giờ phai, linh mục được ghi ấn tín trong hữu thể của mình với tư cách là thừa tác viên của Đức Giêsu và của Giáo Hội. Linh mục hội nhập vào một tình trạng sống trường kỳ không thể đổi thay và đàm nhận một thừa tác vụ mục tử, thừa tác vụ này, vì bén rễ trong hữu thể của linh mục và đưa vào cuộc trọn vẹn đời sống của linh mục, chính nó cũng trường kỳ. Bí Tích Truyền Chức Thánh chuyển ban cho linh mục ân sủng bí tích, làm cho linh mục chẳng những tham dự vào “quyền năng” và vào “thừa tác vụ” cứu độ của Đức Giêsu, mà còn vào “tình yêu” của Ngài. Ân sủng ấy đồng thời bảo đảm cho linh mục có được mọi ơn hiện sủng sẽ được ban cho linh mục mỗi khi cần thiết và hữu ích, để linh mục chu toàn tốt đẹp thừa tác vụ mình đã lãnh nhận.

Như thế, việc đào tạo trường kỳ tìm được nền tảng đặc thù và động cơ nguồn cội của mình trong sự năng động của bí tích Truyền Chức Thánh.

Chắc chắn không hề thiếu *lý do, ngay cả trên bình diện nhân linh*, để kêu mời linh mục tham gia vào việc đào tạo trường kỳ. Việc đào tạo trường kỳ là một đòi hỏi của sự tăng trưởng con người nơi linh mục : mỗi một cuộc đời là một cuộc hành trình lần bước liên lỉ tiến tới sự trưởng thành vốn đòi buộc phải không ngừng đào tạo. Hơn nữa, đó còn là một đòi hỏi của thừa tác vụ linh mục, nếu xét thừa tác vụ ấy theo bản chất tổng quát, phổ cập với mọi nghiệp vụ khác, như việc phục vụ tha nhân. Ngày nay, không có nghề nghiệp nào, không có con đường dấn thân nào và không việc làm nào mà lại không đòi hỏi phải cập nhật hoá liên tục để vẫn đạt được hiệu năng. Sự đòi buộc phải “bám sát” bước đi của lịch sử lại là một lý do nhân linh nữa để biện minh cho việc đào tạo trường kỳ.

Thế nhưng, tất cả những nguyên do ấy và các nguyên do khác đều được thâu tóm và phân loại *bởi những lý do thần học* đã được nhắc tới trên đây và sắp được đào sâu trong phần kế tiếp.

Do bản chất là “dấu chỉ”, đặc tính của mọi bí tích, *bí tích Truyền Chức Thánh* có thể được coi như và thật sự *là Lời của Thiên Chúa* : đó là Lời của Thiên Chúa, *Đấng mời gọi và sai phái*, đó là biểu hiện mãnh liệt nhất của ơn gọi và của sứ vụ linh mục. Nhờ bí tích Truyền Chúc Thánh, *Thiên Chúa mời gọi ứng sinh “bước tới” chức linh mục trước mặt Giáo Hội*.

Lời mời “hãy đến và theo Ta” của Chúa Giêsu được công bố trọn vẹn và dứt khoát trong nghi thức cử hành bí tích của Giáo Hội Ngài ; lời mời ấy được biểu lộ và truyền đạt bằng tiếng nói của Giáo Hội, trên môi miệng của giám mục, khi ngài cầu nguyện và đặt tay. Và trong đức tin, linh mục đáp lại lời mời của Chúa Giêsu : “Này đây, con xin đến và con xin theo Ngài”. Lúc đó, lời đáp trả, sự chọn lựa cơ bản mới chỉ khởi đầu, lời ấy còn phải được tái bộc lộ và tái khẳng định theo dòng năm tháng bằng muôn vàn lời đáp trả khác, lời nào cũng được bén rễ và cũng được nên sinh động nhờ tiếng “xin vâng” của ngày thụ phong.

Trong chiều hướng ấy, hẳn nhiên có thể nói về một *ơn gọi “trong” chức linh mục*. Thực ra, Thiên Chúa tiếp tục mời gọi và sai gởi khi Ngài tỏ lộ kế hoạch cứu độ của Ngài trong diễn tiến đời sống của linh mục, trong những biến cố của đời sống Giáo Hội và xã hội. Chính trong lối nhìn này mà ý nghĩa của việc đào tạo trường kỳ được nhận diện: việc đào tạo trường kỳ là cần thiết để có thể phân định và bước theo ơn gọi thường hằng hoặc thánh ý của Thiên Chúa. Chính bởi đó mà ngay cả sau khi Đấng Phục Sinh đã uỷ thác đoàn chiên của Ngài cho Phêrô, Thánh Tông Đồ Phêrô vẫn được mời gọi để bước theo Đức Giêsu : “Đức Giêsu nói với Phêrô : “Con hãy chăn dắt đoàn chiên của Thầy. Quả thật, quả thật, Thầy nói cho con hay, khi con còn trẻ, con tự thắt dây lưng cho mình, con muốn đi đâu thì đi ; nhưng khi con về già, con sẽ giang tay ra, người khác sẽ thắt dây lưng cho con và sẽ dẫn con đi nơi mà con không muốn”. Qua đó, Ngài muốn ám chỉ cách mà Phêrô sẽ phải chết để làm vinh danh Thiên Chúa. Nói thế rồi, Ngài bảo Phêrô : “Hãy theo Thầy”” (Ga 21,17-19). Như vậy, có lời mời “Hãy theo Ta” luôn đi kèm với đời sống và sứ vụ của người tông đồ. Lời mời “hãy theo Ta” đó xác quyết lời mời gọi và sự đòi buộc *phải trung thành cho đến chết* (x. Ga 21,22), lời mời đó cũng có thể ám chỉ một cuộc *nối gót theo Đức Kitô* bằng cách trao hiến trọn vẹn chính mình qua việc tử đạo (214).

Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã trình bày lý do chứng tỏ sự cần thiết của việc đào tạo trường kỳ và biểu lộ bản chất sâu xa của việc đào tạo ấy, khi các ngài đánh giá việc đào tạo trường kỳ như là “*sự trung thành*” *đối với thừa tác vụ linh mục* và như là “*một tiến trình hoán cải liên tục*” (215). Chính Chúa Thánh Thần, được ban trong bí tích, là Đấng nâng đỡ linh mục trong sự trung thành ấy, sự trung thành đi kèm với linh mục và động viên linh mục trong tiến trình hoán cải liên tục. Ân huệ của Chúa Thánh Thần không thay thế, nhưng cổ võ tự do của linh mục, để linh mục cộng tác một cách có trách nhiệm vào việc đào tạo trường kỳ, xét như là trọng trách được giao phó cho linh mục, và để linh mục đảm nhận việc đào tạo ấy. Với cách thức ấy, đào tạo trường kỳ vừa là biểu hiện vừa là điều kiện của việc linh mục trung thành với thừa tác vụ và hơn nữa, với chính con người mình. Như thế, đào tạo trường kỳ là tình yêu đối với Đức Giêsu Kitô và là sự nhất quán đối với chính mình. Nhưng đó cũng là *một động tác tình yêu đối với Dân Thiên Chúa* mà linh mục là người tôi tớ phục vụ. Cũng có thể coi đó thực sự là một *hành vi công bằng* : linh mục phải thanh thoả điều ấy, linh mục được mời gọi công nhận và thăng tiến “quyền lợi” cơ bản của Dân Thiên Chúa, là quyền được đón nhận Lời Chúa, các bí tích và việc phục vụ bác ái : ba yếu tố làm thành nội dung nguồn cội và không thể giản lược của thừa tác vụ linh mục. Đào tạo trường kỳ là cần thiết để cho linh mục có thể đáp lại một cách thích ứng quyền lợi ấy của Dân Thiên Chúa.

*Linh hồn và hình dạng của việc đào tạo trường kỳ dành cho linh mục chính là đức ái mục vụ*. Là Đấng ban đức ái mục vụ cho linh mục, Chúa Thánh Thần hướng dẫn linh mục và sát cánh với linh mục trong việc hiều biết ngày càng sâu rộng hơn về mầu nhiệm Đức Kitô mà sự phong phú vốn không thể dò thấu (x. Ep 3,14-19), và, bằng cùng một động tác, trong việc hiểu biết về mầu nhiệm chức tư tế Kitô hữu. Cũng chính đức ái mục vụ ấy thúc đẩy linh mục quan tâm ngày càng bén nhạy hơn đến những mong chờ, những nhu cầu, những vấn đề và những tâm tình của những người hưởng nhờ thừa tác vụ của mình : tất cả những điều ấy trong những tình huống cụ thể, cá nhân, gia đình và xã hội của họ.

Như thế, mục tiêu của việc đào tạo trường kỳ chính là : một phương án tự do vàcó ý thức để đáp ứng sự năng động của đức ái mục vụ và của Chúa Thánh Thần, Đấng là nguồn mạch chính yếu và là giá đỡ nâng thường hằng của phương án ấy. Hiểu như thế, đào tạo trường kỳ là đòi buộc nội tại của ân huệ ngày thụ phong và của thừa tác vụ bí tích như đã lãnh nhận. Đào tạo trường kỳ được nhìn nhận là cần thiết mãi mãi, bất cứ lúc nào. Dầu vậy, ngày nay, đó là một công việc thật sự bức bách, chẳng những do bởi sự biến đổi mau lẹ những điều kiện xã hội và văn hoá của những con người và những dân tộc mà linh mục được sai đến để thi hành thừa tác vụ linh mục, nhưng còn do bởi “công cuộc phúc âm hoá mới” đang là trách vụ khẩn thiết của Giáo Hội vào cuối thiên niên kỷ thứ hai này.

**Những lý do thần học của việc đào tạo trường kỳ**

**71.**Việc đào tạo trường kỳ dành cho các linh mục, triều hoặc dòng, là một sự nối dài hết sức tự nhiên và hoàn toàn cần thiết đối với tiến trình cơ cấu hoá nhân cách linh mục đã khởi sự và khai triển ở chủng viện, hoặc tại cơ sở tôn giáo, trong thời gian đào tạo để được phong chức.

Điều hết sức quan trọng là phải nhận thức và tôn trọng *mối liên hệ nội tại giữa việc đào tạo trước ngày thụ phong với việc đào tạo kế tiếp về sau*. Bởi vì nếu có sự gián đoạn hoặc thậm chí sự đối nghịch giữa hai giai đoạn đào tạo thì tức khắc sẽ xảy đến những hậu quả trầm trọng đối với hoạt động mục vụ và đối với sự hiệp thông huynh đệ giữa các linh mục với nhau, nhất là giữa những linh mục thuộc lứa tuổi khác nhau. Đào tạo trường kỳ không phải là lập lại việc đào tạo đã thành tựu nơi chủng viện để rồi chỉ ôn lại và nới rộng bằng những áp dụng mới mẻ hơn. Với một nội dung và nhất là với những phương thức tương đối mới mẻ, việc đào tạo trường kỳ được khai triển như một thực thể sinh động và toàn diện. Việc đào tạo trường kỳ vừa bén rễ trong nền đào tạo đã lãnh nhận ở chủng viện vừa đòi hỏi những thích nghi, những cập nhật hoá và những tu chinh, nhưng không vì thế mà gây những rạn nứt hoặc chỉ đi tìm những giải pháp bảo tồn tính liên tục.

Đàng khác, việc đào tạo trường kỳ được dụ liệu ngay từ thời gian ở chủng viện. Cần phải động viên sự quan tâm và lòng khao khát của các linh mục tương lai bằng cách chỉ dạy cho họ về sự cần thiết, về những lợi ích và về tinh thần của việc đào tạo trường kỳ và bằng cách bảo đảm cho họ có được những điều kiện để thực thi việc đào tạo ấy.

Bởi vì nối dài việc đào tạo ở chủng viện, đào tạo trường kỳ không chỉ nhắm đến một thái độ gọi là hành nghề nhờ thực tập những kỹ thuật mục vụ mới mà thôi. Đúng hơn, việc đào tạo trường kỳ phải gìn giữ sao cho cả một tiến trình liên tục nhằm tấn tới trong sự trưởng thành được sống động và toàn vẹn, bằng cách trau dồi từng chiều kích của nền đào tạo (nhân bản, thiêng liêng, trí thức và mục vụ) cũng như trau dồi mối tương quan chặt chẽ và đặc loại giữa các chiều kích ấy với nhau trong đức ái mục vụ.

**72.**Một khía cạnh đầu tiên của công việc trau dồi nói trên liên quan đến *chiều kích nhân bản*của nền đào tạo linh mục. Linh mục cần phải lớn lên trong việc tiếp xúc thường ngày với người khác và trong việc chia sẻ cuộc sống với họ mỗi ngày ; linh mục cần phải trau dồi tính nhạy bén nhân bản để nhờ đó có thể hiểu được những nhu cầu và đón nhận những lời kêu cứu, có thể trực giác những yêu cầu không được phát biểu thành lời, có thể chia sẻ những mối hy vọng và những nỗi mong chờ, có đủ khả năng gặp gỡ từng người và đối thoại với mọi người . Trên tất cả, trong khi am hiểu và chia sẻ, nghĩa là trong khi biến thành của mình kinh nghiệm khổ đau của con người dưới mọi hình thức, từ cơ bần đến bệnh tật, từ lạc loài đến ngu dốt, từ cô đơn đến đủ loại nghèo đói vật chất hoặc tinh thần, linh mục làm cho kinh nghiệm nhân bản của mình được nên phong phú, biến nó thành chính hiệu hơn và xuyên thấu hơn trong một tình yêu ngày càng gia tăng và nồng nhiệt với con người.

Để cho nền đào tạo nhân bản của mình được triển nở, linh mục đón nhận trợ lực từ nơi ân sủng của Đức Giêsu Kitô : thực vậy, đức ái của Vị Mục Tử Nhân Lành chẳng những được biểu lộ nơi ơn cứu độ ban cho con người nhưng còn nơi việc chia sẻ cuộc sống với con người ; Ngôi Lời khi hoá nên “xác phàm” (x. Ga 1,14) đã muốn nếm cảm niềm vui và nỗi khổ, nghiệm biết sự mệt mỏi, chung chia những xúc động, đỡ đần những phiền lụy. Bằng cách sống như một người giữa muôn người và với muôn người, Đức Giêsu Kitô nêu lên một phương cách biểu lộ toàn vẹn nhất, chính hiệu nhất và hoàn hảo nhất về những gì là nhân bản : chúng ta thấy Ngài chung chia niềm vui tại tiệc cưới Cana, thường xuyên lui tới một gia đình thân thiết, trả lại cho cha mẹ những đứa con bị bệnh hoặc phải chết, khóc thương Lagiarô…

Linh mục phải làm sao để tính bén nhạy nhân bản của mình được nên phong phú nhờ vào một kinh nghiệm ngày càng lớn rộng hơn và để cho Dân Thiên Chúa có thể nói về mình một cách tương tự như tác giả thư gởi tín hữu Do thái đã nói về Đức Giêsu : “Không phải chúng ta có một vị thượng tế bất lực, không cảm thông được những nỗi yếu hèn của chúng ta, trái lại, Ngài đã nếm chịu mọi thử thách, giống như chúng ta, ngoại trừ tội lỗi” (Dt 4,15).

*Chiều kích thiêng liêng* trong việc đào tạo linh mục là một đòi buộc của đời sống mới theo tinh thần Tin Mừng mà linh mục được mời gọi một cách đặc loại do Chúa Thánh Thần được ban cho linh mục trong bí tích Truyền Chức Thánh. Bằng cách thánh hiến linh mục và làm cho linh mục nên đồng hình dạng với Đức Giêsu Kitô Đầu và Mục Tử, Chúa Thánh Thần tạo một mối dây liên kết ngay trong chính hữu thể của linh mục ; mối dây liên kết ấy cần phải được cảm nhận và sống một cách cá vị, nghĩa là với ý thức và tự do, bằng một đời sống hiệp thông và yêu thương ngày càng phong phú hơn và bằng một sự thong phần vào những tâm tình và thái độ của Đức Giêsu Kitô ngày càng lớn mạnh và triệt để hơn. Trong mối dây liên kết giữa Chúa Giêsu với linh mục, về phương diện hữu thể và tâm lý, bí tích và đạo đức, có chất chứa nền tảng và đồng thời sức mạnh cần thiết cho “đời sống trong Thần Khí” và cho “tính triệt để Tin Mừng” mà linh mục được mời gọi hướng tới, mà việc đào tạo trường kỳ về phương diện thiêng liêng cổ võ. Việc đào tạo ấy cũng cần thiết cho thừa tác vụ linh mục, nhằm làm cho thừa tác vụ ấy được chính hiệu và được sai nở về mặt thiêng liêng, Thánh Charles Borromée tự hỏi : “Có phải người tự hiến thân để chăm sóc các linh hồn không?” Và ngài đã trả lời như sau trong một bài diễn văn ngỏ với các linh mục : “Cha đừng vì những điều ấy mà khinh thường việc chăm sóc đến chính mình và đừng xả thân cho người khác đến độ không còn gì là của mình và không còn gì cho mình. Chắc hẳn cha phải tưởng nhớ đến các linh hồn mà cha là mục tử, thế nhưng cha đừng quên chính mình. Các cha thân mến, các cha hãy hiểu rằng không có gì cần thiết hơn cho chúng ta bằng việc suy niệm là việc phải đi trước, phải đồng hành và phải đuổi theo tất cả mọi hoạt động của chúng ta, như lời của ngôn sứ : tôi sẽ ca hát và tôi sẽ suy niệm (x Tv 100,1). Hỡi cha, nếu cha ban phát các bí tích cha hãy suy niệm điều cha làm. Nếu cha cử hành thánh lễ, cha hãy suy niệm điều cha dâng tiến. Nếu cha đồng thanh xướng hát ca vịnh, cha hãy suy niệm xem mình đang nói với ai và nói điều gì. Nếu cha hướng dẫn các linh hồn, cha hãy suy niệm về máu đã thanh tẩy họ. Và ước chi mọi việc được thực hành giữa anh em với nhau trong đức ái (1 Cr 16,14). Như thế chúng ta sẽ có thể thắng vượt những khó khăn mà chúng ta gặp mỗi ngày, và những khó khăn thì không phải là ít. Hơn nữa, đó chính là điều mà trách vụ được uỷ thác cho chúng ta đòi buộc. Nếu chúng ta xử sự như vậy, chúng ta sẽ có đủ sức mạnh để sinh hạ Đức Kitô nơi chúng ta và nơi người khác” (216).

Cách riêng, đời sống cầu nguyện cần phải được “cải tổ” liên lỉ nơi linh mục. Kinh nghiệm dạy rằng, trong lãnh vực nguyện ngắm, không thể chỉ cậy dựa vào những gì mình đã đắc thủ. Chẳng những hằng ngày phải tái chiếm đoạt sự trung thành bề ngoài trong những giờ khắc cầu nguyện, nhất là những lúc đọc Phụng Vụ Các Giờ Kinh và những giờ khắc được dành cho sự lựa chọn riêng tư mà không có nhịp điệu phụng vụ nâng đỡ, nhưng còn phải đặc biệt tái huấn luyện sự truy tầm trong kiên nhẫn một cuộc gặp gỡ thật sự và cá vị với Đức Giêsu, một cuộc đối thoại tín thác với Chúa Cha và một kinh nghiệm thẳm sâu về Chúa Thánh Thần.

Có thể áp dụng một cách đặc loại cho các linh mục được mời gọi hướng đến đức ái trọn hảo và bởi đó đến sự thánh thiện điều mà Thánh Tông Đồ Phaolô quả quyết khi nói về các tín hữu, rằng họ phải đạt tới chỗ “trở nên Con Người thành toàn, trong sức mạnh của tuổi tác, hầu thể hiện sự viên mãn của Đức Kitô” (Ep 4,13) ; chính thừa tác vụ mục tử của các linh mục cũng đòi buộc các linh mục phải nên những mẫu gương sống động cho mọi tín hữu.

*Chiều kích trí thức* của việc đào tạo cũng đòi phải được đeo đuổi và trau dồi suốt đời sống linh mục, cách riêng bằng việc học hỏi và bằng nỗ lực cập nhật hoá (“*aggiornamento*”) nghiêm chỉnh và cần cù về văn hoá. Thông phần vào sứ vụ ngôn sứ của Đức Giêsu và hội nhập vào trong mầu nhiệm Giáo Hội, thầy dạy chân lý, linh mục được mời gọi tỏ lộ cho nhân loại dung mạo của Thiên Chúa và dồng thời dung mạo đích thực của con người trong Đức Giêsu Kitô (217). Tuy nhiên, để thực hiện điều đó, chính linh mục cũng phải kiếm tìm dung mạo ấy và chiêm ngắm dung mạo ấy với tâm tình ngưỡng mộ và yêu mến (x. Tv 26,8 ; 41,2). Chỉ bằng cách đó linh mục mới có thể giúp người khác cũng nhận ra. Cách riêng, theo đuổi việc học thần học là điều tất yếu để linh mục có thể chu toàn một cách trung thành thừa tác vụ Lời Chúa, loan báo Lời Chúa mà không lầm lẫn hoặc không mơ hồ, phân biệt Lời Chúa với những quan điểm chỉ thuần tuý là nhân loại, cho dẫu có lừng danh hoặc lan rộng đến đâu. Linh mục nhờ đó sẽ có thể thực sự đặt mình vào trong công việc phục vụ Dân Thiên Chúa và giúp cho Dân ấy, cho tất cả những ai yêu cầu, nhận ra niềm hy vọng Kitô giáo của mình (1 Pr 3,15). Ngoài ra, “nhờ chuyên chăm học hỏi thần học một cách có ý thức và kiên trì, linh mục đạt tới mức độ thấm nhuần sự phong phú chính hiệu của Giáo Hội dưới một dạng thức vững chắc và cá vị. Từ đó linh mục có thể chu toàn sứ vụ trong đó có bổn phận phải giải đáp những khúc mắc về giáo lý công giáo chính hiệu, phải thắng vượt khuynh hướng – của chính mình và của người khác – phản đối hoặc có thái độ tiêu cực đối với Huấn Quyền và truyền thống” (218).

*Phương diện mục vụ* trong việc đào tạo trường kỳ đã được Thánh Tông Đồ Phêrô diễn tả một cách hoàn chỉnh : “Mỗi người trong anh em hãy tùy theo ơn mình đã lãnh nhận mà phục vụ lẫn nhau, như những người quản lý thành thạo về ân sủng muôn hình vạn trạng của Thiên Chúa” (1 Pr 4,10). Để mỗi ngày sống theo ơn đã lãnh nhận, linh mục phải ngày càng rộng mở, sao cho đức ái mục vụ của Đức Giêsu Kitô, được Chúa Thánh Thần ban cho khi lãnh nhận bí tích, biến thành của mình. Cũng như toàn thể hoạt động của Chúa đều là hoa trái và là dấu chỉ của đức ái mục vụ của Ngài, sinh hoạt thừa tác vụ của linh mục cũng phải như vậy. Đàng khác, đức ái mục vụ là một hồng ân nhưng đồng thời cũng là một bổn phận, một ân sủng và một trách nhiệm đòi chúng ta phải trung thành ; vì thế cần phải đón nhận đức ái mục vụ và sống sự năng động của đức ái mục vụ cho đến tận những đòi hỏi triệt để nhất. Cũng chính đức ái mục vụ ấy, như đã được đề cập, khuyến khích và thúc đẩy linh mục ngày càng am hiểu hơn hoàn cảnh thiết thực của những người nam và nữ mà mình được sai đến, phân định những tiếng kêu mời của Thần Khí trong những hoàn cảnh lịch sử mình trải qua, cuối cùng tìm kiếm những phương pháp thích ứng nhất và những cách thế hữu ích nhất để thi hành thừa tác vụ của mình ngày hôm nay. Như thế, đức ái mục vụ làm sinh động và nâng đỡ những nỗ lực nhân linh của linh mục để cho hoạt động mục vụ của linh mục được thích nghi, khả tín và hiệu nghiệm. Để được như vậy cần có một nền đào tạo mục vụ trường kỳ.

Hành trình lần bước tiến tới sự trưởng thành chẳng những đòi linh mục phải không ngừng trau dồi tất cả mọi chiều kích ấy của nền đào tạo, nhưng còn là và nhất là đòi linh mục phải biết làm cho chúng thấm nhập trọn vẹn một cách hoà điệu, đến độ dần dà đạt tới sự thống nhất nội tâm mà đức ái mục vụ sẽ làm cho them kiên vững. Quả vậy, đức ái mục vụ chẳng những phối hợp và thong nhất các phương diện khác biệt của nền đào tạo với nhau nhưng còn chuyển ban cho các phương diện ấy phẩm chất đặc loại của nền đào tạo linh mục xét như là linh mục, nghĩa là như hình ảnh xuyên thấu và sống động, như bí tích của Đức Giêsu Mục Tử Nhân Lành.

Việc đào tạo trường kỳ giúp cho linh mục thắng vượt mối cám dỗ đưa thừa tác vụ của mình đến chỗ lấy chủ trương duy hoạt động làm cùng đích, để cho thừa tác vụ bị xâm chiếm một cách vô ngã bởi đủ loại sự việc, cho dẫu có thiêng liêng và linh thánh đến đâu, hoặc còn giản lược thừa tác vụ thành một thứ việc làm của công chức phục vụ cho tổ chức giáo sĩ. Chỉ có việc đào tạo trường kỳ mới giúp cho linh mục bảo toàn được mầu nhiệm mà linh mục cưu mang nơi chính mình bằng một tình yêu không chểnh mãng hầu mưu ích cho Giáo Hội và cho nhân loại.

**Ý nghĩa sâu xa của việc đào tạo trường kỳ**

**73.**Tính dị biệt và tính bổ túc lần nhau của các chiều kích trong việc đào tạo trường kỳ giúp chúng ta hiểu rõ hơn ý nghĩa sâu xa của việc đào tạo ấy : giúp đỡ linh mục để cho con người và hành động của linh mục luôn rập theo tinh thần và đường lối của Đức Giêsu Mục Tử Nhân Lành.

Chân lý đòi phải hành động ! Thánh Giacôbê khuyến cáo chúng ta về điều đó : “Anh em hãy đem Lời Chúa ra thực hành. Đừng làm như thế anh em là những người chỉ biết nghe suông để rồi lừa dối chính mình” (Gc 1,22). Các linh mục được mời gọi “thể hiện sự thật” của chính con người mình, hay nói cách khác sống căn tính và thừa tác vụ của mình trong Giáo Hội và cho Giáo Hội, bằng một đời sống “trong đức ái” (x. Ep 4,15). Các linh mục được kêu mời mỗi ngày một nêu cao ý thức về ân huệ của Thiên Chúa và không ngừng ghi nhớ ân huệ ấy. Đó chính là lời thánh Phaolô căn dặn Timôthê: “Con hãy bảo vệ lấy tồn kho quý giá nhờ vào sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần ngự trong chúng ta” (2 Tm 1,14).

Trong một bối cảnh về học thuyết Giáo Hội như đã được gợi lên nhiều lần, có thể đánh giá ý nghĩa sâu xa của việc đào tạo trường kỳ dành cho linh mục bằng cách dựa vào sự diện và hoạt động của linh mục trong Giáo Hội xét như là *mầu nhiệm*, hiệp thông và sứ vụ.

*Trong Giáo Hội xét như là “mầu nhiệm”*, linh mục được mời gọi dùng phương thế đào tạo trường kỳ *để bảo tồn và phát huy trong đức tin ý thức về sự thật toàn vẹn và đáng kinh ngạc của con người mình*: linh mục là tôi tớ của Đức Kitô và là người quản lý các mầu nhiệm của Thiên Chúa (x. 1 Cr 4,1). Thánh Phaolô yêu cầu một cách rõ rệt các Kitô hữu phải nhìn coi ngài theo căn tính ấy, và chính ngài là người trước tiên sống với ý thức về ân huệ cao cả đã lãnh nhận từ nơi Chúa. Mỗi một linh mục cũng phải làm như vậy nếu muốn ở mãi trong sự thật của con người mình. Thế nhưng chỉ có đức tin, chỉ có cái nhìn với đôi mắt của Đức Kitô mới làm cho điều ấy trở thành khả thi.

Trong chiều hướng ấy, có thể nói rằng đào tạo trường kỳ nhắm làm cho linh mục thật sự nên một tín hữu và ngày càng trở thành tín hữu hơn, làm cho linh mục luôn nhận ra mình đúng như trong sự thật với đôi mắt của Đức Kitô. Linh mục phải canh phòng sự thật ấy bằng một tình yêu tri ân và tươi vui. Linh mục phải canh tân đức tin của mình trong khi thi hành thừa tác vụ linh mục, phải nhận biết mình là tôi tớ của Đức Giêsu Kitô và là bí tích của tình yêu Thiên Chúa đối với con người, mỗi khi linh mục làm trung gian và khí cụ sống động để ban phát ân sủng của Thiên Chúa cho loài người. Linh mục cũng phải nhìn nhận cùng một sự thật ấy nơi những người anh em đồng sự, bởi vì đó chính là nguyên lý giúp cho linh mục biết quí trọng và yêu thương các linh mục khác.

**74.***Trong Giáo Hội xét như là “hiệp thông”*, việc đào tạo trường kỳ giúp cho linh mục phát huy ý thức để nhận ra rằng thừa tác vụ của mình xét cho cùng được phối trí để *qui tụ gia đình của Thiên Chúa* trong tình huynh đệ lấy đức ái làm sức sống, và để dẫn dắt gia đình ấy đến với Chúa Cha nhờ Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần (219).

Linh mục cần phải tấn tới trong *ý thức về mối hiệp thông sâu xa nối kết linh mục với Dân Thiên Chúa* ; linh mục không những đứng “trước” Giáo Hội, nhưng trước hết và trên hết, ở “trong” Giáo Hội. Linh mục là anh em giữa những người anh em. Được mặc lấy phẩm giá và tự do của những người làm con Thiên Chúa trong Con Duy Nhất nhờ bí tích Rửa Tội, linh mục là chi thể của cùng một thân thể duy nhất của Đức Kitô (x Ep 4,16). Ý thức về mối hiệp thông ấy thức đẩy linh mục khơi dậy và phát huy *tinh thần đồng trách nhiệm* trong cùng một sứ vụ cứu độ duy nhất, bằng cách mau mắn và vui lòng biểu dương những đặc sủng và những nhiệm vụ mà Chúa Thánh Thần phân phối cho các tín hữu để xây dựng Giáo Hội. Trước hết và trên hết, chính trong việc chu toàn thừa tác vụ mục tử, như đã được phối trí do tự bản chất để mưu ích cho Dân Thiên Chúa, mà linh mục cần phải sống và chứng tỏ mối hiệp thong sâu xa của mình với mọi người. Như Đức Phaolô VI đã viêt, “chính vì muốn trở nên những mục tử, những người cha và những người làm thầy mà chúng ta cần phải hoà mình trở nên anh em của mọi người. Bầu khí của đối thoại phải là tình bạn. Hơn nữa, phải là sự phục vụ” (220).

Một cách đặc loại hơn, linh mục được mời gọi phát huy ý thức để nhận ra mình là *thành phần của Giáo Hội địa phương*, nơi mà mình đã nhập tịch, nghĩa là đã được tháp nhập bằng một mối dây vừa pháp lý, vừa thiêng liêng và vừa mục vụ. Một ý thức như thế giả thiết linh mục phải có một lòng yêu mến đặc biệt đối với Giáo Hội của mình và đồng thời làm cho lòng yêu mến ấy được phát triển. Thật ra, Giáo Hội địa phương chính là đối tượng sống động và thường hằng của đức ái mục vụ mà linh mục phải để cho hướng dẫn đời sống mình. Quả vậy, đức ái mục vụ hướng dẫn linh mục chia sẻ lịch sử và kinh nghiệm sống của Giáo Hội địa phương mình, với những gì là phong phú và nững gì là dòn mỏng, những khó khăn và những hy vọng, và đồng thời làm việc cho Giáo Hội ấy để Giáo Hội ấy được tăng trưởng. Vì đã lãnh nhận rất nhiều từ nơi Giáo Hội địa phương mình và trong khi tích cực tham gia vào việc xây dựng Giáo Hội ấy, mỗi một linh mục liên kết với các anh em đồng sự của mình, để nối dài hoạt động mục vụ của những vị tiền nhiệm. Chính vì đòi buộc tự bản chất của đức ái mục vụ đối với Giáo Hội địa phương của mình cũng như đối với tương lai thừa tác vụ của mình, linh mục phải dấn thân chăm lo làm sao để, một cách nào đó, có được một người kế nhiệm trong chức linh mục.

Linh mục cũng cần phải phát huy ý thức về *sự hiệp thông vốn tồn tại giữa các Giáo Hội địa phương khác nhau*, một sự hiệp thông bén rễ trong chính hữu thể của các Giáo Hội xét như là Giáo Hội đang sống tại địa phương mình cùng một cuộc sống như Giáo Hội duy nhất và phổ quát của Đức Kitô. Một ý thức như thế về sự hiệp thông liên-Giáo-Hội sẽ cổ võ “sự trao đổi các ân huệ”, khởi đầu bằng các ân huệ sống động và cá vị là chính các linh mục. Do đó, phải có thái độ ứng sẵn, và hơn nữa phải có sự dấn thân quảng đại để có thể thực hiện việc phân phối giáo sĩ cho công bằng (221). Trong số các Giáo Hội địa phương ấy, cần phải nhắc đến những Giáo Hội “vì thiếu tự do nên không có được những ơn kêu gọi riêng cho mình”, cũng như đến “những Giáo Hội vừa mới thoát khỏi cảnh bách hại và những Giáo Hội Nghèo, từ lâu và do sự chiếu cố của nhiều người, đã lãnh nhận sự giúp trong một tinh thần huynh đệ và hiện còn đang lãnh nhận sự trợ giúp” (222).

Giữa lòng mốit dây hiệp thông Giáo Hội, linh mục được mời gọi *ngày càng tăng trưởng*, nhờ việc đào tạo trường kỳ*, trong tư cách thành viên của linh mục đoàn hiệp nhất với giám mục*. Linh mục đoàn thật sự là một mầu nhiệm ; linh mục đoàn quả là một thực thể siêu nhiên bởi vì bén rễ trong bí tích Truyền Chức Thánh. Nguồn mạch và cội rễ của linh mục đoàn, “nơi” sinh ra và tăng trưởng của cộng đoàn, là ở đó. Quả thực, “nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, các linh mục được gắn liền với Đức Kitô Linh Mục Duy nhất bằng một mối dây cá vị và bất khả phân. Việc phong chức được ban hành cho các linh mục như là những cá nhân, những các linh mục được hội nhập vào trong mỗi hiệp thông của toàn thể linh mục đoàn cùng với giám mục (*Lumen gentium* , GH số 28 ; *Presbyterorum ordinis*, ĐT số 7-8)” (223).

Nguồn cội bí tích ấy phản ánh và nối tiếp trong việc thi hành thừa tác vụ linh mục : từ *mầu nhiệm đến thừa tác vụ*. “Sự hiệp nhất giữa các linh mục với giám mục và giữa các linh mục với nhau không phải được thêm như thể từ bên ngoài vào trong bản chất tách biệt của công việc phục vụ, sự hiệp nhất ấy biểu lộ yếu tính của công việc phục vụ, yếu tính ấy chính là sứ vụ của Đức Kitô Linh Mục đối với đoàn dân được quy tụ trong sự hiệp nhất của Thiên Chúa Ba Ngôi” (224). Nhờ sống tình hiệp nhất linh mục trong tinh thần đức ái mục vụ, các linh mục nên nhân chứng cho Đức Giêsu Kitô, vì chính Ngài cũng đã cầu nguyện với Chúa Cha “để cho mọi người được nên một” (Gs 17,21).

Diện mạo của linh mục đoàn chính là diện mạo của *một gia đình thật sự* và của *một mối tình huynh đệ* không phải với những ràng buộc máu thịt nhưng với những ràng buộc do ân sủng của Chức Thánh. Ân sủng ấy xâm chiếm và nâng cao những mối tương quan nhân loại, tâm lý, cảm tính, bằng hữu và thiêng liêng giữa các linh mục với nhau; ân sủng ấy biểu lộ khắp mọi nơi và tỏ hiện cụ thể trong những hình thức tương trợ tinh thần và vật chất đa dạng nhất. Tình huynh đệ linh mục không loại trừ một ai ; dầu vậy, trong chiều hướng lựa chọn theo tinh thần Tin Mừng, linh mục có thể và phải dành những ưu tiên cho người nào đang cần giúp đỡ và cần khích lệ nhất. Tình huynh đệ ấy “dành một sự quan tâm đặc biệt đối với các linh mục trẻ, duy trì một thái độ đối thoại chân tình và huynh đệ với những linh mục thuộc lứa tuổi trung bình hoặc cao niên cũng như đối với những linh mục nào vì lý do này hay lý do khác đang phải đương đầu với những khó khăn. Còn về những linh mục đã rời bỏ thừa tác vụ hay không còn trung thành với thừa tác vụ, tình huynh đệ ấy cũng không bỏ rơi họ nhưng ngược lại dõi theo họ với một sự chú tâm còn huynh đệ hơn” (225).

Những *linh mục dòng* sống và làm việc trong một Giáo Hội địa phương, với một tước hiệu khác, cũng thông phần vào cùng một linh mục đoàn duy nhất. Nguyên chỉ sự hiện diện của họ cũng đã làm giàu cho tất cả các linh mục. Các đặc sủng riêng biệt và đa dạng của họ vừa mời gọi các linh mục tấn tới trong nỗ lực thấu hiểu chức linh mục, vừa góp phần động viên các linh mục và sát cánh với các linh mục trong việc đào tạo trường kỳ. Một khi được đi đôi với lòng quý chuộng chân thành, luôn tôn trọng tính chất đặc thù của từng Hội Dòng và của từng truyền thống tu đức, ân huệ dòng tu trong cộng đoàn giáo phận nới rộng chân trời làm chứng Kitô giáo và bằng nhiều cách, góp phần làm cho nền tu đức linh mục nên phong phú. Ân huệ dòng tu đóng vai trò ấy, đặc biệt trong những gì liên can đến tương quan thoả đáng và ảnh hưởng hỗ tương giữa những giá trị của Giáo Hội địa phương với những giá trị của toàn thể Dân Chúa. Về phía mình, các tu sĩ phải chú tâm duy trì một tinh thần hiệp thông Giáo Hội thật sự, một sự tham gia chân tình vào vận hành của giáo phận và vào những lựa chọn mục vụ của giám mục, bằng cách tự nguyện hiến dâng đặc sủng riêng của mình hầu xây dựng mọi người trong đức ái (226).

Cuối cùng, chính trong bối cảnh của Giáo Hội hiệp thông và của linh mục đoàn mà người ta có thể vững vàng hơn cả để đương đầu với *vấn đề cô đơn của linh mục*, là vấn đề đã lôi cuốn sự chú ý của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng. Có một sự cô đơn vốn thuộc về kinh nghiệm của mọi linh mục và vốn là hoàn toàn bình thường. Nhưng cũng có một nỗi cô đơn nãy sinh bởi đủ loại khó khăn và từ đó lại dẫn đến những vấn đề khác. Trong chiều hướng ấy, “sự tham gia tích cực vào linh mục đoàn giáo phận, những tiếp xúc thường đều với giám mục và với các linh mục khác, sự cộng tác hỗ tương, đời sống chung hoặc huynh đệ giữa các linh mục với nhau, cũng như tình bạn và những mối quan hệ chân tình với những người giáo dân tích cực dấn thân trong các giáo xứ, đều là những phương thế rất hữu ích để thắng vượt những hiệu quả của nỗi cô đơn mà đôi khi linh mục phải cảm nếm” (227).

Cô đơn không chỉ tạo nên những khó khăn ; cô đơn còn mang lại những thuận lợi cho đời sống linh mục. “Một khi được đón nhận với tinh thần tận hiến và tinh thần tra vấn trong tình thân mật với Chúa Giêsu Kitô, cô đơn có thể hỗ trợ cho việc nguyện ngắm và việc học hỏi, cũng như còn có thể giúp cho sự thánh hoá và sự tăng triển con người” (228). Chúng ta đừng quên rằng cô đơn, dưới một hình thức nào đó, là điều cần thiết cho việc đào tạo trường kỳ. Đức Giêsu đã thường tìm cách rút lui để cầu nguyện trong cô tịch (x. Mt 14,23). Khả năng chịu đựng sự cô đơn hữu ích là điều kiện thiết yếu cho việc duy trì đời sống nội tâm. Ở đây, phải hiểu là một sự cô đơn làm nơi lưu trú cho Chúa Kitô hiện diện, để rồi Chúa Kitô, trong ánh sáng của Thần Khí, đưa chúng ta đến tiếp xúc với Chúa Cha. Trong chiều hướng ấy, điều cần thiết là phải tạo thinh lặng và phải tìm được những nơi chốn và những thời gian “hoang địa” dành cho việc đào tạo trường kỳ về mặt trí thức, thiêng liêng và mục vụ. Cũng trong chiều hướng ấy, có thể quả quyết rằng hễ ai không biết sống nỗi cô đơn của mình cho tốt đẹp thì cũng không có khả năng để sống mối hiệp thông đích thực và huynh đệ.

**75.**Điểm nhắm của việc đào tạo trường kỳ là *phát huy nơi linh mục ý thức về sự tham gia của mình vào sứ vụ cứu độ của Giáo Hội*. Trong Giáo Hội “sứ vụ”, việc đào tạo trường kỳ dành cho linh mục chẳng những là một điều kiện cần thiết, nhưng còn là một phương thể tất yếu để thường xuyên khơi thắm lại cảm thức về sứ vụ và để bảo đảm cho sứ vụ được thực hiện một cách trung thành và quảng đại. Việc đào tạo như thế giúp linh mục nhận ra được tất cả tính nghiêm trọng của một sự đòi buộc cũng đồng thời là một ân sủng diệu vời mà linh mục không thể dửng dưng. Cũng như thánh Phaolô, linh mục phải có thể nói được rằng: “Đối với tôi, rao giảng Tin Mừng không phải là một tước hiệu để tôi lấy làm vinh dự ; đó là một sự khẩn thiết được ký thác cho tôi. Vô phúc cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng !” (1 Cr 9,16). Việc đào tạo ấy giúp cho linh mục cũng nhận ra được nỗi bức xúc trong những thỉnh nguyện minh nhiên hay không minh nhiên của những con người mà Thiên Chúa không ngơi mời gọi lãnh nhận ơn cứu độ.

Chỉ nhờ vào một việc đào tạo trường kỳ thoả đáng, linh mục mới được nâng đỡ trong sự trung thành thiết yếu và dứt khoát đối với thừa tác vụ của mình. Như thánh Phaolô Tông Đồ đã viết: “Tất cả những gì người ta đòi hỏi nơi những người quản lý [các mầu nhiện của Thiên Chúa], đó là nhận ra được họ là người trung thành” (1 Cr 4,2). Dẫu cho những khó khăn gặp phải có như thế nào, ngay cả trong những hoàn cảnh nghiệt ngã nhất hoặc trong một trạng thái mỏi mệt dễ dàng hiểu được, linh mục vẫn phải trung thành với tất cả nghị lực mà mình sẵn có và phải cứ như thế cho đến trọn đời. Chứng từ của Phaolô phải là một gương mẫu và là một nguồn khích lệ cho mọi linh mục, ngài đã viết cho các Kitô hữu ở Corintô : “Chúng tôi không hề nên cớ vấp phạm cho một ai về một điều gì, để thừa tác vụ của chúng tôi khỏi bị đàm tiếu. Ngược lại, trong mọi sự, chúng tôi chứng tỏ mình như những thừa tác viên của Thiên Chúa : nhờ một lòng kiên vững lớn lao trong gian nan, trong khốn khó, trong hoảng hốt, trong roi vọt, trong tù ngục, trong biến loạn, trong kiệt lực, trong canh thức, trong chay kiêng ; nhờ một lòng trong trắng, một trí thông hiểu, một đức nhẫn nại, một sự dịu dàng, một thần khí thánh thiện, một đức ái không giả bộ, lời nói chân thật, quyền năng của Thiên Chúa ; nhờ những khí giới công chính vừa công vừa thủ ; trong vinh dự và ô nhục, trong tiếng xấu và tiếng tốt ; bị coi như đồ trí trá nhưng lại chân thật ; bị coi như đồ vô danh nhưng lại nổi tiếng ; như những người giẫy chết, nhưng này chúng tôi vẫn sống ; như những kẻ bị trừng phạt, nhưng lại không bị xử tử; như những người phiền muộn, nhưng chúng tôi lại luôn vui sướng ; như những kẻ nghèo nàn, nhưng chúng tôi lại làm cho biết bao người nên giàu có ; như những người bần cùng, nhưng chúng tôi lại sở hữu mọi sự” (2 Cr 6,3-10).

**Cho mọi lứa tuổi và trong mọi điều kiện sinh sống.**

**76.**Việc đào tạo trường kỳ, chính bởi vì nó là trường kỳ, phải *luôn luôn* không thiếu vắng trong đời sống các linh mục, vào mọi lứa tuổi và trong mọi điều kiện sinh sống, bất kể mức độ trách nhiệm trong Giáo Hội. Dĩ nhiên, đồng thời, cần phải chú trọng đến những khả năng và những đặc tính tương ứng với sự khác biệt tuổi tác, các điều kiện sinh sống và các chức vụ đảm nhiệm.

Đào tạo trường kỳ trước hết là một bổn phận đối với các *linh mục trẻ*. Với những cuộc gặp gỡ theo hạn kỳ thường đều xứng hợp và theo một chương trình được sắp xếp có hệ thống nhằm nối dài những gì là nghiêm minh và vững chắc trong nền đào tạo đã lãnh nhận ở chủng viện, việc đào tạo trường kỳ dần dà hướng dẫn các linh mục trẻ hiểu và sống nguồn phong phú của “hồng ân” Thiên Chúa, của chức linh mục. Việc đào tạo này cũng giúp họ bày tở những khả năng thích ứng với thừa tác vụ, cùng với các linh mục khác, bằng một sự hoà nhập ngày càng thâm tín và có trách nhiệm hơn vào linh mục đoàn và bởi đó vào mối hiệp thông và tinh thần đồng trách nhiệm với tất cả các anh em đồng sự của mình.

Vừa mới ra trường khỏi chủng viện mà đã phải đương đầu với những giờ khắc học hỏi và gặp gỡ mới nữa, người linh mục trẻ dễ cảm thấy “ngán”, và điều này có thể hiểu được. Thế nhưng, cần phải loại trừ quan niệm hoàn toàn sai lạc và nguy hại cho rằng việc đào tạo linh mục đã chấm dứt khi rời bỏ chủng viện.

Khi cùng tham gia vào những buổi gặp gỡ để được đào tạo trưòng kỳ, các linh mục trẻ sẽ tạo cho nhau một sự nương tựa hỗ tương bằng việc chia sẻ kinh nghiệm và suy tư về phương cách diễn đạt lý tưởng linh mục một cách cụ thể, như họ đã luyện tập trong những năm tháng ở chủng viện. Đồng thời, việc họ tích cực tham gia vào những buổi gặp gỡ của linh mục đoàn với mục đích đào tạo sẽ có thể là gương sáng và là nguồn khích lệ cho những linh mục khác lớn tuổi hơn. Thật vậy, họ sẽ nhờ đó mà chứng tỏ tình yêu của mình đối với toàn thể linh mục đoàn và chứng tỏ niềm hăng say của mình trong việc đáp ứng nhu cầu của Giáo Hội địa phương là nhu cầu phải có những linh mục được đào tạo hẳn hoi.

Để sát cánh với các linh mục trẻ trong giai đoạn đầu tiên hết sức tế nhị của đời sống linh mục và của thừa tác vụ, điều phù hợp hơn bao giờ hết, nếu không nói là tối ư cần thiết cho ngày hôm nay, đó là phải tạo lập một *cơ cấu nâng đỡ đặc biệt* với những cố vấn và những giáo sư thích ứng. Ở đó, các linh mục trẻ sẽ tìm gặp, dưới một thể thức có cơ cấu và có chuyển tiếp, một nguồn nương tựa cần thiết để bắt đầu công việc phục vụ của mình. Trong những buổi gặp gỡ đều đặn tương đối lâu giờ và thường xuyên, có khi với khuôn khổ đời sống cộng đoàn và cùng ở với nhau, cần phải tạo cho các linh mục trẻ có được những thời khắc quí giá dành cho việc nghỉ ngơi, cầu ngyện, suy tư, trao đổi huynh đệ. Họ sẽ nhờ đó mà bảo đảm cho mình, ngay từ buổi đầu, có được sự quán bình theo tinh thần Tin Mừng trong đời sống linh mục. Nếu các Giáo Hội địa phương không thể tự mình phục vụ cho các linh mục trẻ trong lĩnh vực này, điều xứng hợp là các Giáo Hội lân cận phải hiệp nhất lại với nhau để cùng nhau rút ra những tài nguyên cần thiết và soạn thảo những chương trình thích đáng.

**77.**Đối *với những linh mục thuộc lứa tuổi trung bình*, việc đào tạo trường kỳ cũng là một bổn phận. Thật ra, họ có thể vì chính lý do tuổi tác mà rơi vào vô số những liều lĩnh, chẳng hạn một chủ trương hoạt động thái quá hoặc một *thái độ ù lì* trong việc thi hành thừa tác vụ. Hoặc còn có thể đó là mối cám dỗ quá tin ở sức mình đến nỗi cho rằng từ nay kinh nghiệm mà cá nhân mình đã cảm nhận không còn cần phải so đọ với bất cứ điều gì hoặc bất cứ ai. Điều thường xảy ra đó là, trong những trường hợp như thế, linh mục phải chịu đựng một nỗi chán chường nguy hại trong lòng, dấu hiệu của một tình trạng vỡ tan ảo mộng mà linh mục phải cam chịu khi đương đầu với những khó khăn và thất bại. Việc đào tạo trường kỳ cung cấp giải pháp cho tình trạng này : không ngừng duyệt xét thế quân bình bản thân cũng như hoạt động của mình, thường xuyên điều nghiên những dộng lực thúc đẩy và những phương thế cho sứ vụ của mình. Nhờ đó, linh mục sẽ duy trì được một tinh thần thức tỉnh và sẵn sang đáp ứng đối với những thỉnh nguyện cứu độ mỗi ngày một mới mẻ mà rất nhiều người giãi bày cho linh mục, “người của Thiên Chúa”.

Việc đào tạo trường kỳ cũng phải đạt *thấu các linh mục cao niên*, thường được gọi là *niên trưởng,*các vị này chiếm một khối lượng đông đảo nhất trong linh mục đoàn nơi một số Giáo Hội. Linh mục đoàn phải chứng tỏ lòng biết ơn của mình đối với các ngài về công việc phục vụ trung thành mà các ngài đã chu toàn cho Đức Kitô và cho Giáo Hội, và phải sống tình liên đới với các ngài bằng cách chú trọng tới thân phận của các ngài. Đối với các linh mục này, việc đào tạo trường kỳ sẽ không phải là vấn đề học hỏi, thảo luận và cập nhật văn hoá cho bằng một sự củng cố thanh thản và an hoà về vai trò mà các ngài vẫn được mời gọi đóng góp trong linh mục đoàn. Vai trò ấy sẽ được xác định chẳng những nhờ việc theo đuổi thừa tác vụ mục tử, có khi dưới những hình thức khác, nhưng còn nhờ khả năng mà kinh nghiệm sống và kinh nghiệm làm việc tông đồ mang lại cho các ngài, đó là chính các ngài trở thành những vị thầy và những nhà đào tạo của các linh mục khác.

Cả những linh mục, vì mệt mỏi hay bênh tật, đang phải sống trong một *tình trạng yếu nhược về thế lý hoặc rã rời về tinh thần*, cũng có thể được việc đào tạo trường kỳ trợ giúp. Nhờ việc đào tạo này, họ được khuyến khích tiếp tục phục vụ Giáo Hội một cách thanh thản và can trường, không tự cô lập mình khỏi cộng đoàn hay khỏi linh mục đoàn, giản lược hoạt động bên ngoài để hiến mình cho những sinh hoạt thuộc tương quan mục vụ và tu đức bản thân nhờ đó có thể bảo vệ lẽ sống và niềm vui trong chức linh mục. Cách riêng, việc đào tạo trường kỳ sẽ giúp họ giữ cho niềm xác tín mà chính họ đã ghi tạc nơi các tín hữu được sống động, rằng họ luôn mãi là những thành phần tích cực trong việc xây dựng Giáo Hội, đặc biệt nhờ vào sức mạnh do họ kết hiệp với Đức Giêsu Kitô chịu đau khỏ và do biết bao anh chị em khác trong Giáo Hội đang thông phần vào cuộc khổ nạn của Chúa. Cùng với những người ấy, họ lặp lại bằng cuộc sống kinh nghiệm của thánh Phaolô như ngài đã nói : “Tôi tìm gặp niềm vui trong những đau khổ mà tôi phải chịu vì anh em, và tôi bổ khuyết nơi thân xác tôi những gì còn thiếu trong những thử thách Đức Kitô đã chịu vì Thân Thể Ngài, tức là Giáo Hội” (C1 1,24) (229).

**Những người chịu trách nhiệm về việc đào tạo trường kỳ.**

**78.**Những điều kiện hiện đại của thừa tác vụ linh mục, thường thường và ở nhiều nơi, không tạo dễ dàng cho một cuộc dấn thân nghiêm minh vào việc đào tạo trường kỳ. Sự gia tăng những trọng trách và những công việc phục vụ phải đảm nhận, sự phức tạp của đời sống nhân linh nói chung và của các cộng đoàn Kitô hữu nói riêng, chủ trương duy hoạt động và tình trạng kiệt quệ vốn đang đánh dấu nhiều môi trường trong xã hội ngày nay, tất cả những yếu tố ấy thường chiếm mất thời giờ của linh mục cũng như năng lực cần thiết để linh mục “chăm lo cho chính mình” (x. 1 Tm 4,16).

Vì thế mọi người cần phải tăng thêm phần trách nhiệm để thăng vượt những khó khăn ấy và để nhận ra nơi những khó khăn ấy sự thách đố phải soạn thảo và thực hiện một cuộc đào tạo trường kỳ hầu đáp ứng thoả đáng hồng ân cao cả của Thiên Chúa cùng những thỉnh nguyện và đòi buộc hệ trọng của thời đại chúng ta.

Những người chịu trách nhiệm về việc đào tạo trường kỳ phải thuộc về Giáo Hội “hiệp thông”. Như vậy, chính là *toàn thể Giáo Hội địa phương*, dưới sự dẫn dắt của giám mục, có trách nhiệm thôi thúc và thiết lập những thể loại dị biệt cho việc đào tạo trường kỳ của các linh mục. Bởi vì các linh mục không phải làm linh mục cho chính mình, nhưng là cho Dân Chúa. Bởi đó, trong khi bảo đảm cho các linh mục có được sự trưởng thành về mặt nhân bản, thiêng liêng, trí thức và mục vụ, việc đào tạo trường kỳ mang lại hiệu quả là một thiện ích mà người hưởng dùng chính là Dân Chúa. Ngoài ra, chính việc thực hành mục vụ cũng dẫn tới một sự trao đổi hỗ tương, bền bỉ và sai nở, giữa đức tin của các linh mục với đức tin của các tín hữu. Được điều hành và vận dụng một cách khôn ngoan, *sự chia sẻ đời sống giữa linh mục và cộng đoàn* tạo thành một đóng góp cơ bản cho việc đào tạo trường kỳ. Đàng kác, sự đóng góp ấy không chỉ giản lược vào một giai đoạn hạn chế hoặc vào một sáng kiến riêng lẻ, những trải dài suốt thừa tác vụ và đời sống linh mục.

Thật vậy, kinh nghiệm Kitô giáo của những người đơn sơ và khiêm nhượng, khí thế thiêng liêng của những con người say mê Thiên Chúa, đức tin được thể hiện một cách can trường nơi những Kitô hữu dấn thân vào các loại trách nhiệm xã hội và dân sự, tất cả những điều ấy đều được linh mục đón nhận và, trong khi đem chiếu dọi vào đó ánh sáng của công việc phục vụ linh mục, chính linh mục tìm được của ăn thiêng liêng vô cùng quý giá. Cả những nghi hoặc, những khủng hoảng và những do dự khi phải đối đầu với những hoàn cảnh cá nhân hay xã hội thuộc đủ loại, hoặc còn phải kể đến những cám dỗ từ khước hay tuyệt vọng vào giờ phút khổ đau, bệnh tật, kề cận cái chết, nói tóm lại, tất cả những khó khăn mà con người gặp phải trên con đường đức tin đều được linh mcụ cảm nhận bằng cuộc sống. Linh mục chia sẻ những khó khăn ấy như một người anh em và chịu đựng một cách chân thành trong tâm hồn mình. Khi đi tìm những giải đáp cho người khác, linh mục không ngừng được đưa dẫn để trước hết tìm được giải đáp cho chính mình.

Như thế, toàn thể Dân Chúa, trong hết mọi thành phần, có thể và cần phải mang lại một sự trợ giúp quí báu cho việc đào tạo trường kỳ của các linh mục. Trong chiều hướng ấy, họ phải để cho các linh mục có thời giờ học hỏi và cầu nguyện, chỉ yêu cầu nơi các linh mục những gì liên quan đến mục đích của việc các ngài được Đức Kitô uỷ thác chớ không yêu cầu những điều gì khác, sau hết cộng tác với các ngài trong những lãnh vực khác nhau của sứ vụ mục tử bằng một sự chú tâm đặc biệt đối với những gì qui hướng về sự thăng tiến con người và về việc phục vụ trong đức ái. Họ phải duy trì với các linh mục những cuộc tiếp xúc nồng nhiệt và huynh đệ và phải khơi dậy nơi các ngài niềm ý thức rằng trách nhiệm của các ngài không phải là “cai quản đức tin” nhưng đúng hơn là “góp phần tạo niềm vui” cho tất cả các tín hữu (x. 2 Cr 1,24).

Trách nhiệm của Giáo Hội địa phương như vừa được trình bày trong công việc đào tạo các linh mục phải được vận dụng một cách cụ thể và đặc loại tuỳ theo những thành phần khác nhau làm thành Giáo Hội ấy, khởi đầu bằng chính linh mục.

**79.**Hiểu theo một nghĩa nào đó, *từng linh mục một phải là người đầu tiên chịu trách nhiệm về việc đào tạo trường kỳ của mình trong Giáo Hội*. Bổn phận trung thành với ân huệ của Thiên Chúa và với sụ năng động của việc hoán cải thường nhật phát xuất từ chính ân huệ, như được bén rễ trong bí tích Truyền Chức Thánh, là bổn phận mà trong thực tế mỗi một linh mục phải tự mình gánh mang. Các qui tắc hoặc các tiêu chuẩn của quyền bính Giáo Hội về vấn đề này, cũng như gương sáng của các linh mục khác không đủ để làm cho việc đào tạo trường kỳ có sức lôi cuốn, nếu như mỗi một linh mục không tự mình xác tín về sự khẩn thiết của việc đào tạo ấy và không tự quyết định để đề cao giá trị của những cơ hội, những thời giờ và những phương thức dành cho việc đào tạo ấy. Đào tạo trường kỳ bảo tồn sự “tươi trẻ” cho tinh thần, điều mà không một ai có thể áp đặt từ bên ngoài nhưng mỗi người phải không ngừng kín múc nơi chính mình. Chỉ người nào luôn nuôi sống khát vọng học tập và lớn lên. người đó mới có được sự “tươi trẻ” ấy.

Trách nhiệm của *giám mục* và, cùng với ngài, của *linh mục đoàn* là cơn bản. Trách nhiệm của giám mục đặt nền tảng trên sự kiện các linh mục lãnh nhận chức linh mục vụ từ nơi ngài và cùng chia sẻ với ngài mối quan tâm mục vụ đối với toàn thể Dân Chúa. Ngài chịu trách nhiệm về một nền đào tạo trường kỳ nhằm giúp các linh mục biết quảng đại trong việc trung thành với ân huệ và thừa tác vụ mình đã lãnh nhận, như lòng mong ước và đồng thời “quyền lợi” của Dân Thiên Chúa : có linh mục. Trách nhiệm ấy dẫn giám mục tới chỗ, cùng với linh mục đoàn, thiết lập và tổ chức một chương trình đào tạo trường kỳ, không coi đó là một việc làm tuỳ tiện, chừng mực nhưng là một dự án được soạn thảo kỹ lưỡng và được tiến hành qua từng giai đoạn theo những phương thức nhất định. Giám mục phải thi hành trách nhiệm của mình, chẳng những bằng cách bảo đảm cho các linh mục dưới quyền mình có được nơi chốn và thời gian dành riêng cho việc đào tạo trường kỳ, nhưng còn bằng cách chính mình hiện diện ở đó và cùng tham gia một cách thâm tín và nồng nhiệt. Trong nhiều trường hợp, điều thích đáng và thậm chí cần thiết là các giám mục thuộc những giáo phận kề cận nhau hay thuộc cùng một miền tông đồ cần phải ăn ý với nhau và kết hiệp những nỗ lực của mình lại với nhau để có thể đưa ra những đề nghị tốt đẹp hơn, thực sự bổ ích cho việc đào tạo trường kỳ, chẳng hạn những khoá tu nghiệp Thánh Kinh, thần học và mục vụ, những tuần lễ sống cộng đoàn, những buổi thuyết trình theo chu kỳ, những thời gian dành cho việc suy tư và đánh giá phương hướng mục vụ của linh mục đoàn và của cộng đoàn Giáo Hội.

Giám mục phải thi hành trách nhiệm của mình bằng cách cũng yêu cầu sự đóng góp có thể có từ phía các phân khoá và các học viên thần học và mục vụ, các chủng viên các cơ quan hiệp hội – gồm có linh mục, tu sĩ, giáo dân – dấn thân cho việc đào tạo linh mục.

Trong Giáo Hội địa phương, một vị thế quan trọng được dành cho *các gia đình*. Với tư cách là “Giáo Hội tại gia”, các gia đình thực ra là điểm quy chiếu cụ thể cho đời sống của các cộng đoàn Giáo Hội được các linh mục thôi thúc và hướng dẫn. Cách riêng, cần phải ghi chú vai trò của chính gia đình linh mục. Cùng hiệp thông ý hướng với linh mục, gia đình có thể mang lại cho sứ vụ của linh mục một sự đóng góp độc đáo và quí giá. Gia đình là cái nôi của ơn gọi mà gia đình đã che chở và nâng đỡ bằng một nguồn cậy dựa thiết yếu để cho ơn gọi ấy được lớn lên và được phát triển. Như đã sẵn sang thực hiện kế hoạch của Chúa Quan Phòng nhằm làm nảy mầm ơn gọi theo ý Ngài, gia đình của linh mục, nguồn trợ lực thiết yếu cho linh mục được lớn lên và phát triển, vẫn phải luôn mãi là chứng nhân trung thành, vừa hết mức tôn trọng một người con đã chấp nhận hiến thân cho Thiên Chúa và đồng loại, vừa khuyến khích linh mục trong sứ vụ, cùng chia sẽ sứ vụ với linh mục và cùng gần gũi với linh mục một cách tận tuỵ và thận trọng.

**Thời giờ, hình thức và phương thế dành cho việc đào tạo trường kỳ.**

**80.**Nếu như mọi giờ khắc đều là “thời gian thuận tiện” (x 2 Cr 6,2) để Chúa Thánh Thần hướng dẫn cho linh mục lớn lên trong kinh nghiệm, trong việc học hỏi và trong ý thức về những trách nhiệm mục vụ của mình, thì dầu vậy vẫn có những giờ khắc “biệt đãi”, ngay cả đó là những giờ khắc thông thường và đã được tiên liệu trước.

Ở đây, trước hết cần phải nhắc tới *những buổi gặp gỡ giữa giám mục với linh mục đoàn*, hoặc có tính cách phụng vụ ( cách riêng cuộc đồng tế Thánh Lễ làm phép Dầu ngày thứ Nam Tuần Thánh ) hoặc có tính cách mục vụ và văn hoá nhằm trao đổi nhận định về sinh hoạt mục vụ hoặc nhầm học hỏi một số vấn đề thần học đã được ấn định.

Cũng có *những buổi gặp gỡ thiêng liêng giữa các linh mục*, như những cuộc cấm phòng, những ngày tĩnh tâm và tu đức, v.v.. Đó là những cơ hội để tăng trưởng về mặt thiêng liêng và mục vụ, để cầu nguyện lắng đọng hơn và lâu giờ hơn, để quay về với những cội rễ của con người linh mục, để hâm nóng lại những động lực khơi nguồn cho sự trung thành và cho khí thế mục vụ.

*Những buổi gặp gỡ để học hỏi và suy tư chung với nhau* cũng mang tầm mức quan trọng. Chúng dự liệu để tránh tình trạng nghèo nàn về văn hoá và tình trạng chai cứng về những lập trường dễ dãi trong lãnh vực mục vụ, là hậu quả của sự lười biếng trí thức. Chúng bảo đảm cho có được một tổng hợp dày công suy nghĩ hơn về những yếu tố đa tạp trong đời sống thiêng liêng, văn hoá và tông đồ : chúng mở rộng trí óc và con tim hơn trước những thách đố mới của lịch sử và trước những tiếng gọi mời mà Chúa Thánh Thần gióng lên cho Giáo Hội.

**81.**Rất nhiều kiểu cộng tác và phương thế có thể giúp ích để cho việc đào tạo trường kỳ trở nên một kinh nghiệm sống tốt đẹp hơn cho các linh mục. Trong số những kiểu cộng tác và phương thế ấy, có thể nhắc tới *những hình thức sống chung* giữa các linh mục với nhau, là những hình thức vẫn thường có trong lịch sử Giáo Hội, với những thể loại và cường khác biệt nhau. “Ngày nay, không thể không yêu cầu cho có những hình thức ấy, nhất là giữa những linh mục sống và dấn thân mục vụ trong cùng một nơi. Đời sống chung của hàng giáo sĩ như thế, hữu ích cho đời sống và hoạt động mục vụ, tạo cho mọi người, cả linh mục và giáo dân, một gương mẫu chói sáng về đức ái và hiệp nhất” (230).

Một hình thức tương trọ khác có thể được cung ứng do *các hiệp hội linh mục*, nhất là các tu hội đời linh mục với tính chất trực thuộc giáo phận nhờ đó các linh mục kết hiệp chặc chẽ hơn với giám mục. Các tu hội ấy quy định “một bậc sống toàn hiến trong đó, nhờ những lời khấn và những mối dây ràng buộc linh thánh khác, các linh mục cam kết thực hành những lời khuyên Phúc Âm trong đời sống mình” (231). Tất cả mọi hình thức “huynh đệ linh mục” được Giáo Hội công nhận đều hữu ích cho đời sống thiêng liêng cũng như cho đời sống tông đồ và mục vụ.

Thực hành việc *linh hướng* cũng đóng góp rất nhiều cho việc đào tạo trường kỳ của các linh mục. Đây là một phương thế cổ điển vẫn luôn giữ mãi được giá trị, chẳng những nhằm tạo nền tảng vững chắc cho việc đào tạo thiêng liêng, nhưng còn giúp cố võ và nâng đỡ cho sự trung thành và lòng quảng đại bền bỉ trong việc thi hành thừa tác vụ linh mục. Như Đức Phaolô VI đã viết trước khi lên Giáo hoàng, “việc linh hướng đóng một nhiệm vụ rất cao đẹp và có thể nói thiết yếu đối với nền giáo dục luân lý và thiêng liêng dành cho giới trẻ, những con người mong ước tìm hiểu và theo đuổi ơn gọi của mình một cách hết mực chân tình, không phân biệt ơn gọi loại nào. Việc linh hướng giữ mãi tầm quan trọng ích lợi cho mọi lứa tuổi và mọi cuộc đời, mỗi lúc chúng ta đến với những soi dẫn và lòng bác ái của một vị cố vấn đạo đức và khôn ngoan, để rồi cầu xin sự kiểm nghiệm đường ngay lối thẳng của chúng ta, cũng như sự sưởi ấm chúng ta trong việc quảng đại chu toàn những bổn phận. Đây là một phương thế sư phạm rất tế nhị nhưng mang một giá trị rất cao cả. Đây là một nghệ thuật sư phạm và tâm lý đòi người hành xử phải có tinh thần trách nhiệm cao độ ; đây là một việc tập luyện thiêng liêng đòi người lãnh nhận phải nghiêm trọng và tin cậy” (232).

KẾT LUẬN

**82.**“**Ta sẽ ban cho cá ngươi những mục tử như lòng Ta mong ước” (Gr 3,15).**

Cho đến hôm nay, lời hứa ấy của Thiên Chúa vẫn đang sống động và hình thành trong Giáo Hội, và Giáo Hội ý thức rằng, từ muôn thưở, chính Giáo Hội được diễm phúc thụ hưởng những lời tuyên sấm ấy. Ngày ngày, Giáo Hội nhìn thấy lời hứa ấy được thực hiện khắp nhiều nơi trên địa cầu; hơn nữa, nơi nhiều tâm hồn con người, nhất là nơi những người trẻ. Khi bước vào thiên niên kỷ thứ ba,Giáo Hội ao ước rằng, lý do những nhu cầu nghiêm trọng và bức bách của Giáo Hội cũng như những nhu cầu của thế giới, lời hứa ấy của Thiên Chúa được ứng nghiệm một cách mới mẻ hơn, rộng lớn hơn, sâu đậm hơn và hữu hiệu hơn, với một sự tuôn đổ phi thường Thần Khí của Ngày Lễ Hiện Xuống.

Lời hứa của Chúa khơi dậy trong lòng Giáo Hội một kinh nguyện, một lời cầu xin khiêm tốn, nồng nhiệt và tin cậy vào tình yêu của Chúa Cha ; cũng như Ngài đã sai Đức Giêsu Mục Từ Nhân Lành, sai các Tông Đồ, những người kế vị các ngài và đông đảo các linh mục: cũng vậy, Ngài vẫn tiếp tục biểu lộ cho con người ngày nay sự trung tín và lòng nhân hậu của Ngài.

Giáo Hội luôn ở trong tư thế sẵn sàng đáp lại ân sủng ấy. Giáo Hội biết rằng ân huệ của Thiên Chúa đòi buộc một lời đáp trả quảng đại và đồng tâm nhất trí : toàn thể Dân Chúa phải không ngơi cầu nguyện và làm việc cho các ơn gọi linh mục. Các ứng sinh linh mục phải chuẩn bị một cách có ý thức để lãnh nhận và sống ân huệ của Thiên Chúa, tin chắc rằng Giáo Hội và thế giới rất cần đến mình. Họ phải say mê Đức Kitô Mục Tử Nhân Lành, uốn nắn con tim mình theo con tim của Ngài và, noi gương Ngài, sẵn sàng rảo bước trên các nẻo đường thế giới để công bố Đức Kitô là Đường, Sự Thật và Sự Sống cho mọi người.

Tôi xin gởi đến các gia đình một lời kêu gọi đặc biệt : xin các bậc cha mẹ, cách riêng những người làm mẹ, hãy quảng đại để ban tặng cho Chúa những người con của mình được Chúa mời gọi tiến tới chức linh mục; xin hãy vui mừng cộng tác vào tiến trình ơn gọi của con cái, đoan chắc rằng, bằng cách ấy, sẽ làm cho sự sai nở của Kitô giáo và của Giáo Hội, cũng là của mình, được nên lớn mạnh hơn và sâu rộng hơn và sẽ nghiệm biết, một cách nào đó, hạnh phúc của Đức Trinh Nữ Maria : “Trong số các phụ nữ, người được diễm phúc, hoa quả lòng người thật đáng chúc tụng” (Lc 1,42).

Với những người trẻ hôm nay, Tôi muốn nhắn nhủ điều này : các bạn hãy ngoan nguỳ hơn nữa đối với Thần Khí, hãy để cho vang vọng lên trong lòng các bạn những nỗi mong chờ lớn lao của Giáo Hội và của nhân loại, đừng ngại mở rộng tâm trí các bạn trước lời mời gọi của Chúa đang hướng thẳng về phía các bạn và hãy đáp lại một cách hăng say lời Ngài đề nghị nối gót theo Ngài cho đến cùng.

Giáo Hội đáp lại ân sủng bằng việc các linh mục cam kết thực hiện việc đào tạo trường kỳ theo như đòi hỏi của phẩm vị và trách nhiệm đã được trao ban cho họ trong bí tích Truyền Chức Thánh. Tất cả các linh mục đều được mời gọi truy nhận tính khẩn cấp đặc biệt nơi việc đào tạo của họ trong thời buổi hiện tại : “công cuộc phúc âm hoá mới” cần có những nhà rao giảng mới, những linh mục dấn thân sống chức linh mục như một con đường nên thánh.

Lời hứa của Thiên Chúa bảo đảm cho Giáo Hội của Ngài không phải có được bất cứ những mục tử nào nhưng những mục tử “như lòng Ngài mong ước”. “Lòng mong ước” của Thiên Chúa đã được mạc khải một cách trọn vẹn cho chúng ta trong lòng mong ước của Đức Kitô Mục Tử Nhân Lành. Ngài đã luôn chạnh lòng xót thương đoàn ngũ dân chúng và đã ban cho họ bánh sự thật, bánh tình yêu và bánh sự sống (x. Mc 6,30-44). Ngài yêu cầu những con tim khác cũng phải chung nhịp đập — những con tim linh mục — : “Các người hãy cho họ ăn” (Mc 6,37). Nhiều người đang cần phải ra khỏi tình trạng vô danh và ra khỏi sự sợ hãi ; họ cần được nhận biết và được gọi bằng tên của họ, được bước đi an toàn trên những nẻo đường cuộc sống, được tìm gặp nếu như bị lạc lối, được đón nhận ơn cứu độ như là quà tặng tuyệt hảo của tình yêu Thiên Chúa ; đó chính là điều Đức Giêsu, Vị Mục Tử Nhân Lành, thực hiện; đó chính là điều các linh mục thực hiện cùng với Ngài.

Ở đoạn chót của Tông Huấn này, Tôi hướng ánh mắt tôi về phía đông đảo các chủng sinh và linh mục, tại khắp các miền trên thế giới, ngay cả trong những điều kiện khó khăn nhất và đôi khi bị thảm nhất, để nhìn thấy họ vẫn luôn vui vẻ trong nỗ lực trung thành với Chúa, vẫn không ngừng phục vụ đoàn chiên của Chúa và hằng ngày hiến dâng cuộc đời mình để cho đức tin, niềm trông cậy và đức ái được tăng triển trong tâm hồn và trong đời sống của những người nam và nữ thời đại chúng ta.

Anh em linh mục rất thân mến, sở dĩ anh em xả thân như vậy là bởi vì chính Chúa, với sức mạnh của Thần Khí Ngài, đã mời gọi anh em làm cho kho tàng vô giá là tình yêu của Vị Mục Tử Nhân Lành được hiện diện trong những chiếc bình sành là cuộc đời khiêm tốn của anh em.

Hiệp thông với các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng, nhân danh tất cả các giám mục trên thế giới và toàn thể cộng đoàn Giáo Hội, Tôi muốn bày tỏ trọn niềm tri ân mà chắc hẳn là chính đáng đối với lòng trung thành của anh em và công việc phục vụ của anh em (233).

Tôi cầu chúc tất cả anh em được ơn canh tân mỗi ngày ân huệ của Thiên Chúa mà anh em đã lãnh nhận do việc đặt tay, ơn hưởng nhờ nguồn khích lệ nơi tình bạn sâu xa là tình bạn nối liền anh em với Đức Giêsu và hiệp nhất anh em lại với nhau, ơn cảm nếm niềm vui vè sự tăng trưởng của đoàn chiên Thiên Chúa hướng về một tình yêu ngày càng lớn rộng hơn đối với Ngài và đối với mọi người, ơn bảo tồn niềm xác tín thanh thản rằng Đấng đã khởi sự nơi anh em công trình tốt đẹp chắc hẳn sẽ đưa công trình ấy đến chỗ hoàn thành cho tới ngày của Đức Kitô Giêsu (x. Ph 1,6); hiệp nhất với mọi người và với từng người trong anh em, Tôi trao gởi lời nguyện cầu của Tôi cho Đức Maria, người mẹ và nhà giáo dục của các linh mục chúng ta.

Tất cả mọi khía cạnh trong nền đào tạo linh mục đều có thể đem gán cho Đức Maria, như một người phàm, hơn tất cả mọi người phàm khác, đã đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa ; Đức Maria đã hoá nên nữ tì và môn đệ của Lời Chúa đến độ cưu mang trong lòng mình và trong dạ mình Ngôi Lời làm người để rồi ban tặng Ngài cho nhân loại; Đức Maria đã được mời gọi để trở thành nhà giáo dục của vị linh mục duy nhất và vĩnh cửu, vị linh mục này đã tự nguyện sống ngoan nguỳ và đã từng phục quyền làm mẹ của Ngài. Nhờ gương sáng và sự chuyển cầu của Ngài, Đức Trinh Nữ vẫn tiếp tục chăm lo cho các ơn gọi và đời sống linh mục trong Giáo Hội được hưng thịnh.

Chính vì thế, là linh mục, chúng ta được mời gọi vun trồng nơi chúng ta một lòng sung kính dịu hiền và bền vững đối với Đức Trinh Nữ Maria, giãi bày về Ngài bằng cách bắt chước các nhân đức của Ngài và bằng cách thường xuyên cầu xin Ngài.

*Lạy Đức Maria,*

*là Mẹ của Đức Giêsu Kitô và là Mẹ của các linh mục,*

*Xin hãy nhận lấy tước hiệu mà chúng con gán cho Mẹ*

*để ngợi ca chức quyền thánh mẫu của Mẹ*

*và để kề bên Mẹ chiêm ngắm chức linh mục*

*của Con mẹ và của các con cái Mẹ,*

*lạy Thánh Mẫu của Thiên Chúa !*

*Lạy Mẹ Đức Kitô,*

*Mẹ đã tặng ban cho Đấng Mêsia Linh Mục một thân thể xác phàm*

*Nhờ được Thánh Thần xức dầu*

*để cứu độ người nghèo và cứu độ những con người*

*có trái tim tan nát,*

*xin hãy gìn giữ các linh mục trong trái tim mẹ và trong Giáo Hội,*

*Lạy Mẹ Đấng Cứu Độ !*

*Lạy Mẹ đức tin,*

*Mẹ đã sánh bước tới Đền Thờ*

*cùng với Con người,*

*là sự ứng nghiệm của những lời hứa*

*như đã được ngỏ với cha ông chúng con,*

*xin hãy trao gởi các linh mục của Con Mẹ*

*cho Thiên Chúa Cha, để làm vinh danh Ngài,*

*lạy Hòm Bia Giao Ước !*

*Lạy Mẹ Giáo Hội,*

*tại Phòng Tiệc Ly, giữa các Môn Đệ,*

*Mẹ đã cầu nguyện với Thánh Thần*

*cho Dân mới và cho các vị Mục Tử của Dân mới,*

*Xin hãy làm cho hàng linh mục*

*được dư tràn các ân huệ,*

*lạy Nữ Vương các Tông Đồ !*

*Lạy Mẹ Đức Giêsu Kitô,*

*Mẹ đã ở với Ngài vào lúc khởi đầu cuộc sống*

*và sứ vụ của Ngài,*

*Mẹ đã tìm kiếm Ngài, khi Ngài đang làm Thầy giữa đám đông,*

*Mẹ đã đứng kề bên Ngài, khi Ngài được nâng lên khỏi mặt đất,*

*hoàn tất mọi sự để trở nên hy lễ duy nhất vĩnh cửu,*

*xin hãy đón nhận những kẻ được Chúa mời gọi,*

*khi họ cất những bước đầu tiên trên nẻo đường của họ,*

*xin hãy che chở cho sự tăng triển của họ,*

*xin hãy sát cánh với những người làm con mẹ*

*trong đời sống và trong thừa tác vụ,*

*lạy Mẹ là Mẹ các linh mục!*

*Amen.*

Ban hành tại Rôma, gần Đền Thờ Thánh Phêrô, ngày 25 tháng 3 năm 1992, vào ngày đại lễ Truyền Tin, năm thứ mười bốn của Tôi trong chức vị Giáo Hoàng

**Gioan Phaolô II**

|  |
| --- |
|  |
|  | clip_image001 |

CHÚ THÍCH

1) *Propositio*2.

2) Diễn văn bế mạc Thượng Hội Đồng (27/10/1990), số 5 báo *Osservatore Romano,*(28/10/1990).

3) X. *Propositio*1.

4) X. Hiến Chế Tín Lý *Lumen Gentium,*GH, số 28; Sắc lệnh về Thừa tác vụ và đời sống các linh mục *Presbyterorum ordinis,*LM; Sắc lệnh về đào tạo các linh mục *Optatam totius,* ĐT.

5) *Ratio fundamentalis institutionis Sacerdotalis*(6/01/1970) : AAS 62 (1970), tr.321-384.

6) Diễn văn bế mạc Thượng Hội Đồng (27/10/90), số 3 : 1.c.

7) Như trên, số 1: 1.c.

8) Sứ Điệp của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng gởi Dân Chúa (28/10/1990), III: *Osservatore Romano,*29-30/10/1990.

9) Kinh Truyền Tin (14/01/1990), số 2 : *Osservatore Romano,*15-16/01/1990.

10) Như trên, số 3 : 1.c.

11) X. *Propositio*3.

12) Bài giảng của Đức Phaolô VI nhân khoá họp thứ IX CĐ Vat.II (7/12/1965): AAS 58 (1966), tr.55.

13) X. *Propositio*3.

14) X. Như trên.

15) X. Thượng Hội Đồng các Giám Mục *về việc đào tạo các linh mục trong hoàn cảnh hiện nay – “Lineamenta”*(1989), số 5-6.

16) Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay, *Gaudium et Spes,*MV số 4.

17) X. Thượng Hội Đồng Giám Mục, Phiên họp khoáng đại thường kỳ VII, Sứ Điệp của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng gởi Dân Chúa (28/10/1990), 1 : 1.c.

18) Diễn văn bế mạc của Thượng hội Đồng (27/10/1990), số 4 : 1.c. ; x. Thư gửi các linh mục nhân ngày Thứ Năm Tuần Thánh 1991 (10/3/91): *Osservatore Romano,*15/3/1991.

19) X. Hiến chế Tín Lý về Giáo Hội *Lumen Gentium,*GH; Sắc lệnh về Thừa tác vụ và đời sống linh mục *Optatam totius,*LM; Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo. *Ratio fundamentalis institutionis sacerdotalis*(6/1/1970) : 1.c, tr 321-384; Thượng Hội Đồng Giám Mục, phiên họp khoáng đại thường kỳ II, 1971.

20) *Propositio*7.

21) CĐ Vat.II, Hiến chế Tín Lý về Giáo Hội *Lumen Gentium,*GH số 5.

22) Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christifideles laici*(30/12/1988), số 8 : AAS 81 (1989), tr.405; X. Thượng Hội Đồng Giám Mục, Phiên họp khoáng đại ngoại thường II, 1985.

23) X. *Propositio*7.

24) X. Công Đồng Vat, II, Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 7-8.

25) X. Công Đồng Vat. II, Hiến chế Tín Lý về Giáo Hội, *Lumen Gentium,*GH, số 1.

26) X. *Propositio*7.

27) X. Như trên.

28) *Propositio*7.

29) Thượng Hội Đồng Giám Mục, phiên họp khoáng đại thường kỳ VIII, *Việc đào tạo linh mục trong hoàn cảnh hiện nay – “Instrumentum loboris”,*số 16; x. *Propositio*7.

30) Kinh Truyền Tin (25/2/1990) : *Osservatore Romano,*26-27/2/1990.

31) X. Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 7-9.

32) Như trên số 8; x. *Propositio*7.

33) X. Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM số 9.

34) Công Đồng Vat. II, Hiến chế Tín Lý về Giáo Hội, *Lumen Gentium,*GH, số 10.

35) X. *Propositio*7.

36) Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 10.

37) Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius,* ĐT, số 20.

38) X. *Propositio*12.

39) Sứ điệp của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng gởi Dân Chúa (28/10/1990), III : 1.c.

40) Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, *Lumen Gentium,*GH, số 40.

41) Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis*, LM, số 12.

42) *Sermo*340,1 : PL 38,1483.

43) Như trên : 1.c.

44) X. *Propositio*8.

45) X. Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 2; 12.

46) X. *Propositio*8.

47) *Sermo Morin Guelferbytanus,*32,1; PLS 2, 637.

48) Sách lễ Roma, Ca Hiệp Lễ chúa nhật thứ tư Mùa Phục Sinh.

49) X. Tông Thư, *Mulieris dignitatem. Phẩm giá của phụ nữ*(15/8/1988), số 26 : AAS 80 (1988), tr. 1715-1716.

50) *Propositio*7.

51) Bài giảng dịp tôn thờ Thánh Thể tại Séoul (7/10/1989), số 2: *Insegnamenti*XII/2 (1989), tr. 785.

52) Thánh Augustinô, *In Iohannis Evangelium Tractatus,*Khảo luận về Tin Mừng Gioan 123,5 : CCL 36,678.

53) Với các linh mục tham dự đại hội do Hội Đồng Giám Mục Ý khởi xướng (4/11/1980) : *Insegnamenti*III/2 (1980), TR. 1055.

54) Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục *Presbyterorum ordinis,*LM, số 14.

55) Như trên.

56) Như trên.

57) X. Phaolô VI, Tông Huấn về việc rao giảng Tin Mừng *Evangelii nuntiandi*(8/12/1975), số 75 : ASS 68 (1976), tr. 64-67.

58) X. *Propositio*8.

59) Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 12.

60) *In Iohannis Evange-lium Tractatus,*123, 5 : 1.c.

61) X. Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*số 12.

62) Như trên, số 5.

63) X. Công Đồng Trentô, *Decretum de justificatione, Sắc lệnh về sự công chính hoá,*chương 7; *Decretum de sacramentis, Sắc lệnh về các bí tích,*khoản 6 (DS 1529;1606).

64) Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 12.

65) Thánh Augustinô, *Sermo de Nat. Sanct. Apost. Petri et Pauli sx Evangelio in quo ait : Simon Iohannis diligis me?: Bibliotheca Casinensis,*in “Miscellanea Augustiana”, Quyển I phát hành do G.Morin, o.s.b., Roma, Typ. Polygl. Vat., 1930, tr.404.

66) X. Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 4-6; 13.

67) X. Phaolô VI, Tông Huấn về việc Rao giảng Tin Mừng, *Evangelu nuntiandi*(8/12/1975), số 15 : 1.c; tr. 13-15.

68) X. Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải, *Dei Verbum,*MK, số 8; 10.

69) Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 5.

70) Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng, *Hoà Giải và Thống Hối, Reconciliatio et paenitentia*(2/12/1984), số 31, VI : AAS 77 (1985), tr. 265-266.

71) Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 6.

72) X. Công Đồng Vat. II, Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, *Lumen Gentium,*GH, số 42.

73) X. *Propositio*9.

74) Công Đồng Vat, II, Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 15.

75) X. như trên.

76) Hiến Chế Tín Lý về Giáo hội, *Lumen Gentium,*GH, số 42.

77) Tông Huấn về Gia đình, *Familiaris consortio*(22/11/1981), số 16 : AAS 74 (1982), tr.98.

78) *Propositio*11.

79) Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 16.

80) Như trên.

81) *Propositio*8.

82) X. Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 17.

83) *Propositio*10.

84) Như trên.

85) X. Thánh Bộ đặc trách các tu sĩ và các Tu Hội đời và Thánh Bộ đặc trách các giám mục, Những Chỉ Dẫn dành cho các mối quan hệ hỗ tương giữa các giám mục và tu sĩ trong Giáo hội, *Mutuae relationes*(14/5/1978), số 18: AAS 70 (1978), tr. 484-485.

86) X. *Propositiones*25,38.

87) X. Công Đồng Vat. II, Hiến Chế Tín Lý về Giáo hội, *Lumen Gentium,*GH, số 23.

88) Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 10; x. *Propositio*12.

89) Thông Điệp Sứ Vụ Đấng Cứu Chuộc, *Redemptoris missio*(7/12/1990), số 67 : AAS 83 (1991), tr. 315-316.

90) Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 10.

91) Bài giảng cho 5000 linh mục đến từ khắp thế giới (9/10/1984), số 2 : *Insegnamenti*VII/2 (1984), tr. 839.

92) Diễn văn bế mạc Thượng Hội Đồng (27/10/1990), số 5: 1.c.

93) X. *Propositio*6.

94) X. *Propositio*13.

95) X. *Propositio*4.

96) Công Đồng Vat. II, Hiến Chế Tín Lý về Giáo hội, *Lumen Gentium,*GH, số 9.

97) Như trên.

98) Thánh Cyprianô, *De dominica Oratione,*23 : CCL 3/A, 105.

99) X. Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về tông đồ giáo dân, *Apostolicam actuositatem,*TĐ, số 3.

100) *Propositio*5.

101) Kinh Truyền Tin (3/12/1989), số 2: *Insegnamenti*XII/2 (1989), tr.1417.

102) Sứ điệp ngày quốc tế thứ V cầu cho ơn gọi linh mục (19/4/1968) : *Insegnamenti*VI (1968), tr.134-135.

103) X. *Propositio*5.

104) X. Hiến Chế Tín Lý về Giáo hội, *Lumen Gentium,*GH, số 10; sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 12.

105) X. *Propositio*13.

106) Công Đồng Vat. II, Hiến Chế Mục Vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay, *Gaudium et spes,*MV, số 16.

107) Sách lễ Roma, Lời Nguyện đầu lễ trong thánh lễ cầu cho ơn thiên triệu linh mục.

108) X. Công Đồng Vat. II, Hiến Chế về Phụng Vụ, *Sacrosanctum Concilium,*PV, số 10.

109) *Propositio* 15.

110) Như trên.

111) X. CIC, Giáo Luật khoản 220 : không ai […] được phép xâm phạm quyền bảo tồn bí mật của bất cứ ai; x. thêm khoản 642.

112) Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, LM, số 2.

113) X. Công Đồng Vat.II, Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các giám mục trong Giáo hội, *Christus Dominus,*GM, số 15.

114) X. Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius,* ĐT, số 2.

115) Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 6.

116) Như trên, số 11.

117) X. Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius,* ĐT, số 2.

118) *Propositio*14.

119) *Propositio*15.

120) X. *propositio*16.

121) Sứ Điệp Ngày Quốc Tế Thứ XXII cầu cho ơn gọi linh mục (13/4/1985), số 1 : AAS 77 (1985), tr. 982.

122) Sứ điệp của các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng gởi Dân Chúa (28/10/1990), IV : 1.c.

123) *Propositio*21.

124) X. Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius,* ĐT, số 11; Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 3: Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo, *Ratio fundamentalis institutionis sacerdotalis*(6/1/1970), số 51 : 1.c., tr. 356-357.

125) X. *Propositio*21.

126) Thông điệp *Redemptor hominis*(4/3/1979), số 10 : AAS 71 (1979), tr. 274.

127) Tông Huấn *Familiaris Consortio*(22/11/1981), số 37: 1.c. tr. 128.

128) Như trên.

129) *Propositio*21.

130) X. Công Đồng Vat. II, Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay, *Gaudium et Spes,*MV, số 24.

131) X. *Propositio*21.

132) *Propositio*22.

133) X. Thánh Augustinô, Conf. I, 1 : CSEL 33,1.

134) Thượng Hội Đồng Giám Mục, Phiên họp khoáng đại thường kỳ lần VIII, *Việc đào tạo linh mục trong hoàn cảnh hiện nay – “Instrumentum laboris”,*số 30.

135) *Propositio*22.

136) *Propositio*23.

137) Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius,* ĐT, số 8.

138) Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải, *Dei Verbum,*MK, số 24.

139) Như trên, số 2.

140) Như trên, số 25.

141) Kinh Truyền Tin (4/3/1990), số 2-3 :*Osservatore Romano,*5-6/3/1990.

142) Công Đồng Vat. II, Hiến Chế về Phụng Vụ, *Sacro santum Concilium,*PV, số 14.

143) Thánh Augustinô, *In Iohannis Evangelium Tractatus*26,13 : 1.c. 266.

144) Phụng Vụ Các Giờ Kinh, Lễ Mình Máu Thánh Chúa Kitô, Kinh Chiều II, *antiphona (Tiền xướng)* trước kinh Magnificat.

145) X. Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 13.

146) Kinh Truyền Tin (1/7/1990), số 3:*Osservatore Romano,*2-3/7/1990.

147) *Propositio*23.

148) Như trên.

149) X. như trên.

150) Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius,* ĐT, số 9.

151) Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo, *Ratio fundamentalis institutionis sacerdotalis,* ĐT, số 10.

152) Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius,* ĐT, số 10.

153) Như trên.

154) X. Thư gởi tất cả các linh mục trong Giáo Hội nhân ngày thứ Năm Tuần Thánh 1979 (8/4/1979) : *Insegnamenti*II/1 (1979), tr. 841-862.

155) *Propositio*24.

156) Công Đồng Vat. II, Hiến Chế Mục Vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay, *Gaudium et spes,*MV, số 15.

157) *Propositio*26.

158) X. Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius,* ĐT, số 16.

159) *Việc đào tạo linh mục trong hoàn cảnh hiện nay – “Instrumentum laboris”,*số 39.

160) X. Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo, *Thư gởi các giám mục về việc giảng dạy triết học trong các chủng viện*(20/1/1972).

161) *“Desideravi inteliectu videre quod credidi et multum disputavi et laboravi”, De Trinitate*XV,28 : CCL 50/A, 534.

162) Diễn văn cho các tham dự viên Tuần Lễ Thánh Kinh thứ XXI tại Ý (25/9/1970) : AAS 62 (1970), tr. 618.

163) *Propositio*26.

164) *“Fides, quae est quasi habitus theologiae” In Lib. Boetii de Trinitate V,* 4, đến 8.

165) Thánh Tôma, *In I Sentent.* q. I, a : 1-5.

166) X. Thánh Bộ Giáo lý Đức Tin, Huấn thị về ơn gọi của thần học gia trong Giáo hội, *Donum veritatis*(24/5/1990), số 11; 40 : AAS 82 (1990), tr. 1554-1555; 1568-1569.

167) Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius,* ĐT, số 14.

168) *Itinerarium mentis in Deum,*Prol. số 4 : *Opera omnia,*Tomus V, Ad Claras Aquas (1981), tr. 296.

169) Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius,* ĐT, số 16.

170) Thông Điệp về các vấn đề xã hội, *Sollicitudo rei socialis*(30/12/1987), số 41 : AAS 80 (1988), tr. 571.

171) X. Thông Điệp Bách Chu Niên, *Centesimus annus*(1/5/1991), số 54 : AAS 83 (1991), tr. 859-860.

172) Thánh Bộ *Giáo lý Đức Tin,*Huấn Thị về ơn gọi của thần học gia trong Giáo Hội, *Donum veritatis*(24/5/1990), số 21 : 1.c., tr.1559.

173) *Propositio*26.

174) Chẳng hạn Thánh Tôma Aquinô viết: “Phải bám vào quyền bính của Giáo Hội hơn là vào quyền bính của Augustinô, của Hiêrônimô hay của một tiến sĩ nào khác” (S.T.,II-II,10,12); và hơn nữa, không ai có thể mượn quyền của Hiêrônimô, của Augustinô hay của một vị tiến sĩ nào khác để bào chữa cho mình chống lại quyền bính của Phêrô (x.S.T.,II-II, 11,2-3).

175) *Propositio*32.

176) X. Thông Điệp Sứ Vụ Đấng Cứu Thế *Redemptoris missio*(7/12/1990), số 67: 1.c., tr 315-316.

177) X. *Propositio*32.

178) *Propositio*27.

179) Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totiuis,* ĐT, số 4.

180) Công Đồng Vat.II, Hiến chế Tín Lý về Giáo Hội, *Lumen gentium,*GH, số 48.

181) *Explanatio Apocalypsis,*Lib.II, 12 : PL 93, tr. 166.

182) X. *Propositio*28.

183) Như trên.

184) Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 9; x. Gioan Phaolô II, Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christifideles laici*(30/12/1988), số 61 : 1.c tr 512-514.

185) *Propositio*28.

186) X. Như trên.

187) X. Thông Điệp Sứ Vụ Đấng Cứu Thế, *Redemptoris missio*(7/12/1990), số 67-68 : 1.c., tr. 315-316.

188) X. Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius,* ĐT, số 4.

189) *Propositio*20.

190) Như trên.

191) Như trên.

192) Như trên.

193) Diễn văn cho các học sinh và cựu học sinh Trường Capranica (21/1/1983): *Insegnamenti*VI/1 (1983), tr. 173-178).

194) *Propositio*20.

195) Như trên.

196) X. *Propositio*19.

197) Như trên.

198) *In Iohannem Evangelistam Expositio,*c.21, lect.V, 2.

199) Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius,* ĐT, số 3.

200) X. *Propositio*17.

201) X. Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo, *Ratio Fundamentalis institutionis saerdotalis*(6/1/1970), số 19: 1.c., tr 342.

202) Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 7.

203) *Propositio*29.

204) Như trên.

205) X. *Propositio*23.

206) X. Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng *Christifideles laici*(30/12/1988), số 61; 63 : 1.c tr. 512-514; 517-518, Tông Thư *Mulieris dignitatem*(15/8/1988), số 29-31: 1.c., tr.1721-1729.

207) X. *Propositio*29.

208) *Propositio*30.

209) Như trên.

210) X. *propositio*25.

211) Diễn văn ngỏ với các linh mục tương cận với phong trào “Hiệp Thông và Giải Phóng” (12/9/1985): AAS 78 (1986), tr. 256.

212) X. *Propositio*25.

213) Cuộc gặp gỡ với các đại biểu hàng giáo sĩ Thụy Sĩ ở Einsieden (15/6/1984), số 10 : *Insegnamenti*VII/1 (1984), tr. 1798.

214) X. Thánh Augustinô, *In Iohannis Evangelium Tractatus,*123,5 : 1.c., 678-680.

215) X. *Propositio*31.

216) Thánh Charles Borromée, *Acta Ecclesiae Mediolanensis,*Milan (1559), tr. 1178.

217) X. Công Đồng Vat. II, Hiến Chế về Mục Vụ Giáo Hội trong thế giới ngày nay, *Gaudium et spes,*MV, số 22.

218) Thượng Hội Đồng Giám Mục, phiên họp khoáng đại thường kỳ VII, *Việc đào tạo các linh mục trong hoàn cảnh hiện nay, “Instrunentum laboris”*(1990), số 55.

219) X. Công đồng Vat. II, Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 6.

220) Thông Điệp *Ecclesiam suam*(6/8/1964), III : AAS 56 (1964), tr. 647.

221) X. Thánh Bộ Giáo Sĩ, Những Chỉ Dẫn dành cho việc thăng tiến sự hợp tác hỗ tương giữa các Giáo Hội địa phương với nhau và đặc biệt dành cho việc phân phối giáo sõ thích ứng hơn, *Postquam Apostoli*(25/3/1980) : AAS 72 (1980), tr. 343-364.

222) *Propositio*39.

223) *Propositio*34.

224) Như trên

225) Như trên

226) X. *Propositio*38; Công Đồng Vat. II, Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 1; Sắc lệnh về việc đào tạo linh mục, *Optatam totius,* ĐT, số 1; Thánh Bộ đặc trách các Tu Sĩ và các Tu hội đời và Thánh Bộ đặc trách các giám mục, Những Chỉ Dẫn dành cho mối quan hệ hỗ tương giữa các giám mục và các Tu sĩ trong Giáo hội, *Mutuae relationes*(14/5/1978), số 2; 10 : 1.c., tr. 475; 479-480.

227) *Propositio*35.

228) Như trên

229) X. *Propositio*36.

230) Thượng Hội Đồng Giám Mục, Phiên họp khoáng đại thường kỳ VIII, *Việc đào tạo linh mục trong hoàn cảnh hiện nay, “Instrumentum laboris”*(1990), số 60; x. Công Đồng Vat.II, Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các giám mục trong Giáo hội, *Christus Dominus,*GM, số 30; Sắc lệnh về thừa tác vụ và đời sống linh mục, *Presbyterorum ordinis,*LM, số 8; CIC, Giáo Luật, khoản 550,2.

231) *Propositio*37.

232) G.N Montini, *Thư mục vụ về cảm thức luân lý,*1961.

233) X. *Propositio*40.